

VĂN HỌC LÀ NGHỆ THUẬT NGÔN TỪ

1. Ngôn từ là chất liệu xây dựng hình tượng của văn học

Nghệ thuật nói chung đều phản ánh cuộc sống con người nhưng mỗi ngành nghệ thuật có một chất liệu riêng. Hội họa dùng màu sắc, đường nét... âm nhạc diễn tả bằng âm thanh, tiết tấu... điêu khắc dùng chất liệu (kim loại, đá, gỗ...) tạo nên hình khối, đường nét v.v... Còn văn học phải diễn tả bằng ngôn từ. Mỗi tác phẩm văn học phải được gắn liền với một thứ ngôn ngữ và văn tự (gốc) nhất định. Ngôn ngữ, văn tự là công cụ của nhà văn. Nhà văn Nguyễn Tuân được ca ngợi là bậc thầy về ngôn ngữ. Văn của ông là tò hoa, là trang văn. Hồ Chí Minh viết văn làm thơ bằng tiếng mẹ đẻ, bằng tiếng Pháp, bằng chữ Hán.

2. Những đặc điểm của ngôn từ văn học

- Nhà văn nhà thơ phải sử dụng ngôn từ và trau chuốt nó, tạo thành một thứ ngôn ngữ văn chương giàu có, sang trọng, đẹp đẽ. Ngôn ngữ văn học có những đặc điểm sau:

- Tính hệ thống
- Tính chính xác
- Tính truyền cảm
- Tính hình tượng
- Tính hàm súc, đa nghĩa
- Tính cá thể hoá

Trong đó, tính chính xác, tính truyền cảm, tính hình tượng là cực kỳ quan trọng. Nói rằng “Văn hoa dã chất chi đối”, “Lời lời châu ngọc, hàng hàng gấm thêu” là như vậy. Kim Trọng khen Kiều khi nàng làm một bài thơ viết lên bức tranh Kim Trọng mới vẽ:

“Khen tài nhả ngọc phun châu,
Nàng Ban, ả Tạ cũng đâu thế này!”

Nhà văn sử dụng ngôn từ để xây dựng hình tượng văn học. Vì thế đọc sách hoặc phân tích thơ văn không được thoát li văn bản và ngôn từ.

Ngoài ra, ngôn từ còn phải có tính trong sáng, phù hợp chuẩn mực toàn dân và có tính mới lạ, hấp dẫn.

3. Tính chất “phi vật thể” của chất liệu ngôn từ và khả năng diễn tả đặc biệt phong phú của nghệ thuật ngôn từ

- Xem tranh xem ti vi... đã thấy được cụ thể cảnh vật, sự việc biểu hiện. Đọc văn, ta phải tưởng tượng, liên tưởng, suy luận, cảm xúc với tất cả mọi giác quan và tâm hồn, mới hình dung được cảnh vật, sự việc. Điều đó nói lên rằng, ngôn từ mang tính chất “phi vật thể”. Con chữ đây, câu thơ đây nhưng không phải ai cũng hiểu và cảm như nhau.

- Ngôn từ có sức mạnh vạn năng, có thể diễn tả sự việc theo dòng chảy lịch sử qua hàng trăm năm, hàng vạn năm trên một không gian hữu hạn hoặc rộng lớn vô hạn.

- Ngôn từ còn có khả năng diễn tả những rung động biến thái của tâm hồn con người. Thật là kỳ diệu khi Nguyễn Trãi viết:

“Ngư ca tam xướng yên hồ khoát,
Mục đích nhất thanh thiên nguyệt cao!”
(Ức Trai thi tập)

Văn học là sự thể hiện tinh tế tư tưởng và tình cảm, ước mơ và khát vọng, quan điểm và lý tưởng thẩm mỹ của nhà văn đối với con người và cuộc sống. Mỗi trang văn,

mỗi bài thơ (đích thực) dù nói về gì, đề tài gì rộng lớn hay bé nhỏ đều thể hiện lòng yêu, sự ghét của tác giả, thể hiện một quan điểm nhân sinh hoặc lên án cái ác, hoặc ca ngợi tình yêu, đưa tới sự hướng thiện, cái cao cả, cái đẹp của thiên nhiên và con người. Văn học mang tính khuynh hướng rõ rệt.

“Độc ác thay, trúc Nam Sơn không ghi hết tội,
Dơ bẩn thay, nước Đông Hải không rửa sạch mùi
Lẽ nào trời đất dung tha
Ai bảo thần dân chịu được

(Nguyễn Trãi)

“Trăng nhập vào dây cung nguyệt lạnh
Trăng thương, trăng nhớ, hồi trăng ngàn.
Đàn buồn, đàn lặng, ôi đàn chậm,
Mỗi giọt rơi tàn như lệ ngân...

(Nguyệt Cầm – Xuân Diệu)

“Yêu biết mấy, những con người đi tới
Hai cánh tay như hai cánh bay lên
Ngực dám đón những phong ba dữ dội
Chân đạp bùn không sợ các loài sên”

(“Mùa thu tới” – Tố Hữu)

Nếu không hiểu được ngôn từ sao có thể cảm được cái hay của hai câu thơ trên?

4. Văn học (nghệ thuật ngôn từ) là một lĩnh vực độc đáo

- Văn học nghệ thuật bao gồm: tác phẩm, nhà văn và quá trình sáng tác, hiện thực đời sống, bạn đọc và quá trình tiếp nhận.

- Sự độc đáo của tác phẩm văn chương được thể hiện qua các yếu tố:

+ Về tác phẩm: Tác phẩm độc đáo phải là “một phát minh về hình thức và khám phá về nội dung”

+ Về nhà văn: Để có một tác phẩm văn học độc đáo, nhà văn phải có phong cách riêng. Nghĩa là phải có những nét riêng độc đáo trong nhận thức, trong phản ánh cuộc sống, trong sáng tạo hình thức nghệ thuật và để lại dấu ấn riêng trên từng trang sách.

+ Về hiện thực đời sống: Hiện thực trong tác phẩm văn học vừa giống như ngoài đời vừa không giống và phải là một hiện thực độc đáo được phản ánh qua cái nhìn độc đáo của nhà văn.

(Tác phẩm nghệ thuật nào cũng xây dựng bằng vật liệu mượn ở thực tại nhưng nghệ sĩ không ghi lại những cái đã có rồi mà muốn nói một điều gì mới mẻ).

+ Về người đọc và quá trình tiếp nhận: Người đọc luôn đòi hỏi văn học nghệ thuật phải độc đáo, mới lạ. Họ sẽ nhàm chán nếu cứ gặp lại cái cũ lỗi thời. Người đọc cũng phải có cái nhìn độc đáo mới có thể khám phá hết cái độc đáo của nhà văn và tác phẩm. Càng có năng lực thẩm mỹ thì người đọc càng có cơ hội tìm thấy tiếng nói độc đáo của nhà văn.

⇒ Nghệ thuật là lĩnh vực độc đáo là nói đến bản chất thẩm mỹ của nghệ thuật.

LUYỆN ĐỀ

Đề số 1: Em hãy lập dàn ý có đề bài sau: “Ở đâu có lao động thì ở đó có sáng tạo ra ngôn ngữ. Văn không linh hoạt gọi là văn cứng đơ thấp khớp”. Bình luận ý kiến trên đây của nhà văn Nguyễn Tuân và bằng thực tế ”cảm nhận văn học của mình hãy làm rõ những vấn đề mà nhà văn đặt ra.

1. Giải thích:

-Văn học là tấm gương phản ánh cuộc sống hiện thực qua ngôn ngữ

+ Văn chương chính là tiếng nói lớn của tâm hồn – dù ở bất cứ hoàn cảnh nào, văn chương cũng muốn đem cái đẹp vào cuộc sống. Thế giới quanh ta thật bao la với muôn nghìn sự kiện luôn sôi động.

+ Và văn học thật sự là tấm gương phản ánh hiện thực cuộc sống nhưng là sự phản ánh có chọn lọc.

+ Thế giới khách quan được nhìn nhận qua thế giới chủ quan của tác giả, hiện thực sinh động được khái quát cụ thể, độc đáo trong tác phẩm văn chương.

+ Một nhà văn chân chính được ví với con ong miệt mài đi hút nhụy hoa, sương đêm lắng đọng để làm nên mật ngọt cho đời, và ngôn ngữ là phương diện thiết yếu giúp nhà văn sản sinh ra hương mật văn chương.

+Văn chương luôn luôn bắt nguồn từ gốc rễ của lao động và qua lao động, con người sáng tạo ra ngôn ngữ. Con người vẫn luôn luôn dùng ngôn ngữ để giao tiếp, qua cách nói, viết thư, trao đổi

=> Văn chương là một loại hình nghệ thuật ra đời giúp con người tìm đến với nhau. Nhà văn đã thông qua tác phẩm để bộc bạch bày tỏ tâm tư, ước vọng với cuộc đời và con người trong xã hội.

- Ngôn ngữ sáng tạo trong văn chương bắt nguồn từ thực tiễn và lao động

+ Ngôn ngữ của cuộc đời thường là một loại quặng con lẫn biết bao tạp chất. Nhà văn là người thợ cần mẫn làm công việc của người tình nguyện loại bỏ những chất thải để kết đúc lại thứ kim loại hoàn hảo hơn, đủ sức lóng lánh phản chiếu tâm hồn của con người.

+ Văn chương nếu chỉ là lặp lại thì sẽ không tồn tại được lâu dài. Nhà văn phải sống cuộc sống với nhân dân, chia sẻ niềm vui, ước vọng với họ thì mới nói lên được tiếng nói của nhân dân.

Cuộc đời là trường học của những nhà văn tâm huyết, cuộc đời sẽ giúp nhà văn tích lũy được vốn sống, ngôn ngữ phong phú. Tư tưởng dù có vĩ đại bao nhiêu mà nghèo nàn biểu hiện thì cũng trở nên vô ích.

+ Nội dung phải phù hợp với hình thức. Hai yếu tố thống nhất sẽ làm nên một tác phẩm hoàn chỉnh, cũng như tư tưởng lớn được diễn đạt với một vốn ngôn ngữ đa dạng, hình thức thích hợp.

+Giàu ngôn ngữ thì văn sẽ hay” nhưng có vốn mà không biết sử dụng thì chỉ như nhà giàu giữ của” Ngôn ngữ của cuộc đời thường vào tác phẩm phải là những dòng ngôn ngữ văn chương giàu tình cảm, giàu sức biểu hiện

-Văn chương là tấm gương phản ánh cuộc sống nhưng không có nghĩa là bê nguyên cuộc sống vào tác phẩm, mà văn chương là tái hiện và tái tạo cuộc sống.

+ Nhà văn phải nói lên khát vọng của nhân dân, dự báo mọi điều đang đến và sẽ đến trong tương lai.

+ Do đó, văn chương là loại hình nghệ thuật tuyệt vời nhất, đậm đà tình cảm nhất. Muốn văn chương thật gần gũi với quần chúng, nhà văn phải nói lên được khát vọng của họ với cuộc đời, sao cho mỗi tác phẩm đều đem đến cái đẹp cho cuộc đời.

=> “Văn phải linh hoạt. Văn không linh hoạt gọi là văn cứng đờ thấp khớp”. Sự linh hoạt của văn chương tức là sự linh hoạt của nhà văn khi lao động, sáng tạo nghệ thuật, sao cho mỗi hình tượng nghệ thuật đều có sức trường tồn với thời gian.

2. Phân tích, chứng minh

- Phân tích tác phẩm văn học để chứng minh

3. Bình luận:

-Ngôn ngữ trong văn chương đa dạng, phức tạp như chính cuộc sống hằng ngày. Qua bàn tay tôi luyện của nhà văn, ngôn ngữ ấy làm nên sự phong phú của văn chương. Phương tiện diễn đạt quyết định cách thành hình của tác phẩm nhà văn phải rèn luyện, học hỏi không ngừng để ngôn ngữ trở thành công cụ hỗ trợ đắc lực và sắc bén trong tay mình.

-Lời khẳng định của Nguyễn Tuân như là một lời khuyên đáng quý cho những người bước vào ngưỡng cửa viết văn và cả cho những ai yêu thích sự sáng tạo văn chương.

Đề bài: Bình luận ý kiến của nhà văn Nguyễn Tuân “Ở đâu có lao động thì ở đó có sáng tạo ra ngôn ngữ”.

Âm nhạc sẽ không xuất hiện và sẽ không làm rung động lòng người nếu cuộc sống không kỳ diệu với muôn nghìn âm thanh trầm bổng. Âm thanh là phương tiện biểu hiện của âm nhạc cũng như ngôn ngữ làm nên thế giới văn chương. Nhà văn là kỹ sư tâm hồn với chất liệu ngôn ngữ trong tay phải học hỏi, sáng tạo để cấu thành tác phẩm. Tác phẩm có thể trở thành vốn liếng tinh thần quý báu của nhân loại hay không tùy thuộc vào nội dung tư tưởng và hình thức nghệ thuật biểu hiện. Nghệ thuật văn chương là nghệ thuật sử dụng ngôn từ. Tìm hiểu, khám phá và sáng tạo không ngừng để mỗi dòng, mỗi chữ viết ra đều được chất lọc tinh tế, độc đáo đủ sức thuyết phục lòng người và lắng đọng lại với thời gian, cuộc sống. Nhà văn Nguyễn Tuân khẳng định với những người viết văn trẻ: “Ở đâu có lao động thì ở đó có sáng tạo ra ngôn ngữ. Nhà văn không chỉ học tập ngôn ngữ của nhân dân mà còn là người phát triển ra ngôn ngữ sáng tạo. Không nên ăn bám vào người khác. Giàu ngôn ngữ thì văn sẽ hay... Cũng cùng một vốn ngôn ngữ ấy, nhưng sử dụng có sáng tạo thì văn sẽ có bề thế và kích thước. Có vốn mà không biết sử dụng thì chỉ như nhà giàu giữ của. Dùng chữ như đánh cờ tướng, chữ nào để chỗ nào phải đúng vị trí của nó. Văn phải linh hoạt. Văn không linh hoạt gọi là văn cứng đờ thấp khớp”.

Văn chương là tiếng nói của tâm hồn – dù ở bất cứ hoàn cảnh nào, văn chương cũng muốn đem cái đẹp vào cuộc sống. Thế giới bao la với muôn nghìn sự kiện luôn sôi động, văn học là tấm gương phản ánh hiện thực cuộc sống nhưng là sự phản ánh có chọn lọc. Thế giới khách quan được nhìn qua thế giới chủ quan của tác giả, hiện thực sinh động được khái quát lên cụ thể, độc đáo trong tác phẩm văn chương. Nhà văn chân chính làm con ong miệt mài đi hút nhụy hoa, sương đêm lắng đọng để làm nên mật ngọt cho đời và ngôn ngữ là phương tiện thiết yếu giúp nhà văn sản sinh ra hương mật văn chương. Bông hoa kia dù ngọt ngào hương sắc đến đâu, giọt sương đêm dù tinh sạch hơn cả khí trời vẫn là vô dụng nếu chú ong không thể tạo. mật thơm lành. Văn chương bắt nguồn từ lao động và qua lao động con người sáng tạo ra ngôn ngữ. Con người dùng ngôn ngữ để giao tiếp, qua cách nói, viết thư, trao đổi – nhưng cuộc sống vốn vận động và phát triển không ngừng, không chỉ dừng lại ở mức độ giao tiếp, qua ấy ngôn ngữ được sử dụng đa – dạng hơn, mang tính thẩm mỹ cao hơn, đó là ngôn ngữ văn chương. Tiếng nói tình cảm của con người mang nhiều sắc thái, cung bậc khác nhau, ngôn ngữ cũng biến hóa kỳ diệu không ngừng để đáp ứng được nhu cầu bày tỏ ấy. Từ thuở xa xưa, khi chưa có chữ viết, dân gian ta đã sáng tạo nên dòng văn chương truyền miệng và từ đó đến nay, những tác phẩm dân gian vẫn trường tồn. Thế mới biết sức sống của ngôn ngữ mãnh liệt đến nhường nào! Lao động giúp con người tồn tại và lao động giúp con người sáng tạo ra ngôn ngữ – để giao tiếp bày tỏ cảm xúc. Nhưng ngôn ngữ từ thuở mới khai sinh chỉ là một thứ tiếng nói thô sơ, tình cảm của nhân loại? Văn

chương là một loại hình nghệ thuật ra đời giúp con người tìm đến với nhau. Nhà văn qua tác phẩm bày tỏ tâm tư, ước vọng với cuộc đời và con người trong xã hội.

Ngôn ngữ của cuộc đời thường là một loại quặng còn lẫn tạp chất – nhà văn làm công việc của người tình nguyện loại bỏ những chất thừa thãi để đúc kết lại thứ kim loại hoàn hảo hơn, đủ sức lóng lánh phản chiếu tâm hồn. Nhà văn Nguyễn Du là đứa con máu thịt của dân tộc Việt Nam, tác giả sinh ra, lớn lên trong lòng tiếng Việt, ấp ủ, nuôi dưỡng “nỗi đau đời” để tạo nên một tác phẩm “Đoạn trường tân thanh” bất diệt. “Truyện Kiều” cũng là ngôn ngữ của nhân dân, thứ ngôn ngữ mà chúng ta hiểu và cảm thông sâu sắc. Thế nhưng đã mấy thế kỷ trôi qua, “Truyện Kiều” vẫn được đánh giá làm một viên ngọc toàn bích về nghệ thuật, không một vết xước, không chút bụi mờ? Phải chăng Nguyễn Du đã làm công việc gạn lọc ngôn ngữ đời thường, tinh luyện, nâng niu từng chữ, từng câu để tạo nên vẻ đẹp tuyệt diệu đó? Nhưng dù có gạn lọc đến đâu, có đãi cát tìm vàng đi chăng nữa thì vốn liếng ấy cũng là ít ỏi so với một tác phẩm vĩ đại, cái tài, cái khổ luyện của Tố Như là ở chỗ tác giả “không chỉ học tập ngôn ngữ của nhân dân mà còn là người phát triển ra ngôn ngữ có sáng tạo”. Quả thật, nếu không làm được công việc đó “Truyện Kiều” sẽ không được truyền tụng và hấp dẫn đến tận hôm nay – những năm cuối của thế kỷ XX nhìn lại chặng đường “Đoạn trường tân thanh” đã đi qua với bao thăng trầm, biến đổi. Hai trăm năm, một quãng thời gian đủ để ngôn ngữ phát triển và hoàn thiện, tuyệt vời sao, trong “Truyện Kiều” vẫn khiến muôn thế hệ phải nhỏ những giọt lệ xót thương nàng Kiều. Ngôn ngữ “Truyện Kiều” đầy sức lay động, thuyết phục đến mức không thể nào thay thế được nữa. Nguyễn Du đã sử dụng và phát triển, sáng tạo ngôn ngữ có sức sống lâu bền, hoàn hảo nhất. Từ một câu thơ chữ Hán của Thôi Hiệu, Nguyễn Du chuyển sang chữ Nôm đã trở nên đậm đà, gần gũi với dân tộc:

“Nhân diện bất tri hà xứ khứ

Đào hoa y cựu tiếu đông phong.”

(Thôi Hiệu)

“Trước sau nào thấy bóng người

Hoa đào năm ấy còn cười gió đông.”

(Nguyễn Du)

Câu thơ chữ Hán là tâm trạng của Thôi Hiệu trước cảnh cũ nhớ mà vào tay Tố Như bỗng bồi hồi, xao xuyến tâm trạng chàng Kim nhớ người yêu. Tài năng của nhà thơ không chỉ là phát hiện, sáng tạo ra cái mới mà còn là cách sử dụng tài tình, biến cái cũ thành cái mới thành sắc thái nhuần nhị hơn, biểu cảm hơn. Nhưng học tập không có nghĩa là “bám vào ngôn ngữ của người khác”. Cuộc sống, tình cảm con người vốn phong phú, đa dạng đòi hỏi phải có nhiều cách biểu hiện khác nhau. Ngôn ngữ văn chương là tiếng nói của riêng mỗi nhà văn nói riêng về cuộc đời – nó phải mang phong cách thuyết phục người đọc. Cùng một sự việc nhưng ở một góc độ sẽ có cách nhìn khác nhau – văn chương nếu chỉ là lặp lại thì sẽ không tồn tại được lâu dài. Nhà văn phải sống cuộc sống với nhân dân, chia sẻ cùng nhân dân. Cuộc đời là trường học của những nhà tâm huyết – cuộc đời sẽ giúp nhà văn tích lũy được vốn sống, vốn ngôn ngữ phong phú. Tư tưởng này dù có vĩ đại bao nhiêu mà nghèo nàn biểu hiện thì cũng trở nên vô ích. Nội dung phải phù hợp với hình thức. Hai yếu tố thống nhất sẽ làm nên một tác phẩm hoàn chỉnh nếu tư tưởng lớn được diễn đạt với một vốn ngôn từ đa dạng, hình thức thích hợp. Cùng một giọt nước mắt của nàng Kiều nhưng mỗi lần nàng khóc Tố Như lại có một cách diễn đạt khác nhau. Và cứ thế, từ đầu đến cuối tác phẩm, người đọc bị cuốn hút, say mê, bị dẫn dắt nỗi đau nàng Kiều mà mỗi lần đau là mỗi lần cay đắng khác nhau, muôn hình muôn vẻ, phức tạp như chính cuộc sống thực. Cũng là niềm cô

đơn Kiều trần trở, day dứt thâu đêm – nhưng trong mỗi hoàn cảnh, sự cô quạnh đó nhuốm sắc thái thật riêng biệt:

“Một mình mình biết một mình mình hay”.

Câu thơ tám chữ với bốn lần lặp lại chữ “mình” sao chua xót, bẽ bàng đến thế! Ngôn ngữ trong tay Nguyễn Du biến hóa diệu kỳ như vẻ đẹp tiếng Việt đã thâu tóm dưới đầu ngọn bút.

“Nỗi riêng riêng chạnh tác riêng một mình”

Với những chữ “riêng” lặp lại đến đôi ba lần, Tố Như làm người đọc phải giật mình đến hoảng hốt vì thương cho phận nàng Kiều đơn lẻ. Ngôn ngữ trong “Đoạn trường tân thanh” chẳng những giàu mà đẹp đến mức diệu kỳ. Nếu Nguyễn Du không tích lũy được cho mình một “đội quân từ ngữ” hoàn chỉnh đến thế thì “Truyện Kiều” rất dễ làm người đọc nhầm chán biết bao. “Giàu ngôn ngữ thì văn sẽ hay nhưng có vốn mà không biết sử dụng thì chỉ như nhà giàu giữ của”. Ngôn ngữ của cuộc đời thường vào tác phẩm phải là những dòng ngôn ngữ văn chương giàu tình cảm, giàu sức biểu hiện. Có những từ là “nhân tự” của thơ thì mới có những khổ thơ, bài thơ xuất thần, độc đáo. Nhà văn làm công việc chọn lựa ngôn từ sao cho từ nào đặc ý nhất, đúng chỗ của nó nhất. Khi miêu tả Thúy Kiều, với đôi ba nét Nguyễn Du đã báo trước số phận của nàng.

“Làn thu thủy, nét xuân sơn

Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh”

Những sinh vật vô tri làm sao có thể “ghen”, “hờn” trước nhan sắc còn người? Hay phải chăng định mệnh trớ trêu đã để mắt tới người con gái tài sắc vẹn toàn ấy. Chỉ dùng một hai chữ thôi nhưng đủ sức diễn tả, dự báo cả cuộc đời nhân vật – thế chẳng là tài tình lắm sao! Thúy Kiều nhờ Thúy Vân nối duyên Kim Trọng thay mình, một câu chuyện khác thường như vậy không thể nào hay hơn.

“Cây em em có chịu lời

Ngồi lên cho chị lạy rồi sẽ thưa”.

Tiếng “cậy” thân thương mà chứa đựng cả lòng tin, sự nhờ vả thiết tha nhất – không thể chối từ trước niềm mong mỏi của nàng. Quả thật. Nguyễn Du đã đạt đến mức bậc thầy của ngôn ngữ, tiếng Việt trong tay tác giả được sử dụng khéo léo, điêu luyện và chính xác đến khôn cùng. Điều đó lý giải tại sao “Truyện Kiều” trường tồn trong lòng dân tộc hàng bao thế kỷ:

“Bất tri tam bách dư niên hậu

Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như.”

(Độc Tiểu Thanh Ký)

Tiếng “khấp” của người văn hào vĩ đại Việt Nam vẫn vang vọng hàng bao thế kỷ, đi giữa lòng người để nói về nỗi đau đời là “khấp” và chất chứa trong tim. Nhà văn không sử dụng tiếng “khóc” mà lại là “khấp” tiếng nức nở trong tâm hồn, mặn xót, tái tê – nước mắt chảy ngược vào hồn nên ngàn năm còn thương, còn xót Tố Như để lại cho mai sau một di sản tinh thần đồ sộ và phong phú, đọc văn của ông ta không thể lơ là khi sử dụng tiếng Việt. Ngôn ngữ làm nên văn chương và văn chương có sức mạnh xây dựng hay tàn phá con người – phải trân trọng và biết sử dụng ngôn ngữ thì mới có thể sáng tác nên những tác phẩm hay, độc đáo.

Văn chương là tấm gương phản ánh cuộc sống nhưng không có nghĩa là bê nguyên cuộc sống vào tác phẩm, mà văn chương là tái hiện và tái tạo cuộc sống.

Nhà văn phải nói lên khát vọng của nhân dân, dự báo mọi điều đang đến và sẽ đến trong tương lai. Do đó văn chương là loại hình nghệ thuật tuyệt vời nhất, đậm đà tình cảm nhất. Muốn văn chương thật gần gũi với công chúng, nhà văn phải nói lên

được khát vọng của họ với cuộc đời, sao cho mỗi tác phẩm đều đem đến cái đẹp cho cuộc đời. “Văn phải linh hoạt. Văn không linh hoạt gọi là văn cứng đờ thấp khớp”. Sự linh hoạt của văn chương tức là sự linh hoạt của nhà văn khi lao động, sáng tạo nghệ thuật – sao cho mỗi hình tượng nghệ thuật đều có sức trường tồn với thời gian.

Văn chương nếu là bê nguyên cuộc đời thật vào tác phẩm thì chẳng có gì đáng nói, nó phải là “người lạ mà quen biết” như Biêlinski đã từng nói. Nhà văn, nhà thơ cảm nhận cuộc sống theo riêng mình, đôi khi điều đó trái với quy luật nhưng lại phù hợp với tâm hồn người, nó được bạn đọc chấp nhận:

“Ngoài thêm rơi cái lá đa
Tiếng rơi rất mỏng như là rơi nghiêng.”

(Trần Đăng Khoa)

Với các cảm nhận độc đáo của mình, Trần Đăng Khoa đã táo bạo nghe âm thanh (thính giác) bằng đôi mắt (thị giác). “Tiếng rơi rất mỏng” như vết cắt hết sức nhẹ nhàng của chiều phiến lá “rơi nghiêng” – đêm sau chiến tranh không gian lại yên tĩnh đến thế ư? Cách diễn đạt, sử dụng ngôn từ mới mẻ của nhà thơ đã làm nên một hiện tượng ngôn ngữ thật đẹp.

Ngôn ngữ trong văn chương đa dạng, phức tạp như chính cuộc sống hàng ngày – qua bàn tay tôi luyện của các nhà văn, ngôn ngữ ấy làm nên sự phong phú của văn chương. Phương tiện diễn đạt quyết định cách thành hình của tác phẩm – và nhà văn phải rèn luyện, học hỏi không ngừng để ngôn ngữ trở thành công cụ hỗ trợ đắc lực và sắc bén trong tay mình. Lời khẳng định của Nguyễn Tuân là một lời khuyên đáng quý cho những người bước vào ngưỡng cửa viết văn và cả cho những ai yêu thích sự sáng tạo văn chương. Nhưng điều đó không có nghĩa là rơi vào chủ nghĩa hình thức, bỏ quên nội dung tư tưởng tác phẩm – mà một tác phẩm hay thật sự sẽ kết hợp hoàn hảo giữa nội dung và hình thức nghệ thuật – sao cho đó là những bông hoa hương sắc vẹn toàn. Và muốn nghiên cứu ngôn ngữ văn chương, ta sẽ luôn nhớ đến lời khuyên của nhà văn “Vang bóng một thời”

“Ở đâu có lao động thì ở đó có sáng tạo ra ngôn ngữ...”

VĂN HỌC LÀ TẤM GƯƠNG PHẢN ÁNH ĐỜI SỐNG

1. Thực tại đời sống là cội nguồn sáng tạo nghệ thuật

- Không có cuộc sống sẽ không có sáng tạo nghệ thuật. Đối tượng phản ánh của văn học là con người trong không gian, thời gian, thiên nhiên, vũ trụ và trong các mối quan hệ xã hội. Văn học phản ánh đời sống của con người và nhận thức về con người với ước mơ tâm tư nguyện vọng.

- Thực tại đời sống là đề tài vô tận cho văn chương khai thác và phản ánh, là chất liệu vô cùng phong phú sinh động cho nhà văn lựa chọn và sử dụng trong quá trình sáng tạo nghệ thuật. Hiện thực chính là cái nôi nuôi dưỡng nhà văn, là mảnh đất nhà văn sống hình thành cảm xúc. "Cuộc đời là nơi xuất phát cũng là nơi đi tới của văn học", "Nhà văn là người thư kí trung thành của thời đại". Bởi vậy văn học là cuốn “ bách khoa toàn thư” về đời sống và con người. Nhà văn lấy chất liệu là **cuộc sống** hiện thực, từ đó cung cấp cho con người nhưng tri thức về xã hội, làm giàu vốn tri thức của con người.

- Văn học là tấm gương phản ánh đời sống, không bám sát đời sống nhà văn sẽ không thể cho ra đời những tác phẩm văn học giàu chất sống, có giá trị. Nếu thoát li thực tại, văn chương sẽ rơi vào siêu hình, thần bí.

2. Không thể đánh đồng thực tại với văn chương

- Văn học phản ánh đời sống nhưng không bê nguyên xi hiện thực vào trong tác phẩm. Nếu đánh đồng thực tại với văn chương thì lúc đó văn chương không phải là sáng tạo nghệ thuật. Nếu văn chương chỉ và ghi chép lại những điều đã có trong hiện thực thì người đọc cũng chỉ nhìn thấy trong tác phẩm những gì họ nhìn thấy ngoài đời và như vậy văn chương không còn cần thiết và không có giá trị gì, tác phẩm sẽ trở nên nhạt nhẽo, vô hồn.

- Thực tại trong văn học không phải là sự phản ánh máy móc, rập khuôn mà được thể hiện qua chủ quan của người nghệ sĩ. Nó được phản chiếu qua tâm hồn, trí tuệ, cảm xúc mãnh liệt của nhà văn trước hiện thực. Nếu nhà văn chỉ chụp ảnh cuộc sống thì không cần đến vai trò của nhà văn. Sứ mệnh của nghệ sĩ là phản ánh hiện thực theo cái mới, qua tác phẩm kí thác những thông điệp tinh thần muốn gửi đến bạn đọc, hướng con người đến vẻ đẹp chân- thiện- mỹ. Để đạt được hiệu quả nghệ thuật, trong tác phẩm hiện thực đôi khi được hư cấu, tô đậm hơn.

- Thực tại trong tác phẩm văn chương bao gồm cả những điều mà mọi người đều đã thấy và cả vấn đề người khác chưa thấy, những điều sâu sắc mới mẻ mà chỉ nhà văn mới thấy.

- Hiện thực đời sống được người nghệ sĩ sắp xếp, tái hiện một cách sáng tạo thành chỉnh thể nghệ thuật. Tuy nhiên sự lựa chọn, sắp xếp hiện thực trong tác phẩm văn chương cần phải tạo cho nhà văn, nhà thơ một tiếng nói riêng, một phong cách riêng, tạo nên sự hấp dẫn với bạn đọc.

Có thể nói, tác phẩm văn học đích thực phải là sự phản ánh, sáng tạo, kiến giải hay về con người và đời sống.

3. Thực tại trong tác phẩm văn chương là cơ sở tạo nên giá trị hiện thực của tác phẩm

3.1. Biểu hiện của tính hiện thực của tác phẩm văn học là:

+ Phản ánh đúng thực tại, bản chất của đời sống và chức năng của văn học là giúp con người nhận thức đời sống xã hội.

+ Sự chân thực của cảm xúc, đánh giá, bày tỏ thái độ của người nghệ sĩ trước hiện thực, sự thể hiện bản lĩnh, nhân cách, cá tính độc đáo, tài năng của họ.

3.2. Bản chất của tính hiện thực trong tác phẩm văn học

+ Đối tượng phản ánh của văn học là toàn bộ thế giới khách quan, có nghĩa là phạm vi phản ánh của văn học bao gồm tất cả những gì có trong thực tế khách quan. Hiện thực là cội nguồn sản sinh ra các sáng tác văn học và đồng thời là chìa khóa giải thích những hiện tượng phức tạp trong văn học. Cho nên có thể nói tính hiện thực là thuộc tính tất yếu của văn học.

+ Giá trị hiện thực của tác phẩm văn học là toàn bộ hiện thực được nhà văn phản ánh trong tác phẩm văn học, tùy vào ý đồ sáng tạo mà hiện thực đó có thể đồng nhất với thực tại cuộc sống hoặc có sự khúc xạ ở những mức độ khác nhau. Hiện thực trong các tác phẩm văn chương có thể là hiện thực được hư cấu.

- Văn học không tách rời tư tưởng nhưng chính tư tưởng cũng bắt nguồn từ hiện thực, bởi ý thức con người chính là sự phản ánh đời sống xã hội. Vì thế có thể khẳng định, bất kì nền văn học nào cũng được hình thành trên một cơ sở hiện thực nhất định. Cho dù là một tác phẩm lãng mạn hay một tác phẩm viễn tưởng thì văn học vẫn bắt nguồn từ một hiện thực đời sống nhất định, mang dấu ấn của một thời đại nhất định.

- Tuy nhiên, tính hiện thực trong các tác phẩm văn học được thể hiện đậm nhạt khác nhau. Chỉ khi nào nhà văn phản ánh đúng bản chất hay một vài khía cạnh của bản chất đời sống thì hiện thực của tác phẩm ấy mới đạt đến tính chân thật.

- Tác phẩm có tính hiện thực cao là tác phẩm phản ánh được quy luật phổ biến, những tất yếu khách quan, những chân lí đời sống, những kiểu người và những quan hệ hiện thực cơ bản của đời sống thể hiện qua những điển hình văn học.

LUYỆN ĐỀ

Đề số 1: “*Khi cuộc sống xuất hiện những nỗi niềm thiết tha không bút nào tả xiết đối với năng lực thông thường, nghệ sĩ là người vượt qua giới hạn đó để đưa nỗi niềm kia vào hàng vĩnh viễn*”.

(*Lí luận văn học*, Phương Lưu chủ biên, NXB Giáo dục, 2004, tr.251)

Anh/Chị hiểu nhận định trên như thế nào? Qua đoạn trích *Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ* (trích *Chinh phụ ngâm* – Đặng Trần Côn, Đoàn Thị Điểm) và *Trao duyên* (trích *Truyện Kiều* – Nguyễn Du), hãy làm sáng tỏ nhận định.

1. Giải thích

- Những nỗi niềm thiết tha: những cảm xúc mãnh liệt (sự đồng cảm, tình yêu thương, nỗi căm giận...)

- Năng lực thông thường: khả năng diễn tả thông thường của con người.

- Vượt qua giới hạn: khả năng vượt qua năng lực thông thường bằng trái tim và tài năng nghệ thuật.

=> Khi hiện thực đời sống nảy sinh những cảm xúc mãnh liệt, những vấn đề nhức nhối, những tình cảm vượt qua khả năng diễn tả thông thường thì người nghệ sĩ một mặt cảm nhận sâu sắc những nỗi niềm đó bằng trái tim mình. Mặt khác, bằng tài năng nghệ thuật xuất sắc, họ thể hiện được những cảm xúc mãnh liệt đó qua ngôn ngữ, hình tượng nghệ thuật... khiến nỗi niềm đó trở nên bất tử. Điều này là kết quả của tâm huyết và tài năng của người nghệ sĩ.

2. Lí giải

- Nhận định trên thể hiện mối quan hệ giữa văn học và hiện thực.

- Văn học vừa phản ánh những tình cảm mãnh liệt của đời sống con người vừa thể hiện tài năng và tâm hồn người nghệ sĩ trong việc cảm thấu những nỗi niềm thiết tha và biến nỗi niềm thiết tha thành bất tử.

(Học sinh vận dụng kiến thức lí luận văn học để lí giải ngắn gọn)

3. Phân tích, chứng minh

3.1. Những nỗi niềm thiết tha không bút nào tả xiết đối với năng lực thông thường:

- Qua đoạn trích *Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ*: đó là nỗi niềm của những người phụ nữ trong một xã hội bất công, không trân trọng quyền sống và quyền hạnh phúc của lứa đôi, là nỗi nhớ nhung, sầu muộn, lo lắng, cô đơn của người chinh phụ khi chồng đi chinh chiến...

- Qua đoạn trích *Trao duyên*: đó là nỗi đau như đút ruột của người con gái chung tình nhưng lại phải trao duyên, là nỗi xót xa tủi hận khi Kiều luôn luôn mặc cảm mình là kẻ bội ước, phụ tình...

(Thí sinh phân tích dẫn chứng làm sáng tỏ)

3.2. Người nghệ sĩ vượt qua giới hạn để đưa nỗi niềm kia vào hàng vĩnh viễn:

- Qua đoạn trích *Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ* Đặng Trần Côn, Đoàn Thị Điểm:

+ Tác giả đã thấu hiểu tốt cùng nỗi lòng người chinh phụ và đồng cảm với khát khao hạnh phúc lứa đôi của người phụ nữ. Tác giả gián tiếp lên án chiến tranh phi nghĩa chia rẽ tình cảm gia đình, hạnh phúc lứa đôi...

+ Đoạn thơ sử dụng độc thoại nội tâm, điệp ngữ, nghệ thuật miêu tả tâm lí ...

- Qua đoạn trích Trao duyên Nguyễn Du:

+ Tác giả đã cảm thấu được những bi kịch của nàng Kiều. Tác giả đã viết về sự việc trao duyên của Kiều không phải với tư cách của người ngoài cuộc mà với tư cách của người trong cuộc... Ông như đứt từng khúc ruột cùng nỗi đau của Kiều..., đúng như Mộng Liên Đường chủ nhân nhận xét: Nguyễn Du viết Kiều như có máu rỏ trên đầu ngòi bút, nước mắt thấm qua tờ giấy.

+ Đoạn thơ sử dụng bút pháp ước lệ, sử dụng ngôn ngữ tinh tế, miêu tả nội tâm nhân vật thông qua ngôn ngữ đối thoại, nghệ thuật tả cảnh, ngụ tình.

(Thí sinh phân tích dẫn chứng làm sáng tỏ)

4. Bình luận

- Đặt trong bối cảnh văn học Trung đại, khi vấn đề cá nhân, quyền sống của mỗi cá thể còn ít được nhắc đến, chúng ta có thể thấy bằng tâm huyết và tài năng vượt bậc, Nguyễn Du, Đặng Trần Côn, Đoàn Thị Điểm đã vượt qua giới hạn để đưa nỗi niềm kia vào hàng vĩnh viễn.

- Bài học đối với người sáng tạo: phải sống sâu sắc với cuộc sống và thời đại để thấu hiểu, rung cảm được những nỗi niềm nhức nhối của nhân sinh, đồng thời cần có tài năng để có thể biến những cảm xúc đó thành bất tử.

- Bài học đối với người đọc: cần trở thành người đồng sáng tạo với tác giả, bởi những cảm xúc mãnh liệt của nhân sinh sẽ không thể nào trở thành vĩnh viễn nếu người đọc tiếp xúc với tác phẩm bằng tâm hồn vô cảm và một vốn sống cạn nông.

Đề số 2: Có ý kiến cho rằng “Không một ý định tốt đẹp nào có thể biện minh được cho nhà văn, nếu vì lí do muốn làm cho cuộc sống tốt đẹp hơn lên, anh ta đã xuyên tạc nó: anh ta đã viết ra không phải là những cái nhìn thấy mà là những cái muốn thấy”. (Baklanôp – nhà văn Nga)

Anh (chị) hãy trình bày suy nghĩ của mình về ý kiến trên và từ đó liên hệ đến trào lưu văn học hiện thực 1930-1945.

1. Giải thích

- Xuyên tạc hiện thực: phản ánh sai hiện thực một cách có dụng ý.

- Viết ra không phải là những cái nhìn thấy mà là những cái muốn thấy: phản ánh hiện thực theo ý muốn chủ quan của nhà văn.

- Hàm ý của lời phát biểu: Bày tỏ quan điểm không đồng tình trước hiện tượng nhà văn lạm dụng việc “tô hồng” hiện thực.

2. Lí giải

- Phản ánh chân thực, chính xác thực tế đời sống luôn là đòi hỏi hàng đầu đối với người cầm bút.

- Yêu cầu với tác phẩm văn học: yêu cầu về tính chân thực trong phản ánh; yêu cầu về sự thống nhất giữa chân lí nghệ thuật và chân lí đời sống; chức năng văn học (đặc biệt là chức năng giáo dục và nhận thức); vai trò của nhà văn khi mô tả hiện thực...

- Nếu nhà văn “tô hồng” hiện thực sẽ dẫn đến việc làm người đọc ngộ nhận và ảo tưởng về thực tế xã hội mà mình đang sống, khiến họ không còn ý thức đấu tranh để cải tạo nó, làm cho nó ngày càng tốt hơn lên... Nhà văn “viết ra không phải là những cái nhìn thấy mà là những cái muốn thấy” là một hình thức phản ánh không chân thực, thiếu chính xác nên sẽ gây ra những tác dụng tiêu cực đối với người đọc.

3. Phân tích, chứng minh

Trong quá trình triển khai luận điểm, học sinh có thể lấy một số tác phẩm văn học lãng mạn 1930 - 1945 để làm dẫn chứng.

- Văn học hiện thực 1930 - 1945 đã phản ánh thực tế đời sống lịch sử xã hội Việt Nam trước Cách mạng một cách khá sâu sắc và chính xác (làm tốt việc “viết cái nhìn thấy” - học sinh lấy dẫn chứng)

- Tuy nhiên, nhìn chung các nhà văn hiện thực nói trên chưa cho người đọc nhận ra được tương lai của một xã hội mới (chưa viết tốt “cái muốn thấy” - Học sinh lấy dẫn chứng)

4. Bình luận

- Sự phản ánh trong văn học bao giờ cũng gắn với tính chủ quan, tính sáng tạo của người nghệ sĩ (tức là gắn với việc viết “cái muốn thấy”). Do đó, nội dung lời phát biểu trên chỉ đúng đối với những trường hợp nhà văn lạm dụng việc “tô hồng” đến mức xuyên tạc hiện thực.

- Trừ trường hợp “tô hồng” đến mức xuyên tạc như đã nêu, việc viết “cái muốn thấy” luôn là một yêu cầu đặt ra đối với tác phẩm văn học chân chính; miễn là những gì nhà văn thể hiện phải dựa trên cơ sở nhận thức chính xác và sâu sắc qui luật vận động tất yếu của xã hội.

- Bài học với người sáng tác và tiếp nhận:

MỐI QUAN HỆ GIỮA NỘI DUNG VÀ HÌNH THỨC TRONG TÁC PHẨM VĂN HỌC

1. Các khái niệm

- Tác phẩm văn học:

Tác phẩm văn học là công trình nghệ thuật ngôn từ được tác giả sáng tác nhằm khái quát bằng hình tượng về cuộc sống con người, thể hiện tư tưởng, tình cảm, thái độ của tác giả trước thực tại. Nó trở thành đối tượng thưởng thức, tiếp nhận của bạn đọc. Bản chất, thuộc tính của văn học đều biểu hiện ở tác phẩm văn học. Tác phẩm văn học được biểu hiện ở hai mặt nội dung và hình thức. Tác phẩm văn học độc đáo phải là “một phát minh về hình thức và khám phá về nội dung” (Leonit Leonop).

- Nội dung trong tác phẩm văn học:

+ Nội dung của tác phẩm bắt nguồn từ mối quan hệ giữa văn học và hiện thực. Tác phẩm văn học mô phỏng, tái hiện đời sống sống động với hoạt động của con người, con vật, đồ vật... Thông qua đó nhà văn bày tỏ tư tưởng, tình cảm, tâm tư của mình với cuộc đời, thể hiện cái nhìn cá nhân về hiện thực đời sống. Vì vậy, nội dung của tác phẩm văn học bao gồm: đề tài, chủ đề, cảm hứng, tư tưởng.

+ Nhà văn chân chính luôn suy nghĩ, trăn trở sao cho nội dung tác phẩm của mình thấm nhuần tinh thần nhân văn cao đẹp, có ý nghĩa tư tưởng sâu sắc, có tác dụng nâng cao phẩm chất, hoàn thiện con người.

- Hình thức trong tác phẩm văn học:

+ Hình thức trong tác phẩm văn học là chất liệu, thủ pháp tổ chức nên tác phẩm văn học, cụ thể là một văn bản ngôn từ. Nó là kênh duy nhất truyền đạt nội dung của tác phẩm, là phương tiện cấu tạo nội dung và làm cho nó có bộ mặt độc đáo. Hình thức tác phẩm văn học bao gồm các yếu tố như thể loại, ngôn ngữ, kết cấu, hình ảnh, nhịp điệu, biện pháp tu từ...

+ Hình thức cũng là yếu tố quan trọng góp phần tạo nên giá trị tác phẩm. Không đạt đến trình độ nghệ thuật nhất định, một văn bản ngôn từ không được xem là tác phẩm văn học đích thực. Hình thức tác phẩm văn học hướng đến sự hoàn mỹ.

2. Mối quan hệ giữa nội dung và hình thức trong tác phẩm văn học

- Trong tác phẩm văn học không thể tách rời hai yếu tố nội dung và hình thức. Nội dung và hình thức của tác phẩm văn học có quan hệ mật thiết như tâm hồn và thể xác, tồn tại thống nhất, hữu cơ với nhau. Nội dung chỉ có thể được biểu hiện qua hình thức và hình thức phải là của một nội dung nào đó. Tác phẩm văn học phải có sự thống nhất, hài hòa giữa nội dung và hình thức, thống nhất giữa nội dung, tư tưởng cao đẹp và hình thức nghệ thuật hoàn mỹ.

- Sự thống nhất giữa nội dung và hình thức được biểu hiện ở hai mặt: nội dung quyết định hình thức và hình thức phù hợp nội dung.

+ Trong quan hệ nội dung – hình thức ở tác phẩm văn học thì nội dung bao giờ cũng quyết định hình thức, quyết định sự lựa chọn phương tiện, phương thức sáng tạo tác phẩm. Tất cả những yếu tố hình thức như ngôn ngữ kết cấu, thể loại,... đều nhằm phục vụ tốt nhất cho chức năng bộc lộ sinh động và sâu sắc của nội dung tác phẩm.

+ Cái hay của tác phẩm văn học phải được thể hiện qua nội dung mới mẻ, có ý nghĩa sâu sắc và nội dung đó phải được đặt trong một hình thức phù hợp thì người đọc mới cảm nhận được.

+ Tuy nhiên, hình thức cũng có tính độc lập nhất định. Nó tác động trở lại với nội dung. Nó đòi hỏi nhà văn phải có sự tìm tòi, trăn trở để sáng tạo nên những gì có giá trị nghệ thuật cao nhất. Và một khi tìm được phương tiện và phương thức phù hợp nhất thì những phương tiện, phương thức này phát huy tối đa giá trị của chúng và mang lại giá trị vô giá cho tác phẩm.

- Những tác phẩm văn học có giá trị lớn thì càng chứng tỏ sự thống nhất cao độ giữa nội dung và hình thức. Nhà văn Nga, Lê-ô-nôp khẳng định: “Tác phẩm nghệ thuật đích thực bao giờ cũng là một phát minh về hình thức và là một khám phá về nội dung”.

Mở rộng:

Một tác phẩm văn học có đứng vững được trong lòng người hay không chính là nhờ tài năng và phẩm chất của người nghệ sĩ. Phải qua bàn tay nhào nặn tài hoa của nhà văn, mỗi tác phẩm mới thực sự là một công trình sáng tạo nghệ thuật. Sáng tạo nghệ thuật là một thứ sáng tạo tinh thần. Nó không sản xuất theo dây chuyền công nghệ mà phụ thuộc vào ý kiến chủ quan của người nghệ sĩ. Người nghệ sĩ là người quyết định sự ra đời của tác phẩm. Và tác phẩm văn học là một công trình sáng tạo nghệ thuật chỉ khi lao động của người nghệ sĩ đúng là lao động sáng tạo. Nhà văn có vai trò quan trọng trong quy trình sáng tạo. Mỗi nhà văn là một thế giới khác nhau, tạo nên sự phong phú cho nền văn học, cho sự đa dạng của các cá tính nghệ thuật.

Quá trình lao động nghệ thuật của nhà văn là quá trình công phu bởi nó đòi hỏi nhiều trí lực, tâm huyết của người nghệ sĩ. Đó là công việc không chỉ đổ mồ hôi mà thậm chí còn đổ cả máu và nước mắt. Có người nghệ sĩ cả đời chung đúc để viết một tác phẩm nhưng cũng có người chỉ trong một khoảnh khắc một tác phẩm ra đời.

Sự sáng tạo trong văn chương không cho phép người nghệ sĩ chân chính dẫm lên đường mòn hay đi theo con đường của người khác. Nam Cao đã từng nói khẳng định một tác phẩm văn học phải vượt lên trên tất cả các bờ cõi và giới hạn, phải là một tác phẩm chung cho cả loài người. Nó phải chứa đựng được một cái gì lớn lao, mạnh mẽ, vừa đau đớn, lại vừa phấn khởi; ca tụng tình yêu, bác ái, công bằng và “Văn chương không cần đến sự khéo tay, làm theo một cái khuôn mẫu. Văn chương chỉ dung nạp những người biết đào sâu, biết tìm tòi, khơi những nguồn chưa ai khơi và sáng tạo ra cái gì chưa có. “Văn học nằm ngoài những định luật của sự băng hoại. Chỉ mình nó không thừa nhận cái chết” (Sê-đrin). Tác phẩm văn học đã ghi nhận những sáng tạo của người nghệ sĩ và khẳng định nó bằng những giá trị bất tử của mình.

Đề số 1: (Đề về phương diện nội dung của tác phẩm văn học)

“Giá trị của tác phẩm nghệ thuật trước hết là giá trị tư tưởng của nó . Nhưng là tư tưởng đã được rung lên ở các cung bậc của tình cảm, chứ không phải ở tư tưởng thẳng đơ trên trang giấy. Có thể nói, tình cảm của người viết là khâu đầu tiên và là khâu sau cùng trong quá trình xây dựng một tác phẩm nghệ thuật .”

(Nguyễn Khải , Các nhà văn nói về văn, NXB Tác phẩm mới , Hà Nội, 1985)

Anh/chị hiểu như thế nào về ý kiến trên ? Hãy liên hệ với sáng tác của Xuân Diệu hoặc Tố Hữu để làm sáng tỏ ý kiến trên.

1. Giải thích và lí giải

- Là nhà văn đã từng trải với nghề, Nguyễn Khải ý thức sâu sắc những yêu cầu khắt khe của văn chương. Ông hiểu giá trị của một tác phẩm trước hết là giá trị tư tưởng của nó. Nhưng là người đã trải nghiệm của đời cầm bút, ông cũng thấm thía nghệ thuật không phải chỉ là tư tưởng đơn thuần mà phải là “tư tưởng được rung lên ở các cung bậc tình cảm, chứ không phải ở tư tưởng nằm thẳng đơ trên trang giấy”, nghĩa là tư tưởng ấy phải được tắm đẫm trong tình cảm của người viết, tư tưởng ấy phải được chuyển tải bằng tình cảm, cảm xúc của người nghệ sĩ. Nói cách khác, ý kiến của Nguyễn Khải đã khẳng định mối quan hệ gắn bó, không thể tách rời giữa tư tưởng và tình cảm của nhà văn.

a) *Giá trị của tác phẩm nghệ thuật trước hết là giá trị tư tưởng của nó*, câu nói hiển nhiên như một chân lí không thể phủ nhận .

- Một tác phẩm nghệ thuật có giá trị, trước hết phải đề xuất được một tư tưởng mới mẻ. Một nhà văn tài năng phải có những phát hiện riêng của mình về nhân sinh thông qua một nỗi lòng, một tình huống, một cảnh ngộ...của một nhân vật. Bởi xét đến cùng , thiên chức cao cả của văn chương nghệ thuật là phản ánh con người và hướng tới phục vụ đời sống con người. Vì thế, khi viết tác phẩm nhà văn không thể không bộc lộ tư tưởng của riêng mình, chủ kiến của riêng mình trước những vấn đề xã hội. - Mặt khác, bản chất của lao động nghệ thuật là sáng tạo. Nghề văn là nghệ sáng tạo. Cho nên nhiệm vụ khó khăn mà cũng là vinh quang của nhà văn là phải khám phá, phát minh ra một hệ thống tư tưởng của riêng mình. Bởi nói như Nam Cao “Văn chương không cần đến những người thợ khéo tay...sáng tạo những cái gì chưa có”. Tư tưởng sẽ là yếu tố cốt lõi hình thành nên phong cách nghệ thuật, dấu ấn riêng của nhà văn.(Nội dung phải được thể hiện qua hình thức)

b) Tuy nhiên , theo Nguyễn Khải tư tưởng của một nhà văn “ là tư tưởng đã được rung lên ở các cung bậc của tình cảm, chứ không phải ở tư tưởng thẳng đơ trên trang giấy”

-Các Mác nói : quy luật của văn học là quy luật chung của cái đẹp , là quy luật của tình cảm . Có nghĩa là Mác nhấn mạnh tình cảm chứ không phải bất cứ yếu tố nào mới là ngọn nguồn sâu xa của cái đẹp .Mỗi tác phẩm nghệ thuật đích thực phải hướng con người tới cái đẹp bằng tình cảm của nhà văn

-Không phải ngẫu nhiên nhiều nhà thơ đã nói về sự thăng hoa của của xúc . Ngay từ xưa , Ngô Thì Nhậm đã kêu gọi các thi nhân “*Hãy xúc động hồn thơ cho ngọn bút có thần*” . Xuân Diệu khi bàn về thơ cũng có ý kiến “*Thơ hay, lời thơ chín đỏ trong cảm xúc*”. Tư tưởng của nhà văn dù có mới mẻ, độc đáo đến đâu đi nữa mà không được thể hiện bằng một trái tim thì tư tưởng đó chỉ thẳng đơ trên trang giấy mà thôi.

c) *Tình cảm của người viết là khâu đầu tiên và là khâu sau cùng trong quá trình xây dựng một tác phẩm nghệ thuật.*

-Tác phẩm văn học là tiếng nói của tâm hồn, tình cảm cá nhân của người nghệ sĩ trước cuộc đời. Nhà văn sáng tạo tác phẩm văn học khi cảm thấy bức xúc trước cuộc sống của con người, cảm thấy có sự thôi thúc mãnh liệt của con tim. Vì vậy, không phải vô cớ mà Lê Quý Đôn cho rằng “*Thơ khởi phát trong lòng người*”

-Tình cảm còn là khâu sau cùng trong quá trình xây dựng tác phẩm tác phẩm nghệ thuật của nhà văn. Ở đây là muốn nói đến người đọc. Người đọc đến với tác phẩm đâu phải bằng con đường lí trí mà bằng chiếc cầu nối từ trái tim đến với trái tim. Những tư tưởng tâm đắc nhất, tha thiết nhất nhà văn gửi gắm trong tác phẩm sẽ thâm nhập vào tâm hồn người đọc trong hình hài của cảm xúc. Nhà văn Bùi Hiển đã khẳng định ý nghĩa đặc biệt của tiếng nói tri âm trong văn chương như sau: “*Ở nước nào cũng thế thôi, sự cảm thông chia sẻ giữa người đọc và người viết là trên hết*”

- Một tác phẩm có giá trị hay không xét cho cùng là do tình cảm của nhà văn có chân thực hay không, có khả năng tác động sâu xa đến tâm hồn người đọc hay không

2. Phân tích, chứng minh (Phân tích bài thơ Vội vàng của Xuân Diệu)

-Trong các sáng tác của Xuân Diệu trước CMT8 đều nhằm khẳng định một niềm khao khát được giao cảm với đời. Đó có thể xem là tư tưởng của XD lúc ấy. Đó là một tư tưởng nhân văn độc đáo và khoẻ khoắn của XD. Bởi vì lúc ấy biết bao nhiêu là thơ khác đang chán chường tuyệt vọng, trốn chạy vào quá khứ vàng son hay trốn vào tình yêu, vào mộng ảo thì XD vẫn nhìn đời bằng “*cặp mắt xanh non*”, vẫn mong muốn “*Chân hoá rễ để hút mùa dưới đất*”.

-Tư tưởng nhân văn khoẻ khoắn ấy được bộc lộ mạnh mẽ, tràn đầy cảm xúc trong bài thơ Vội vàng:

+ Giới thiệu chung về bài thơ Vội vàng.

+ Phân tích những khám phá của XD về một thiên đường trên mặt đất (chú ý những hình ảnh, điệp ngữ ...)

3. Bình luận

- Ý kiến rất đúng đắn khi khẳng định tính tư tưởng, cảm xúc của tác phẩm văn học. Tư tưởng là một trong những yếu tố quan trọng về nội dung tác phẩm. Tác phẩm không có tư tưởng sẽ không đạt đến sự sâu sắc, trở nên hời hợt và không có giá trị.

- Mặt khác, tư tưởng trong tác phẩm văn học không phải là những giáo huấn có tính giáo điều mà phải thể hiện qua hình tượng nghệ thuật và thông qua hình thức biểu hiện để nó đi vào lòng người chứ không khô cứng, thẳng đơ.

- Đánh giá về tính tư tưởng trong các tác phẩm vừa phân tích để chứng minh.

- Bài học với người sáng tác và tiếp nhận: Người sáng tác cần ý thức được vai trò của cảm xúc, tư tưởng trong tác phẩm và phải thể hiện cảm xúc, tư tưởng trong sáng tác. Người tiếp nhận tác phẩm phải thể hiện tiếng nói tri âm với tác giả khi dựa vào hình thức nghệ thuật để khám phá, phát hiện ra cảm xúc và tư tưởng của nhà văn thể hiện qua trang sách.

Đề bài 2: Nhà văn Nga Lêônít Lêônốp có nói: "Mỗi tác phẩm phải là một phát minh về hình thức và một khám phá về nội dung". Anh (chị) hãy bình luận ý kiến trên.

I. Mở bài:

Nhà văn Nguyễn Tuân từng nói: “Mỗi nhà văn là một phu chữ”. Còn nhà thơ Xuân Diệu lại cho rằng: “Thơ hay là hay cả hồn lẫn xác”. Điều đó có nghĩa là một tác phẩm hay phải đảm bảo được cái đẹp ở cả nội dung và hình thức. Bàn về vai trò sáng tạo của người nghệ sĩ và giá trị của tác phẩm văn chương, Lêônit Lêônốp khẳng định: “Mỗi tác phẩm là một phát minh về hình thức và một khám phá về nội dung”.

II. Thân bài:

1. Giải thích, lí giải

Cũng như ý kiến của Xuân Diệu, Nguyễn Tuân, Macxim Gorki..., nhà văn Nga Lêônit Lêônốp muốn khẳng định các nghệ sĩ phải trau dồi cá tính sáng tạo của mình. Mỗi tác phẩm phải là một phát minh, một sự hiện diện của nhà văn đối với cuộc đời. Do vậy cái mới, cái độc đáo trong phong cách của người sáng tác phải thể hiện ở sự tìm tòi cái mới về nghệ thuật cũng như nội dung.

Nghệ thuật là hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan. Hiện thực cuộc sống là kho đề tài vô tận để người nghệ sĩ khám phá, phát hiện, nhưng đối với mỗi cây bút, nó lại được chiếu rọi dưới một ánh sáng riêng. Nghệ sĩ là người biết khai thác những ấn tượng riêng chủ quan của mình và biết làm cho ấn tượng ấy có được hình thức riêng biệt, độc đáo. Đúng như vậy, sự lặp lại tẻ nhạt là cái chết của nghệ thuật.

Cuộc sống bày ra trước mắt biết bao cảnh ngộ, số phận. Người nghệ sĩ hơn những người bình thường ở chỗ biết tìm ra những hiện tượng đặc sắc có thể nói lên rõ rệt bản chất của hiện thực. Độc giả tìm đến với tác phẩm trước hết là để bồi đắp tâm hồn, làm phong phú hơn vốn tri thức. Vì lẽ đó, người sáng tác phải đem đến cho họ một cái nhìn mới, mang đậm dấu ấn chủ quan.

Cuộc sống là phong phú vô tận, nhưng sự hiểu biết và hứng thú của nhà văn thì có hạn. Do đó ngoài việc tìm đến những mảnh đất mới của hiện thực để gieo mầm tư tưởng, người nghệ sĩ phải biết phát huy vỏ ấn tượng riêng của mình để tìm ra những gì mới mẻ trong những đề tài quen thuộc. Có như vậy, nhà văn mới tránh khỏi sự lặp lại vô nghĩa những điều mà người khác đã nói. Nói cách khác, mỗi nghệ sĩ phải tìm ra cho mình một con đường riêng để đến với cuộc sống và trái tim bạn đọc.

LepTônxtôi đã từng nói với những người viết văn trẻ, đại ý: “Các anh có đem đến cho chúng tôi một cái gì mới khác với những người đến trước anh không?” Bàn về thơ Nguyễn Tuân cũng khẳng định: “Thơ là đã mở ra được một cái gì đó mà trước câu thơ đó, trước nhà thơ đó, vẫn như là bị đóng kín”. Mỗi tác phẩm là một thông điệp thẩm mỹ mà người nghệ sĩ gửi đến bạn đọc. Do đó trước hết mỗi tác phẩm là một “khám phá về nội dung”. Muốn vậy, nhà văn không chỉ là “người thợ khéo tay, làm theo một vài kiểu mẫu đưa cho”, mà phải biết “đào sâu, biết tìm tòi, khơi những nguồn chưa ai khơi và sáng tạo những gì chưa ai có” (Nam Cao). Nhà văn phải biết nhai sâu vào cuộc sống, hiểu về tâm hồn của con người để khám phá ra những vấn đề mới, cất tiếng nói riêng của mình với cuộc đời.

Trong nghệ thuật, nội dung và nghệ thuật gắn bó chặt chẽ, mật thiết với nhau. Nội dung là nội dung của hình thức, hình thức là hình thức của nội dung. Một nội dung mới sẽ tìm cho mình một hình thức mới. Sự thay đổi về hình thức biểu hiện cũng có thể kéo theo sự thay đổi về nội dung. Có khi nhà văn đề cập đến những vấn đề của muôn đời nhưng lại nói với giọng điệu riêng, âm sắc riêng của tâm hồn mình; do vậy tác phẩm vẫn đem đến cho người đọc cái mới đáng quý.

Cái độc đáo sáng tạo về nội dung và hình thức của tác phẩm tạo nên phong cách riêng của người nghệ sĩ không phải là chuyện cách nói mà chủ yếu là vấn đề cách nhìn, một cách nhìn nếu không do nghệ sĩ đem lại thì không bao giờ có được.

Cái mới không chỉ đơn thuần thuộc về nội dung hay nghệ thuật một cách cực đoan, có nghĩa là không chỉ đơn thuần tìm ra cái mới trong hình thức mà trước hết phải xuất phát từ các mới của nội dung. Khi cả tác phẩm toát lên cốt cách riêng, phong vận riêng mới lạ thì nó sẽ tác động mạnh mẽ vào người tiếp nhận. Người nghệ sĩ đi sâu vào cái chủ quan, cái cá nhân của mình, mặt khác vẫn phải gắn bó với cuộc sống để không đẩy sự mới lạ lên thành cá nhân chủ nghĩa.

Mỗi thời đại, mỗi tác giả góp vào dòng chảy văn học một cách cảm nhận mới, một niềm trân trọng khác nhau và một cách nói mới. Điều này sẽ tạo ra tính liên tục, phát triển sự phong phú của nền văn học. Mỗi gia đoạn văn học, mỗi nghệ sĩ có một bản sắc riêng, một diện mạo riêng. Chính mỗi tác phẩm là một phát minh về hình thức đã góp phần làm cho văn học nhân loại vận động từ kiểu sáng tác này đến kiểu sáng tác khác.

2. Phân tích, chứng minh: Phân tích ít nhất 2 tác phẩm để làm sáng tỏ các luận điểm:

- Mới mẻ về nội dung
- Mới mẻ về hình thức nghệ thuật
- Mối quan hệ giữa nội dung và hình thức

3. Bình luận

- Ý kiến rất đúng đắn khi khẳng định mỗi nghệ sĩ khi đi sâu vào cuộc sống, cần nỗ lực tìm ra một cách khám phá mới lạ. Cũng viết về nông dân, Nam Cao khác Ngô Tất Tố, Nguyễn Công Hoan, ... Chính những khám phá mới ấy đã tạo nên sự phong phú, đa dạng của nền văn học. Để tạo ra cái mới, người nghệ sĩ cần có tài năng, có năng khiếu bẩm sinh để phát huy cái riêng của mình. Cũng để tạo ra sự mới lạ, nhà văn không thể xem sáng tác như một thứ nghề chơi mà cần có sự khổ luyện, có sự đào sâu tìm tòi. Sự đào sâu, tìm tòi ấy phải được thể hiện ở cả hai phương diện nội dung và hình thức. Nội dung quyết định hình thức nhưng nếu hình thức không phù hợp thì tác phẩm cũng không có hoặc bị giảm giá trị. Trong văn chương có những niềm hạnh phúc trong nỗi đau tột cùng mà chỉ người nghệ sĩ mới hiểu được. Sáng tạo ra cái mới chính là kết quả của sự công phu và tài năng, nó tạo sức mạnh cho người nghệ sĩ chiến thắng sự băng hoại của thời gian. Và quả thực không sai khi Lêônit Lêônốp nói: “Mỗi tác phẩm là một phát minh về hình thức và một khám phá về nội dung”.

- Đánh giá về các tác phẩm vừa phân tích để chứng minh ý kiến
- Bài học với người sáng tác và tiếp nhận:

+ Người sáng tác: Phải có ý thức sâu sắc về sáng tạo nghệ thuật, không đi vào lối mòn cả về nội dung và hình thức để khẳng định tên tuổi của mình

+ Người tiếp nhận: Lắng nghe tiếng nói tác giả để nhận ra những khám phá, phát hiện của nhà văn về cuộc đời và nghệ thuật.

Đề số 3: *Cái đẹp mà văn học đem lại không phải là cái gì khác hơn là cái đẹp của sự thật đời sống được khám phá một cách nghệ thuật.*” (Dẫn theo *Lí luận văn học*, Hà Minh Đức chủ biên, NXB Giáo dục, trang 57). Anh/chị hiểu nhận định trên như thế nào? Hãy làm sáng tỏ vấn đề bằng một số tác phẩm Thơ mới đã học.

1. Giải thích

– Cái đẹp mà văn học mang lại: là cái đẹp nghệ thuật được sáng tạo do tài năng của người nghệ sĩ. Cái đẹp trong tác phẩm văn học chủ yếu thể hiện ở nội dung tư tưởng cao cả; hình thức nghệ thuật hấp dẫn, độc đáo.

- Cái đẹp của sự thật cuộc sống: cái đẹp bắt nguồn từ hiện thực; là vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống, con người được kết tinh, chất lọc từ hiện thực.
- Cái đẹp được khám phá một cách nghệ thuật: cái đẹp trong cuộc sống được nhà văn khám phá và cảm nhận ở chiều sâu tư tưởng, tình cảm để rồi khắc họa qua sự tìm tòi, sáng tạo mới mẻ, độc đáo; tạo nên sự hài hòa giữa nội dung tư tưởng và hình thức nghệ thuật; đem lại những giá trị thẩm mỹ cao đẹp...
- => Ý nghĩa khái quát: Khẳng định cái đẹp của sáng tạo nghệ thuật trong mối quan hệ với hiện thực cuộc sống và tài năng của nhà văn đối với việc khám phá sáng tạo cái đẹp.

2. Lý giải vấn đề

- Ý kiến trên đề cập đến đặc trưng của văn chương, nghệ thuật: lấy cái đẹp của hiện thực làm chất liệu, đề tài, cảm hứng sáng tác. Mọi sáng tạo nghệ thuật đều bắt nguồn từ đời sống.
- Tác phẩm văn học chỉ có thể làm rung động trái tim người đọc khi chứa đựng giá trị thẩm mỹ: khả năng văn học phát hiện và miêu tả những vẻ đẹp của cuộc sống một cách sinh động, giúp con người cảm nhận và biết rung động một cách tinh tế, sâu sắc trước vẻ đẹp đó.
- Giá trị thẩm mỹ của văn học được thể hiện ở nội dung: mang lại cho người đọc vẻ đẹp muôn hình muôn vẻ của cuộc đời, khám phá vẻ đẹp sâu xa trong nội tâm con người...
- Cái đẹp trong nghệ thuật còn thể hiện ở hình thức, được biểu đạt qua hình tượng nghệ thuật riêng biệt độc đáo, không lặp lại, sự sáng tạo các yếu tố nghệ thuật phong phú...
- => Nhận định đúng đắn, sâu sắc, khẳng định tiêu chí để đánh giá một tác phẩm văn học chân chính. Đồng thời, nhận định cũng đặt ra yêu cầu đối với người sáng tác: phải phản ánh chân thật cái đẹp của cuộc sống nhưng đó không phải là cái đẹp thuần túy mà là cái đẹp chân – thiện – mỹ.

3. Phân tích, chứng minh.

3.1. Giới thiệu chung về tác giả, vị trí, giá trị... của tác phẩm.

3.2. Phân tích làm sáng tỏ ý kiến qua một số bài Thơ mới

- Cái đẹp mà văn học đem lại không phải cái gì khác hơn là cái đẹp của sự thật đời sống:

- Hiện thực đời sống được miêu tả tinh tế, gợi cảm (Có thể phân tích: Bức tranh mùa xuân tươi đẹp trong Vội vàng; Cảnh sông Hồng mênh mang sóng nước trong Tràng giang; Cảnh Vĩ Dạ thơ mộng hữu tình trong Đây thôn Vĩ Dạ...)
- Bộc lộ chân thực tư tưởng, nhận thức sâu sắc của nhà thơ về cuộc sống và con người (Có thể phân tích: quan niệm về hạnh phúc, thời gian, quan điểm sống vội vàng trong thơ Xuân Diệu;)
- Thể hiện những tình cảm cao quý, sâu sắc của tác giả (như: tình yêu thiên nhiên, yêu quê hương đất nước, tình yêu cuộc đời và con người....trong các bài thơ)

=> Cho thấy rõ nhận thức của nhà thơ về vai trò của cá nhân trong sáng tạo nghệ thuật.

- Cái đẹp của sự thật đời sống được khám phá một cách nghệ thuật qua sự sáng tạo phong phú của mỗi nhà thơ:

- Đề tài, thể thơ...
- Cách diễn đạt, dùng từ, hình ảnh mới mẻ, sáng tạo, độc đáo, mới lạ...
- Lời thơ giàu tính nhạc, cách ngắt nhịp linh hoạt...

4. Bình luận

- Đánh giá về ý kiến:

+ Ý kiến đã định hướng cho người tiếp nhận các tác phẩm văn học đúng đắn, phải gắn giá trị thẩm mỹ của tác phẩm văn học với hiện thực cuộc sống và sự sáng tạo nghệ thuật của người nghệ sĩ.

+ Nhấn mạnh tính hoàn chỉnh của cái đẹp nghệ thuật ở cả phương diện nội dung và hình thức của tác phẩm văn học.

- Đánh giá về vẻ đẹp của các tác phẩm vừa phân tích, để chứng minh.

- Bài học với người sáng tác và tiếp nhận:

+ Với người sáng tác: Cần ý thức được cái đẹp của tác phẩm văn chương là sự thật đời sống được thể hiện một cách nghệ thuật qua hình thức nghệ thuật để thể hiện điều đó trong tác phẩm của mình.

+ Với người tiếp nhận: Tìm hiểu để phát hiện cái đẹp trong tác phẩm văn chương là ở bức tranh đời sống được thể hiện qua hình thức nghệ thuật.

CHỨC NĂNG CỦA VĂN HỌC

Chức năng văn học là gì? Chức năng văn học là vai trò vị trí của văn học trong đời sống xã hội, là tác dụng, giá trị xã hội của văn học đối với đời sống tinh thần của con người. Văn học là hiện tượng đa chức năng, các chức năng gắn bó hữu cơ không tách rời nhau. Sự gắn bó giữa các chức năng làm cho văn học có sức tác động sâu xa, bền bỉ, có sức sống mãnh liệt, lâu dài trong đời sống tinh thần của con người. Nói đến chức năng của văn học là nói đến mục đích sáng tác tác phẩm văn học, đến vấn đề viết để làm gì?

1. Chức năng nhận thức

- Văn học có chức năng khám phá những quy luật khách quan của đời sống xã hội và đời sống tâm hồn của con người. Tác phẩm văn học là quá trình nhà văn khám phá và lí giải hiện thực rồi phản ánh vào tác phẩm. Mỗi nhà văn đều ở một thời đại nhất định bởi vậy văn chương là tiếng nói của các thời đại phản ánh hiện thực đời sống, đạo đức xã hội, thậm chí phơi bày những mặt trái của xã hội ấy để góp phần cải tạo xã hội. Không phải ngẫu nhiên đã có người cho rằng văn học có khả năng cung cấp tri thức bách khoa về đời sống “*Văn học là cuốn sách giáo khoa của đời sống*”

- Văn học có khả năng đáp ứng nhu cầu của con người muốn hiểu biết về thế giới xung quanh và chính bản thân mình. Chính cuốn sách ấy đã thể hiện một cách tinh tế và sắc sảo từng đổi thay, từng bước vận động của xã hội. Nó tựa như “*chiếc chìa khoá vàng mở ra muôn cánh cửa bí ẩn, đưa con người tới ngưỡng cửa mới của sự hiểu biết thế giới xung quanh*”.

- Văn học có thể đem đến những nhận thức, hiểu biết sâu rộng cho con người về nhiều mặt của cuộc sống ở:

+ Không gian khác nhau: tri thức về các quốc gia, vùng miền, xứ sở... khác nhau.

+ Thời gian khác nhau: quá khứ, hiện tại, tương lai

+ Hiểu biết phong phú ở nhiều lĩnh vực: văn học, lịch sử, địa lí, văn hóa...

+ Hiểu được bản chất của con người nói chung về tư tưởng, tình cảm, khát vọng, sức mạnh, mục đích tồn tại giúp con người mài sắc cảm giác, biết phân biệt thật giả, biết cảm nhận tinh tế sự phong phú của thế giới cảm tính, phát hiện cái chung, cái bản chất, cái mới lạ, sâu xa qua cái ngẫu nhiên cá biệt, cái quen thuộc, cái bình thường.

- Tác phẩm văn học đem tới cho người đọc những kiến thức xã hội phong phú. Nhưng đây không phải là mục đích cuối cùng của nhà văn. Mục đích của văn học chính là giúp người đọc từ chỗ nhận thức về con người, về cuộc sống rồi tự nhận thức được chính mình, khám phá được giá trị và năng lực vô tận của mình để phấn đấu, sáng tạo.

2. Chức năng giáo dục

- Giá trị giáo dục của văn học xuất phát từ nhu cầu hướng thiện của con người. Chức năng giáo dục thường được xem là giáo dục đạo đức, phẩm chất cho con người. Ngay từ thời cổ đại Hi Lạp Arixtot đưa ra phạm trù thanh lọc khi người ta xem kịch nếu có khóc thì sẽ làm người ta trong sạch và cao thượng hơn. Nhà mỹ học Letsxing của Đức cho rằng “Nghệ thuật là hình thái đặc trưng, hình thành từ những tìm tòi, khám phá của người nghệ sĩ về hiện thực đời sống. Nghệ thuật mang đến cái nhìn toàn diện và đầy đủ hơn về xã hội, thể hiện những quan điểm của người nghệ sĩ, từ đó tác động mạnh mẽ đến nhận thức, tình cảm, cảm xúc của người tiếp nhận. Chính vì vậy, nghệ thuật luôn ẩn chứa sứ mệnh cao cả và thiêng liêng, góp phần làm đẹp cho cuộc đời. Tố Hữu đã từng phát biểu: *“Nghệ thuật là câu trả lời đầy thẩm mỹ cho con người; thay đổi, cải thiện thế giới tinh thần của con người, nâng con người lên”*. Còn Nguyên Ngọc thì khẳng định: *“Nghệ thuật là sự vươn tới, sự hướng về, sự níu giữ mãi mãi tính người cho con người”*”.

- Văn học bồi đắp, định hướng tư tưởng, tình cảm cho con người và thanh lọc tâm hồn con người. Văn học giáo dục con người về:

+ Giáo dục tư tưởng: giúp con người lựa chọn những giá trị sống tích cực, đẹp đẽ như bài học về lòng yêu nước, lòng nhân ái, có lí tưởng sống cao đẹp...

+ Giáo dục tình cảm: giúp con người biết yêu, ghét, vui, buồn đúng đắn, có tâm hồn trong sáng, cao thượng

+ Giáo dục đạo đức: nâng đỡ nhân cách con người khi giúp họ biết phân biệt đúng sai, phải trái, tốt xấu từ đó hình thành mối quan hệ tốt đẹp giữa con người với con người.

=> Mỗi tác phẩm văn học chân chính đều là một lời đề nghị về lẽ sống để con người tự rèn luyện bản thân ngày càng tốt đẹp hơn.

- Giáo dục về đạo đức, phẩm chất cho con người trong văn học diễn ra qua cuộc đối thoại giữa tác giả và người đọc, được gợi mở qua hệ thống hình tượng nghệ thuật độc đáo và cảm xúc mãnh liệt của nhà văn. Vì thế chức năng giáo dục của văn học không khô khan, giáo điều mà sinh động, đầy sức thuyết phục, không phải ngay lập tức mà ngấm dần, thấm sâu có giá trị lâu bền, gợi được những suy nghĩ sâu xa của con người với cuộc đời.

=> Văn học có khả năng giáo dục và nhân đạo hóa con người, giúp con người hoàn thiện bản thân và có những hành động thiết thực để xây dựng cuộc sống tốt đẹp hơn.

3. Chức năng thẩm mỹ

- Nghệ thuật sáng tạo trên nguyên tắc cái đẹp, vì thế không thể thoát khỏi quy luật của cái đẹp. Giá trị thẩm mỹ xuất phát từ nhu cầu cảm thụ và thưởng thức cái đẹp của con người. “Cái đẹp là điều kiện không thể thiếu được của nghệ thuật, nếu thiếu cái đẹp thì không và không thể có nghệ thuật”.

- Chức năng thẩm mỹ của văn học được thể hiện rõ trên hai bình diện:

+ *Nhà văn khám phá và thể hiện cái đẹp để thỏa mãn nhu cầu thẩm mỹ, khơi dậy những khoái cảm nghệ thuật ở bạn đọc:* Cái đẹp mà văn học mang tới là cái đẹp của cuộc đời như: cảnh thiên nhiên, tạo vật; vẻ đẹp của cảnh đời cụ thể; vẻ đẹp hào hùng của chiến trận; vẻ đẹp của tình đời, tình người; vẻ đẹp của một con người, dân tộc... Đặc biệt văn học có thể khám phá và thể hiện những vẻ đẹp ấy từ hình thức bên ngoài đến bản chất bên trong của đời sống, con người. Ngoài ra, cái đẹp trong tác phẩm văn học còn có thể được thể hiện qua hình thức nghệ thuật của tác phẩm như nghệ thuật xây dựng hình tượng, nghệ thuật sử dụng ngôn từ, hình ảnh, kết cấu...

+ Văn học giúp hình thành thị hiếu, lí tưởng thẩm mĩ, đánh thức bản chất nghệ sĩ và cảm hứng sáng tạo của con người. Thị hiếu là năng lực định giá thẩm mĩ (năng lực nhận biết, đánh giá cái đẹp). Nó giúp con người có khả năng phân biệt cái đẹp, cái xấu; cái thẩm mĩ với cái phi thẩm mĩ, nhận ra nét bi và hài trong các sự vật và hiện tượng, làm giàu kho kinh nghiệm thẩm mĩ, mài sắc các giác quan thẩm mĩ. Thường xuyên tiếp xúc với văn học nghệ thuật ta sẽ thành người sành sỏi, tinh tế, nhạy bén có chuẩn mực đánh giá riêng của mình để phân biệt cái đẹp và không đẹp trong văn học và trong cuộc sống quanh ta. Từ đó, đánh thức bản chất nghệ sĩ và niềm say mê sáng tạo trong mỗi cá nhân.

*** Chức năng giao tiếp:**

Nói đến giao tiếp là nói đến sự giao lưu, thông báo, trao đổi. Nghĩa là ở đây có vấn đề người nói, người nghe, người gửi, người nhận và phương tiện để liên hệ. Ở khâu sáng tác người viết mỗi khi cầm bút là muốn giãi bày, chia sẻ, cần nói ra, không nói ra không được. Sống cần phải giao tiếp nếu không giao tiếp có nghĩa là không sống. Vì thế con người sử dụng nghệ thuật như là một con đường quan trọng để giao lưu với nhau chẳng khác nào như cây cối cần giao lưu với không khí và ánh sáng mặt trời. Sáng tác đầu tiên là muốn giãi bày, mang những tâm tư trăn trở của nhà văn tác động vào người khác. Ở mức độ thấp nó gọi sự chia sẻ, đồng cảm, ở mức độ cao hơn nó trở thành “tiếng nói đồng ý, đồng tình” (Tố Hữu), thành sợi dây liên kết, tiếng kèn tập hợp. Lúc đó nó không chỉ là hoạt động của một người hướng đến một người mà trở thành hoạt động giao tiếp rộng rãi của mọi người. Trong hoạt động giao tiếp này nhà văn không phải là người đưa tin truyền tin một cách bình thường chỉ đơn giản là truyền tải thông tin. Vì tác phẩm văn học chứa đựng tư tưởng tình cảm và mang khuynh hướng xã hội rõ nét. TPVH không đơn thuần là thông báo sự kiện, tri thức mà thể hiện thái độ của con người trước cuộc sống, những suy nghĩ của con người trước cuộc sống. Tác phẩm văn học đưa con người xích lại gần nhau không phải bằng không gian, thời gian mà bằng tình cảm, tinh thần. Tác phẩm nghệ thuật nối liền tác giả - người đọc - người đọc xích lại gần nhau hơn: họ quen nhau, hiểu nhau qua giao tiếp bằng tác phẩm nghệ thuật. Đặc biệt nhờ nghệ thuật con người có thể giao lưu cả quá khứ - hiện tại - tương lai, mang tiếng nói của dân tộc này đến dân tộc khác, thế hệ trước đến thế hệ sau; nó khắc phục khoảng cách về không gian và thời gian đem lại sự giao tiếp nhiều chiều, đem con người trở nên gần nhau hơn.

Vì vậy “Chùng nào tâm hồn một con người cần đến với một tâm hồn khác, chùng đó tác phẩm nghệ thuật còn cần thiết cho con người (Đêgơcx).

*** Chức năng giải trí:**

Bên cạnh chức năng giao tiếp, văn học còn là nơi để chúng ta giải trí, nhưng đây không phải là giải trí thông thường mà là sự giải trí có tính nghệ thuật. Một sự giải trí nhẹ nhàng, thanh cao và trong sáng. Có nghĩa là sự giải trí trong văn học không những giúp chúng ta giải tỏa bớt sự căng thẳng mệt mỏi đem lại phút giây thư giãn mà khi đắm mình trong không gian nghệ thuật ấy, văn học thanh lọc tâm hồn thung ta thêm trong và cung cấp thêm những hiểu biết về cuộc sống, xã hội, học tập,... có lẽ văn học đã đem đến cho nhân loại chúng ta một cách nghỉ ngơi khá lí thú, như Ranh Gamzatop đã từng nói nó vừa là nơi nghỉ ngơi vừa là cuộc hành trình khiến ta hứng thú. Chính vì vậy, giải trí bằng văn học vừa mang lại niềm vui phấn khích như các hình thức vui khác, vừa làm cho con người trở nên có văn hóa hơn, hiểu và sáng yêu hơn.

Những chức năng của văn học không tồn tại tách rời mà gắn bó chặt chẽ với nhau, làm tốt chức năng này thì đồng thời cũng tạo điều kiện để các chức năng khác phát huy tác dụng. Toàn bộ các chức năng của văn học luôn tác động qua lại với nhau, luôn tồn

tại trong mối quan hệ chuyển hóa nhân quả, và tùy theo điều kiện lịch sử cụ thể của sự phát triển văn học ở các thời đại khác nhau, các dân tộc khác nhau, mối tương quan và trọng tâm của các chức năng cũng thay đổi. Điều đó đòi hỏi khi xem xét chức năng của văn học phải có quan điểm lịch sử đúng đắn.

LUYỆN ĐỀ

Đề số 1: Nhà thơ Thanh Thảo từng chia sẻ:

**Tôi yêu chất người đầu tiên
Những giọt sương lặn vào lá cỏ
Qua nắng gắt, qua bão tố
Vẫn giữ lại cái mát lành đầy sức mạnh
Vẫn long lanh bình thản trước vầng dương
("Dấu chân qua trăng cỏ")**

Ý thơ trên đã gợi cho anh/chị suy nghĩ gì về vẻ đẹp của chất người? Hãy làm sáng tỏ vẻ đẹp đó qua việc phân tích hai nhân vật trong các truyện ngắn ở chương trình Ngữ văn 11.

1. Giải thích

- Bằng những câu thơ đẹp, giàu hình ảnh, xúc cảm và trí tuệ, Thanh Thảo đã bày tỏ quan niệm của mình về vẻ đẹp của con người qua ý tưởng về chất người:
- + Chất người: Phần tinh túy, tinh hoa của đời sống tinh thần thuộc về nhân tính làm nên vẻ đẹp, giá trị của con người (Những năng lực, tình cảm, khát vọng...)
- + Hình ảnh những giọt sương là sự ẩn dụ rất sinh động về vẻ đẹp của chất người:
- ++ Những giọt sương lặn vào lá cỏ: Vẻ trong sáng, nhỏ bé, bình dị của chất người.
- ++ Qua nắng gắt, qua bão tố/Vẫn giữ lại cái mát lành đầy sức mạnh/Vẫn long lanh bình thản trước vầng dương: Tương phản với sự hiện diện bé nhỏ, bình dị là một sức sống tiềm tàng mãnh liệt bất chấp mọi nghịch cảnh để vươn lên tỏa sáng khẳng định giá trị cao quý của con người.
- Như thế, vẻ đẹp và giá trị mỗi con người chính là những điều tưởng như bé nhỏ, giản đơn nhưng lại ẩn chứa một sức sống và khao khát mạnh mẽ trong cõi đời đầy bão tố, phong ba.
- Tình yêu của tác giả cho thấy đây là một nguồn cảm hứng lớn trong văn học chân chính.

2. Lý giải

- Tại sao những điều tưởng như bé nhỏ, giản đơn ẩn chứa một sức sống và khao khát mạnh mẽ ấy lại làm nên vẻ đẹp của chất người?
- + Những điều bé nhỏ, trong sáng đã phản chiếu bản chất của con người:
- * Con người thật bé mọn trong vũ trụ và nhân sinh. Bởi thế, điều đầu tiên làm nên chất người lại không phải là sự vĩ đại, lớn lao mà chính là những gì đơn sơ, dung dị nhất.
- * Những gì làm nên chất người cũng thật trong sáng, nguyên sơ. Đó chính là bản tính thuần khiết tốt đẹp tự nhiên mà con người được tạo hóa ban tặng để xây dựng một đời sống gắn kết cùng nhau và cùng gắn bó với vạn vật.
- + Sức sống tiềm tàng trong tâm hồn chính là sức mạnh, là nguồn lực để con người vươn lên khao khát khẳng định bản thân giữa vũ trụ và nhân sinh.
- * Con người ý thức được sự bé nhỏ và hữu hạn nên họ nâng niu những điều quý giá của sự sống, họ trân trọng vẻ đẹp của tâm hồn, tình cảm, những giá trị đạo đức đích thực,

luôn giữ cho con người được là người.

* Con người quý trọng sự sống nên không ngừng mơ ước và nỗ lực đấu tranh xây dựng một cuộc sống tốt đẹp.

- Tại sao chất người lại là nguồn cảm hứng lớn trong văn học?

+ Văn học nghệ thuật ra đời từ nhu cầu, khát vọng của con người trên hành trình nhận thức bản thân và thế giới để đáp xây cuộc sống. Mỗi tác phẩm ra đời đều là một thành quả nghệ thuật chứa đầy cảm xúc, khát vọng chân thành nhất, mãnh liệt nhất về con người và về cuộc đời. (chức năng nhận thức)

+ Trong tình yêu đó, văn học trước hết phải là con người, hướng về con người và đến với văn học là đến với những giá trị nhân bản đích thực thuộc về con người, giúp con người hoàn thiện mình hơn. Tấm lòng nhân đạo của người nghệ sĩ phải hướng đến chất người nguyên sơ, thuần khiết. (chức năng thẩm mỹ)

3. Phân tích - chứng minh

3.1. Nhân vật Chí Phèo

- Chí Phèo là câu chuyện số phận con người, số phận của chất người trong con người và thái độ căm phẫn của nhà văn khi nhân tính bị hủy hoại.

- Từ một Chí Phèo với chất người thuần khiết, đẹp đẽ, nghèo khổ nhưng hiền lành, lương thiện, coi trọng nhân phẩm, khao khát hạnh phúc, các thế lực phong kiến và thực dân đã tước đi quyền sống lương thiện của Chí, hủy hoại cả nhân hình, nhân tính, biến anh thành quỷ dữ tiếp tay cho cái ác, bị cộng đồng xa lánh, khinh bỉ, cả cuộc đời chìm đi trong những cơn say u tối.

- Chí Phèo cũng là tiếng nói ngợi ca vẻ đẹp và sức mạnh tiềm ẩn của nhân tính trong cuộc đấu tranh với cái ác.

+ Tình yêu nguyên sơ và sự chăm sóc ân cần của một thứ lòng tốt thuần hậu ở Thị Nở, cũng là vẻ đẹp của chất người, đã thổi bùng ngọn lửa của nhân tính: những rung động đơn sơ, sự xúc động chân thành, lòng biết ơn, khao khát yêu thương, gắn kết... Nhân tính đã hồi sinh bất chấp nghịch cảnh.

+ Sự trỗi dậy của chất người không những giúp anh tìm lại được tình yêu cuộc sống mà còn thức tỉnh sức mạnh căm thù và ý thức phản kháng với cái ác. Hành động giết người, tự sát đâm máu cũng chính là hành động quyết liệt nhân danh tính người để bảo vệ những điều tốt đẹp.

- Qua Chí Phèo, Nam Cao còn khẩn thiết đặt ra câu hỏi về trách nhiệm bảo vệ tính người:

+ Khi Chí thức tỉnh, khao khát hoàn lương thì những cái nhìn định kiến cay nghiệt đã cắt đứt con đường quay về, anh tự kết liễu đời mình đầy oan nghiệt. Tính người hồi sinh nhưng quyền làm người bị từ chối.

+ Cái chết của Chí còn để lại nỗi ám ảnh về sự nổi dãi của bi kịch nhân tính trong một xã hội bạo tàn. Vòng xoáy bạo liệt ấy sẽ không thôi vùi dập phần người nếu không có một sự thay đổi.

* Tỏa sáng với những sáng tạo độc đáo trong nghệ thuật xây dựng nhân vật, hình tượng Chí Phèo đã kết tinh những khám phá sâu sắc về chất người Đó là tầm vóc của tư tưởng nhân đạo lớn.

3.2. Nhân vật quản ngục trong “Chữ người tử tù” có chất người cao quý như sự hiện diện lặng lẽ của cái đẹp giữa cuộc đời

- Quản ngục-một thanh âm trong trẻo của thiên lương bị đặt nhầm chỗ.

+ Viên quản ngục có tư chất nghệ sĩ và tình yêu cái đẹp tha thiết. Đó còn một người biết

kính trọng tài năng, khí phách, có tấm lòng biệt nhỡn liên tài.

+ Thế nhưng, ông lại đang đại diện cho quyền lực của gông xiềng, tội ác, ở “nơi người ta sống bằng tàn nhẫn, bằng lừa lọc”, ông là cái thuần khiết bị đẩy giữa một đồng cặn bã, là người có tâm điền tốt và thẳng thắn, lại phải ăn đời kiếp với lũ quay quắt.

- Quản ngục-Sự vươn lên của chất người bằng sức mạnh của cái đẹp

+ Cái đẹp lý tưởng ở Huân Cao đã đánh thức chất người bị vùi lấp trong hoàn cảnh tăm tối ở quản ngục. Cảm phục và tiếc cho một tài năng, con người này đã lựa chọn sống thực với bản chất thiên lương của mình, bảo vệ, gìn giữ cái đẹp.

+ Rung động trước cái đẹp ngay trong chốn lao tù tăm tối, linh hội di nguyện của bậc anh hùng trong phút biệt ly, quản ngục giác ngộ được những chân lý cao cả của nghệ thuật. Con người ấy cao cả hơn, bản lĩnh hơn trong giọt nước mắt “bái lĩnh”. Chất người thực sự tỏa sáng dưới sức mạnh của cái đẹp. Ông chính là "dòng chữ cuối cùng" đẹp nhất của Huân Cao.

- Qua nhân vật quản ngục, nhà văn còn khẩn thiết đặt ra sứ mệnh bảo vệ thiên lương và cái đẹp

+ Trong xã hội bạo tàn, cái ác ngự trị, con người không được sống trọn vẹn với thiên lương cao quý của mình

+ Trong xã hội bạo tàn, cái đẹp bị vùi dập, có số phận bi thương. Để đến với cái đẹp chân chính, con người phải chịu đựng mất mát, hy sinh.

* Với sự độc đáo của bút pháp lãng mạn, ngôn ngữ cổ kính, Nguyễn Tuân đã giúp người đọc nhận ra sự tồn tại âm thầm mà mãnh liệt của cái đẹp ẩn sâu trong chất người đẹp đẽ. Đây là cái tâm cao cả của một nghệ sĩ luôn tôn thờ cái đẹp.

4. Bình luận

- Việc tiếp cận hai nhân vật Chí Phèo và Quản ngục đã làm sáng rõ quan niệm của Thanh Thảo về vẻ đẹp của chất người trong cuộc đời và cả trong văn học

- Quan niệm này thật sâu sắc có ý nghĩa lí luận trong sáng tác và tiếp nhận:

+ Với người sáng tác, khám phá và thể hiện vẻ đẹp và sức sống của chất người là thiên chức và cũng là thách thức trên con đường sáng tạo nghệ thuật chân chính, vì con người. Muốn vậy nhà văn cần có một tâm nhận thức, một tấm lòng sâu sắc hướng về con người và đề cao nguyên tắc sáng tạo.

+ Với người tiếp nhận: Đây là một tiêu chí quan trọng định hướng con đường chiêm lĩnh và đánh giá một tác phẩm thành công, hấp dẫn.

Đề số 2: Anh /chị hãy trình bày suy nghĩ của mình về nhận xét sau đây của nhà văn Pháp G.Đuy-a-men : *“Một tiểu thuyết thực sự hứng thú là tiểu thuyết không chỉ mua vui cho chúng ta , mà chủ yếu hơn là giúp chúng ta nhận thức cuộc sống , lí giải thế giới”.*

I. MỞ BÀI

-Sách vở là món ăn tinh thần không thể thiếu được trong cuộc sống con người . Nhưng có nhiều loại sách vở khác nhau . Mỗi loại sách đều mang đến cho người đọc những hiểu biết nhất định về các vấn đề xã hội .

-Trong các loại sách ấy , một loại sách có tác dụng bồi bổ tinh thần con người vô cùng quý giá , ấy chính là sách văn học . Khi bàn về sách văn học , đặc biệt là thể loại tiểu thuyết , nhà văn Pháp G.Đuy-a-men nói : *“Một tiểu thuyết... lí giải thế giới”*

II.THÂN BÀI

1. Giải thích

-*Một cuốn tiểu thuyết thực sự hứng thú*: là một cuốn tiểu thuyết hay, có giá trị về nhiều mặt, cả nội dung lẫn hình thức phản ánh. Cuốn tiểu thuyết đó sẽ mang lại cho độc giả nhiều niềm vui, giải tỏa những ức chế trong cuộc sống đời thường. Độc giả sẽ có những khoảnh khắc cùng sống với nhân vật, cùng chia ngọt sẻ bùi hay phiêu lưu cùng nhân vật, chìm đắm trong suy tư, trầm trở cùng nhân vật.

-*Một cuốn tiểu thuyết không chỉ mua vui cho chúng ta, mà còn chủ yếu hơn là giúp đỡ chúng ta nhận thức cuộc sống, lí giải thế giới*: có nghĩa là cuốn sách không chỉ giúp con người thư giãn đầu óc mà còn đem lại cho con người những hiểu biết mới.

2. Lí giải: Những giá trị do sách vở đem lại

-Sách đem đến cho người đọc những tri thức về lịch sử: mỗi tác phẩm văn học đều là sản phẩm của một thời kì lịch sử nhất định, qua đó chúng ta hiểu hơn về thời đại đó. Một tiểu thuyết không thể thay thế một cuốn sách lịch sử viết về cùng thời đại đó nhưng nếu những biến cố lịch sử được thể hiện dưới ngòi bút của các tác gia văn học thì sự kiện đó sống động hơn nhiều.

-Trong mỗi tiểu thuyết nói riêng, mỗi tác phẩm văn học chân chính nói chung, ta gặp những chân lí cuộc đời, những lẽ sống, tình người cao đẹp, những giá trị này có khả năng nâng đỡ tinh thần con người, tạo ra thế đứng mới và cách ứng xử thẩm mỹ mới của con người.

+ Trong tác phẩm “*Mùa lạc*” của Nguyễn Khải, ta rút được một chân lí của cuộc sống: “*Ở đời này không có con đường cùng ...bước qua ranh giới ấy*”.

+ Những tác phẩm của Nam Cao thấy được lẽ sống của tình thương: *Đời thừa* (Kẻ mạnh không phải ...trên đôi vai mình”, truyện *Lão Hạc*.

- Các kiến giải mà nhà văn đưa ra liên quan tới số phận của các nhân vật trong câu chuyện được kể, đó là những tri thức của cuộc sống, là vốn sống giúp chúng ta trả lời những vấn đề đặt ra trong cuộc sống của bản thân.

III. KẾT LUẬN

- Phải tạo thói quen đọc sách, coi sách vở là người bạn đồng hành lí tưởng, người thầy dẫn dắt trên con đường mình đi tới.

-Đọc sách, phải có sự suy nghĩ, chọn lọc.

Đề số 3: Bình luận ý kiến của Đôxtôipxki: “Cái đẹp cứu rỗi thế giới”

1. Giải thích

1.1. Cái đẹp là một phạm trù của mỹ học, quan niệm về cái đẹp rất phong phú

+ Aristotêlê: “*Cái đẹp nằm trong kích thước của trật tự*” → như vậy thì những cái gì quá lớn hoặc quá nhỏ đều không thể coi là cái đẹp.

+ Hécđơ: “*Cốt lõi của cái đẹp là ở chân lí. Bất cứ cái đẹp nào cũng dẫn đến chân lí và điều thiện*”

+ Xtăngđan: “*Cái đẹp là sự mời gọi của hạnh phúc*”

+ Triết học phương Đông: Cái đẹp là sự hài hoà, cân đối.

⇒ Theo quan điểm thẩm mỹ thì cái đẹp là sự tổng hoà theo một tiêu chí thẩm mỹ nào đó, sẽ luôn song hành cùng cái chân và thiện.

- Cái đẹp có thể tìm thấy trong tự nhiên, trong đời sống xã hội, trong chính trị, tôn giáo, đặc biệt là ở con người. Con người là cái đẹp toàn mỹ nhất, là thước đo mọi giá trị của vũ trụ.

- Cái đẹp có nhiều nhất trong văn học, nó biểu hiện tập trung hơn và lí tưởng hơn

- Cái đẹp trong cuộc sống đi vào nghệ thuật, văn học sẽ được thăng hoa.

1.2. “Cái đẹp cứu rỗi thế giới”

- Cứu rỗi là thuật ngữ của tôn giáo, nhằm nhấn mạnh tác dụng lớn lao của cái đẹp:
 - + Duy trì sự tồn tại và phát triển của thế giới
 - + Nếu con người không say mê cái đẹp, cuộc sống không tuân theo qui luật của cái đẹp thì sẽ tận thế.
 - + Thanh lọc tâm hồn con người, loại bỏ cái xấu, cái ác .
 - + Thoát khỏi dục vọng tầm thường, những tội lỗi .
 - + Hướng con người tới một thế giới lí tưởng
 - + Giúp con người có một niềm tin ở tương lai, cuộc sống, duy trì, hồi phục, nuôi dưỡng niềm tin .
 - + Đánh thức khát khao của con người, hướng tới thế giới chân, thiện , mỹ
- (dẫn chứng : cái đẹp của sự tài hoa, khí phách –Huân Cao ; cái đẹp của tài hoa, nghệ sĩ – Ông lái đò ; cái đẹp của tư tưởng, phẩm chất trong con người HCM-Nhật kí trong tù)
- Ý kiến của bản thân về cái đẹp .

2. Lí giải

- Hành trình cuộc sống của con người luôn đi tìm cái đẹp
- Quan niệm về cái đẹp không phải là bất biến, nó có thể thay đổi theo những tiêu chí khác nhau của lịch sử, dân tộc, sở thích cá nhân...
- Con người biết yêu cái đẹp sẽ sống trong sạch, xa lánh, chống lại cái xấu, biết bảo vệ cái đẹp .
- Con người muốn thoả mãn nhu cầu thưởng thức cái đẹp thì hãy tìm đến văn học, vì trong văn học cái đẹp được nhân đôi .

Đề số 4: “Văn học làm cho con người thêm phong phú, tạo khả năng cho con người lớn lên, hiểu được con người nhiều hơn”. (M.L.Kalinine)

Bằng một trải nghiệm văn học của mình, anh (chị) hãy làm sáng tỏ vấn đề “Văn học làm cho con người thêm phong phú”.

1. Giải thích:

- Văn học là loại hình sáng tác tái hiện những vấn đề đời sống và con người.
- Văn học làm cho con người thêm phong phú:
 - + Hiểu thêm về cuộc sống, con người mọi thời đại nhận thức mới mẻ, thêm trải nghiệm về cuộc sống.
 - + Cảm nhận được từng cung bậc tình cảm đa dạng trong thế giới nội tâm con người, tâm hồn con người sẽ phong phú hơn, bồi dưỡng cho con người những tình cảm cao đẹp
 - + Có thêm những bài học, triết lí ý nghĩa sâu sắc mới mẻ về cuộc sống.

2. Lí giải

- Xuất phát từ nhu cầu nhận thức thế giới, nhận thức bản thân của con người
- Xuất phát từ chức năng của văn học:
- Xuất phát từ thiên chức của người nghệ sĩ

3. Phân tích, chứng minh: HS tự lựa chọn tác phẩm để làm rõ những phương diện sau:

- Văn học làm cho con người phong phú về nhận thức (xã hội, lịch sử, con người, triết lí cuộc sống)
- Văn học làm cho tâm hồn con người ngày càng phong phú, bồi dưỡng những tình cảm cao đẹp.

* Lưu ý: HS phải dẫn chứng tối thiểu ở hai tác phẩm khác nhau

4. Bình luận

- Ý kiến trên đã khẳng định chức năng cao cả của văn học: phục vụ cho con người, hướng con người đến cái chân- thiện-mỹ.
- Từ nhận thức được chức năng của văn học cần ý thức vai trò quan trọng của học tác phẩm văn học, hình thành tình yêu, say mê học tập và trân trọng những giá trị văn học.

Đề bài 5: Bàn về chức năng của văn học, có ý kiến cho rằng:

“Văn học đem lại cho con người niềm vui trong sáng trước cái đẹp của sự sống”.

Bằng kiến thức văn học lớp 10, anh/chị hãy làm sáng tỏ vấn đề trên

1. Giải thích

- *Văn học*: là loại hình nghệ thuật dùng ngôn từ làm chất liệu để sáng tạo nên tác phẩm. Văn học nhận thức, phản ánh, khám phá đời sống theo quy luật của cái đẹp, nhằm thỏa mãn cho con người những tình cảm thẩm mỹ vô cùng phong phú. Văn học nhận thức, phản ánh, khám phá đời sống và thể hiện tư tưởng tình cảm bằng hình tượng nghệ thuật.
- *Niềm vui trong sáng*: những xúc cảm vui sướng lành mạnh của con người khi tiếp nhận một tác phẩm văn học nào đó.
- *Cái đẹp của sự sống*: Đó có thể là cái đẹp của thiên nhiên, của con người, của tình đời, của tình người...

=> Nhận định chủ yếu bàn về chức năng thẩm mỹ của văn học.

2. Lí giải

- Học sinh giải thích thêm chức năng thẩm mỹ của văn học. Chức năng thẩm mỹ là vẻ đẹp do văn học mang lại cho con người. Nó có sức hấp dẫn lôi cuốn con người một cách vô tư bằng sự hứng thú của hoạt động nhận thức. Nó giúp con người vượt lên trên cái hữu hạn hằng ngày để sống bằng tâm hồn, bằng mơ ước. Nó khơi dậy ở người đọc những xúc cảm xã hội tích cực, thỏa mãn cho người đọc nhu cầu được nếm trải sự sống.
- Ý kiến đã thể hiện khá sâu sắc chức năng quan trọng nhất của văn học là chức năng thẩm mỹ. Vì với tư cách là một hoạt động sáng tạo, văn học đảm nhận chức năng thẩm mỹ tích cực, không một lĩnh vực nào khác thay thế nổi.
- Trong rất nhiều lí do dẫn đến sự tồn tại có ý nghĩa của tác phẩm văn học trong đời sống thì việc làm thỏa mãn nhu cầu thẩm mỹ cho con người có tính chất quyết định.
- Văn học là sản phẩm của quá trình sáng tạo tuân theo quy luật của cái đẹp. Vì vậy văn học không những làm thỏa mãn nhu cầu thưởng thức cái đẹp của con người mà còn giúp con người có khả năng nhận thức, hành động theo cái đẹp. Một khi tác phẩm văn học làm được điều đó là đã có đóng góp vào việc hoàn thiện nhân cách của con người. Bởi lẽ, con người khi đã có nhận thức, hành động theo cái đẹp thì sẽ giảm thiểu được cái xấu, cái ác.

3. Phân tích, chứng minh

- Phân tích tác phẩm văn học lớp 10 để làm sáng tỏ: Văn bản đó đem lại niềm vui trong sáng gì cho bạn đọc.
- Học sinh cũng cần có kĩ năng hệ thống hóa lại văn bản theo nhóm, theo đề tài, theo thể loại...

Sau đây là một số định hướng:

- + Nhóm truyện cổ tích thần kì: mang lại cho người đọc niềm vui, niềm tin trước sự chiến thắng của cái thiện, của công lí, của lẽ công bằng.
- + Nhóm những bài ca dao: mang lại cho con người niềm lạc quan vui sống vượt lên trên hiện thực tăm tối, gian khổ.

- + Nhóm những tác phẩm viết về đề tài thiên nhiên: mang lại cho con người sự tận hưởng cái đẹp tinh tế của tạo hóa ban cho đất trời.
- + Nhóm những tác phẩm viết về vẻ đẹp nhân cách, tâm hồn của con người mang lại niềm tin, niềm hy vọng rằng phẩm chất tốt đẹp luôn hiện hữu trong cuộc đời này.

4. Bình luận

- Những tác phẩm văn học nào mang lại cho bạn đọc những xúc cảm xã hội tích cực sẽ đứng vững được trước sự sàng lọc khắc nghiệt của thời gian.
- Như trên đã nói, chức năng thẩm mỹ có tính chất quyết định đến sự sống của một tác phẩm văn học. Nhưng nói như thế không có nghĩa là khước từ việc phản ánh chân thực cuộc sống. Những cảm xúc tốt đẹp được hình thành nơi bạn đọc đều bắt nguồn từ sự phản ánh chân thực cuộc sống.
- Bài học cho quá trình tiếp nhận văn học:
 - + Văn chương vốn mang trên mình nó tính đa chức năng. Nó có tác động tích cực đến đời sống tinh thần của con người. Nó làm phong phú đời sống tinh thần của con người. Nó giúp con người nhạy cảm hơn, tinh tế hơn trong nhận thức, hành động và cảm thụ thế giới.
 - + Đọc văn là quá trình bạn đọc tự đi tìm chân trời của sự sống để thỏa mãn những xúc cảm thẩm mỹ của mình.

NHÀ VĂN VÀ QUÁ TRÌNH SÁNG TÁC

I. NHÀ VĂN

1.1. Thiên chức nhà văn

- *Thiên chức của vị sứ giả văn hóa*: Nhà văn sáng tạo ra tác phẩm mang tính cầu nối để con người đến với con người, thời đại này đến với thời đại khác, nền văn hóa này đến với nền văn hóa khác...

- *Thiên chức sáng tạo*: Nhà văn Nam Cao từng nói rằng: “Nghệ thuật không phải là ánh trăng lừa dối, nghệ thuật không nên là ánh trăng lừa dối”. Đúng vậy nghệ thuật phải nên là ánh trăng tỏa sáng đẹp nhất lung linh nhất, nhưng cũng phải chân thật, dịu dàng nhất. Dấn thân vào con đường nghệ thuật, người nghệ sĩ phải luôn là những người lao động sáng tạo.

Quá trình lao động sáng tạo ấy là để tạo ra:

+ Những tác phẩm mới mẻ về nội dung (thể hiện những khám phá phát hiện về đời sống, phát hiện ra cái đẹp cả ở những nơi không ngờ tới).

+ Tạo ra sự mới mẻ về hình thức nghệ thuật (sáng tạo ra những hình thức nghệ thuật mới lạ, hướng đến sự hoàn mỹ).

+ Tạo ra cái độc đáo (phong cách riêng): Nhà văn Nguyễn Tuân từng bày tỏ quan điểm của mình: “ở đâu có lao động thì ở đó có sáng tạo”. Trong lĩnh vực nghệ thuật cũng vậy văn chương luôn cần sự đổi mới và cách tân của người nghệ sĩ. Mỗi nghệ sĩ có thể đến với văn chương và cuộc đời bằng con đường riêng của mình. Mỗi chúng ta sinh ra đều có rất nhiều cách chọn cuộc sống cho riêng mình, cũng như đối với nghệ sĩ đều có quan điểm đến với nghệ thuật cá nhân. Nguyễn Đình Thi từng nói: “bắt rễ từ cuộc đời, hàng ngày văn nghệ lai tạo sự sống cho con người”, “Nghệ thuật là sự mô phỏng tự nhiên” (Ruskin) và “cuộc đời là nơi xuất bản, cũng là nơi đi tới của văn học” (Tô Hữu). Nghệ sĩ là người luôn bày tỏ suy nghĩ quan điểm, cảm nhận của mình trước mọi biến thái của cuộc đời theo những cách khác nhau và từ đó mang đến cho người đọc những rung cảm khác nhau. “nghệ thuật là lĩnh vực của cái độc đáo” (Nguyễn Tuân), vì vậy mỗi nhà văn cần phải không ngừng sáng tạo biến tấu và theo dõi theo tác phẩm

văn học của mình những điều mới mẻ, mỗi tác phẩm nghệ thuật phải là “phát minh mới về hình thức và khám phá về nội dung”. Văn học không quá đòi hỏi sự cầu kỳ, văn học đòi hỏi sự sáng tạo. Mỗi nhà văn đến với nghệ thuật muốn ghi dấu ấn trong nền văn chương thì cần phải có phong cách, quan điểm sáng tác riêng không lẫn với bất kỳ người nào khác, “Không có tiếng nói riêng không mang lại những điều mới mẻ cho văn chương mà chỉ biết dẫn theo đường mòn thì tác phẩm nghệ thuật sẽ chết” (Lêônit lêônốp).

Người nghệ sĩ không được dẫm theo dấu chân của người khác, phải là người biết “khơi những nguồn chưa ai khơi”, hoặc đổi mới những điều mà “ai cũng biết cả rồi”. Nghệ thuật chân chính đòi hỏi những tiêu chí cao như vậy. Bởi lẽ nếu tác phẩm nghệ thuật không có sức sáng tạo, nhà văn không tạo ra phong cách con đường riêng của mình thì văn chương sẽ chẳng có ý nghĩa gì với cuộc đời. Tạo ra phong cách riêng, con đường riêng, sáng tác riêng của mình người nghệ sĩ sẽ tạo ra sự sáng tạo trong tác phẩm thể hiện được khả năng cá nhân và gây được ấn tượng trong lòng người đọc

- *Hướng con người đến cái đẹp, cái thiện, cái cao cả (chân-thiện-mỹ)*: Nhà văn phải là “những nhà nhân đạo từ trong cốt tủy”. Bàn về thiên chức của nhà văn và nhiệm vụ của văn chương Lã Nguyên đã có ý kiến: “mỗi nghệ sĩ có thể đến với văn chương và cuộc đời bằng con đường riêng của mình. Nhưng tư duy nghệ thuật dù có đổi mới đến đâu thì cũng không thể vượt ra ngoài các quy luật của chân, thiện, mỹ quy luật nhân bản. Nhà văn chân chính có sứ mệnh khơi nguồn cho dòng sông, phân lọc đổ ra đại dương nhân bản mệnh mông. Kể cả khi phản ánh cái xấu xa, đề tịen thì vẫn là để hướng con người đến cái đẹp, cái thiện.

=> Nhà văn phải là người có ý thức trách nhiệm với cuộc đời, có cái nhìn đúng về cuộc sống con người và sứ mệnh nghệ thuật để từ đó bằng tài năng và tâm huyết sáng tạo được những tác phẩm có ích cho đời và bền vững với thời gian.

1.2. Tư chất nghệ sĩ:

- *Giàu tình cảm:*

Tình cảm ở người nghệ sĩ ấy chính là trái tim mãnh liệt và nồng cháy của mình trước cuộc sống và cả trong sáng tác. Bởi tình cảm trong nhà văn như yêu, ghét, vui, thương mến hay căm giận, hờn dỗi đều đến độ mãnh liệt. “*Gặp cái gì hay và đáng yêu thì họ ôm choàng lấy, nếu gặp điều đáng giận thì họ sẽ bác bỏ... Phải kịch liệt công kích cái sai như đã từng nhiệt liệt ủng hộ cái đúng, ôm chặt người yêu như thế nào thì nghiền chặt kẻ thù như thế*” (Lỗ Tấn). Và nhà văn là người sáng tạo ra cái đẹp nghệ thuật cho con người và cuộc đời nên người nghệ sĩ ấy không thể thiếu được một trái tim mãnh liệt, phong phú và sâu sắc.

- *Sự mẫn cảm đặc biệt:*

+ Con người ai cũng có yêu, ghét, vui buồn... nhưng nhà văn phải là người nhạy cảm, dễ xúc động. Vì trái tim người nghệ sĩ không rung động thì sẽ không thể thăng hoa cảm xúc để cho ra đời những tác phẩm hấp dẫn và ý nghĩa “Người làm thơ phải có tình cảm mãnh liệt để thể hiện sự nồng cháy trong lòng” (Sóng Hồng)

+ Tâm hồn nhạy cảm, sự mẫn cảm đặc biệt với đời như vui buồn hay trần trụi với những điều người khác cho là bình thường có thể gạt bỏ đi một cách dễ dàng, đó cũng là một trong những cách thể hiện tình cảm ở người nghệ sĩ.

- *Tâm hồn phong phú:*

Người nghệ sĩ là người tạo ra cái đẹp cho cuộc đời, vì thế chắc chắn sẽ không thể thiếu đi một tâm hồn phong phú. Người nghệ sĩ có một tâm hồn phong phú sẽ là người

luôn biết tự tìm hiểu, khám phá, suy tưởng.... Với một tâm hồn phong phú, người nghệ sĩ có thể hóa thân thành người trong cuộc, có thể nói lên kể cả những tiếng nói sâu kín nhất, “sản phẩm mà họ tạo ra sẽ mãi là những kiệt tác văn chương, đi sâu vào lòng độc giả.

- Nhân cách đẹp:

Bản chất của văn học là hướng con người tới vẻ đẹp chân thiện mỹ, những đạo lý đẹp, bồi dưỡng cho tâm hồn con người những ánh sáng thiện tâm lấp lánh vẻ đẹp của trí tuệ và ấm áp tình người. Vì thế nhà văn mỗi khi cầm bút, tâm thế cũng phải vằng vặc sao Khuê mới có thể nhả chữ châu ngọc cho đời. Nói rõ hơn chính là muốn trở thành nhà văn phải là những người có nhân cách.

Người nghệ sĩ khi viết một tác phẩm phải trung thành với sự thật. Cuộc sống có như thế nào thì nói như thế ấy, phải trung thực với cuộc sống chứ không phải trung thành với một cá nhân nào khác. Nguyễn Khuyến trong di chúc từng viết: “không chỉ trung thực khi thể hiện niềm vui, tinh thần lạc quan mà trung thực cả khi bộc lộ sự mất mát, đớn đau”.

Không phải bất cứ nhà văn nào cũng đầy đủ những tư chất nghệ sĩ nói trên, mặc dù những mặt đó chưa phải là tất cả và những tư chất ấy công cô lập mà hoà nhập vào - nhau, xuyên thấu vào nhau và dựa vào nhau mà phát huy tác dụng. Ta cũng biết những tư chất của một nghệ sĩ như trên thì luôn ẩn chứa bên trong mỗi con người, như M.Gorki

đã viết: “Tôi tin chắc rằng mỗi người đều mang trong mình những năng khiếu của người nghệ sĩ”. Vì có những tư chất ấy mà người nghệ sĩ đã truyền tải vào trong tác phẩm của mình và tạo được sự đồng cảm, tạo nên nhiều tài năng cho văn học nghệ thuật hay .ở đây chính là những nhà văn xuất chúng.

- Các tiền đề của tài năng

+ **Tưởng tượng, liên tưởng phong phú, độc đáo:** Là dấu hiệu quan trọng nhất của tài năng nghệ thuật, là sức mạnh chủ yếu của quá trình sáng tạo, là biện pháp quan trọng của kỹ thuật xây dựng hình tượng giúp nhà văn tạo ra thế giới nhân vật phong phú và tổ chức tác phẩm với sự toàn vẹn của nó

- **Tài quan sát tinh tế rộng rãi:** Nhà văn là người có thói quen và năng khiếu quan sát tinh tế đến tận góc ngách của đời sống. Nhiều khi những chi tiết nhỏ nhất, vụn vặt trong con mắt người bình thường nhưng nhà văn lại phát hiện được ý nghĩa sâu xa, lí thú có ý nghĩa khái quát trong từng chi tiết.

- Giàu trải nghiệm đời sống:

- Tích lũy vốn sống:

II. QUÁ TRÌNH SÁNG TÁC

- Văn học là một loại hình nghệ thuật đặc biệt mà điểm xuất phát cũng như đích đến đều là những vẻ đẹp của cuộc sống. Văn học luôn hướng con người ta vươn đến chân trời chân thiện mỹ giúp gìn giữ và bồi dưỡng tâm hồn, tinh thần nhân văn, nhân đạo trong

mỗi con người. Vì thế mà văn học phản ánh khá toàn diện và sâu sắc mọi mặt đời sống bằng ngôn ngữ và hình tượng nghệ thuật thông qua tác phẩm văn học. Nhưng để có được

một tác phẩm đặc sắc thì mỗi nhà văn phải trải qua cả một quá trình sáng tác hết sức công phu, tỉ mỉ và lâu dài. Con đường sáng tác một tác phẩm tâm đắc đối với mỗi nhà văn thì không giống nhau nhưng trong quá trình ấy, cái chung cơ bản như sau.

2.1. Quan sát, trải nghiệm

- Sáng tác văn chương là hành trình âm thầm, lặng lẽ không ngừng dần thân để khám phá và miêu tả đời sống. Từ muối mặn, phù sa, hương sắc cuộc đời nhà văn phải sống hết mình với cuộc đời để cho ra đời những tác phẩm có giá trị. Người nghệ sĩ phải ngụp lặn trong bể đời để tìm ra chất vàng mười gửi vào trang sách, thậm chí chất lọc từ nỗi đau của mình để tạo nên những viên ngọc văn chương quý giá.

- Có thể ví quá trình sáng tạo của nhà văn như hành trình của bầy ong tạo ra mật ngọt. Từ cuộc đời muối mặn nhà văn chất lọc các vấn đề từ hiện thực đời sống để đưa vào trang sách bằng tất cả sự mẫn cảm đặc biệt của mình

2.2. Cảm hứng sáng tác

- Có thể ví cảm hứng như là chất men của sự sáng tạo. Trước cuộc sống với những vận động phức tạp nhà văn luôn có những cảm nhận, suy nghĩ, tình cảm, rung động. Bằng sự mẫn cảm đặc biệt đến một lúc nào đó tâm hồn nhà văn chứa đầy cảm xúc mãnh liệt và có nhu cầu giải phóng nội tâm. Nhà văn tìm đến tác phẩm văn chương, kí gửi những tâm tư, tình cảm đến người đời để tìm sự đồng điệu.

=> Cảm hứng sáng tác chỉ thực sự xuất hiện khi tình cảm, cảm xúc đạt đến mãnh liệt, cao độ, tràn đầy đòi hỏi phải được biểu hiện qua nội dung và hình thức nghệ thuật. Cảm hứng sáng tạo là một sự thôi thúc, tạo đà cho nhà văn cầm bút viết. Cảm hứng chính là nguồn gốc trực tiếp của sáng tạo nghệ thuật.

2.3. Hình thành ý đồ sáng tác và viết thành tác phẩm

a. Đây là quá trình:

- Tìm đến nội dung: Chủ đề, đề tài, tư tưởng

- Tìm đến hình thức nghệ thuật: Thể loại, ngôn từ, kết cấu, hình ảnh...

=> Trải qua quá trình sáng tạo, nhào nặn của người nghệ sĩ, hiện thực đời sống không còn là hiện thực đơn thuần nữa mà nó là hiện thực được phản ánh qua cách nhìn, lăng kính và tài năng của nhà văn. Qua sự sáng tạo của nhà văn, tác phẩm văn học trở thành chất men say, trở thành cái đẹp khiến trải qua thăng trầm vẫn lôi cuốn bạn đọc, hướng con người đến chân- thiện- mỹ (Cái đẹp ở đây được hiểu bao gồm cả nội dung và hình thức nghệ thuật).

- Với tác phẩm văn học, nhà văn đã bắt tử hóa hiện thực để giữ hộ cho con người "Những mùa hoa đã tàn phai tháng ngày". Đó chính là hiện thực cuộc sống, lẽ sống, tư tưởng, thông điệp thâm mỹ mà nhà văn muốn lưu lại cho đời và chuyển tải cho người đọc. Như vậy, quá trình sáng tạo tác phẩm văn học không chỉ tuân thủ quy luật phản ánh hiện thực mà còn phù hợp với chức năng của văn học.

b. Các giai đoạn sáng tác:

Đối với một nhà văn chuyên nghiệp thì có thể nói suốt cuộc đời là một quá trình chuẩn bị sáng tạo và sáng tác không ngừng. Trong quá trình sáng tác của các nhà văn có thể chia thành các khâu: hình thành ý đồ, thiết lập sơ đồ, viết và sửa chữa. Các khâu này không hoàn toàn phân biệt một cách rạch ròi, mà có thể xen kẽ, gói đầu nhau và trong quá trình sáng tác có thể thêm hoặc bớt, tùy theo thể loại văn học khác nhau.

- Giai đoạn hình thành đồ sáng tác:

+ Trước hết, ý đồ được khơi nguồn từ những niềm xúc động trực tiếp trước một con người hay sự kiện mang ý nghĩa lớn lao trong cuộc sống. Tô Hoài có ý định viết "Truyện Tây Bắc" do xúc động trước cảnh vợ chồng chị Lý tiễn mình về trong chuyến đi thực tế ở Tây Bắc năm 1952.

+ Ý đồ sáng tác có thể bắt nguồn trực tiếp từ những nhiệm vụ giáo dục và đấu tranh tư tưởng. Nhiệm vụ chính trị tư tưởng được tác giả đặt ra chủ động có ý thức như là một kế hoạch đã vạch sẵn và không bao giờ là những ý niệm, tín điều trừu tượng... Ý đồ

sáng tác cũng có thể bắt nguồn từ một câu chuyện dân gian, một lí thuyết khoa học, một hồi tưởng hay liên tưởng nào đó trong cuộc đời. Bất kì ý đồ nào cũng liên quan đến quan niệm và sự hiểu biết về cuộc đời, lòng quan tâm, ước mơ vô lí tưởng của nhà văn.

+ Ý đồ sáng tác của các nhà văn không đứng yên mà có thể thay đổi và phát triển, nhất là trong những tác phẩm tự sự bởi nhà văn phải đối diện với nhiều biến cố trong cuộc sống hằng ngày, vậy nên trong thời gian khá dài, nhà văn mới có thể cho ra đời một tác phẩm hoàn chỉnh và chính xác nhất.

- Giai đoạn chuẩn bị:

+ Từ giai đoạn hình thành ý đồ đến giai đoạn viết thành một tác phẩm hoàn chỉnh là cả một quá trình hoàn thiện dần qua khâu chuẩn bị rất công phu và đầy đủ về nhiều mặt. Chuẩn bị càng kĩ bao nhiêu thì càng tốt bấy nhiêu. Sự chuẩn bị trong thơ trữ tình không hẳn đã nghiêng về thu thập tài liệu mà là sự chuẩn bị về suy nghĩ và cảm xúc. Quá trình này diễn ra âm thầm trong tâm trí của các nhà văn và đến khi cảm xúc đã thật đầy đủ thì những vần thơ sẽ hoàn thành.

+ Sự chuẩn bị trong sáng tác thơ trữ tình có khi xảy ra rất nhanh nhưng không hiếm những bài thơ phải thai nghén trong hàng chục năm trời. Chẳng hạn, bài thơ *Các vị La Hán chùa Tây Phương*, Huy Cận định viết từ năm 1940. Khi còn học ở trường cao đẳng canh nông, ông muốn viết về cuộc đời và con người trầm luân thể hiện qua những pho tượng. Sau Cách mạng tháng Tám, ông nhiều lần đến chùa Tây Phương để nuôi dần độ chín của cảm xúc và suy nghĩ. Mãi đến 1960, với chỗ đứng và tầm nhìn mới, ông đã phát hiện thêm nhiều vấn đề về tâm hồn, tình cảm của nhân dân ta trước đây gửi gắm qua những pho tượng và ông đã hoàn thành tác phẩm vào dịp đó.

+ Trong văn xuôi có khác hơn so với thơ trữ tình. Bước đầu tiên của giai đoạn chuẩn bị, nhà văn phải thu thập tài liệu, phải nghiên cứu mẩu hiện thực mà mình định tái hiện, tìm hiểu, các nguồn tư liệu lịch sử, các hồi kí, đi thực tế ở những nơi xảy ra sự kiện đó.

- Giai đoạn lập sơ đồ:

+ Quá trình này nhằm hệ thống hóa những điều đã quan sát và thu thập được những ấn tượng, hình ảnh và cảm nghĩ vào trong một chỉnh thể, nó là “phương án tác chiến”, là bản phác thảo cho nhà văn trước khi viết, là con đường tìm những phương án tối ưu về mặt thẩm mĩ. Đây là một bước khá phức tạp vì nhà văn xử lí hàng loạt mối quan hệ: quan hệ giữa bộ phận và toàn thể, giữa các phần, chương, đoạn, giữa các tuyến nhân vật trong quá trình phát triển. Cũng có một số nhà văn không coi trọng việc lập sơ đồ. Tố Hữu nói: “Tôi làm thơ không có dàn bài. Tôi không biết được bài thơ đến bao giờ thì hết, không biết bao giờ nó dừng lại. Tôi nghĩ sẽ có lúc làm một bài thơ nào đó cũng cần có những ý lớn làm mốc, nhưng không thể có một dàn bài”. Tuy Tố Hữu nói thế nhưng những nhà văn phải chú ý cần có những ý lớn làm mốc.

- Giai đoạn viết:

+ Giai đoạn viết là khâu quan trọng nhất của quá trình sáng tác. Đó là một giai đoạn khó khăn phức tạp, một quá trình lao động căng thẳng, tràn ngập niềm vui và nỗi buồn, đầy cảm hứng và lo âu, băn khoăn và suy tính.

+ Khó khăn nhất là viết những dòng đầu tiên. Khi nhà văn viết được vài dưng thì họ sẽ cảm thấy như được sống cùng với các nhân vật, đang được nhìn ngắm, tâm sự, tranh luận với chúng. Quá trình nhập thân của nhà văn càng sâu sắc bao nhiêu thì các trang viết còn cụ thể, sinh động bấy nhiêu. Khi viết bài thì các nhà văn phải thay đổi chút ít, phải bồi đắp da thịt thì bài viết mới hay và sống động được.

+ Trong giai đoạn viết, nhà văn phải vật lộn với từng chữ, một sự thống nhất chứa đầy

mâu thuẫn giữa tình cảm, lí tưởng của nhà văn và thực tế cuộc sống. Ở các nhà văn khác nhau có người viết nhanh có người viết đều và chậm rãi. Điều đó phụ thuộc vào phong cách sáng tạo, đặc điểm và tính cách, thói quen của các nhà văn. Dĩ nhiên, còn phụ thuộc vào tính chất phức tạp của đề tài.

- Giai đoạn sửa chữa:

+ Giai đoạn cuối cùng của quá trình sáng tác là sửa chữa. Bước vào giai đoạn này, nhà văn mới có cơ hội nhìn bao quát thành quả của mình, hoàn thiện nó để đạt đến tính tư tưởng, tính nghệ thuật theo ý đồ mong muốn mới nhất và cao nhất lúc đó. Trên thực tế, có một số nhà văn không muốn và cho rằng không cần sửa chữa. La-mác-tin cho rằng “sáng tác thơ ca là một cái gì đó vô chủ mà thiêng liêng, nhà văn không có quyền sửa chữa”. Nhưng hầu hết các nhà văn phải trải qua giai đoạn sửa chữa khá công phu sau khi hoàn thành bản thảo lần thứ nhất. Huy Cận viết bài thơ *Tràng giang* cũng phải trải qua mười bảy lần sửa bản thảo. Cu-pơ - nhà văn lãng mạn Anh nói: “Những sửa chữa áp đi áp lại không biết mệt mỏi là bí quyết hầu như của bất cứ tác phẩm nào đạt, nhất là của thơ mà dù có một số tác giả khoe mẽ về tình cầu thả của họ, còn một số những người khác thì lại từng đổ mặt khi đưa ra có ban nháp của mình”. Bô-đơ-le đã làm chậm kế hoạch in hàng năm tháng tác phẩm *Những tác phẩm tội ác* và đã bị nhà xuất bản phản đối chỉ vì như ông đã nói: “Tôi đáng vật lộn để chống lại ba mươi câu thơ viết tôi vãn đờ, khó chịu, không đạt yêu cầu”.

LUYỆN ĐỀ

Đề số 1: Nguyễn Đình Thi nhận xét: “*Nếu được dùng đến chữ “hóa công” thì có thể gọi người viết tiểu thuyết là một “hóa công” nhỏ , viết tiểu thuyết là sáng tạo ra một thế giới .*”

Bằng hiểu biết của mình , anh /chị hãy làm sáng tỏ ý kiến trên .

1.Giải thích

-Lời bàn của NĐT đã đánh giá rất cao nhưng rất chân thực về công việc viết tiểu thuyết .

-“*Hóa công*” : hiểu theo quan niệm thông thường là cách gọi đáng siêu nhiên , thần thánh đã sáng tạo ra thế giới tự nhiên . Cách gọi này thường gắn với đời sống tâm linh, thể hiện thái độ tôn kính , ngưỡng mộ .

-Theo cách nói của Nguyễn Đình Thi , “*hóa công*” nhỏ là để chỉ tài năng sáng tạo của người nghệ sĩ trong mỗi tiểu thuyết . Đây là cách so sánh mới lạ , độc đáo mà chính xác đối với những đóng góp của người nghệ sĩ chân chính .

-Nếu coi người viết tiểu thuyết là một “*hóa công*” nhỏ thì thế giới nghệ thuật do người nghệ sĩ ấy sáng tạo ra xứng đáng là một thế giới thu nhỏ . Bởi vì , tiểu thuyết là một loại hình tự sự phản ánh thế giới khách quan trên bình diện rộng . Thế giới của tiểu thuyết càng phong phú , càng chân thực thì tài năng của nhà văn càng rõ nét .

-Lời nhận định của NĐT đã khái quát một quy luật sáng tạo nghệ thuật : người viết tiểu thuyết từ những quan sát , trải nghiệm thực tế , đưa vào tác phẩm của mình mô hình thu nhỏ của thế giới khách quan . Đó chính là yêu cầu sáng tạo nghệ thuật chân chính .

2.Chứng minh và bình luận

a. Khái quát về tiểu thuyết Số đỏ và tài năng của một bậc “hóa công” Vũ Trọng Phụng

-Số đỏ là một tác phẩm xuất sắc của nền văn học hiện thực 1930-1945 , tiêu biểu cho tài năng nghệ thuật của tiểu thuyết gia Vũ Trọng Phụng .

-Tiểu thuyết Số đỏ là một mô hình thu nhỏ đầy đủ , sống động về thực trạng đời sống xã hội thành thị tư sản Việt Nam đầu thế kỉ XX với tất cả những mặt lỗi lãng , kệch cỡm : nhân vật của tác phẩm là tầng lớp tư sản thành thị với lối sống giả dối , suy đồi → một xã hội chó đẻ , vô nghĩa lí .

-Với Số đỏ , VTP đã chứng tỏ bàn tay của một đấng “*hóa công*” khi xây dựng thế giới tiểu thuyết đồ sộ với hơn 30 nhân vật , vô số hành động , các mâu thuẫn trào phúng được khai thác triệt để để phục vụ mục đích phê phán , tố cáo cái thực trạng xã hội thối nát , giả dối ấy .

b.Đoạn trích Hạnh phúc của một tang gia , trích chương XV của tiểu thuyết , giống như một phân cảnh nhỏ trong chuỗi dài tấn hài kịch mà VTP xây dựng .

-Đoạn trích là sân khấu hài kịch mà tất cả các nhân vật đều có đất diễn , thậm chí diễn rất đạt vai trò của mình . Đám tang cụ Cố tổ là cơ hội phô diễn lối bịch của đám con cháu , bạn bè , là nơi diễn ra cuộc doanh thương bản thủ của đám người hám danh lợi . (chứng minh màn hài kịch của cô Tuyết , cậu Tú Tân , nhất là cuộc mua bán của ông Phán mọc sừng với Xuân Tóc đỏ ...)

-Đoạn trích chỉ nằm trong một phần của toàn bộ chương tiểu thuyết nhưng có khả năng khái quát , tổng hợp hiện thực ở quy mô lớn : cả xã hội thành thị đều có mặt đầy đủ ở đám tang với đầy đủ hạng người , đáng vẽ (*chứng minh hình ảnh những người trong đám tang : ngoài những người trong gia đình cụ Cố Hồng còn có đủ đám giai thanh gái lịch , những vị tai to mặt lớn với đủ loại huy chương , huân chương nhưng là những kẻ đạo đức giả , vô văn hóa...*)

-Những chân dung trào phúng mà VTP tạo ra rất riêng nhưng vẫn có tầm phổ quát (*chứng minh qua nhân vật cụ Cố Hồng , Xuân tóc đỏ và ông Phán mọc sừng...*)

-Những yếu tố nghệ thuật đặc sắc : nghệ thuật trào phúng bậc thầy , bút pháp cường điệu , phóng đại , giọng điệu linh hoạt , thủ pháp điện ảnh ...

3.Đánh giá

-VTP đã đóng góp lớn lao vào việc hình thành và phát triển nền tiểu thuyết hiện đại.Ông từng phát biểu tiểu thuyết phải là “*sự thực ở đời*”.

-Từ lời bàn của NĐT , đặt ra yêu cầu đối với người viết tiểu thuyết và bài học tiếp nhận vẻ đẹp của thế giới nghệ thuật được tạo lập trong tiểu thuyết : không sao chép hiện thực , phản ánh cuộc sống một chiều mà người nghệ sĩ phải luôn trăn trở , không ngừng sáng tạo , đổi mới để hiện thực cuộc sống tuy rộng lớn , bao quát nhưng không trùng lặp .

Đề số 2: Bàn về lao động nghệ thuật của nhà văn, có ý kiến cho rằng: Nghệ sĩ, hơn bất cứ người nào, chính là kẻ mang trong mình thiên chức sáng tạo, liên tục sáng tạo. Điều đó cũng có nghĩa rằng, một cách tiên nghiệm, nghệ sĩ là kẻ phủ định, luôn luôn phủ định những cái đã có của tha nhân và thậm chí của chính mình.

Từ những trải nghiệm văn học của bản thân, anh/chị hãy bình luận ý kiến trên.

1. Giải thích ý kiến

- “thiên chức sáng tạo”: Chức năng cao cả của người nghệ sĩ là sáng tạo nghệ thuật.

- “phủ định những cái đã có của tha nhân và thậm chí của chính mình”: Xoá bỏ, không chấp nhận những cái đã có của người khác và của chính mình.

=> Câu nói đề cao thiên chức và phương thức sáng tạo của người nghệ sĩ trong quá trình lao động nghệ thuật.

2. Lí giải

- Nghệ thuật là lĩnh vực của cái độc đáo nên lao động nghệ thuật phải không ngừng sáng tạo.

- Chỉ khi phủ định những giá trị đã có của người khác và nhất là của chính mình thì nghệ sĩ mới tạo ra những giá trị thẩm mỹ mới.

- Sáng tạo là yếu tố quyết định sự sống còn của nghệ thuật.

- Sáng tạo nghệ thuật biểu hiện ở cả hai phương diện nội dung tư tưởng và hình thức nghệ thuật mang đậm cá tính, phong cách của người nghệ sĩ.

3. Chứng minh

Học sinh chọn những dẫn chứng tiêu biểu và phân tích, khái quát hợp lý để làm sáng tỏ quan điểm.

4. Bình luận

- Về ý kiến

+ Khẳng định vai trò, ý nghĩa của sáng tạo nghệ thuật đối với thực tiễn lao động và thưởng thức nghệ thuật.

+ Sáng tạo là quá trình phủ định nhưng không có nghĩa là phủ nhận hoàn toàn cái đã có mà phải là sự kế thừa và cách tân.

+ Cái mới được tạo ra phải chứa đựng những giá trị đích thực thì mới được ghi nhận là sáng tạo nghệ thuật.

- Về tác giả, tác phẩm

- Với người sáng tác và tiếp nhận

+ Người sáng tác: Để có thể sáng tạo, người nghệ sĩ cần phải có tài năng và bản lĩnh.

+ Người tiếp nhận: Tri âm, tri kỉ và đồng sáng tạo cùng nghệ sĩ

Đề số 3: Nhà thơ Đức H. Heiner đã từng viết:

Thế giới chẻ làm đôi

Vết nứt xuyên qua trái tim nhà thơ.

Bằng những hiểu biết về văn học, anh/ chị hãy bình luận ý kiến trên.

1. Giải thích

- Thế giới chẻ làm đôi: nhân loại trải qua những biến động dữ dội.

- Vết nứt xuyên qua trái tim nhà thơ: những đau bể của cuộc đời, nỗi đau của con người tác động mạnh mẽ vào tâm hồn, tình cảm của người nghệ sĩ.

→ Ý kiến bàn đến một chân lí trong sáng tạo nghệ thuật: người nghệ sĩ cần trải nghiệm những buồn vui, sướng khổ của con người như của chính bản thân mình; thu vào lòng mình mọi nỗi bất hạnh của nhân gian. Đó là cội nguồn cảm hứng trong sáng tạo nghệ thuật và cũng là yêu cầu đối với những người nghệ sĩ chân chính.

2. Lí giải

- Văn học bắt nguồn từ hiện thực cuộc sống. Song đó không phải là hiện thực sơ cứng mà đã được phản chiếu qua lăng kính, được chưng cất từ những trải nghiệm của người nghệ sĩ, là hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan. Sáng tác nghệ thuật chính là mảnh đất để người nghệ sĩ kí

thác những gì là tâm huyết, gan ruột nhất; những suy tư, trăn trở, day dứt nhất trước những vấn đề của con người, cuộc sống... Như vậy, hiện thực trong tác phẩm phải là hiện thực đã đi xuyên qua trái tim của người nghệ sĩ, tạo thành nguồn cảm hứng mãnh liệt, thôi thúc người nghệ sĩ sáng tác nhằm tố cáo, bênh vực hay dự báo một điều gì đó cho toàn bộ xã hội.

- Người nghệ sĩ khi sáng tác nghệ thuật không chỉ bộc lộ những tâm sự, những nỗi đau của riêng mình. Muốn có những tác phẩm giá trị, người nghệ sĩ cần “đứng trong lao khổ mà đón lấy những vang động của đời”, cần đồng vọng với những nỗi đau của con người, vì con người mà lên tiếng. Khi đau “nỗi đau nhân loại”, lòng yêu ghét được viết ra trong tác phẩm mới có thể dư dội, chạm tới tình cảm của nhiều người, lôi cuốn người đọc mạnh mẽ.

- Người đọc khi đến với văn chương không chỉ đồng cảm với người nghệ sĩ, mà còn như bắt gặp những cảnh ngộ, những nỗi lòng của riêng mình; người đọc mong muốn được an ủi, được xoa dịu nỗi đau và tìm thấy niềm tin vào cuộc sống.

3. Phân tích, chứng minh

Học sinh chọn được những tác phẩm văn học tiêu biểu, phân tích làm sáng tỏ ý kiến trên các phương diện:

- Hiện thực dữ dội nào được phản ánh trong tác phẩm?

- Hiện thực đó đã tác động đến trái tim - đến tư tưởng, tình cảm của tác giả như thế nào?

4. Bình luận

- Ý kiến nhắc nhở mỗi người nghệ sĩ về trách nhiệm của người cầm bút trong quá trình sáng tạo. Người nghệ sĩ cần phải sống sâu sắc với những buồn vui, đau khổ, hạnh phúc của con người thì mới mong tìm được tiếng lòng tri âm tri kỉ của bạn đọc.

- Đồng thời, người đọc cần phát huy vai trò chủ động, tích cực của mình trong việc tiếp nhận những giá trị nội dung, nghệ thuật của một tác phẩm văn chương, từ đó có thể đồng cảm sâu sắc với tác giả, để thấy mỗi tác phẩm văn học như là tiếng ca cất lên từ lòng mình, như là của mình vậy (Tố Hữu).

Đề số 4 : Bình luận ý kiến sau đây của Nguyễn Tuân : Ở đâu có lao động thì ở đó có sáng tạo ra ngôn ngữ . Nhà văn không chỉ học tập ngôn ngữ của nhân dân mà còn là người phát triển ra ngôn ngữ sáng tạo . Không nên ăn bám vào ngôn ngữ của người khác .Giàu ngôn ngữ thì văn sẽ hay (...). Cũng cùng một vốn ngôn ngữ ấy , nhưng sử dụng nó sáng tạo thì văn sẽ có bề thế và kích thước . Dùng chữ như đánh cờ tướng , chữ nào để chỗ nào phải đúng vị trí của nó . Văn phải linh hoạt . Văn không linh hoạt là văn cứng đơ, thấp khớp

I. Mở bài

Ngôn ngữ là đặc trưng , là chất liệu cơ bản , là phương tiện biểu đạt của văn chương. Xét ngôn ngữ của một tác phẩm có thể thấy được tài năng của nhà văn . Các nhà văn có tài thường có ý thức khi sử dụng ngôn ngữ . Nguyễn Tuân là một người như thế . Bởi thế, khi nói chuyện với các nhà văn trẻ , NT đã khẳng định : Ở đâu có lao động ...cứng đơ, thấp khớp .

II.Thân bài

1. Ở đâu có lao động thì ở đó có sáng tạo ra ngôn ngữ . Nhà văn không chỉ học tập ngôn ngữ của nhân dân mà còn là người phát triển ra ngôn ngữ sáng tạo. Không nên ăn bám vào ngôn ngữ của người khác.

- Mỗi dân tộc có một ngôn ngữ riêng . Nhưng không phải con người vừa sinh ra đã có tất cả mà phải trải qua hàng nghìn , hàng triệu năm vốn ngôn ngữ của con người mới được như ngày nay.

- Làm cho ngôn ngữ của dân tộc đó trở nên trong sáng , phong phú hơn còn tùy thuộc vào các nhà văn , nhà thơ .Họ như những con ong cần mẫn hút mật cho đời. Một nhà thơ nước ngoài đã từng thán thía giá trị cao quý của lao động trong thi ca:

*Phải phí tổn ngàn cân quặng chữ
Để thu về một chữ mà thôi
Những chữ ấy làm cho rung động
Triệu trái tim trong hàng triệu năm dài .*

- Các nhà văn không phải ngẫu nhiên có vốn ngôn ngữ như họ đã có, mà họ phải phải lăn trải vào đời, phải lao động , phải học tập , tích lũy từ ngôn ngữ nhân dân. Ngôn ngữ văn học tuy so với ngôn ngữ nhân dân không phong phú bằng nhưng xét về mặt biểu cảm hay để thể hiện một điều gì đó thì nó lại đạt mức độ tinh tế và sắc nét hơn .Tuy nhiên, ngôn ngữ văn học phải dựa vào ngôn ngữ nhân dân thì mới có sức sống. Chẳng thế mà Nguyễn Thi để cho chị Ut Tịch nói : “*Còn cái lai quần cũng đánh*” nghe dân dã làm sao! Hay trong tác phẩm *Mùa lạc* của Nguyễn Khải, ngôn ngữ của chị Đào là ngôn ngữ rất quen thuộc trong nhân dân nhưng rất giàu tính biểu cảm(đoạn chị Đào suy nghĩ về cuộc đời, số phận mình)

- Học tập ngôn ngữ nhân dân nhưng “*Nghệ thuật không phải là sự sao chép tự nhiên*”, tất nhiên là về mọi mặt, kể cả ngôn ngữ. Mỗi nhà văn phải có một phong cách, có một giọng văn riêng .Cũng như nhà văn Liên Xô Tuốc-ghê-nhép nói : “ *Cái quan trọng trong tài năng văn học là tiếng nói của mình, là cái giọng riêng biệt của chính mình không thể tìm thấy trong cổ họng của bất kì một người nào khác*”.

- Chứng minh bằng lao động nghệ thuật và tài năng ngôn ngữ của Nguyễn Tuân, Nguyễn Du, Xuân Diệu, Tố Hữu...

2. Giàu ngôn ngữ thì văn sẽ hay (...). Cũng cùng một vốn ngôn ngữ ấy, nhưng sử dụng nó sáng tạo thì văn sẽ có bề thế và kích thước . Dùng chữ như đánh cờ tướng, chữ nào để chỗ nào phải đúng vị trí của nó. Văn phải linh hoạt. Văn không linh hoạt là văn cứng đơ, thấp khớp .

-Nhà văn tài năng phải có vốn ngôn ngữ phong phú của chính tâm hồn mình . *Ngôn ngữ nhà văn phong phú sẽ làm cho văn giàu hình tượng, giàu nhạc tính.* Nhưng điều quan trọng hơn cả là phải biết lựa chọn, sử dụng ngôn ngữ thích hợp vì như Nguyễn Tuân đã khẳng định: “*Cũng cùng một vốn ngôn ngữ ấy, nhưng sử dụng nó sáng tạo thì văn sẽ có bề thế và kích thước. Dùng chữ như đánh cờ tướng, chữ nào để chỗ nào phải đúng vị trí của nó. Văn phải linh hoạt. Văn không linh hoạt là văn cứng đơ, thấp khớp*”.

- Bởi vì ngôn ngữ văn học trước hết phải chính xác.Tuy nhiên, ngôn ngữ văn học chính xác nhưng không cứng nhắc mà uyển chuyển, mềm mại. Bởi vì thơ văn sinh trưởng từ tâm hồn con người nên sự chính xác của ngôn ngữ văn học có sự khác biệt với sự chính xác của khoa học. Chính vì thế mà Nguyễn Du viết :

*Cỏ non xanh dợn chân trời
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa*

Có bản chép :

*Cỏ non xanh rợn chân trời
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa*

Hoặc :

Cỏ non xanh tận chân trời

Cảnh lê trắng điểm một vài bông hoa

Nếu dùng chữ *tận* thì trước mắt ta chỉ là thảm cỏ xanh mênh mông, còn dùng chữ *rợn* thì đã có sự sống bên trong của thảm cỏ xanh ấy. Nhưng chữ *dợn* chính xác hơn cả vì thảm cỏ không chỉ có sức sống mà dường như sức sống ấy đang sôi động, nhảy múa trước mắt ta.

-Ngôn ngữ văn học là ngôn ngữ có khả năng diễn đạt tinh tế, biểu cảm và giàu hình ảnh (dẫn chứng đoạn văn mở đầu *Hai đứa trẻ* của Thạch Lam và đoạn văn tả cảnh cho chữ trong *Chữ người tử tù* của Nguyễn Tuân –phân tích khả năng miêu tả tinh tế, biểu cảm, giàu hình ảnh). Hay người Việt Nam yêu truyện Kiều không thể quên được những câu thơ tả cảnh mùa thu của Nguyễn Du với âm hưởng ca dao dịu dàng, man mác:

*Long lanh đáy nước in trời
Thành xây khói biếc, non phơi bóng vàng*

Đó là một cảnh thu long lanh mỹ lệ đầy chất thơ mà mãi đến những thế kỉ sau người dân Việt Nam cũng không thể nào quên.

- Để có được vốn ngôn ngữ phong phú nhà văn phải lấy vốn từ cuộc sống, từ nhân dân, phải bám rễ sâu vào đời để tích lũy, học tập. Nhưng khi sử dụng ngôn ngữ phải biết sáng tạo vì “*Dùng chữ như như đánh cờ tướng, chữ nào để chỗ nào phải đúng vị trí của nó. Văn phải linh hoạt. Văn không linh hoạt là văn cứng đờ, thấp khớp*”. Những con chữ nếu không được đặt đúng chỗ thì nó sẽ trở nên “cứng đờ, thấp khớp” không linh hoạt.

3. Bình luận

- Ý kiến của Nguyễn Tuân cho thấy ông rất quan tâm đến vấn đề ngôn ngữ văn học nói chung và ngôn ngữ văn xuôi nói riêng. Tuy ngôn ngữ không phải là yếu tố duy nhất làm nên tác phẩm văn học có giá trị nhưng nó yếu tố góp phần tạo nên giá trị của tác phẩm. Nguyễn Tuân cũng được xem là “*nhà luyện đàn ngôn từ*”

- Bài học với người sáng tác và tiếp nhận:

Đề số 5: Nhà thơ nổi tiếng người Đức H. Hai- nơ cho rằng: *Cuộc đời của nhà thơ, giá trị của nhà thơ không nên tìm ở đâu khác mà phải chính trong tác phẩm của họ.*

Từ việc cảm nhận một số bài thơ trong chương trình Ngữ văn 10 THPT, anh/chị hãy bình luận ý kiến trên.

1. Giải thích

- Cuộc đời nhà thơ: hoàn cảnh sống, sự kiện, biến cố, đời sống tinh thần, tổ chất tâm hồn riêng của nhà thơ.
- Giá trị của nhà thơ: những đóng góp sâu sắc và mới mẻ, những công hiến có ý nghĩa khẳng định vị thế của nhà thơ. Giá trị của nhà thơ được thể hiện ở tầm vóc tư tưởng, ở chiều sâu tâm hồn và tài năng nghệ thuật.
- Ý kiến đã khẳng định mối quan hệ giữa tác giả và tác phẩm, trong đó nêu lên ý nghĩa của tác phẩm trong việc thể hiện cuộc đời và khẳng định giá trị của nhà thơ.

2. Lí giải ý kiến:

- Tác phẩm là đứa con tinh thần của người nghệ sĩ. Qua tác phẩm, người đọc có thể nhận ra tư tưởng, tình cảm, tài năng của người sáng tác. Tác phẩm khẳng định vị trí, diện mạo riêng của người nghệ sĩ.

- Đặc trưng của thơ là sự tự thể hiện, bộc lộ trực tiếp thế giới tinh thần, đời sống tâm hồn của nhà thơ. Thơ là bức chân dung tinh thần tự họa, là nơi để thi sĩ trút gửi những tâm sự sâu kín, giải tỏa những cảm xúc sâu sắc và mãnh liệt khi chạm vào cuộc sống. Vì vậy chính trong tác phẩm người đọc có thể nhận ra được bóng dáng cuộc đời, hiểu được cách nhìn, cách cảm, lắng nghe được điệu hồn riêng của nhà thơ.

- Mỗi bài thơ là kết quả của quá trình lao động nghệ thuật đầy khổ hạnh và nghiêm túc, tìm tòi và sáng tạo. Vì vậy, tác phẩm chính là căn cứ để đánh giá tài năng và tâm huyết của nhà thơ.

3. Phân tích, chứng minh

Thí sinh có thể chọn một số bài thơ (từ 02 bài trở lên – tốt nhất là bao gồm cả thơ Việt Nam và thơ nước ngoài) tiêu biểu, phù hợp để minh chứng cho yêu cầu của đề như: Cảnh Ngày hè của Nguyễn Trãi, Độc tiểu Thanh Kí của Nguyễn Du, Nhân của Nguyễn Bình Khiêm, Thu Hứng của Đỗ Phủ... để làm sáng tỏ vai trò của tác phẩm trong việc thể hiện cuộc đời và giá trị của nhà thơ. Sự phân tích và cảm nhận tác phẩm thơ cần làm rõ các định hướng cơ bản sau:

- Nhận ra bóng dáng cuộc đời, con người nhà thơ in dấu trong tác phẩm.
- Hiểu và đánh giá được giá trị của nhà thơ được thể trong tác phẩm qua các phương diện như:

- + Chiều sâu tâm hồn, tầm vóc tư tưởng.
- + Tài năng nghệ thuật.

4. Bình luận

- Ý kiến của nhà thơ người Đức H. Hai- nơ là một quan niệm xác đáng khi khẳng định tác phẩm chính là xuất phát điểm khoa học và khách quan để thấu hiểu cuộc đời và đánh giá giá trị của người nhà thơ. Điều này không chỉ đúng trong lĩnh vực thơ ca mà còn đúng với các sáng tác văn học nói chung.

- Nhà thơ nói riêng, người nghệ sĩ nói chung muốn có chỗ đứng, muốn thể hiện và khẳng định được mình phải sáng tác nên những tác phẩm có giá trị, in đậm dấu ấn cá nhân.

- Ý kiến cũng là một định hướng đầy ý nghĩa cho việc tiếp nhận thơ và đồng cảm, tri âm với nhà thơ.

Đề số 6: Bàn về lao động nghệ thuật của nhà văn, Mác-xen Pruxst cho rằng:

« Một cuộc thám hiểm thực sự không phải ở chỗ cần một vùng đất mới mà cần một đôi mắt mới.

Anh/chị hãy trình bày ý kiến của mình về nhận định trên?

1. Giải thích vấn đề

- Cuộc thám hiểm thực sự: quá trình lao động nghệ thuật của nhà văn để sáng tạo nên tác phẩm đích thực.
- Vùng đất mới: hiện thực đời sống chưa được khám phá
- Đôi mắt mới: cái nhìn và cách cảm thụ đời sống mới mẻ
- Hàm ý câu nói: Trong quá trình sáng tạo, điều cốt yếu là nhà văn phải có cái nhìn và cách cảm thụ độc đáo, giàu tính phát hiện về con người và cuộc đời.

2. Lí giải

(HS dựa vào tri thức lí luận về đặc trưng phản ánh của văn học, phong cách nghệ thuật của nhà văn, tư chất nghệ sĩ ... để triển khai luận điểm).

- Trong sáng tác văn học, đề tài mới chưa phải là cái quyết định giá trị của một tác phẩm.

+ Đề tài chính là phạm vi hiện thực đời sống được phản ánh trong tác phẩm. Với một đề tài mới nhưng nhà văn chỉ sao chép nguyên xi theo lối chụp ảnh thì không mang lại giá trị đích thực cho tác phẩm.

- Giá trị tác phẩm và phong cách nghệ thuật của nhà văn được quyết định bởi cái nhìn và cách cảm thụ đời sống của người cầm bút.

+ Dù đề tài cũ nhưng bằng cái nhìn độc đáo, giàu tính phát hiện và khám phá, nhà văn có thể thấu suốt bản chất đời sống, mang lại cho tác phẩm giá trị tư tưởng sâu sắc.

3. Phân tích, chứng minh

HS chọn dẫn chứng và phân tích:

- Phong trào Thơ mới đã hướng đến đề tài mới là thế giới của cái tôi cá nhân cá thể song không phải tác phẩm nào cũng có giá trị...). (Vội vàng là kết quả của cái nhìn tươi mới, của cặp mắt “xanh non, biếc rờn” trước vẻ đẹp mùa xuân, đã bày ra trước mắt người đọc một thiên đường mặt đất, một bữa tiệc trần gian. Hơn nữa, với nhận thức mới mẻ về thời gian tuyến tính, nhà thơ đã đề xuất một quan niệm sống tích cực...)

- Trong văn học HTPP: Chí Phèo, không chỉ là nỗi khổ vật chất mà đau đớn hơn là bị kịch tinh thần, nỗi đau bị cướp đi cả nhân hình lẫn nhân tính, bị cự tuyệt quyền làm người. Nhà văn còn phát hiện được đốm sáng nhân tính ẩn chứa bên trong cái lốt quỷ dữ của Chí Phèo...

4. Bình luận

- Nếu đã có cái nhìn giàu tính khám phá, phát hiện lại tiếp cận với một đề tài mới mẻ thì sức sáng tạo của nhà văn và giá trị độc đáo của tác phẩm càng cao. Vì thế, coi trọng vai trò quyết định của “đôi mắt mới” nhưng cũng không nên phủ nhận ý nghĩa của “vùng đất mới” trong thực tiễn sáng tác.

- Để có cái nhìn và cách cảm thụ độc đáo, nhà văn cần trau dồi tài năng (sự tinh tế, sắc sảo...), bồi dưỡng tâm hồn (tấm lòng, tình cảm đẹp với con người và cuộc đời...) và xác lập một tư tưởng, quan điểm đúng đắn, tiến bộ.

Đề số 7: Trong bài Truyện ngắn đầu tiên, K. Pauxtopxki cho rằng: *Chỉ có người nào nói được với mọi người những điều mới mẻ, có ý nghĩa và thú vị, nhìn thấy những gì mà người khác không nhận ra, người đó mới có thể là nhà văn.* (“Bông hồng vàng và bình minh mưa”, NXB văn học, 1999, tr.56)

Anh/chị hiểu ý kiến trên như thế nào? Hãy làm sáng tỏ qua một tác phẩm đã học trong chương trình Ngữ văn 11.

1. Giải thích

- Những điều mới mẻ, có ý nghĩa và thú vị là vấn đề tư tưởng độc đáo, sâu sắc, có giá trị nhân sinh lớn lao,...được thể hiện qua những hình thức nghệ thuật độc đáo.

- Nhìn thấy những gì mà người khác không nhận ra là cái nhìn cuộc sống mang tính khám phá và phát hiện của nhà văn.

-> Ý kiến của Pauxtopxki là một định nghĩa về nhà văn với phong cách nghệ thuật độc đáo.

2. Lí giải

Nhà văn cần phải có phong cách nghệ thuật độc đáo là bởi vì:

- Nghệ thuật là lĩnh vực của cái độc đáo. Vì vậy nó đòi hỏi người sáng tác phải có phong cách nổi bật, tức là có nét gì đó rất riêng, mới lạ thể hiện trong tác phẩm. Nhà văn phải là những người biết đào sâu, biết tìm tòi, khơi những nguồn chưa ai khơi và sáng tạo những gì chưa có (Nam Cao).

- Văn học lấy chất liệu từ cuộc sống. Hiện thực cuộc sống luôn là mảnh đất màu mỡ để nhà văn không ngừng sáng tạo. Nhưng cuộc sống đầy đa dạng, phong phú vẫn có giới hạn. Vì vậy, có khi viết về một đề tài cũ nhưng nhà văn phải có cái nhìn khám phá những điều mới mẻ, thú vị mà người đọc không nhận ra. Có như vậy tác phẩm mới có giá trị và khơi gợi được hứng thú ở người đọc.

- Hơn nữa, phong cách nghệ thuật là yếu tố góp phần tạo nên sự phát triển đa dạng, phong phú cho văn học; là một tiêu chí để đánh giá chính xác vai trò cũng như vị trí của nhà văn trên văn đàn. Bởi chỉ những nhà văn thực thụ, có tài năng và tâm huyết mới tạo nên cho mình những phong cách nghệ thuật độc đáo. Phong cách nghệ thuật của nhà văn được biểu hiện qua tác phẩm cả về nội dung lẫn hình thức. Tác phẩm ấy bao giờ cũng thể hiện cách nhìn nhận, khám phá đầy mới lạ, độc đáo về cuộc sống; hướng đến những nội dung, chủ đề mới; mang một giọng điệu riêng và có những sáng tạo nghệ thuật độc đáo,...

3. Phân tích, chứng minh: Thí sinh có thể lựa chọn phân tích một tác phẩm bất kỳ trong chương trình Ngữ văn 11; song trong quá trình phân tích, bình giá cần chú ý những điểm sau để làm sáng rõ vấn đề đặt ra trong đề bài:

- Quá tác phẩm ấy, tác giả đã mang đến những cái nhìn, phát hiện mới mẻ gì về hiện thực cuộc sống?

- Tác phẩm ấy đã gửi gắm đến bạn đọc những tư tưởng gì mới mẻ, sâu sắc?

- Tác giả đã chuyển tải bức thông điệp của mình bằng những hình thức nghệ thuật độc đáo như thế nào?

- Từ đó đánh giá về tác phẩm và khái quát phong cách nghệ thuật của tác giả.

4. Bình luận

- Đây là ý kiến đúng đắn, giúp ta thấy được tầm quan trọng của cá tính sáng tạo, phong cách nghệ thuật của nhà văn trong quá trình sáng tác.

- Nhận định đã đặt ra yêu cầu đối với người sáng tác và người tiếp nhận:

+ Với người sáng tác: Phải sống sâu sắc, có tâm hồn tinh tế, nhạy cảm, trí tưởng tượng phong phú và có tài năng nghệ thuật độc đáo.

+ Với người tiếp nhận: Phải biết trân trọng những đóng góp mới mẻ, giá trị của nhà văn qua tác phẩm.

Đề số 8: Bàn về nghệ văn, có người đã mượn một câu thơ trong Truyện Kiều của Nguyễn Du: “*Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài*”. Nhưng có người lại cho rằng : “*Văn chương trước hết phải là văn chương*” .

Anh /chị hãy bình luận ý kiến trên.

I. Mở bài

-Bản chất của nghệ thuật là sáng tác → người nghệ sĩ phải có tâm huyết và tài năng

-Giới thiệu ý kiến đề bài .

II. Thân bài

1.Giải thích

-“*Tâm*” là tâm hồn , tình cảm , tâm lòng của người nghệ sĩ đối với con người và cuộc đời .

-*Vì sao phải có cái tâm ?* cái tâm là yếu tố trước hết của nghệ thuật , là điều không thể thiếu trong tác phẩm của người nghệ sĩ . Không có một tấm lòng trước cuộc đời người nghệ sĩ sẽ không có những rung cảm chân thật , mãnh liệt . Người đọc trân trọng trí tuệ nhưng trước những trái tim cao cả thì lại càng trân trọng , yêu quý hơn. Có người đã nói : *“Trước một trí tuệ vĩ đại tôi cúi đầu , trước một trái tim vĩ đại tôi quỳ gối”*.

-*“Tài”* là tài năng của người nghệ sĩ . Cái tài của người nghệ sĩ một phần do thiên phú , một phần do quá trình rèn luyện , trau dồi mà có .

-Trong văn chương , chữ tâm chiếm một vai trò rất lớn nhưng không thể phủ định , quên đi tài năng của người nghệ sĩ . Không có tài năng , không thể gọi đó là văn chương . Phải có cả hai yếu tố *“tâm”* và *“tài”* thì nhà văn mới tạo nên một tác phẩm thật sự có giá trị .

→ Ý kiến *“Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài”* là đề cao chữ tâm nhưng vẫn khẳng định vị trí tài năng , khẳng định cái thiên phú của người cầm bút . Có thể nói ý kiến này đã bao quát cả quá trình sáng tạo ra tác phẩm nghệ thuật , đặt ra yêu cầu lớn với người nghệ sĩ , phải kết hợp giữa cái tài năng với cái tâm huyết của mình .

-Nhưng khi đề cao cái tâm lại cần chú ý đến quan niệm cho rằng : *“Văn chương trước là văn chương”* . Quan niệm này có đối lập với quan niệm *“Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài”* của Nguyễn Du hay không ? Một bên đề cao cái tâm , cái lòng của người nghệ sĩ ; một bên lại đặt ra *“Văn chương trước hết là văn chương”* . Nếu chú ý đến hai chữ *“trước hết”* thì ý kiến này muốn chỉ muốn khẳng định tác phẩm văn học trước hết phải có chất nghệ thuật . Một tác phẩm nghệ thuật mà không có chất văn chương thì không còn là tác phẩm văn học nữa rồi mà nó sẽ là một thứ thuyết giáo , một sự thật lịch sử , là một bản sao chép cuộc đời...

-Như vậy , ý kiến *“Văn chương trước hết là văn chương”* không phải là sai nhưng chưa đầy đủ . Văn chương phải đặt song hành tài năng và tâm huyết của người sáng tạo nghệ thuật . Nếu tác phẩm chỉ có *“văn chương”* mà không có tấm lòng thì chỉ như một bông hoa đẹp mà vô hương . Phải có cái tâm trong sáng cao đẹp thì tài năng mới tỏa sáng . Đọc một câu văn , ta ngạc nhiên khâm phục trước sự sử dụng câu chữ tài tình của tác giả ; đọc một cuốn truyện ta cảm thấy thích thú trước sự sắp đặt những tình tiết bất ngờ của nhà văn ...Và đằng sau những hấp dẫn về văn chương ấy ta nhận ra được tấm lòng thiết tha của tác giả thì câu chuyện ấy sẽ đọng lại trong tâm trí ta sâu sắc biết bao !. Như vậy *“Văn chương trước hết là văn chương”* nên hiểu theo một cách thật đầy đủ là bao hàm cả tài năng và tâm huyết của người cầm bút. Thiếu một trong hai yếu tố ấy thì *“văn chương”* đâu còn là văn chương nữa.

2. Lí giải và chứng minh

-Không thể coi *“Văn chương trước hết là văn chương”* mà cái *“trước hết”* ấy phải là tấm lòng, tư tưởng của người nghệ sĩ. Nguyễn Tuân cũng từng quan niệm: *“Văn chương trước hết là văn chương , nghệ thuật trước hết phải là nghệ thuật”*, nhưng cũng chính ông , hơn ai hết đã suốt đời cống hiến cho một nền nghệ thuật vì con người . Mỗi tác phẩm của ông của ông đều hướng con người tới *“thiên lương”*.

-Tài năng và tâm huyết , là hai yếu tố không thể tách rời trong sáng tạo nghệ thuật . Cái tài nhờ cái tâm để *“cháy lên”* . Cái tâm nhờ cái tài mà *“tỏa sáng”*.Đưa hết tâm linh vào sáng tác , suy nghĩ , dằn vặt , trăn trở cho những vấn đề cuộc sống , người nghệ sĩ sẽ có được những giây phút *“xuất thần”* , tài năng sẽ bùng sáng . Lec-môn-tốp nói : *‘ Có những đêm không ngủ , mắt rực cháy và thốn thức , lòng tràn ngập nhớ nhung ...khi đó tôi viết’*. Nhà thơ Tô Hữu : *“Mỗi khi có cái gì chất chứa trong lòng , không nói ra , không chịu được thì lại thấy cần làm thơ”*

-Nhà văn phải là người “*đi tìm cái hạt ngọc ẩn dấu sâu trong tâm hồn con người*”(Nguyễn Minh Châu). Quá trình “*đi tìm*” ấy không đơn giản, người nghệ sĩ ngoài cái tâm ra, phải có tài năng nắm bắt, khám phá, phải nhận ra viên ngọc quý lấp lánh bên trong. Cái tài đi liền với cái tâm. Anh không thể trở thành nhà văn nếu anh không có tài năng , nhưng để trở thành một nhà văn vĩ đại thì không chỉ cần có tài năng mà nhất thiết phải có một cái tâm cao quý. Viên Mai nói : “*Tài gia tình chi phát, tài thịnh tình tắc thâm*” (tài là ở tình phát ra , tài cao ắt tình sâu).

3. Phân tích, chứng minh

- **Nguyễn Du** viết Truyện Kiều bằng tài năng xuất sắc nhưng cũng chính là bằng “*Những điều trông thấy mà đau đớn lòng*”

+Tài năng qua miêu tả tâm trạng , cảnh vật , ngôn ngữ ...

+ Tấm lòng thể hiện ở chỗ lên án , tố cáo xã hội phong kiến tàn bạo chà đạp nhân phẩm con người , đau nỗi đau của người phụ nữ ...

+**Nam Cao** là nhà văn có cái tài và cái tâm hết sức nhuần nhuyễn . Mỗi từ , mỗi chữ, mỗi chi tiết , mỗi cốt truyện... của ông , chỗ nào cũng thấm nhuần tình cảm , tấm lòng của nhà văn .

+ Chính tài năng và tâm huyết ấy đã giúp Nam Cao dựng lên một *Đời thừa* , một *Trăng sáng* , một *Sông mồn* với những cuộc sống “*áo cơm ghì sát đất*” để người đọc cùng đau đớn nỗi đau của nhân vật , dằn vặt , trăn trở trước mỗi số phận , mỗi cuộc đời ...(*phân tích sự dằn vặt của Hộ*)→Đó chính là cái tâm luôn giữ vững niềm tin vào con người của Nam Cao đã khiến nhà văn hiểu sâu xa cuộc vật lộn giữa cái thiện và cái ác, giữa lí trí cao cả và dục vọng thấp hèn của mỗi con người , nhận ra khát vọng hướng về ánh sáng của con người.

+ Trong truyện ngắn Chí Phèo khi dựng lên hình ảnh “*con quỷ dữ của làng Vũ Đại*”, Nam Cao vẫn phát hiện ra ánh sáng lương tri còn le lói trong con người Chí , để có lúc nó bùng cháy lên dữ dội , mãnh liệt “*Ai cho tao lương thiện?*”, “*Làm thế nào ...trên mặt này?*”...Câu hỏi đau đớn ,nhức nhối ấy của Chí , phải chăng cũng chính là câu hỏi xoáy vào lòng NC về số phận của những con người .

+ Nam Cao được xếp vào hàng những nhà văn lớn của chúng ta vì những tác phẩm của ông đã sinh ra từ tài năng, nước mắt, từ khát vọng hạnh phúc của con người và sự thấu hiểu con người: “*Chao ôi ! Đối với những người xung quanh ta nếu ta không cố tâm mà tìm hiểu họ, ta chỉ thấy họ gàn dở, ngu ngốc, xấu xa, bần tiện...toàn những cớ để ta ta tàn nhẫn, không bao giờ ta thấy họ đáng thương, không bao giờ ta thương*”.

+ Nguyễn Minh Châu là nhà văn luôn “*đi tìm cái hạt ngọc ẩn dấu sâu trong tâm hồn con người*”(chứng minh qua tác phẩm *Mảnh trăng cuối rừng* , *Chiếc thuyền ngoài xa*).

4. Bình luận

- Mỗi nghệ sĩ có một cá tính sáng tạo riêng, nhưng điều không thể thiếu của một nghệ sĩ đó là cái tài và cái tâm. Cái tài và tâm là vấn đề đặt ra với người nghệ sĩ muôn đời, dù xưa hay nay, phương Đông hay phương Tây ...

-Người nghệ sĩ muốn tác phẩm của mình bất hủ với thời gian thì phải mở lòng ra với cuộc đời, vì cuộc đời .

PHONG CÁCH SÁNG TÁC

1. Khái niệm phong cách sáng tác

- Phong cách văn học (hay phong cách nghệ thuật) nảy sinh do chính những nhu cầu của cuộc sống, bởi vì cuộc sống luôn đòi hỏi sự xuất hiện những nhân tố mới mẻ, những cái không lặp lại bao giờ; và nó cũng nảy sinh từ nhu cầu của quá trình sáng tạo văn học, vì đó là một yếu tố quan trọng tạo nên tính hấp dẫn, sức sống của tác phẩm.

- Phong cách là những nét riêng biệt, độc đáo của một tác giả trong quá trình nhận thức và phản ánh cuộc sống, những nét độc đáo ấy thể hiện trong tất cả các yếu tố nội dung và hình thức của từng tác phẩm cụ thể. Nói cách khác, phong cách là sự thể hiện tài nghệ của người nghệ sĩ trong việc đưa đến cho độc giả một cái nhìn mới mẻ về cuộc đời thông qua những phương thức, phương tiện nghệ thuật mang đậm dấu ấn cá nhân của người sáng tạo, vì thế Buy-phông viết: “Phong cách chính là người”. Trong tác phẩm của sách-xpia “mỗi một ưu điểm nhỏ nhất cũng in dấu riêng, dấu ấn đó có thể lập tức nói với toàn thể giới rằng: Tôi là sách-xpia” (Lét-xinh).

- Phong cách văn học mang dấu ấn của dân tộc và thời đại:

+ Quá trình văn học được đánh dấu bằng những nhà văn kiệt xuất với phong cách độc đáo của họ. Quá trình văn học mang tính lịch sử cho nên phong cách cũng in đậm dấu ấn dân tộc và thời đại. Văn hào Vôn-te nói: “cũng giống như từ gương mặt, ngôn ngữ, hành động cụ thể có thể nhận ra quốc tịch của con người, thì cũng có thể từ phong cách sáng tác nhận ra một số là người Ý, người Pháp, người Anh hay người Tây Ban Nha một cách dễ dàng”.

+ Trong mỗi thời đại nhất định, do cùng có những điều kiện và trình độ phát triển chung của lịch sử, trong sáng tác của nhiều khuynh hướng văn học khác nhau có thể có những nét chung nào đó về tư duy nghệ thuật và kỹ thuật biểu hiện. Dù mỗi người có một “gương mặt” riêng, nhưng các nhà văn cái diện mạo chung ấy trong sáng tác của từng tác giả: “Mỗi trang văn đều soi bóng thời đại mà nó ra đời”.

2. Những biểu hiện của phong cách văn học

- Phong cách văn học biểu hiện trước hết ở cách nhìn, cách cảm thụ có tính chất khám phá, ở giọng điệu riêng biệt của tác giả. Ví dụ cái nhìn tài hoa, có khả năng khám phá mọi đối tượng ở phương diện thẩm mỹ của Nguyễn Tuân. Qua cái nhìn ấy, thiên nhiên hiện lên như công trình mỹ thuật của tạo hóa, con người hiện lên với tư chất tài hoa, nghệ sĩ.

- Sự sáng tạo các yếu tố thuộc nội dung tác phẩm cũng in đậm dấu ấn riêng của tác giả, từ việc lựa chọn đề tài, xác định chủ đề, thể hiện hình ảnh, nhân vật cho đến xác lập tứ thơ, triển khai cốt truyện,... Thạch Lam hướng ngòi bút tới cuộc sống và tâm hồn những con người “nhỏ bé”, Vũ Trọng Phụng chú ý tới những góc khuất, những nơi tăm tối của xã hội trước Cách mạng. Ở sự vận động của tứ thơ về tình yêu, *Sóng* của Xuân Quỳnh thật còn cào, da diết, còn *Hương thơm* của Phan Thị Thanh Nhàn lại dịu dàng, nhẹ thoảng mà đậm sâu, lan toả menh mang.

- Hệ thống phương thức biểu hiện, các thủ pháp kỹ thuật lưu lại đậm đặc cá tính sáng tạo của tác giả, từ việc sử dụng ngôn ngữ, tổ chức kết cấu, định vị thể loại cho đến cách kể chuyện, miêu tả ngoại hình, bộc lộ nội tâm,... Câu văn Nguyễn Tuân rất linh hoạt, không theo một khuôn mẫu, chuẩn mực nhất định, đó thường là những câu văn dài, xuôi

theo dòng chảy dào dạt của cảm xúc suy tư Kim Lân có lối khắc hoạ nhân vật giàu chất tạo hình. Nguyễn Khải rất sắc sảo khi để nhân vật độc thoại nội tâm hay đối thoại nội tâm v.v...

- Phong cách văn học là cái thống nhất trong sự đa dạng của sáng tác. Cái độc đáo, vẻ riêng phải xuất hiện thường xuyên, lặp đi lặp lại, có tính chất bền vững, nhất quán. Thống nhất từ cốt lõi, nhưng triển khai phải đa dạng, đổi mới. Nguyễn Trãi trong *Đại cáo bình Ngô*, *Quân trung từ mệnh tập* rất hào hùng, đanh thép, sắc bén, nhưng trong Quốc âm thi tập lại u hoài, trầm lắng, suy tư. Hồ Chí Minh trong truyện và kí thì hiện đại, nhưng thơ chữ Hán lại giàu sắc thái phương Đông cổ kính, thơ tiếng Việt đậm cốt cách dân gian.

- Độc đáo một cách đa dạng, bền vững mà luôn đổi mới, những phong cách còn phải có phẩm chất thẩm mỹ, nghĩa là nó phải đem lại cho người đọc một sự hưởng thụ mỹ cảm dồi dào qua những tác phẩm giàu tính nghệ thuật, hay, sinh động, hấp dẫn. Chỉ khi đó dấu ấn của phong cách trong quá trình văn học mới được ghi nhớ mãi mãi, không thể phai mờ, nói một cách hình ảnh như nhà thơ Lê Đạt:

“Mỗi công dân đều có một dạng vân tay
Mỗi nhà thơ thứ thiệt có một dạng vân chữ
Không trộn lẫn”

(Vân chữ)

LUYỆN ĐỀ

Đề số 1: Nhà phê bình Hoài Thanh viết: Thích một bài thơ, theo tôi nghĩ, trước hết là thích một cách nhìn, một cách nghĩ, một cách xúc cảm, một cách nói, nghĩa là trước hết là thích một con người.

(Tuyển tập Hoài Thanh, tập II, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1982)

Anh (chị) suy nghĩ như thế nào về ý kiến trên?

1. Giải thích

- Thích là trạng thái, sắc độ cảm xúc yêu mến, nghiêng về cảm tính, khoái cảm.
- Thích một bài thơ có nghĩa là tác phẩm ấy phải có sức hấp dẫn riêng. Có nhiều yếu tố để gọi ra đam mê nghệ thuật, trước hết là một cách nghĩ, một cách xúc cảm tức sức hấp dẫn về nội dung; một cách nói hay sức hấp dẫn từ hệ thống các ph-ong tiện biểu đạt. Tựu trung lại là thích một con ng-ời. Con người ở đây không đơn thuần hay đồng nhất với con người ngoài đời mà đó là một cá tính văn chương, một gương mặt nghệ thuật riêng.

- Chữ một điệp lên như một nốt nhấn, làm nổi bật tính duy nhất, riêng có của tác phẩm nghệ thuật. Một con ng-ời thực chất là phong cách nghệ thuật.

=> Ý kiến của Hoài Thanh khẳng định: thích một bài thơ trước hết là thích một con người, thích phong cách của nhà thơ đó. Phong cách ấy phải thể hiện ở cả hai phương diện nội dung và hình thức. Phong cách ấy phải độc đáo (một cách), và chỉ khi đạt tới sự độc đáo về cả bốn phương diện (cách nhìn, cách nghĩ, cách cảm, cách nói) thì mới có khả năng tạo nên khoái cảm thẩm mỹ cho người đọc. Đồng thời ý kiến còn đề cập đến vấn đề tiếp nhận văn học (mối quan hệ giữa người đọc và tác phẩm, tác giả),

2. Lí giải

a, Tại sao thích một bài thơ... trước hết là thích một con người, một phong cách?

- Xuất phát từ yêu cầu của sáng tạo nghệ thuật nói chung và thơ nói riêng: một bài thơ hay là bài thơ có cách nhìn, cách nghĩ, cách xúc cảm, cách nói mới mẻ, độc đáo. (Có thể liên hệ đến ý kiến của Xuân Diệu, Nguyễn Tuân, Nam Cao... để làm sáng tỏ điều này).
- Xuất phát từ đặc trưng của thơ ca: thơ là tiếng nói trữ tình. Mỗi bài thơ phải thể hiện một cách chân thực về đẹp tâm hồn, cá tính của chủ thể sáng tạo. ý kiến của Hoài Thanh gần gũi với ý kiến của Buy-phông: —Phong cách chính là người.

b. Nhận định của Hoài Thanh nêu lên sự gặp gỡ tri âm giữa người sáng tác và người tiếp nhận văn học:

- Đây là một nhận định đúng đắn, sâu sắc. Một bài thơ hay phải là một giá trị độc đáo, một kết tinh của tình cảm thẩm mỹ. Một người yêu thích văn chương phải là người có tâm hồn nhạy cảm, biết rung động, biết khám phá giá trị độc đáo của tác phẩm, từ tác phẩm mà nhận ra phong cách của nhà văn.
- Ý kiến trên đây cho thấy nguyên tắc thẩm mỹ của Hoài Thanh: —lấy hồn tôi để hiểu hồn người. Hoài Thanh từng nói, với bài thơ hay ông thường ngâm đi ngâm lại, thường —triền miên trong đó. Như vậy, người tiếp nhận phải có khả năng nhập thân và đồng sáng tạo cao độ.
- Tuy nhiên, thích và đồng sáng tạo không có nghĩa là bình tán, suy diễn tùy tiện, gượng ép mà phải trên cơ sở hiểu được bản chất, quy luật sáng tạo nghệ thuật, hiểu được mối quan hệ biện chứng giữa nội dung và hình thức của tác phẩm văn học.

3. Đánh giá

- Qua nhận định của Hoài Thanh giúp bạn đọc thức nhận được điều làm nên vẻ đẹp, sức hấp dẫn của một thi phẩm có nhiều yếu tố như tính dân tộc, tính nhân loại... nhưng điều tiên quyết vẫn là gương mặt nghệ thuật riêng, Mỗi nhà thơ phải có một dạng —văn chữ không trộn lẫn.
- Gửi đến bài học sâu sắc cho người nghệ sĩ trong sáng tạo nghệ thuật và bài học tiếp nhận cho bạn đọc thơ.

Đề số 2: Thế giới được tạo lập không phải một lần, mà mỗi lần người nghệ sĩ độc đáo xuất hiện thì lại một lần thế giới được tạo lập. (Mác-xen Prút)

Anh/chị hiểu ý kiến trên như thế nào? Hãy cảm nhận những thế giới khác do người nghệ sĩ tạo ra qua hệ thống thi ảnh độc đáo trong “Tây Tiến” (Quang Dũng) và “Đàn ghi ta của Lor-ca” (Thanh Thảo).

1. Giải thích: Thế giới được tạo lập không phải một lần, mà mỗi lần người nghệ sĩ độc đáo xuất hiện thì lại một lần thế giới được tạo lập

Đây là cách nói hình ảnh của nhà văn Mác-xen Prút nhằm khẳng định bản lĩnh nghệ thuật của nghệ sĩ “thứ thiệt”—những nghệ sĩ biết cách tạo nên sức sống mới mẻ và lâu bền cho tác phẩm:

- Một nghệ sĩ chân tài bao giờ cũng có cái nhìn riêng về thế giới và tạo lập được những tác phẩm văn học độc đáo với những nhân tố mới mẻ, không lặp lại bao giờ.
- Nghệ sĩ độc đáo xuất hiện đồng nghĩa với việc đưa đến cho độc giả một cái nhìn mới mẻ về cuộc đời thông qua những phương thức, phương tiện nghệ thuật mang đậm dấu ấn cá nhân của người sáng tạo. Cụ thể, cá tính sáng tạo của người nghệ sĩ đích thực đã tạo ra những tác phẩm văn học có giá trị với sự tổ chức độc đáo bằng những mã nghệ thuật mới (về cách nhìn, kết cấu, lựa chọn đề tài, xác định chủ đề, thể hiện hình ảnh, lựa chọn ngôn từ, giọng điệu, cho đến xác lập tứ thơ...).

- Cái độc đáo không trộn lẫn của nghệ sĩ chân tài còn thể hiện ở hiệu ứng thẩm mỹ dồi dào mà tác phẩm mang lại làm người tiếp nhận ghi nhớ mãi mãi, không thể nào quên.

2. Phân tích - chứng minh:

2.1. Giới thiệu chung về 2 tác giả, tác phẩm

- Tác giả
- Tác phẩm

2.2. Tây Tiến của Quang Dũng:

- Được tổ chức và sáng tạo qua hệ thống thi ảnh độc đáo:

+ Những thi ảnh tạo dựng không gian đặc trưng Tây Bắc với núi-sương-mây chơi vơi, khuất lấp, heo hút mà «chủ âm» chiếm lĩnh không gian là tiếng thác gầm thét, tiếng cọp trên người.

+ Những thi ảnh đậm tính biểu tượng ấm nóng hơi người: súng ngửi trời, mưa xa khơi, mùa em, hội đuốc hoa, hồn lau nẻo bến bờ, mắt trừng gửi mộng, dáng kiều thơm,...

- Tạo ra những thế giới khác, khác hẳn thế giới thực tại và ám ảnh người đọc:

+ Không gian thực với núi rừng heo hút, sơn lam chường khí như thể mất dấu nhường chỗ cho một vùng không gian nội cảm đậm chất Quang Dũng, phản chiếu dáng dấp trượng phu của kẻ sĩ Hà Thành: Những chiến binh Tây Tiến vào tử ra sinh an nhiên như thể đã quên mất cái chết, đang hành quân và đang âm thầm mơ tưởng...

+ Sự tổ chức kết nối các thi ảnh tạo nên sự giao cảm sâu sắc giữa con người và không gian (những vùng không gian ám áp hương người): có dáng kiều thơm tôi thương mà em đâu có hay (chữ Quang Dũng) đi về trong mộng, có dáng đồng đội bỗng súng đội trời, có nàng sơn nữ e ấp ẩn sau màn điệu, có bóng ai chèo đò độc mộc chiều sương, có đôi mắt quắc oai hùng mà đa cảm,... Không gian thực là không gian chiến tranh kiêu như hồn tử sĩ gió ù ù thổi... không tồn tại ở đây. Tất cả đều biến thể qua nỗi nhớ cảnh, nhớ người của một người lính biên cương ngang tàng và lịch lãm.

2.3. Đàn ghi ta của Lor-ca của Thanh Thảo:

- Được tổ chức và sáng tạo qua hệ thống thi ảnh độc đáo:

+ Những thi ảnh tạo dựng không gian đặc trưng Tây Ban Nha với áo choàng đỏ gắt, vàng trắng, yên ngựa, hoa Tử đinh hương (li-la li-la li-la)

+ Sự tổ chức kết nối các thi ảnh bằng kỹ thuật liên văn bản tạo ra sự đồng nhất giữa thi ca và âm nhạc, hội họa và điêu khắc, tự sự và trữ tình, mỹ học Tây phương và minh triết Đông phương để tôn vinh và thương tiếc một thiên tài đoản mệnh: những tiếng đàn bọt nước/li-la li-la li-la.../áo choàng đỏ gắt/áo choàng bê bết đỏ/tiếng ghi ta nâu/tiếng ghi ta lá xanh biết mấy/tiếng ghi ta tròn/tiếng ghi ta rỗng rỗng máu chảy/chiếc ghi ta màu bạc/vàng trắng, yên ngựa/giọt nước mắt vàng trắng,...

- Tạo ra những thế giới khác, khác hẳn thế giới thực tại và ám ảnh người đọc:

+ Hệ thống thi ảnh mở ra một không gian văn hóa đặc trưng của xứ sở Tây ban cầm: Khúc du ca đồng nội, đấu trường, hoa li-la (Tử đinh hương) tím ngắt, kẻ lãng du phiêu bồng... Thi ảnh “vàng trắng”, “yên ngựa” khi được cườm nhạc vào gợi liên tưởng hình ảnh Ph.G.Lor-ca khoác cây đàn hát nghêu ngao, rong ruổi trên yên ngựa truyền bá tiếng nói tự do và khát vọng cách tân nghệ thuật.

+ Thủ pháp đồng nhất giữa hội họa và điêu khắc từ hệ thống thi ảnh áo choàng đỏ gắt/áo choàng bê bết đỏ/tiếng ghi ta nâu/tiếng ghi ta lá xanh biết mấy/ tiếng ghi ta tròn/tiếng ghi ta rỗng rỗng/máu chảy/chiếc ghi ta màu bạc thành một thứ ngôn ngữ tượng trưng: đỏ gắt (sự thách thức), bê bết đỏ (màu máu-cái chết), tiếng ghi ta nâu (màu

đàn-sự hiện hữu màu nhiệm), tiếng ghi ta lá xanh biết mấy (niềm hy vọng thiết tha), tiếng ghi ta tròn-ròng rỗng máu chảy (cái chết-nỗi đau).

+ Kỹ thuật liên văn bản tích hợp đa chiều tạo tiếng nói đa thanh:

++ Tự sự: Đó là câu chuyện bàn về cái chết oan khiên của Lor-ca qua những câu thơ mang dáng dấp văn xuôi: Lor-ca bị điệu về bãi bắn/chàng đi như người mộng du/không ai chôn cất tiếng đàn/đường chỉ tay đã đứt.

++ Trữ tình: Buộc người đọc “Ở không yên ổn ngồi không vững vàng” vì thao thức khôn nguôi: Một Lor-ca đơn thương độc mã trên “đầu trường chính trị” trước thế lực bạo tàn Frãngcô. Một thiên tài cô đơn đi lang thang về miền đơn độc trong một nền nghệ thuật Tây Ban Nha già nua, lỗi thời. Một cái chết oan khốc thảm đau. Một nỗi tiếc thương vô hạn, sự mất mát lớn lao khi tiễn biệt một thiên tài.

++ Sự đồng nhất giữa tính tượng trưng của văn học phương Tây và sự minh triết trong văn học phương Đông qua các thi ảnh (“vàng trắng”, “yên ngựa”: Với văn học phương Tây là sự tượng trưng cho cái Đẹp và thú lãng du hải hồ. Nhưng với Đông phương lại chứa đựng chiều sâu minh triết: Đó là cái Đẹp mang ý vị vĩnh quyết với dự cảm biệt li nghìn trùng).

Là cả một thế giới nghệ thuật qua tâm thức sáng tạo của Thanh Thảo: Sự thương tiếc cùng nỗi lo cho nền nghệ thuật Tây Ban Nha thiếu vắng người dẫn đường và thiếu vắng bản lĩnh dám “đạp đổ thần tượng” để mở ra những chân trời...

3. Đánh giá chung

- Nhận định được dẫn đã khái quát được vai trò của nghệ sĩ đích thực qua cá tính sáng tạo độc đáo của chính mình-quia một cách diễn đạt cô đọng, súc tích, ấn tượng.

- Quang Dũng và Thanh Thảo đã sáng tạo được những hệ thống thi ảnh độc đáo, góp phần làm nên sự thành công của tác phẩm.

- Người tiếp nhận bằng sự đồng sáng tạo của mình đã thực sự đi vào những thế giới khác qua bản lĩnh nghệ thuật của cá nhân nhà văn.

Đề số 3: Trong bài Truyện ngắn đầu tiên, K. Pauxtopxki cho rằng: Chỉ có người nào nói được với mọi người những điều mới mẻ, có ý nghĩa và thú vị, nhìn thấy những gì mà người khác không nhận ra, người đó mới có thể là nhà văn. (“Bông hồng vàng và bình minh mưa”, NXB văn học, 1999, tr.56)

Anh/chị hiểu ý kiến trên như thế nào? Hãy làm sáng tỏ qua một tác phẩm đã học trong chương trình Ngữ văn 11.

1. Giải thích

- Những điều mới mẻ, có ý nghĩa và thú vị là vấn đề tư tưởng độc đáo, sâu sắc, có giá trị nhân sinh lớn lao,...được thể hiện qua những hình thức nghệ thuật độc đáo.

- Nhìn thấy những gì mà người khác không nhận ra là cái nhìn cuộc sống mang tính khám phá và phát hiện của nhà văn.

=> Ý kiến của Pauxtopxki là một định nghĩa về nhà văn với phong cách nghệ thuật độc đáo.

2. Lí giải

Nhà văn cần phải có phong cách nghệ thuật độc đáo là bởi vì:

- Nghệ thuật là lĩnh vực của cái độc đáo. Vì vậy nó đòi hỏi người sáng tác phải có phong cách nổi bật, tức là có nét gì đó rất riêng, mới lạ thể hiện trong tác phẩm. Nhà

văn phải là những người biết đào sâu, biết tìm tòi, khơi những nguồn chưa ai khơi và sáng tạo những gì chưa có (Nam Cao).

- Văn học lấy chất liệu từ cuộc sống. Hiện thực cuộc sống luôn là mảnh đất màu mỡ để nhà văn không ngừng sáng tạo. Nhưng cuộc sống đa dạng, phong phú vẫn có giới hạn. Vì vậy, có khi viết về một đề tài cũ nhưng nhà văn phải có cái nhìn khám phá những điều mới mẻ, thú vị mà người đọc không nhận ra. Có như vậy tác phẩm mới có giá trị và khơi gợi được hứng thú ở người đọc.

- Hơn nữa, phong cách nghệ thuật là yếu tố góp phần tạo nên sự phát triển đa dạng, phong phú cho văn học; là một tiêu chí để đánh giá chính xác vai trò cũng như vị trí của nhà văn trên văn đàn. Bởi chỉ những nhà văn thực thụ, có tài năng và tâm huyết mới tạo nên cho mình những phong cách nghệ thuật độc đáo. Phong cách nghệ thuật của nhà văn được biểu hiện qua tác phẩm cả về nội dung lẫn hình thức. Tác phẩm ấy bao giờ cũng thể hiện cách nhìn nhận, khám phá đầy mới lạ, độc đáo về cuộc sống; hướng đến những nội dung, chủ đề mới; mang một giọng điệu riêng và có những sáng tạo nghệ thuật độc đáo,...

3. Phân tích, chứng minh: Thí sinh có thể lựa chọn phân tích một tác phẩm bất kỳ trong chương trình Ngữ văn 11; song trong quá trình phân tích, bình giá cần chú ý những điểm sau để làm sáng rõ vấn đề đặt ra trong đề bài:

- Quá tác phẩm ấy, tác giả đã mang đến những cái nhìn, phát hiện mới mẻ gì về hiện thực cuộc sống?

- Tác phẩm ấy đã gửi gắm đến bạn đọc những tư tưởng gì mới mẻ, sâu sắc?

- Tác giả đã chuyển tải bức thông điệp của mình bằng những hình thức nghệ thuật độc đáo như thế nào?

- Từ đó đánh giá về tác phẩm và khái quát phong cách nghệ thuật của tác giả.

4. Đánh giá, mở rộng, nâng cao

- Đây là ý kiến đúng đắn, giúp ta thấy được tầm quan trọng của cá tính sáng tạo, phong cách nghệ thuật của nhà văn trong quá trình sáng tác.

- Nhận định đã đặt ra yêu cầu đối với người sáng tác và người tiếp nhận:

+ Với người sáng tác: Phải sống sâu sắc, có tâm hồn tinh tế, nhạy cảm, trí tưởng tượng phong phú và có tài năng nghệ thuật độc đáo.

+ Với người tiếp nhận: Phải biết trân trọng những đóng góp mới mẻ, giá trị của nhà văn qua tác phẩm.

Đề số 4: Người nghệ sĩ đích thực, người nghệ sĩ có tài năng bao giờ cũng mang đến cho đời một cái gì mới, một cái gì riêng biệt chưa từng có. Chính cái mới, cái riêng biệt đó làm cho cuộc sống hiện lên luôn luôn phong phú, lạ lẫm, hấp dẫn.

Anh/chị hiểu ý kiến trên như thế nào? Bằng trải nghiệm văn học của mình, anh/chị hãy làm sáng tỏ.

1. Giải thích nhận định:

- *Người nghệ sĩ đích thực, người nghệ sĩ tài năng:* Chỉ những người có năng lực xuất sắc, có khả năng sáng tạo nên những tác phẩm văn học có giá trị.

- *Cái mới, cái riêng biệt:* cái được làm ra mà chưa từng có, khác hẳn với những gì trước đó.

- *Cuộc sống hiện lên luôn luôn phong phú, lạ lùng, hấp dẫn*: Cuộc sống được kiến tạo trong tác phẩm bằng những hình ảnh và màu sắc riêng. Thế giới trong tác phẩm của nhà văn là thế giới độc đáo, mang đậm dấu ấn chủ quan của người nghệ sĩ.
- Ý kiến đề cập đến vấn đề phong cách văn học. Người nghệ sĩ tài năng là người có phong cách nghệ thuật độc đáo, có khả năng sáng tạo nên một thế giới mới trong tác phẩm của mình. Đó là tài nghệ của người nghệ sĩ trong việc đem đến cho độc giả một cái nhìn mới mẻ về cuộc sống.

2. Lí giải

2.1. Vì sao người nghệ sĩ đích thực, người nghệ sĩ tài năng bao giờ cũng mang đến cho đời một cái gì mới, một cái gì riêng biệt chưa từng có:

- Xuất phát từ chính nhu cầu của cuộc sống, cuộc sống luôn đòi hỏi sự xuất hiện của những nhân tố mới mẻ, những cái không lặp lại.
- Xuất phát từ đặc trưng của quá trình sáng tạo văn học. Sự phát triển của văn học xét đến cùng là sự sáng tạo, chỉ có sáng tạo mới tạo nên sức sống cho tác phẩm. Mỗi tác phẩm ra đời là một khám phá về nội dung, một phát minh về hình thức nghệ thuật.
- Xuất phát từ đặc trưng lao động nghệ thuật của người nghệ sĩ là lao động cá thể. Đồng thời, người nghệ sĩ là người có những tố chất đặc biệt có khả năng sáng tạo nên cái mới.

2.2. Cái mới, cái riêng biệt chưa từng có được biểu hiện như thế nào trong sáng tác của những người nghệ sĩ tài năng:

- Đó là cách nhìn, cách cảm thụ có tính chất khám phá đối với cuộc đời. Cái nhìn thể hiện quan điểm độc đáo về con người, về thế giới. Phong cách của nhà văn được phân biệt đầu tiên ở cách nhìn, cách cảm thụ con người và đời sống.
- Cái mới của nhà văn thể hiện ở giọng điệu riêng gắn với cảm hứng sáng tác. Giọng điệu là thái độ, là lập trường của nhà văn được thể hiện qua phương thức nghệ thuật.
- Cái mới của nhà văn thể hiện ở cách lựa chọn, xây dựng, xử lý đề tài, chủ đề.
- Đó là cái mới biểu hiện ở tính thống nhất, ổn định trong cách sử dụng các phương thức, phương tiện nghệ thuật, từ việc tổ chức kết cấu, định vị thể loại, sử dụng ngôn ngữ...cho đến cách kể chuyện, miêu tả ngoại hình, bộc lộ nội tâm...
- Các biểu hiện nói trên không tồn tại tách rời mà bao hàm lẫn nhau, tồn tại thông qua nhau đem lại cho tác phẩm văn học tính chỉnh thể toàn vẹn.

2.3. Cái mới, cái riêng biệt đã làm cho cuộc sống trong tác phẩm hiện lên phong phú, lạ lùng, hấp dẫn như thế nào:

- Đứng trước hiện thực cuộc sống, mỗi người nghệ sĩ có cách suy ngẫm, lý giải khác nhau, cách lựa chọn những mảng đề tài khác nhau để đặt ra những vấn đề khác nhau. Nhờ đó, cuộc sống hiện lên trong tác phẩm của nhà văn là thế giới riêng, độc đáo, được kiến tạo bằng hình ảnh, màu sắc, phong phú, đa dạng, mang đậm dấu ấn chủ quan của người nghệ sĩ.
- Cuộc sống hiện lên phong phú, lạ lùng, hấp dẫn còn được biểu hiện ở chỗ cùng viết về một đề tài nhưng mỗi nhà văn tài năng lại có những cách nhìn, cách khám phá riêng khiến cuộc sống hiện lên như lần đầu được khám phá.

2.4. Làm thế nào để người nghệ sĩ mang đến cho đời những cái mới mẻ, riêng biệt

- Người nghệ sĩ cần giàu trải nghiệm, giàu vốn sống, hiểu người và hiểu đời.
- Người nghệ sĩ phải có cái tâm, có tình yêu sâu nặng đối với con người và cuộc đời, chính tình đời sâu nặng tạo nên chiều sâu nhân văn trong sáng tác của người nghệ sĩ.
- Người nghệ sĩ phải có bản lĩnh, cá tính sáng tạo mới có thể phát hiện cái đẹp ở chỗ không ai ngờ tới, mang đến cho người đọc bài học trông nhìn và thưởng thức.

3. Phân tích, chứng minh

- Cái mới trong tác phẩm là gì? (Bao gồm cái nhìn, nội dung và nghệ thuật)
- Cái mới đã làm cuộc sống hiện lên phong phú lạ lùng như thế nào?

4. Bình luận

- Ý kiến đúng đắn khẳng định vai trò của hướng đi riêng trong khám phá sáng tạo nghệ thuật. Nhà văn phải tự làm mới mình, quan trọng nhất là đổi mới cách nhìn trước cuộc đời. Tuy nhiên, không phải sự độc đáo nào cũng có giá trị tạo nên phong cách của nhà văn. Mọi sự đổi mới đều không vượt ra ngoài qui luật chân-thiện-mĩ, những vấn đề mang tính nhân bản của con người.
- Người nghệ sĩ sáng tạo nên cái mới nhưng đồng thời cũng phải kế thừa, phát huy tinh hoa của truyền thống.
- Nhận định này không chỉ đúng cho sáng tạo nghệ thuật của nhà văn mà còn là một trong những tiêu chí đánh giá một trào lưu, khuynh hướng văn học, thời kỳ văn học và một nền văn học.
- Khẳng định các tác giả là những nghệ sĩ đích thực
- **Ý kiến đặt ra bài học cho người sáng tạo và tiếp nhận văn học:** Người sáng tạo phải coi việc tạo nên dấu ấn riêng, định hình phong cách là sự sống; người đọc khi đến với tác phẩm văn học phải không ngừng nâng cao tầm đón nhận để cảm nhận vẻ đẹp độc đáo trong sáng tạo nghệ thuật.

Đề số 5: Nhà văn I.X Tuốc- ghê- nhép cho rằng: Cái quan trọng trong tài năng văn học là tiếng nói của mình, là cái giọng riêng biệt của chính mình không thể tìm thấy trong cổ họng của bất kì một người nào khác.

Anh/chị hãy phân tích một số bài thơ tiêu biểu của Xuân Diệu để làm rõ phong cách nghệ thuật độc đáo của ông.

1. Giải thích ý kiến

- *Tài năng văn học:* Khả năng văn học, sự giỏi giang, điều luyện của người nghệ sĩ ngôn từ trong sáng tạo nghệ thuật. Tài năng văn học còn là cách nói hoán dụ để chỉ những nhà văn nhà thơ có tài.
- *Nói:* Là thể hiện thành lời một nội dung nào đó, giọng : Là cách phát âm, cách nói. Tiếng nói của mình, cái giọng riêng biệt của chính mình : Là cách diễn đạt, cách thể hiện độc đáo của một cá nhân về vấn đề nào đó.
- *Không thể tìm thấy trong cổ họng của bất kì một người nào khác:* Duy nhất, không thể có người thứ hai giống mình.

=> Nhận định là cách nói hình ảnh có tính chất đúc kết về cái quan trọng của những tài năng văn học lớn. Đó là: Một nghệ sĩ có tài phải là người có phong cách riêng độc đáo, không lẫn với bất cứ ai, không giống với bất cứ người nào.

2. Lí giải

- Phong cách nghệ thuật của nghệ sĩ là một cái gì đó bền vững, xuyên suốt, lặp đi lặp lại trong các sáng tác trên cả hai phương diện nội dung và hình thức nghệ thuật. Nói cách khác phong cách là biểu hiện tài nghệ của người nghệ sĩ ngôn từ trong việc đem đến cho người đọc một cái nhìn mới mẻ chưa từng có về cuộc đời thông qua những phương thức, phương tiện nghệ thuật mang đậm dấu ấn cá nhân người sáng tạo.

- Phong cách nghệ thuật biểu hiện ở cái nhìn có tính chất khám phá, ở giọng điệu riêng biệt, ở hệ thống hình tượng, ở các phương diện nghệ thuật...

- Điều quan trọng trong tài năng của người nghệ sĩ là cái riêng biệt, độc đáo mà không ai có thể bắt chước, làm theo. Đây vừa là yêu cầu, vừa là tiêu chuẩn để đánh giá vị trí của nghệ sĩ ấy trên văn đàn. Cái riêng ấy sẽ giúp họ ghi được dấu ấn trên nền văn học, được người đọc yêu mến, tôn vinh.

3. Phân tích, chứng minh: Phân tích một số bài thơ tiêu biểu của Xuân Diệu để làm rõ phong cách nghệ thuật độc đáo của ông.

*** Thơ Xuân Diệu thể hiện đầy đủ nhất cho ý thức cá nhân của cái tôi thơ mới nhưng đồng thời cũng mang đậm bản sắc riêng của cái tôi trong thơ Xuân Diệu.**

- Đó là cái tôi tích cực, mãnh liệt, lúc nào cũng thèm yêu, khát sống, khát khao tận hưởng, cống hiến ngay trên thiên đường trần thế này. Cái tôi mang giọng điệu vồ vập, vội vàng, cuống quýt... Dù khi vui hay khi buồn đều nồng nàn, tha thiết.

- Cái nhìn của Xuân Diệu là cái nhìn tình tứ nên thiên nhiên luôn hiện ra với vẻ đẹp xuân tình.

- Thơ Xuân Diệu tiêu biểu cho tinh thần lãng mạn. Mỗi tiếng thơ như một cơn lũ cảm xúc tuôn chảy, câu nọ gọi câu kia, hình ảnh này gọi hình ảnh kia trong một hơi thơ dồi dào, lôi cuốn.

- Mỗi thi phẩm của Xuân Diệu đều có một cấu tứ khá chặt chẽ, không chỉ phơi trải tình cảm một cách đơn thuần, thi sĩ còn đưa ra những quan niệm, những triết lí về tình yêu, tuổi trẻ, hạnh phúc, thời gian...

- Xuân Diệu có những nỗ lực, có những cách tân thơ tiếng Việt bằng sự bền bỉ học hỏi và vận dụng cấu trúc thơ phương Tây, sáng tạo những điệu nói, những cách nói mới, phát huy được triệt để các giác quan trong cảm nhận.

Lưu ý: Học sinh chọn các bài thơ tiêu biểu như *Vội vàng*, *Thơ duyên*, *Đây mùa thu tới...* để minh họa cho từng đặc điểm trên của phong cách thơ Xuân Diệu.

3. Bình luận

- Phong cách độc đáo chính là yếu tố quyết định tài năng và sức sống của tác phẩm.

- Xuân Diệu đã khẳng định được vị trí của mình trên văn đàn bởi giọng điệu riêng biệt của chính mình mà không thể tìm thấy trong cổ họng của bất kì một người nào khác.

TIẾP NHẬN VĂN HỌC

Các nhân tố trong đời sống văn học bao gồm: **Tác giả, tác phẩm, người tiếp nhận**. Các nhân tố ấy luôn có sự tác động lẫn nhau, kích thích nhau để cùng phát triển. Trong đời sống văn học không thể thiếu bất kì một nhân tố nào. Nói đến tiếp nhận văn học là nhắc đến bạn đọc (người tiếp nhận).

1. Tiếp nhận trong đời sống văn học

- Cũng như bất cứ một loại hình nghệ thuật nào khác, trong đời sống văn học luôn có mối liên hệ qua lại giữa sáng tạo, truyền bá và tiếp nhận. Nếu tác giả là người sáng tạo văn học thì tác phẩm là phương tiện truyền bá văn học và người đọc là chủ thể tiếp nhận văn học. Không có người đọc, không có công chúng thì những cố gắng của tác giả, mọi giá trị của tác phẩm cũng trở nên vô nghĩa.

- Cần phân biệt tiếp nhận và đọc. Tiếp nhận rộng hơn đọc, vì trước khi có chữ viết và công nghệ in ấn, tác phẩm văn học đã được truyền miệng. Ngày nay, khi tác phẩm văn học chủ yếu được in ra, nhiều người vẫn tiếp nhận văn học không phải do đọc bằng mắt mà nghe bằng tai, như nghe chính tác giả đọc thơ, nghe “đọc truyện đêm

khuya” trên đài phát thanh... Tiếp nhận văn học chính là quá trình người đọc hoà mình vào tác phẩm, rung động với nó, đắm chìm trong thế giới nghệ thuật được dựng lên bằng ngôn từ, lắng nghe tiếng nói của tác giả, thưởng thức cái hay, cái đẹp, tài nghệ của người nghệ sĩ sáng tạo. Bằng trí tưởng tượng, kinh nghiệm sống, vốn văn hoá và bằng cả tâm hồn mình, người đọc khám phá ý nghĩa của từng câu chữ, cảm nhận sức sống của từng hình ảnh, hình tượng, nhân vật, dõi theo diễn biến của câu chuyện, làm cho tác phẩm từ một văn bản khô khan biến thành một thế giới sống động, đầy sức cuốn hút. Như vậy, tiếp nhận văn học là hoạt động tích cực của cảm giác, tâm trí người đọc nhằm biến văn bản thành thế giới nghệ thuật trong tâm trí mình.

2. Tính chất tiếp nhận văn học

- Tiếp nhận văn học thực chất là một quá trình giao tiếp. Sự giao tiếp giữa tác giả với người tiếp nhận là mối quan hệ giữa người nói và người nghe, người viết và người đọc, người bày tỏ và người chia sẻ, cảm thông. Bao giờ người viết cũng mong người đọc hiểu mình, cảm nhận được những điều mình muốn gửi gắm, kí thác. Cao Bá Quát từng nói: “Xưa nay, nỗi khổ của người ta không gì bằng chữ tình, mà cái khó ở đời không gì bằng sự gặp gỡ”. Gặp gỡ, đồng điệu hoàn toàn là điều vô cùng khó khăn. Song đâu không có được sự gặp gỡ hoàn toàn, tác giả và người đọc thường vẫn có được sự tri âm nhất định ở một số khía cạnh nào đó, một vài suy nghĩ nào đó. Đọc *Truyện Kiều*, người không tán thành quan niệm “Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau” của Nguyễn Du vẫn có thể chia sẻ với ông nỗi đau nhân thế; người không bằng lòng việc tác giả để cho Từ Hải ra hàng vẫn có thể tâm đắc với những trang ngợi ca người anh hùng “Chọc trời khuấy nước mặc dầu - Dọc ngang nào biết trên đầu có ai”,...

- Trong sự giao tiếp giữa tác phẩm với độc giả, cần chú ý tính chất cá thể hoá, tính chủ động, tích cực của người tiếp nhận. Ở đây, năng lực, thị hiếu, sở thích của cá nhân đóng vai trò rất quan trọng; tùy theo lứa tuổi già hay trẻ, trình độ học vấn cao hay thấp, kinh nghiệm sống nhiều hay ít mà có kết quả tiếp nhận cụ thể, riêng biệt cho mỗi người. Thậm chí cùng một người, lúc nhỏ đọc tác phẩm ấy đánh giá khác, sau lớn lên đánh giá khác, về già lại đánh giá khác. Tính khuynh hướng trong tư tưởng, tình cảm, trong thị hiếu thẩm mỹ càng làm cho sự tiếp nhận văn học mang đậm nét cá nhân và chính sự chủ động, tích cực của người tiếp nhận đã làm tăng thêm sức sống của tác phẩm. Tác phẩm văn học tuy miêu tả cuộc sống cụ thể, toàn vẹn, sinh động, nhưng vẫn còn rất nhiều điều mơ hồ, chưa rõ. Người đọc phải quan sát, tri giác để làm nổi lên những nét mờ, khôi phục những chỗ còn bỏ lửng, nhận ra mối liên hệ của những phần xa nhau, ý thức được sự chi phối của chính thể đối với các bộ phận. Ở đây không chỉ có tác phẩm tác động tới người đọc, mà còn có việc tác động, tìm tòi của người đọc đối với văn bản. Thiếu sự tiếp nhận tích cực của người đọc thì tác phẩm chưa thể hiện lên thật sinh động, đầy đặn, hoàn chỉnh.

- Tính đa dạng, không thống nhất cũng là một điểm nổi bật trong sự giao tiếp của người đọc với tác phẩm. Tính chất này bộc lộ ở chỗ cùng một tác phẩm nhưng cảm thụ và đánh giá của công chúng có thể rất khác nhau. Đọc *Truyện Kiều*, người thấy ở Thuý Kiều tấm gương hiếu nghĩa, người coi nàng như là biểu tượng cho thân phận đau khổ của người phụ nữ,... Sự khác nhau trong cảm nhận, đánh giá tác phẩm có nguyên nhân ở cả tác phẩm và người đọc. Nội dung tác phẩm càng phong phú, hình tượng nghệ thuật càng phức tạp, ngôn từ càng đa nghĩa thì sự tiếp nhận của công chúng về tác phẩm càng lắm hình nhiều vẻ. Tuổi tác, kinh nghiệm sống, học vấn hay tâm trạng người đọc cũng tác động không nhỏ đến quá trình tiếp nhận tác phẩm. Chẳng hạn cùng đọc truyện Bà chúa tuyết của An-đéc-xen, trẻ em và người lớn đều thích thú, nhưng cách hiểu của mỗi

người lại không giống nhau. Vẫn là bài Thơ duyên của Xuân Diệu nhưng khi buồn đọc khác, khi vui đọc khác, khi đang yêu đọc khác. Điều đáng lưu ý là, dù cách hiểu có khác nhau, nhưng người đọc cần cố gắng để đạt tới một cách hiểu đúng về tác phẩm, làm sao để tác phẩm toả sáng đúng với giá trị thực của nó.

3. Các cấp độ tiếp nhận văn học

- Đọc và hiểu tác phẩm văn học là một hành động tự do, mỗi người có cách thức riêng, tùy theo trình độ, thói quen, thị hiếu, sở thích của mình, nhưng nếu nhìn nhận một cách khái quát vẫn có thể thấy những cấp độ nhất định trong cách thức tiếp nhận văn học.

+ **Cấp độ 1:** Thứ nhất là cách cảm thụ chỉ tập trung vào nội dung cụ thể, nội dung trực tiếp của tác phẩm, tức là xem tác phẩm kể chuyện gì, có tình ý gì, các tình tiết diễn biến ra sao, các nhân vật yêu ghét nhau thế nào, sống chết ra sao... Đó là cách tiếp nhận văn học đơn giản nhất nhưng cũng khá phổ biến.

+ **Cấp độ 2:** Là cách cảm thụ qua nội dung trực tiếp để thấy nội dung tư tưởng của tác phẩm. Ở đây người đọc có tư duy phân tích, khái quát, biết từ những gì cụ thể, sinh động mà thấy vấn đề đặt ra và cách thức người viết đánh giá, giải quyết vấn đề theo một khuynh hướng tư tưởng - tình cảm nào đó.

+ **Cấp độ 3:** Là cách cảm thụ chú ý đến cả nội dung và hình thức biểu hiện của tác phẩm, thấy cả giá trị tư tưởng và giá trị nghệ thuật của nó, cảm nhận được cái hấp dẫn, sinh động của đời sống được tái hiện, lại biết thưởng thức cái hay, cái đẹp của câu chữ, kết cấu, loại thể, hình tượng..., qua đó không chỉ thấy rõ ý nghĩa xã hội sâu sắc của tác phẩm mà còn xem việc đọc tác phẩm là cách để nghỉ, để cảm, để tự đối thoại với mình và đối thoại với tác giả, suy tư về cuộc đời, từ đó tác động tích cực vào tiến trình đời sống.

- Để tiếp nhận văn học thực sự có hiệu quả, người đọc phải không ngừng nâng cao trình độ hiểu biết của mình, tích lũy kinh nghiệm tiếp nhận, biết trân trọng sản phẩm sáng tạo của một ý thức khác, lắng nghe một tiếng nói khác, làm quen với một giá trị văn hoá khác, tìm cách để hiểu tác phẩm một cách khách quan, toàn vẹn, nhờ thế mà làm phong phú thêm vốn cảm thụ của mình. Không nên thụ động mà phải tiếp nhận văn học một cách chủ động, tích cực, sáng tạo, hướng tới cái hay, cái đẹp, cái đúng. Thói quen đọc - hiểu theo kiểu suy diễn tùy tiện chẳng những làm thu hẹp các giá trị khách quan vốn có của tác phẩm, mà còn làm nghèo năng lực tiếp nhận các tác phẩm mới, lạ và khó. Người ta bao giờ cũng có phát hiện mới về tác phẩm trên tầm cao của kiến thức, tình yêu thiết tha với cái đẹp, sự say mê và rung cảm mãnh liệt với văn chương.

Tóm lại: *Giá trị của tác phẩm văn học không chỉ phụ thuộc vào tác giả (người sáng tác) mà còn tùy thuộc vào khả năng tiếp nhận của người đọc. Người đọc (người tiếp nhận) không chỉ cần là tri âm tri kỉ với nhà văn mà còn tham gia vào tác phẩm với vai trò là người đồng sáng tạo.*

LUYỆN ĐỀ

Đề số 1: Có ý kiến cho rằng: “Khi tác phẩm kết thúc, ấy là lúc cuộc sống của nó mới thực sự bắt đầu”. Anh (chị) hãy bình luận ý kiến trên.

1. Giải thích

- *Khi tác phẩm kết thúc*: là khi tác giả đã hoàn thành tác phẩm cũng là khi người đọc đã đọc xong tác phẩm.

- *Ấy là lúc cuộc sống của nó mới thực sự bắt đầu*: nghĩa là lúc bấy giờ tác phẩm mới thực sự sống đời sống của nó trong tâm trí người đọc, tác phẩm mới thực sự nhập vào đời sống thông qua người đọc.

=> Ý kiến đề cập đến vấn đề tiếp nhận văn học. Nó đề cao vai trò của chủ thể tiếp nhận là người đọc.

2. Lí giải

- Tác phẩm văn học là một văn bản ngôn từ. Nhưng đặc trưng của ngôn từ là tính mơ hồ đa nghĩa nên người ta gọi tác phẩm văn học là một "văn bản mở". "Văn bản mở" nghĩa là tác phẩm gồm hai phần: "phần cứng" là những con chữ bề mặt văn bản đang nằm im, "phần mềm" là hệ thống tư tưởng, ý nghĩa được xuất hiện trong quá trình tiếp nhận. Vì thế, cái gọi là "tác phẩm văn học" chỉ thực sự tồn tại khi nó biến thành cái "phần mềm" kia, còn nếu không nó trở thành "quyển sách". Mà rõ ràng, ý muốn của nhà văn là truyền đến bạn đọc những lẽ sống của đời chứ không phải để bán sách.

- Ngay từ x-a, Heghen trong Triết học tinh thần đã yêu cầu việc xem xét tác phẩm trong hệ thống "tác giả — tác phẩm — người đọc" vì ông cho rằng sự tồn tại của tác phẩm chỉ tồn tại trong ba yếu tố quan hệ hữu cơ với nhau ấy thôi. Còn người Trung Quốc xưa, lại cho rằng tác phẩm tồn tại trong lòng của người tri kỉ chứ không trên trang giấy; vì thế việc viết văn là việc của tấm lòng. Chính vì thế, tác phẩm chỉ thực sự tồn tại khi người ta ý thức được về nó mà thôi. Người đọc là người cứu tác phẩm ra khỏi hàm mộ của sách, giúp nó sống lại và bước đi giữa cuộc đời và hồn người. Tác phẩm tái sinh trong lòng bạn đọc. Vì thế, mỗi tác phẩm là một tiếng mời gọi tha thiết tấm lòng bạn đọc đến với mình, tri âm với mình để mình có được một đời sống mới. Sức sống của tác phẩm không nằm ở lời ra lệnh của nhà binh hay truyền giáo của tu sĩ mà nằm ở trường nhìn, trường cảm của từng cá nhân đọc khác nhau.

- Tuỳ từng tư tưởng, kinh nghiệm, thẩm mỹ của mỗi độc giả mà tác phẩm có muôn ngàn cuộc sống khác nhau. Vì thế, tác phẩm vừa là nó, vừa chẳng là nó. Sự thú vị trong đa dạng tiếp nhận cũng chẳng kém sự thú vị trong đa dạng sáng tạo. Vì thế sức sáng tạo của nhà văn, qua bạn đọc cứ nhân lên đến vạn lần. Và thế là nghệ thuật có sự sống vĩnh hằng vì nghệ thuật có hai con đường: sáng tạo hay là chết.

3. Phân tích, chứng minh

Thí sinh cần phải minh hoạ bằng các tác phẩm văn học mà mình nắm vững.

(Dưới đây là một vài ví dụ gợi ý)

- Đôn-ki-hô-tê: Người Tây Ban Nha gọi chàng là kẻ điên rồ, người Pháp gọi là chú hề đáng thương, đến chủ nghĩa lãng mạn gọi Đôn-ki-hô-tê là người anh hùng còn sót lại, chủ nghĩa hiện thực lại coi là biểu tượng của sự suy vi một thời phong kiến đã qua. Vậy rõ ràng, những môi trường văn hoá khác nhau tạo ra những "phạm trù hiểu" không cùng hướng. Ta coi tác phẩm như cái đài nhiều dải tần, ai thích nghe sóng nào thì nghe, nhưng phải bắt đúng dải sóng nếu không chỉ có tạp âm thôi. Vì thế, sự "đúng — sai" trong tác phẩm là quy luật nội tại tất yếu của văn học, nó chỉ thúc đẩy sự sống của tác phẩm trường tồn mà thôi. Vậy thì lịch sử văn học, xét đến cùng, là lịch sử tiếp nhận văn học.

- Văn cảnh của Hồ Chí Minh. Chữ "lưỡng" là từ chìa khoá để khai mở bài thơ.

Xuân Diệu coi "lưỡng" ở đây là hai sự vô tình khép kín một đời hoa, còn Trần Đình Sử coi "lưỡng" là phó từ, còn chủ ngữ hàm ẩn "quyết định nghĩa" bài thơ là người tù Hồ Chí Minh, tự trách mình vô tình. Thú vị nhất là Nguyễn Khắc Phi khi đưa ra quan niệm

"luồng vô tình" là sự trôi chảy liên tục, bất biến của thời gian đã làm cho người tù bất bình.

- VV...

4. Bình luận

- Khẳng định đây là một ý kiến đúng đắn, súc tích, chứa đựng những ý tưởng sắc sảo với hình thức diễn đạt gây ấn tượng. Nó đã chỉ ra được mối liên hệ thực tế giữa nghệ thuật và đời sống, giữa sáng tạo và tiếp nhận. Nó đề cập được vấn đề cốt lõi của vòng đời tác phẩm. Nó nhấn mạnh vai trò của người đọc tri âm và là người đồng sáng tạo, người quyết định đến đời sống thực sự của tác phẩm nghệ thuật.

- Tuy nhiên, không thể phủ định hoàn toàn rằng số phận tác phẩm nằm ngoài khả năng quyết định của tác giả. Sự sống của tác phẩm, trước hết phải do chính nó và người làm ra nó quyết định. Vấn đề được đặt ra với người cầm bút muốn viết lên những tác phẩm có giá trị thực sự để phút mà tác phẩm kết thúc cũng chính là lúc sự sống của nó bắt đầu (chứ không phải là cuộc sống) thì việc kết hợp giữa cái tài và cái tâm là luôn luôn cần thiết. Như Nguyễn Du đã từng nói: Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài.

Đề số 2: Hình tượng nhân vật được sinh ra từ tâm trí của nhà văn nhưng chỉ thực sự sống bằng tâm trí của người đọc.

Bằng tri thức và trải nghiệm văn học của mình, bạn hãy bình luận ý kiến trên.

1. Giải thích

- *Nhân vật văn học*: là khái niệm dùng để chỉ hình tượng các cá thể con người trong tác phẩm văn học – cái đã được nhà văn nhận thức, tái tạo, thể hiện bằng các phương tiện riêng của nghệ thuật ngôn từ.

- *Hình tượng nhân vật được sinh ra từ tâm trí của nhà văn*: nhà văn là người lao tâm khổ trí sáng tạo ra hình tượng nhân vật nhưng đó mới là hình tượng bằng chất liệu ngôn ngữ.

- *Chỉ thực sự sống bằng tâm trí của người đọc*: người đọc mới là người biến hình tượng nhân vật ở dạng ngôn ngữ thành sinh thể trong tâm trí của mình.

=> Câu nói nêu lên vai trò của cả hai đối tượng là nhà văn và người đọc trong quá trình sáng tạo – tiếp nhận văn học, nhưng trọng tâm là đề cao vai trò của người đọc trong việc biến hình tượng từ những kí tự trên mặt giấy thành sinh thể tồn tại trong đời sống tinh thần của con người, của xã hội.

2. Lí giải

- Hình tượng nhân vật do nhà văn sáng tạo ra trong tác phẩm chỉ là loại sản phẩm thuộc về tiềm năng. Người đọc mới là người quyết định biến hình tượng nhân vật từ thế tiềm năng trong ngôn ngữ, trên trang sách thành hình tượng sống động. Ví thế, hình tượng nhân vật chỉ thực sự sống như một sinh thể trong tâm trí và bằng tâm trí người đọc.

- Ý đồ của nhà văn chỉ là một khả năng tồn tại của hình tượng nhân vật trong tác phẩm. Mỗi người đọc, bằng nền tảng văn hóa, tâm lí, trình độ thụ cảm riêng lại tạo ra vô vàn khả năng khác, cách hiểu khác nhau, ý nghĩa khác nhau về hình tượng nhân vật.

3. Phân tích, chứng minh

- Cần lựa chọn được một số hình tượng nhân vật tiêu biểu trong các tác phẩm văn học để phân tích làm sáng tỏ vai trò sáng tạo của nhà văn và giới hạn của hình tượng khi còn ở dạng ngôn ngữ.

- Khẳng định người đọc có vai trò tạo ra sự sống cho hình tượng nhân vật khi đọc tác phẩm. Phân tích được những nhân tố dẫn đến vai trò quyết định của người đọc đối với sự sống của hình tượng nhân vật.

- Gợi ý một số nhân vật:

+ Nhân vật Thúy Kiều – trong Truyện Kiều của Nguyễn Du

+ Nhân vật Chí Phèo – Nam Cao

+ Người vợ nhặt – Vợ Nhặt của Kim Lân

+ Đường Tăng - Tây du kí của Ngô Thừa Ân

+ Đôn ki hô tê...

4. Bình luận

- Đây là nhận định đúng đắn. Tuy nhiên không được coi thường những ý đồ tư tưởng của nhà văn. Trong đời sống lí luận văn học, câu nói —Tác giả đã chết‖ ý muốn đề cao vai trò của người đọc, nhưng —Tác giả muôn năm‖ vì tác giả là người sáng tạo ra hình tượng nhân vật. Mặt khác, bản thân nhân vật cũng có sức sống nội tại của mình.

- Việc đồng sáng tạo với nhà văn ở người đọc không có nghĩa là bình tán, suy diễn tùy tiện, gượng ép mà phải trên cơ sở hiểu được bản chất, quy luật sáng tạo nghệ thuật, xuất phát từ văn bản tác phẩm, từ hình tượng nhân vật.

- Câu nói có ý nghĩa dẫn dắt người đọc có thái độ tích cực trải nghiệm, tranh biện khi tiếp nhận tác phẩm văn chương nghệ thuật.

Đề số 3: Bình luận quan niệm của J.Paul. Sartre: “Tác phẩm văn học như con quay kì lạ, chỉ có thể xuất hiện trong vận động. Muốn làm cho nó xuất hiện, cần phải có một hoạt động cụ thể là sự đọc. Và tác phẩm văn học chỉ kéo dài chừng nào sự đọc còn có thể tiếp tục. Ngoài sự đọc ra, nó chỉ còn là những vệt đen trên giấy trắng”.

Bằng trải nghiệm văn học của mình anh/chị hãy làm sáng tỏ.

1. Giải thích

- Tác phẩm văn học như con quay kì lạ, chỉ có thể xuất hiện trong vận động. Tác phẩm văn học không phải là cái hoàn tất cố định sau quá trình thai nghén của nhà văn mà luôn luôn vận động biến đổi như —con quay kì lạ‖. Tác phẩm chỉ hiện tồn —trong vận động‖. Vận động là điều kiện thiết yếu để tác phẩm có thể xuất hiện, là đời sống đích thực của tác phẩm.

- Muốn làm cho nó xuất hiện, cần phải có một hoạt động cụ thể là sự đọc. Và tác phẩm văn học chỉ kéo dài chừng nào sự đọc còn có thể tiếp tục. Ngoài sự đọc ra, nó chỉ còn là những vệt đen trên giấy trắng. Cơ chế cho sự vận động của văn bản nghệ thuật là —sự đọc‖. —Sự đọc‖ có ý nghĩa sống còn đối với sức sống của tác phẩm. Không được đọc giả tiếp nhận, tác phẩm chỉ là những —vệt đen trên giấy trắng‖ —những con chữ vật lí vô cảm, vô hồn. Nghĩa là coi văn bản được nhà văn sáng tạo ra mới chỉ ở dạng —tiềm năng‖. Sự đọc là máu để biến một thể xác vật chất (văn bản) thành một sinh thể có xúc cảm, có vui buồn, có trăn trở.

=> Ý kiến của J.Paul.Sartre đề cập đến vấn đề tiếp nhận văn học. Ông quan niệm văn học là hoạt động giao tiếp, là một quá trình. Từ đó đề cao vai trò của chủ thể tiếp nhận là người đọc với đời sống văn học.

2. Lí giải

- Quan niệm của Sartre là hoàn toàn có lí.

- Dễ dàng nhận thấy dấu ấn triết học hiện sinh trong nhận định này. Sự vật hiện tượng tồn tại trong thế giới ở hình thức cá thể, hiện thực với sinh hoạt hàng ngày. Cho nên, tác phẩm văn học là một sản phẩm tinh thần, được cụ thể bằng dạng vật chất (văn bản ngôn từ), cũng chỉ có ý nghĩa trong đời sống của nó – sự đọc. Được viết ra từ những ẩn ức của nhà văn nhưng để hướng tới độc giả, nhân loại nói chung, tách khỏi sự đọc, tác phẩm chỉ là cái xác vô hồn.

- Quá trình văn học được tạo thành từ quá trình sáng tác (của nhà văn) và quá trình tiếp nhận (của người đọc). Nó có tính liên tục, quan hệ chặt chẽ, không tách rời bởi hạt nhân – văn bản. Trung tâm của quá trình văn học là văn bản. Nhà văn tạo ra văn bản đồng nghĩa với việc sáng tạo những tín hiệu thẩm mỹ, thực hiện quá trình kí mã (chuyển ngôn ngữ tự nhiên thành ngôn ngữ nghệ thuật). Đến lượt mình, độc giả thực hiện việc giải mã.

- Ý đồ của nhà văn chỉ là một khả năng tồn tại của tác phẩm. Mỗi người đọc, bằng nền tảng văn hóa, tâm lí, trình độ thụ cảm riêng lại tạo ra vô vàn khả năng khác cho văn bản. Xét ở góc độ này, văn bản có tính độc lập tương đối với nhà văn và bạn đọc. Cái trục của —con quay kì lạ chính là những chỉ dẫn nghệ thuật thông qua hệ thống tín hiệu thẩm mỹ trong tác phẩm.

- Đời sống của tác phẩm không phải tính bằng thời gian nhà văn thai nghén ra nó. Có những sản phẩm nghệ thuật mới ra đời đã chết yểu và mãi mãi không phục sinh vì thiếu vắng độc giả. Lại có những tác phẩm cổ xưa vẫn dồi dào sức sống nhờ quá trình thụ cảm còn tiếp tục.

3. Phân tích, chứng minh

Cần phải minh họa bằng các tác phẩm văn học phù hợp để bàn trúng yêu cầu của đề. (Dưới đây là một vài ví dụ gợi ý)

- Truyện Kiều của Nguyễn Du khai sinh cách đây mấy nghìn năm vẫn còn mời gọi khám phá, tạo ra biết bao cách cảm nhận và tranh luận khác nhau. Có thời, người ta đặt Truyện Kiều lên bàn cân tư tưởng phong kiến để đánh giá vị trí của tác phẩm.

Dùng quan điểm xã hội học, áp đặt những yếu tố bên ngoài để nhận xét mà không căn cứ vào ngôn từ, mọi nhận định cơ hồ đều đi vào phiến diện, bế tắc. GS Trần Đình Sử, dựa trên cơ sở ngôn ngữ học, phân tích các tín hiệu thẩm mỹ đã rút ra những luận điểm chính xác về Thi pháp Truyện Kiều, gợi mở cho chúng ta thấy cách tiếp cận trực trự của —con quay kì lạ chính là ngôn từ nghệ thuật.

- Tính độc lập tương đối của văn bản khiến cho nhiều khi bạn đọc có thể phát hiện những nét mới ngoài ý đồ sáng tạo của nhà văn. Kim Lân từng bất ngờ khi trong kì thi ĐH, khối D, năm 2005, có một học sinh được điểm 10 khám phá ra một điều mà ông chưa bao giờ dụng công trong xây dựng phẩm chất anh cu Tràng (sự hiểu thảo với bà cụ Tứ). Người đọc từ một bộ mã mà nghệ sĩ đã kí gửi – văn bản có thể giải theo nhiều cách khác nhau, tạo ra những khả năng thụ cảm phong phú.

- Sáng tạo văn học đồng nghĩa với việc thiết kế những tín hiệu thẩm mỹ. Đó là những chỉ dẫn nghệ thuật người đọc dù tạo ra bao nhiêu khả năng cho tác phẩm vẫn phải tự phát từ trục quay này. Chẳng hạn, tín hiệu thẩm mỹ —mặt chữ điền (Đây thôn Vĩ Dạ - Hàn Mặc Tử) có thể hiểu là khuôn mặt của người con trai – tác giả hoặc khuôn mặt của người con gái soi qua trái tim nhớ thương da diết của thi sĩ. Dấu hiệu theo cách nào cũng cần đặt trong hệ thống – nghĩa là gắn với văn cảnh —Lá trúc che ngang mặt chữ điền để thấy được nét đẹp của con người Vĩ Dạ và niềm hoài mong đau đáu của Hàn Mặc Tử.

- Cặp hình tượng —non – nước ở —Thề non nước của Tản Đà mang tính đa nghĩa: vừa là hai vật thể thiên nhiên với qui luật muôn đời, vừa là người con trai và người con gái nhớ thương trong xa cách, vừa là đất nước bị cắt chia đầy xa xót nhưng tất cả đều mang một trạng thái cảm xúc chung.

4. Bình luận

- Khẳng định ý nghĩa của sự đọc không có nghĩa phủ nhận vai trò của nhà văn và quá trình sáng tạo. —Con quay kì lạ đầu biển ảo, vận động về đâu cũng cần có một trục trụ duy nhất để cân bằng. Ấy là những chỉ dẫn nghệ thuật, những tín hiệu thẩm mĩ mà nhà văn dày công xây dựng trong tác phẩm.

- Văn bản thì duy nhất nhưng tác phẩm xét ở chừng mực nhất định là bất tận. Tác phẩm có thể chỉ được tạo ra trong một khắc, nhưng sinh mệnh của nó là bất tử (đối với các kiệt tác). Độc giả chính là thước đo giá trị đích thực của một tác phẩm văn học. Quan niệm hiện sinh của J.Paul.Sartre xét cho cùng đã đạt đến bản chất tồn tại của tác phẩm văn học.

Đề số 4: Nhà lý luận văn học Trung Quốc Lưu Hiệp cho rằng: “Phàm việc làm văn thì nội tâm có bị xúc cảm lời nói mới phát ra. Nhưng người xem văn thì (ngược lại): trước xem lời văn rồi sau mới vào nội tâm tác giả. Nếu ta cứ theo sóng đi ngược lên tìm nguồn thì dù văn có kín đáo cũng sáng rõ. Đời xa không ai thấy mặt nhà văn, nhưng xem văn liền thấy tiếng lòng của họ”. (Văn tâm điêu long/ thiên Tri âm; NXB Văn học; H; 1999; trang 274)

Anh chị hiểu ý kiến trên như thế nào? Hãy làm sáng tỏ qua một số tác phẩm văn học tiêu biểu.

1. Giải thích:

- Làm văn và xem văn. Thực chất là hai quá trình quan trọng của đời sống văn học: quá trình sáng tạo và tiếp nhận văn học. Ở đó khái niệm —văn tức là tác phẩm văn học là trung tâm. Làm văn là quá trình của người sáng tác, nhà văn. Xem văn là quá trình tiếp nhận của người đọc.

- Người làm văn thì xúc cảm lời nói mới phát ra: Nội dung của tác phẩm văn chương là nội dung cảm xúc, nhất là thơ. Người làm thơ có xúc động, cảm xúc thì lời nói mới phát ra. Văn bản văn học là sự thể hiện tình cảm, tư tưởng của người nghệ sĩ trên mặt giấy. Cảm xúc trong thơ phải mãnh liệt, tràn đầy. Rất nhiều người đề cao vai trò của cảm xúc với việc làm văn. Thơ phát khởi phát từ lòng người, Hãy xúc động hồn thơ cho ngòi bút có thần...

- Ngược lại, người xem văn, trước xem ngôn ngữ, rồi hiểu người; rồi sóng tìm nguồn để thấy tiếng lòng của người làm văn. Quy trình của tiếp nhận: trước phải xem văn. Nghĩa là phải xuất phát từ văn bản ngôn từ; ngôn ngữ là cái lớp rào cản đầu tiên khi tiếp xúc văn bản văn học. Văn bản văn học gồm thể giới hình tượng và các lớp nội dung ý nghĩa được ẩn tàng bên trong văn bản ngôn từ. Không thể hiểu văn nếu không giải mã văn bản ngôn từ. Đó là hệ thống kí hiệu được mã hóa để chuyển tải thông điệp thẩm mĩ của người làm văn, nghệ sĩ ngôn từ. Xúc cảm trước cuộc đời, trước số phận con người được nghệ sĩ thể hiện kín đáo trong trang văn, sau văn. Nội dung cảm xúc của tác phẩm văn học ít khi phơi lộ trên bề mặt của văn bản ngôn từ ngôn từ, mà thường được gửi gắm kín đáo đằng sau câu chữ. Người xem văn phải biết rẽ sóng tìm nguồn, làm hành trình ngược dòng văn sẽ bắt gặp tiếng lòng tác giả:

Đời xa không ai thấy mặt nhà văn, nhưng xem văn liền thấy tiếng lòng của họ.

- Phải thấy có khi rẽ sóng mà không thấy nguồn, không tìm được mặt thi nhân. Nhưng nếu thực sự rung động, sống hết mình với tác phẩm, chắc chắn người xem văn sẽ bắt gặp phần nào tiếng lòng của họ. Tri âm hoàn toàn là điều lí tưởng, là mong ước, nhưng khó thay: “Bách niên ca tự khổ / Vị kiến hữu tri âm”. (Tự làm khổ cả trăm năm vì thơ / Mà vẫn chưa thấy có người hiểu mình). Khó nhưng không phải không có. Chuyện Bá Nha Tử Kỳ đâu chỉ là chuyện đời xưa. Đó là câu chuyện của muôn đời về tri kỉ tri âm. Trần Phồn và điển chiếc giường cũng là nói chuyện ấy. Mắt xanh cũng là điển chỉ sự thấu hiểu nhau của những người tri kỉ. Tô Hữu, Huy Cận, Chế Lan Viên và cả dân tộc thấu hiểu nỗi lòng Nguyễn Du? Thanh Thảo tri âm với nghệ sĩ cách ngàn trùng cây số? Những tấm lòng đồng cảm vượt không gian và thời gian.

=> Ý kiến của Lưu Hiệp thật đúng đắn và xác đáng khi bàn về quá trình sáng tạo của nhà văn và quá trình tiếp nhận của người đọc.

2. Phân tích, chứng minh

Chọn một số tác phẩm tiêu biểu, phân tích để làm sáng tỏ hai vấn đề lời nhận định đề cập đến là làm văn và xem văn:

2.1. Việt Bắc

*** Có xúc cảm lời nói mới phát ra: Từ cảm hứng bộc lộ thành nội dung và hình thức**

- Hoàn cảnh ra đời
- Xúc cảm thành cảm hứng nghệ thuật
- Hô ứng đồng vọng trong nỗi nhớ về 15 năm trên chiến khu Việt Bắc
- Cảm xúc ấy phải tìm đến bộc lộ qua các hình thức nghệ thuật: thể thơ, kết cấu, ngôn từ, hình ảnh, giọng điệu, các biện pháp nghệ thuật...

*** Xem văn từ lời văn đi vào nội tâm tác giả**

- Từ hình thức nghệ thuật nêu trên: câu chữ, ngôn từ, hình ảnh, biện pháp nghệ thuật..., người tiếp nhận có thể hiểu được tâm tư, tình cảm, tư tưởng của tác giả: (Phân tích bài thơ)

*** Với cách thức tiếp nhận như vậy thì dù văn có kín đáo cũng sáng rõ. Đời xa không ai thấy mặt nhà văn, nhưng xem văn liền thấy tiếng lòng của họ**

- Có kín đáo cũng sáng rõ: Những nỗi niềm của nhà thơ được thể hiện kín đáo qua ngôn từ, hình ảnh, ... đều được nhìn rõ. Vd: Người về rừng núi nhớ ai...để già”
- Không thấy mặt nhà văn nhưng có thể hiểu tâm tư và tiếng lòng của họ:

3. Bình luận

- Ý kiến đúng đắn, xác đáng, thể hiện cái nhìn sâu sắc của nhà lí luận văn học Lưu Hiệp.
- Tuy nhiên, phải thấy cái gốc của văn chương là tình cảm, cảm xúc. Vì thế, để sáng tạo nên một tác phẩm văn học chân chính, nhà văn phải có tâm vóc tư tưởng, tình cảm lớn.
- Trong quá trình tiếp nhận, người đọc cần —lấy hồn tôi để hiểu hồn người—, có con —mắt xanh— để tri âm nhưng bên cạnh đó cần có trình độ thẩm thấu văn chương mới hiểu được hết giá trị của văn chương.

Đề 6:

Mọi tác phẩm dù được sáng tạo theo một thi pháp nào cũng mở ra theo các cách đọc. Mỗi cách đọc mang đến cho tác phẩm một đời sống mới.

Anh chị hiểu ý kiến trên như thế nào? Hãy làm sáng tỏ qua một số tác phẩm văn học trong chương trình Ngữ văn THPT.

GỢI Ý ĐÁP ÁN

1. Giải thích

- Tác phẩm văn học là công trình nghệ thuật ngôn từ do một cá nhân hoặc một tập thể sáng tạo nhằm thể hiện những khái quát về cuộc sống, con người; biểu hiện tâm tư, tình cảm, thái độ ... của chủ thể trước thực tại bằng hình tượng nghệ thuật.

- Thi pháp có hai cách hiểu. Thứ nhất, đó là các nguyên tắc, biện pháp chung để làm cho một văn bản trở thành một tác phẩm nghệ thuật. Thứ hai, thi pháp là các nguyên tắc, biện pháp nghệ thuật cụ thể để tạo nên giá trị đặc sắc của một tác phẩm, tác giả, trào lưu.

- Cách đọc: là cách tiếp nhận văn học của người đọc, người đọc dùng trí tưởng tượng, kinh nghiệm sống và cả tâm hồn của mình để chiếm lĩnh giá trị tư tưởng và nghệ thuật của tác phẩm văn chương.

=> Ý kiến khẳng định: bất cứ tác phẩm nào cũng là tác phẩm mở cho các sự đọc, các người đọc khác nhau. Tác phẩm sinh ra từ ý thức (tâm lý) người viết và sống dậy trong tâm lý (ý thức) người đọc. Sức sống của tác phẩm nằm ở trường nhìn, trường cảm của từng cá nhân đọc khác nhau.

2. Bình luận

- Ý kiến đúng đắn và xác đáng

- Tác phẩm văn học là một văn bản ngôn từ. Nhưng đặc trưng của ngôn từ là tính mơ hồ đa nghĩa nên người ta gọi tác phẩm văn học là một "văn bản mở". "Văn bản mở" nghĩa là tác phẩm gồm hai phần: "phần cứng" là những con chữ bề mặt văn bản đang nằm im, "phần mềm" là hệ thống tư tưởng, ý nghĩa được xuất hiện trong quá trình tiếp nhận. Từ xưa Phương Đông đã có mệnh đề: Thi tại ngôn ngoại và văn hữu dư ba. Cái phần ngôn ngoại và dư ba này không tồn tại trên văn bản mà do ngữ cảnh tạo ra trong tưởng tượng và cảm xúc của người đọc. Vì thế, cái gọi là "tác phẩm văn học" chỉ thực sự tồn tại khi nó biến thành cái "phần mềm" kia, còn nếu không nó trở thành "quyển sách chết".

- Ng-êi Trung Quêc x-a cho r»ng t,c phÈm t»n t»i trong l»ng c»a ng-êi tri kØ chø kh«ng tr»n trang giÊy; v× thÕ viÖc viÖt v»n l» viÖc c»a tÈm l»ng. Chính vì thế, tác phẩm chỉ thực sự tồn tại khi người ta ý thức được về nó mà thôi. Người đọc là người cứu tác phẩm ra khỏi hàm mộ của sách, giúp nó sống lại và bước đi giữa cuộc đời và hồn người. Tác phẩm tái sinh trong lòng bạn đọc. Tùy từng tư tưởng, kinh nghiệm, thẩm mỹ của mỗi độc giả mà tác phẩm có muôn ngàn cuộc sống khác nhau. Vì thế, tác phẩm vừa là nó, vừa chẳng là nó. Sự thú vị trong đa dạng tiếp nhận cũng chẳng kém sự thú vị trong đa dạng sáng tạo. Vì thế sức sáng tạo của nhà văn, qua bạn đọc cứ nhân lên đến vạn lần. Và thế là nghệ thuật có sự sống vĩnh hằng vì nghệ thuật có hai con đường: sáng tạo hay là chết.

- Vai trò của người đọc là rất quan trọng đối với sức sống của một tác phẩm song cho rằng phải có nó mới có TPVH thì đó là một lập luận khiên cưỡng. Văn bản tác phẩm có thể tạo ra các dị bản khác nhau trong tiếp nhận của người đọc song, đó là các dị bản tiếp nhận từ một văn bản ổn định duy nhất là tác phẩm văn học. Cũng như mọi giao tiếp ngôn ngữ, giao tiếp ngôn ngữ nghệ thuật qua tác phẩm văn học bao gồm khâu phát ngôn của tác giả thành ra diễn ngôn của tác phẩm rồi đi vào tiếp nhận diễn ngôn đó của độc giả. Đây là quá trình tâm lý có sự đồng nhất, thống nhất mà cũng có sự sai biệt, mâu thuẫn. Chính điều này tạo ra cái mà chúng ta gọi là sức sống của tác phẩm văn học trong đời sống xã hội vô cùng phong phú, phức tạp, đa dạng giữa các nhà văn, nhà thơ – các tác giả với công chúng người đọc, người phê bình văn học.

3. Chứng minh

Chọn một số tác phẩm tiêu biểu, phù hợp phân tích để làm sáng tỏ ý kiến
(Dưới đây là một vài gợi ý)

- Truyện Kiều của Nguyễn Du

+ Nguyễn Công Trứ coi Kiều là kẻ tà dân, không đáng nhận sự thương xót.

Dưới cái nhìn khắt khe của lễ giáo phong kiến ông viết:

Bạc mệnh chẳng làm người tiết nghĩa, Đoạn trường cho đáng kiếp tà dân.

+ Hoài Thanh: Truyện Kiều là tiếng nói đau đớn, hiểu đời của một trái tim lớn.

+ Tô Hữu : Truyện Kiều kết tinh của lời non nước, tiếng ru, tiếng thương có sức vọng đến ngàn đời.

+...

- Bài thơ: Lặng lẽ đêm của Y Phương:

Trên đầu ta

Trăng khe khẽ sáng

Sương khe khẽ lắng

Mây khe khẽ trôi

Dưới lưng ta

Chiều khe khẽ thở

Trong ngực ta

Khe khẽ NGƯỜI.

=> Khi đọc bài thơ, có người đã dựa vào điệp từ —khe khẽ— lặp lại năm lần để coi đó là nhân tự, là phép ẩn dụ về sức sống nhỏ nhoi, yếu ớt, thoi thóp của sự vật. Bài thơ vẽ nên một bức tranh trăng, sơn mây. Đọc kĩ bài thơ nhiều người lại cho rằng, danh từ —NGƯỜI— mới là nhân tự làm bừng sáng bài thơ, bởi với chữ người ấy ta nhận ra một tâm hồn tinh tế, nhạy cảm đến vô cùng để cảm nhận bức tranh đa chiều với vẻ đẹp của trăng, sương, mây, sự vận động của sự vật lặng lẽ, khẽ khàng, nhưng trong trái tim lại là sự sống tiềm ẩn mạnh mẽ.

- Đôn-ki-hô-tê: Người Tây Ban Nha gọi chàng là kẻ điên rồ, người Pháp gọi là chú hề đáng thương, đến chủ nghĩa lãng mạn gọi Đôn-ki-hô-tê là người anh hùng còn sót lại, chủ nghĩa hiện thực lại coi là biểu tượng của sự suy vi một thời phong kiến đã qua.

4. Đánh giá

- Sức sống của tác phẩm văn chương không chỉ tạo nên bởi quá trình tiếp nhận mà còn ở sức sống nội tại của tác phẩm do người nghệ sĩ tạo ra.

- Người nghệ sĩ cần sáng tạo nên những tác phẩm văn chương chân chính, một tác phẩm văn chương giống như —tảng băng trôi— để tạo nên sức hấp dẫn, đánh thức niềm khát khao khám phá của người đọc.

- Bạn đọc không nên suy diễn tùy tiện, phải bắt nguồn từ văn bản. Phải thấy, khi đọc một văn bản văn học, người đọc đã thực hiện một quá trình kép: vừa sáng tạo ra tác phẩm vừa kiến tạo nên con người mình.

Đề 7:

Có ý kiến cho rằng: Tiếp nhận văn học đòi hỏi người đọc sống với tác phẩm bằng toàn bộ tâm hồn mình để cảm nhận bức thông điệp thâm mĩ mà tác giả gửi đến người đọc.

Anh/chị hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

GỢI Ý ĐÁP ÁN

1. Giải thích

- Văn học là tiếng nói tư tưởng, tình cảm, suy nghĩ của nhà văn trước cuộc đời. - Nói đến tác phẩm văn học là nói đến câu chuyện của tâm hồn (tình cảm, ước mong sâu kín của nhà văn nhắn gửi với bức thông điệp thâm mĩ), là điệu hồn tác giả đi tìm điệu hồn độc giả. Vì vậy tiếp nhận văn học đòi hỏi người đọc sống với tác phẩm bằng toàn bộ tâm hồn mình để cảm nhận bức thông điệp thâm mĩ mà tác giả gửi đến người đọc.

- Bức thông điệp thẩm mỹ: Là tình cảm, tâm hồn, ước mong sâu kín của tác giả gửi đến người đọc thông qua hình tượng nghệ thuật.

2. Bàn luận

- Ý kiến đúng đắn và xác đáng.

- Xuất phát từ đặc trưng của văn học. Bản chất của văn học là sự sáng tạo.

Người nghệ sĩ khai thác cuộc sống, nhưng cuộc sống ấy đi vào mỗi trang văn, trang thơ lại mang một dấu ấn riêng. Thơ văn là một thế giới thuộc về phần tâm hồn của người nghệ sĩ, nó là những biến thái tinh vi của tình cảm, là khát khao hạnh phúc, là những ước vọng lớn lao v.v... Văn học là sự phản ánh cuộc sống thông qua chủ thể nhà văn, nhà thơ nên mỗi tác phẩm bao giờ cũng thể hiện tư tưởng tình cảm, gửi gắm những thông điệp của tác giả...

- Tại sao tiếp nhận văn học đòi hỏi người đọc phải sống với tác phẩm bằng toàn bộ tâm hồn mình? Bởi chỉ khi nhập vào thế giới hình tượng trong tác phẩm, chỉ khi để trái tim rung lên theo những nhịp sống trong tác phẩm, ta mới cảm nhận được những buồn vui trần trụi, khát vọng của nhà văn; mới thấy được những số phận, cảnh đời, mới hiểu được giá trị thật sự của tác phẩm văn học đó.

3. Chứng minh

Chọn một số tác phẩm tiêu biểu, phù hợp phân tích để làm sáng tỏ ý kiến

(Dưới đây là một vài gợi ý)

- Truyện Kiều – Nguyễn Du: Nhận ra số phận đau khổ của kiếp hồng nhan bạc mệnh; sự tác oai, tác quái của xã hội đồng tiền đã vùi dập, chà đạp tình yêu, hạnh phúc, quyền sống và nhân phẩm cao đẹp của con người. Nhận ra nỗi đau đứt ruột của nhà nhân đạo lớn, tài năng kiệt xuất của Đại thi hào dân tộc.

- Vội vàng – Xuân Diệu: Có người nông nổi cho rằng bài thơ là lời giục giã cho cách sống hưởng thụ, gấp gáp nhưng ta nhận thấy bức thông điệp thẩm mỹ Xuân

Diệu muốn gửi đến bạn đọc là lòng yêu đời, yêu sống đến cuồng nhiệt, là sự thức gọi mỗi người hãy sống sao cho xứng đáng để không bao giờ phải nuối tiếc, xót xa vì những ngày tháng đã sống hoài, sống phí.

- Tống biệt hành – Thâm Tâm: Có người cho Li Khách là người khổng lồ không tim, sấn sang coi người thân như hư vô, nhỏ bé để mạnh bước trên đường thực hiện lí tưởng. Nhưng thực ra, đằng sau dáng vẻ kiên quyết, dứt khoát của li khách ta nhận ra nỗi buồn thương day dứt —Ta biết người buồn chiều hôm trước...Ta biết người buồn sáng hôm nay. Mặc dù thế, anh vẫn đi theo tiếng gọi của —chí nhớ. Để an ủi người ở lại, anh mong mỗi người thân hãy coi mình như hạt bụi, như lá rơi, như hơi rượu tan biến vào hư vô. Đó là vẻ đẹp thực sự của li khách - dáng vẻ của dũng khí và tâm hồn nồng ấm rất con người.

- Bước vào trang văn của nhà văn Mĩ Ô – hen – ri, mấy ai trong chúng ta không khỏi bồi hồi xúc động trước cảnh ngộ của cô họa sĩ trẻ Giôn – xi, phải từng ngày từng giờ bám lấy sự sống bằng một tia hi vọng mong manh —chiếc lá cuối cùng. Nhưng bằng trái tim giàu lòng yêu thương đồng loại, cụ Bơ –men đã hi sinh cuộc đời mình để cứu rỗi một linh hồn đang dần lụi tàn trong một thân xác yếu ớt, tưởng chừng như không giờ cứu chữa được. Kiệt tác cuối đời của cụ - —chiếc lá cuối cùng chính là bức thông điệp màu xanh mà nhà văn Ô – hen – ri muốn đem đến cho bạn đọc: Hãy sống và yêu thương, xã hội luôn cần tình yêu và lòng nhân đạo cao cả. Bởi tình yêu thương sẽ cứu sống muôn triệu trái tim khổ đau bất hạnh trên cõi đời này.

- vv...

4. Đánh giá

- Đây là ý kiến sâu sắc và đúng đắn cho người tiếp nhận để có thể cảm nhận được chiều sâu tư tưởng thẩm mỹ của tác phẩm văn chương – hay nói cách khác là phần chìm của —tầng băng trôi nghệ thuật.

- Bài học sáng tạo và tiếp nhận: Nhà văn cần thấy vai trò và trách nhiệm khi sáng tạo văn học nghệ thuật. Viết những tác phẩm bằng tâm huyết và tài năng của mình. Bạn đọc cần có sự tri âm, đồng cảm với tác phẩm, với nhà thơ, nhà văn để có thể sẻ chia những tình cảm đồng điệu. Khi ấy, bạn đọc vừa cảm thụ được vẻ đẹp của tác phẩm nghệ thuật, vừa kiến tạo nên con người mình.

Đề 8:

Mi-lan Kan-de-ra khẳng định:

Khi đặt bút viết một tác phẩm, nhà văn thường tìm hiểu và đặt ra rất nhiều câu hỏi. Chiều sâu của tác phẩm thể hiện ở khả năng đặt ra câu hỏi về mọi vấn đề trong xã hội. Chính người đọc sẽ tìm được câu trả lời chính xác theo cách riêng của mình.

Bằng tri thức và trải nghiệm văn học của mình, bạn hãy bình luận ý kiến trên.

GỢI Ý ĐÁP ÁN

1. Giải thích

- Trong nhận định của Mi-lan, kết quả về sự tìm hiểu thực tế của nhà văn là câu hỏi và chính điều này tạo ra chiều sâu cho tác phẩm. Nó cho thấy tác giả phẩm văn học không phản ánh hời hợt, dễ dãi ở bề mặt cuộc sống mà thực sự là những kiếm tìm, những trải nghiệm, những suy tư về hiện thực.

- Trên cơ sở những câu hỏi đó của nhà văn, người đọc sẽ tìm ra câu trả lời của riêng mình. Đó là cách thức, là con đường mà tác phẩm đi vào trong đời sống, trong tiếp nhận của người đọc.

=> Ý kiến đề cập đến phương thức nhận thức hiện thực độc đáo của văn học – nhận thức thông qua việc đặt câu hỏi. Chỉ ra sự tương tác của nhà văn, tác phẩm và người đọc. Nhà văn không thay người đọc để đưa ra câu trả lời, nhà văn chỉ là người đặt câu hỏi và người đọc sẽ hoàn tất câu trả lời. Đó là tinh chất cơ bản của tiếp nhận văn học.

2. Bình luận và chứng minh

a. Tại sao việc đặt ra câu hỏi lại quyết định chiều sâu của một tác phẩm văn học khi nó phản ánh hiện thực?

* Vì tìm hiểu thực tế đời sống thực chất là một quá trình với nhiều chặng khác nhau:

- Ở chặng thứ nhất, nhà văn thâm nhập thực tế và ghi nhận những sự kiện: Dẫn chứng: (Nam Cao ghi nhận sự kiện người nông dân bị bần cùng hóa (Lão Hạc), họ bị bứt ra khỏi làng xã quen thuộc, bị vớt vào những vùng đồn điền (con trai Lão Hạc), bởi nếu không rời bỏ xã hội làng xã họ sẽ phải sống cô độc như Lão Hạc, phải mất con, bán chó và chết thê thảm. Nam Cao còn ghi lại sự tha hóa của người nông dân về nhân phẩm (Chí Phèo). Những sự kiện không phải ngẫu nhiên, đơn lẻ như: chết vì miếng ăn, vì cái đói, sự lưu manh hóa trở đi trở lại trong các tác phẩm của ông như một quy luật tàn nhẫn.)

- Ghi lại những sự kiện đó, truy tìm nguyên nhân của những sự kiện đó.

+ Dẫn chứng 1: (Ở điểm kết thúc tác phẩm của Nam Cao đầy ắp những câu hỏi. Có những câu hỏi trực tiếp: Thế lực nào đã đẻ ra Chí Phèo? Ai cho tao lương thiện? Làm thế nào cho hết những vết sẹo trên gương mặt này? (Chí Phèo). Có những câu hỏi gián tiếp toát ra từ toàn bộ thế giới hình tượng của tác phẩm. Vì sao Chí lại đánh đổi mạng sống để làm người lương thiện? Vì sao nhân vật của Nam Cao lại nhiều nước mắt đến thế... Những câu hỏi như thế dẫn chúng ta vào tầng vĩa khác nhau của đời sống hiện

thực. Đó chắc chắn là những câu hỏi đã từng tra vấn nội tâm Nam Cao một cách căng thẳng. Chính những câu hỏi như thế làm nên chiều sâu của tác phẩm.)

+ Dẫn chứng 2: Hành trình của Nguyễn Minh Châu viết về số phận của người đàn bà hàng chài cũng đặt ra những câu hỏi tương tự; Vì sao người đàn bà có thể chấp nhận một cuộc sống như thời trung cổ đến thế? Tại sao cuộc sống đã hòa bình mà con người vẫn khổ như vậy? Người chồng vũ phu là đáng giận hay đáng thương?

=> Rõ ràng những câu hỏi trực tiếp hoặc gián tiếp trong tác phẩm văn học là cách thức mà nhà văn khoan sâu vào những tầng vĩa trong cuộc sống, là con đường để nhà văn nhận thức, suy tư về bản chất của hiện thực. Những tác phẩm lớn, các câu hỏi đặt ra không chỉ có ý nghĩa với đương thời mà còn có ý nghĩa với muôn đời, gắn với nhiều thời đại, phổ quát cho cả loài người.

* Bằng cách nào nhà văn có năng lực đặt ra những câu hỏi như thế? Nhà văn phải đi rất sâu vào hiện thực, thậm chí phải đi qua những cảnh ngộ rất thơ mộng, đẹp đẽ như một tấm sương mù (Phùng – Chiếc thuyền ngoài xa, Nguyễn Minh Châu), hoặc là phải trải qua một quá trình nhận thức (Ông giáo – Lão Hạc). Quan trọng hơn, nhà văn phải có một tấm lòng luôn nhạy bén để thấu hiểu và cảm nhận bi kịch của con người.

b. Tại sao việc người đọc trả lời câu hỏi được nhà văn đặt ra trong tác phẩm lại là điều quan trọng?

- Tác phẩm văn học là một không gian không phải chỉ có tiếng nói duy nhất của tác giả. Tác phẩm văn học là không gian đối thoại của tác giả với độc giả. Chính việc đưa ra những câu trả lời khiến người đọc tham dự một cách tích cực vào tác phẩm. Để đưa ra những câu trả lời thì người đọc cần đến kinh nghiệm sống, và vì thế người đọc đem lại cho tác phẩm những ý nghĩa mới, nhờ đó tác phẩm không ngừng được bổ sung, sáng tạo, được tiếp thêm sức sống. (Biện giải cho từng cách hiểu: Ai đẻ ra Chí Phèo? Người đàn bà hàng chài đáng thương hay đáng trách?...)

- Ở mỗi thời đại khác nhau người ta quan tâm đến những câu hỏi khác nhau? Với tác phẩm Chí Phèo của Nam Cao, có thời kì người ta quan tâm đến câu hỏi: Ai cho tao lương thiện? Có thời đại lại quan tâm đến câu hỏi: Làm thế nào cho mất đi những vết sẹo trên gương mặt này?

- Những câu hỏi của tác phẩm có trực tiếp và gián tiếp, câu hỏi trực tiếp là do nhà văn đưa ra, còn câu hỏi gián tiếp là do phần lớn người đọc đặt ra và chính người đọc sẽ tìm câu trả lời cho mình.

3. Đánh giá

- Trong nhận định của mình, Ku-de-ra nói tác phẩm có thể đặt ra câu hỏi về mọi lĩnh vực trong cuộc sống. Điều đó đúng nhưng có lẽ những câu hỏi có ý nghĩa nhất mà văn học đem đến cho con người là những câu hỏi phản biện về những điều còn tồn tại trong xã hội, những câu hỏi tự vấn về chính mình... Nhờ những câu hỏi ấy mà văn học có sức thanh lọc, nâng đỡ tâm hồn con người.

- Bài học sáng tạo và tiếp nhận...

Đề 9:

Đối thoại với văn chương, Cao Bá Quát nói: “Xưa nay, nỗi khổ của người ta không gì bằng chữ tình, mà cái khó ở đời không gì bằng sự gặp gỡ”.

(Sách giáo khoa Ngữ văn 12 – tập 2, tr 188 – NXB giáo dục năm 2008)

Phát biểu những suy nghĩ của mình về nhận định trên. Phân tích một số tác phẩm mà người nghệ sĩ đã khổ vì “chữ tình” để đạt tới sự “gặp gỡ” mà anh (chị) hiểu sâu sắc nhất.

GỢI Ý ĐÁP ÁN

1. Bài viết của thí sinh phải giải quyết tốt hai yêu cầu kiến thức cơ bản:

+ Yêu cầu thứ nhất là trình bày suy nghĩ của mình về nhận định.
+ Yêu cầu thứ hai là làm sáng tỏ nhận định ấy qua những tác phẩm người nghệ sĩ đã khổ vì —chữ tình— để đạt tới sự —gặp gỡ—. 2. Với yêu cầu thứ nhất, cần làm nổi rõ các ý sau:

- Nhận định trên nêu lên một quy luật có tính chất phổ quát muôn đời. Trước hết cần hiểu rõ —nỗi khổ của người ta không gì bằng chữ tình—. Chữ —tình— ở đây chính là tình cảm, cảm xúc đối với đồng loại, nhân dân, đất nước và cũng là tình cảm của chính người nghệ sĩ mang thiên chức —nhân đạo từ trong cốt tuỷ— (nói như Sê – Khốp).

- Nỗi khổ không chỉ là đơn giản là chuyện sướng khổ theo nghĩa thông thường trên đời mà —khổ— chính là nhà văn bằng thiên chức của mình đã cảm thông sâu sắc đến tận cùng mọi buồn vui sướng khổ của nhân loại nói chung, nhân dân mình, dân tộc mình nói riêng. Họ có thể đau đớn, vật vã giằng co đến chảy máu trước cảnh ngộ thân phận xót xa của người khác. Cũng có thể reo lên sung sướng trước niềm vui dù là nhỏ nhoi của con người.

- Như thế nỗi khổ lớn nhất xưa nay của người nghệ sĩ hoá ra lại là chuyện cảm thông chia sẻ, tri ân trước mọi cung bậc của tình cảm con người. Để nói lên được tất cả tình cảm ấy, người nghệ sĩ phải sống với cuộc đời, sống với con người, phải mở lòng đón nhận mọi vang động của cuộc đời. Và để có được sức cảm thông đó, người nghệ sĩ phải dần thân, phải tự nguyện, nói như nhà văn Lỗ Tấn thì đại ý: Tôi ăn lá ăn cỏ để vắt ra là sữa nuôi người đạt được trình độ ấy thì nỗi khổ lớn nhất lại là niềm hạnh phúc nhất.

- —Cái khó ở trên đời không gì bằng sự gặp gỡ. Thực chất đây là sự giao tiếp giữa tác giả và người tiếp nhận, là mối quan hệ giữa người nói và người nghe, người viết và người đọc, người bày tỏ và người chia sẻ cảm thông. Người viết bao giờ cũng mong mỗi người đọc hiểu mình, cảm nhận được điều mình muốn gửi gắm kí thác. —gặp gỡ— chính là sự đồng điệu hoà hợp của những tâm hồn. ở mức độ thông nhất cao thì đó là đồng cảm xúc của người đọc.

Hiểu như vậy thì cái —khó— lại là sự thành công sự tuyệt mỹ của tác phẩm. Tác phẩm chỉ thật sự có giá trị khi được đông đảo bạn đọc đón nhận tìm thấy mình ở trong đó.

- Mối quan hệ giữa cái —khổ— và cái —khó— của người nghệ sĩ chính là mối quan hệ giữa quá trình người nghệ sĩ sống, chiêm nghiệm, hoá thân trong cuộc sống dài để phản ánh chân thật những cảm xúc những suy tư, những trăn trở, niềm đau khổ vô cùng và hạnh phúc vô cùng của con người và truyền thông cho được tình cảm ấy đến với bạn đọc. Sự đón chờ, tiếp nhận hồ hởi của bạn đọc là tiêu chuẩn khắt khe nhất, nghiêm túc nhất đối với sự trường cửu của tác phẩm văn chương. Người nghệ sĩ nào làm được sứ mệnh ấy là nghệ sĩ lớn, tác phẩm nào đạt được sự hoà hợp ấy là tác phẩm bất hủ không sợ thời gian.

2. Yêu cầu thứ hai, cần làm tốt các ý sau:

- Khi làm sáng tỏ nhận định phải cân nhắc lựa chọn những tác phẩm thật sự có giá trị của những nghệ sĩ thực sự vĩ đại hoặc uy tín.

- Khi phân tích cụ thể phải chỉ ra được chỗ nhà văn —lao tâm khổ tứ— cảm thông vô cùng với tình cảm con người, nói hộ cho tâm sự nỗi niềm con người để sản phẩm tinh thần của họ được bạn đọc đón nhận.

- ở góc độ tiếp nhận của người đọc, cũng phải chỉ rõ được người đọc đã cảm thông, giao thoa đồng cảnh ngộ với người nghệ sĩ sâu sắc ở điểm nào, những tình cảm gì. Nói cách khác, sợi tơ lòng kết dính người nghệ sĩ và bạn đọc là ở cách nhìn và tình cảm nào.

- Khi phân tích minh hoạ, đề có phần nghiêng về tư tưởng tình cảm nhưng không vì thế mà xem nhẹ yếu tố hình thức, nghệ thuật của tác phẩm. Phải xem nội dung tốt, hình thức lại chuẩn mực thì đó là tác phẩm hoàn hảo.

- Phân tích minh họa phải tuân theo một trình tự hợp lí, có thể mở rộng phạm vi tác phẩm minh họa qua mọi thời đại, mọi quốc gia miễn là người viết nói đúng, nói trúng vấn đề cần hiểu rõ và làm rõ.

Đề 10:

Phải chăng, tiếng nói tri âm là khát vọng muôn đời của văn chương xưa nay?

GỢI Ý ĐÁP ÁN

1. Vấn đề tiếng nói tri âm trong văn chương.

a. Khái niệm

Tri âm được hiểu là sự đồng điệu, thấu cảm. “Xưa nay nỗi khổ của người ta không gì bằng chữ tình, mà cái khó ở đời không gì bằng sự gặp gỡ.”(Hoa tiên truyện tự - Cao Bá Quát).

b. Luận giải về tiếng nói tri âm trong văn học.

- Sự tri âm giữa người đọc và người viết trước hết được bắt nguồn từ quy luật của sáng tạo nghệ thuật. Người nghệ sĩ cầm bút là để giải bày lòng mình. Nhà thơ mang —tiếng nói điệu đồng đi tìm những tâm hồn đồng điệu. Nhà văn viết tác phẩm như ban phát phần thông vàng đi khắp nơi, mong có người theo phần tìm về. Cho nên bạn đọc là một mắt xích không thể thiếu trong chu trình sáng tác - tiếp nhận tác phẩm. Bạn đọc cũng có suy nghĩ, tình cảm, cảm xúc, có niềm vui và nỗi buồn, có cảnh ngộ và tâm trạng, nhiều khi bắt gặp sự đồng điệu với nhà văn, nhà thơ. Khi hai luồng sóng tâm tình ấy giao hoà thì tác phẩm sẽ rực sáng lên, trở thành nhịp cầu nối liền tâm hồn với tâm hồn, trái tim với trái tim. Phải chăng vì thế Lưu Quý Kỳ viết : “nhà thơ gói tâm tình của mình trong thơ. Người đọc mở ra bỗng thấy tâm tình của chính mình”.

- Xét về đối tượng phản ánh của văn học: Những cuộc đời bi kịch, đau thương, những số phận ngang trái thường dễ khơi gợi cảm xúc đồng cảm xót thương của con người, nhất là những người nghệ sĩ (quy luật của cuộc sống: con người nhạy cảm, quan tâm nhiều hơn trước nỗi buồn hơn là niềm vui, trước bất hạnh hơn là hạnh phúc, trước mất mát, thiệt thòi hơn là được, may mắn). Tiểu Thanh, Nguyễn Du, Lorca đã đi vào trong thơ của Nguyễn Du, Tố Hữu, Thanh Thảo bởi họ có chung số phận ấy.

Tri âm còn là tìm đến cái đẹp để ngưỡng mộ, ngợi ca. Bản thân cái đẹp có sức chinh phục lớn lao với những người nghệ sĩ. Cái đẹp có từ trong cuộc đời nhân cách của con người, cái đẹp còn có trong giá trị của tác phẩm nghệ thuật. Trong cảm xúc của các nhà thơ sự cảm thông, xót thương phải đi liền với sự ngợi ca, ngưỡng mộ, tôn vinh. Qua các tác phẩm thơ chúng ta thấy Nguyễn Du, Tố Hữu, Thanh Thảo luôn muốn lưu giữ lại với muôn đời những vẻ đẹp mà đối tượng tri âm của họ sở hữu - Trên cơ sở lí luận tiếp nhận văn học:

+ Khi nhà văn kết thúc trang viết cuối cùng của tác phẩm, thì lúc đó tác phẩm mới bắt đầu vòng đời của nó. Nói các khác quá trình hoạt động của tác phẩm không phải là một chu trình đóng kín, mà nó mở ra về phía đời sống. Và đối với những tác phẩm lớn thì cuộc đời của nó luôn luôn ẩn chứa những khả năng mới sẽ bộc lộ khi nó viễn du qua không gian và thời gian. Và khi đó sức sống của tác phẩm văn chương sẽ được bắt từ hoá trong sợi dây tri âm linh diệu giữa tác giả và bạn đọc. Phải chăng vì vậy, M.Gorki đã viết: —người tạo nên tác phẩm là tác giả nhưng người quyết định số phận của tác phẩm lại là độc giả.

+ Tác phẩm văn chương chỉ sống được trong tác lòng của những người tri kỉ - là bạn đọc nhưng không phải bạn đọc nào cũng hiểu được tác phẩm và thông điệp của tác giả. Tiếp nhận văn học phụ thuộc vào nhiều yếu tố: tâm lý và tâm thế tiếp nhận, môi trường văn hoá mà người đọc đang sống, đang tiếp thu, Chuyện khen hay chê trong văn

chương là điều dễ thấy. Cho nên, ở bất kỳ thời đại nào, bất cứ nền văn học dân tộc nào cũng đều rất cần tiếng nói tri âm của bạn đọc dành cho tác giả. Nghĩa là bạn đọc ấy phải cảm thông, sẻ chia với những nỗi niềm tâm sự, nghĩ suy của người viết gửi gắm vào tác phẩm.

- Thực tiễn văn học: Tiên Phong Mộng Liên Đường chủ nhân Nguyễn Đăng Tuyển từng có lời bình Truyện Kiều như sau: “Thuý Kiều khóc Đạm Tiên, Tố Như tử làm Truyện Thuý Kiều, việc tuy có khác nhau mà lòng thì là một, người đời sau thương người đời nay, người đời nay thương người đời xưa, hai chữ tài tình thật là một cái thông luy của bọn tài tử khắp trong gầm trời và suốt cả xưa nay vậy”. Chính bởi ý nghĩa đặc biệt của tiếng nói tri âm trong văn chương mà biết bao nhà thơ, nhà văn đã sáng tác những tác phẩm mà đối tượng lại chính là các nhà văn, nhà thơ. Bằng Việt viết về Pauxtôpxki, Ximônốp sung sướng khi tìm được tri âm là Tố Hữu: —Ở đây tôi thấy thơ tôi, Sống trong bản dịch tuyệt vời của anh”, hay Thanh Thảo đã viết về Lor ca bằng những vần thơ với nỗi đau “bốc cháy như mặt trời”. Trường hợp của Nguyễn Du và Tố Hữu trong hai bài thơ —Độc Tiểu Thanh kí và —Kính gửi cụ Nguyễn Du cũng không nằm ngoài mạch nguồn cảm hứng giàu giá trị nhân văn ấy.

2. Tiếng nói tri âm trong văn học qua một số tác phẩm tiêu biểu.

a. Tiếng nói tri âm trong Độc Tiểu Thanh kí của Nguyễn Du

- Hơn ai hết trong nền văn học Việt Nam, Nguyễn Du là người khổ vì chữ tình và khát khao sự gặp gỡ đến khắc khoải. Thi hào là một con người suốt đời đi tìm tri kỉ giữa cõi đời đen bạc. Chắc hẳn đại thi hào sẽ —ngậm cười chín suối vì —cả cuộc đời nay hiểu Nguyễn Du, vì có biết bao người như Huy Cận, Tế Hanh, Chế Lan Viên, ...và đặc biệt là Tố Hữu đã làm thơ giải bày, giải toả hộ người những uất hận kia. Bài thơ —Kính gửi cụ Nguyễn Du ra đời như bắt nhịp cầu tri âm đến những tâm sự của Tố Như trong —Độc Tiểu Thanh kí, đồng thời cũng khẳng định ý nghĩa đặc biệt của tiếng nói tri âm trong văn chương.

- Trước hết —Độc Tiểu Thanh kí là tiếng nói tri âm của một cá nhân dành cho một cá nhân, một lòng đau đi tìm một hồn đau, cất lên trong một không gian đa chiều của tiếng khóc — tiếng khóc là biểu tượng cho sự đồng cảm sâu sắc giữa hai con người khác thời đại và dân tộc. Có một khoảng không gian và thời gian diệu vợi, hun hút, ngăn cách hai người nhưng chính văn chương đã xoá nhoà biên giới địa lí, biên giới lịch sử để họ tìm đến với nhau.

- Khóc cho Tiểu Thanh, Nguyễn Du đã khóc cho người, khóc cho một thiên tài kì nữ.

- Nguyễn Du coi mình là người cùng hội cùng thuyền với người xưa, khóc cho Tiểu Thanh để rồi khóc cho chính mình.

- Bài —Độc Tiểu Thanh kí của Tố Như viết theo thể đường luật cô đúc, hàm súc nhưng phảng phất giọng điệu bi phần do rất nhiều thanh trắc, gợi cảm giác trĩu nặng, ngưng đọng.

b. Tiếng nói tri âm trong Kính Gửi cụ Nguyễn Du của Tố Hữu

- Nếu “Độc Tiểu Thanh kí” là tiếng nói tri âm của một cá nhân dành cho một cá nhân, sự đồng cảm sâu sắc giữa hai người khác thời đại và dân tộc, thì “Kính gửi cụ Nguyễn Du” là tiếng lòng tri âm của những con người cùng nguồn cội, cùng dân tộc. Hai trăm năm sau Ngụy?

Đề bài:

Bình luận quan niệm của J.Paul. Sartre:

Tác phẩm văn học như con quay kì lạ, chỉ có thể xuất hiện trong vận động. Muốn làm cho nó xuất hiện, cần phải có một hoạt động cụ thể là sự đọc. Và tác phẩm văn học chỉ kéo dài chừng nào sự đọc còn có thể tiếp tục. Ngoài sự đọc ra, nó chỉ còn là những vệt đen trên giấy trắng.

GỢI Ý ĐÁP ÁN

1. Giải thích

- *Tác phẩm văn học như con quay kì lạ, chỉ có thể xuất hiện trong vận động.* Tác phẩm văn học không phải là cái hoàn tất cố định sau quá trình thai nghén của nhà văn mà luôn luôn vận động biến đổi như —con quay kì lạ. Tác phẩm chỉ hiện tồn —trong vận động. Vận động là điều kiện thiết yếu để tác phẩm có thể xuất hiện, là đời sống đích thực của tác phẩm.

- *Muốn làm cho nó xuất hiện, cần phải có một hoạt động cụ thể là sự đọc. Và tác phẩm văn học chỉ kéo dài chừng nào sự đọc còn có thể tiếp tục. Ngoài sự đọc ra, nó chỉ còn là những vệt đen trên giấy trắng.* Cơ chế cho sự vận động của văn bản nghệ thuật là —sự đọc. —Sự đọc có ý nghĩa sống còn đối với sức sống của tác phẩm. Không được đọc giả tiếp nhận, tác phẩm chỉ là những —vệt đen trên giấy trắng— những con chữ vật lí vô cảm, vô hồn. Nghĩa là coi văn bản được nhà văn sáng tạo ra mới chỉ ở dạng —tiềm năng. Sự đọc là máu để biến một thể xác vật chất (văn bản) thành một sinh thể có xúc cảm, có vui buồn, có trần trở.

=> Ý kiến của J.Paul.Sartre đề cập đến vấn đề tiếp nhận văn học. Ông quan niệm văn học là hoạt động giao tiếp, là một quá trình. Từ đó đề cao vai trò của chủ thể tiếp nhận là người đọc với đời sống văn học.

2. Bàn luận

- Quan niệm của Sartre là hoàn toàn có lí.

- Dễ dàng nhận thấy dấu ấn triết học hiện sinh trong nhận định này. Sự vật hiện tượng tồn tại trong thế giới ở hình thức cá thể, hiện thực với sinh hoạt hàng ngày. Cho nên, tác phẩm văn học là một sản phẩm tinh thần, được cụ thể bằng dạng vật chất (văn bản ngôn từ), cũng chỉ có ý nghĩa trong đời sống của nó — sự đọc. Được viết ra từ những ẩn ức của nhà văn nhưng để hướng tới độc giả, nhân loại nói chung, tách khỏi sự đọc, tác phẩm chỉ là cái xác vô hồn.

- Quá trình văn học được tạo thành từ quá trình sáng tác (của nhà văn) và quá trình tiếp nhận (của người đọc). Nó có tính liên tục, quan hệ chặt chẽ, không tách rời bởi hạt nhân — văn bản. Trung tâm của quá trình văn học là văn bản. Nhà văn tạo ra văn bản đồng nghĩa với việc sáng tạo những tín hiệu thẩm mĩ, thực hiện quá trình kí mã (chuyển ngôn ngữ tự nhiên thành ngôn ngữ nghệ thuật). Đến lượt mình, độc giả thực hiện việc giải mã.

- Ý đồ của nhà văn chỉ là một khả năng tồn tại của tác phẩm. Mỗi người đọc, bằng nền tảng văn hóa, tâm lí, trình độ thụ cảm riêng lại tạo ra vô vàn khả năng khác cho văn bản. Xét ở góc độ này, văn bản có tính độc lập tương đối với nhà văn và bạn đọc. Cái trục của —con quay kì lạ chính là những chỉ dẫn nghệ thuật thông qua hệ thống tín hiệu thẩm mĩ trong tác phẩm.

- Đời sống của tác phẩm không phải tính bằng thời gian nhà văn thai nghén ra nó. Có những sản phẩm nghệ thuật mới ra đời đã chết yểu và mãi mãi không phục sinh vì thiếu

vắng độc giả. Lại có những tác phẩm cổ xưa vẫn dồi dào sức sống nhờ quá trình thụ cảm còn tiếp tục.

3. Chứng minh

Cần phải minh họa bằng các tác phẩm văn học phù hợp để bàn trúng yêu cầu của đề. (Dưới đây là một vài ví dụ gợi ý)

- Truyện Kiều của Nguyễn Du khai sinh cách đây mấy nghìn năm vẫn còn mời gọi khám phá, tạo ra biết bao cách cảm nhận và tranh luận khác nhau. Có thời, người ta đặt Truyện Kiều lên bàn cân tư tưởng phong kiến để đánh giá vị trí của tác phẩm.

Dùng quan điểm xã hội học, áp đặt những yếu tố bên ngoài để nhận xét mà không căn cứ vào ngôn từ, mọi nhận định cơ hồ đều đi vào phiên diện, bế tắc. GS Trần Đình Sử, dựa trên cơ sở ngôn ngữ học, phân tích các tín hiệu thẩm mỹ đã rút ra những luận điểm chính xác về Thi pháp Truyện Kiều, gợi mở cho chúng ta thấy cách tiếp cận trực trự của —con quay kì lạ chính là ngôn từ nghệ thuật.

- Tính độc lập tương đối của văn bản khiến cho nhiều khi bạn đọc có thể phát hiện những nét mới ngoài ý đồ sáng tạo của nhà văn. Kim Lân từng bất ngờ khi trong kì thi ĐH, khối D, năm 2005, có một học sinh được điểm 10 khám phá ra một điều mà ông chưa bao giờ dụng công trong xây dựng phẩm chất anh cu Tràng (sự hiểu thảo với bà cụ Tứ). Người đọc từ một bộ mã mà nghệ sĩ đã kí gửi — văn bản có thể giải theo nhiều cách khác nhau, tạo ra những khả năng thụ cảm phong phú.

- Sáng tạo văn học đồng nghĩa với việc thiết kế những tín hiệu thẩm mỹ. Đó là những chỉ dẫn nghệ thuật người đọc dù tạo ra bao nhiêu khả năng cho tác phẩm vẫn phải tự phát từ trực quay này. Chẳng hạn, tín hiệu thẩm mỹ —mặt chữ điền (Đây thôn Vĩ Dạ - Hàn Mặc Tử) có thể hiểu là khuôn mặt của người con trai — tác giả hoặc khuôn mặt của người con gái soi qua trái tim nhớ thương da diết của thi sĩ. Dấu hiệu theo cách nào cũng cần đặt trong hệ thống — nghĩa là gắn với văn cảnh — Lá trúc che ngang mặt chữ điền để thấy được nét đẹp của con người Vĩ Dạ và niềm hoài mong đau đáu của Hàn Mặc Tử.

- Cặp hình tượng —non —nước ở —Thề non nước của Tản Đà mang tính đa nghĩa: vừa là hai vật thể thiên nhiên với qui luật muôn đời, vừa là người con trai và người con gái nhớ thương trong xa cách, vừa là đất nước bị cắt chia đây xa xót nhưng tất cả đều mang một trạng thái cảm xúc chung.

4. Đánh giá

- Khẳng định ý nghĩa của sự đọc không có nghĩa phủ nhận vai trò của nhà văn và quá trình sáng tạo. —Con quay kì lạ dấu biển ảo, vận động về đâu cũng cần có một trục trụ duy nhất để cân bằng. Ấy là những chỉ dẫn nghệ thuật, những tín hiệu thẩm mỹ mà nhà văn dày công xây dựng trong tác phẩm.

- Văn bản thì duy nhất nhưng tác phẩm xét ở chừng mực nhất định là bất tận. Tác phẩm có thể chỉ được tạo ra trong một khắc, nhưng sinh mệnh của nó là bất tử (đối với các kiệt tác). Độc giả chính là thước đo giá trị đích thực của một tác phẩm văn học. Quan niệm hiện sinh của J.Paul.Sartre xét cho cùng đã đạt đến bản chất tồn tại của tác phẩm văn học.

Đề bài:

Mọi tác phẩm dù được sáng tạo theo một thi pháp nào cũng mở ra theo các

cách đọc. Mỗi cách đọc mang đến cho tác phẩm một đời sống mới.

Anh chị hiểu ý kiến trên như thế nào? Hãy làm sáng tỏ qua một số tác phẩm văn học trong chương trình Ngữ văn THPT.

GỢI Ý ĐÁP ÁN

1. Giải thích

- *Tác phẩm văn học* là công trình nghệ thuật ngôn từ do một cá nhân hoặc một tập thể sáng tạo nhằm thể hiện những khái quát về cuộc sống, con người; biểu hiện tâm tư, tình cảm, thái độ ...của chủ thể trước thực tại bằng hình tượng nghệ thuật.

- *Thi pháp* có hai cách hiểu. Thứ nhất, đó là các nguyên tắc, biện pháp chung để làm cho một văn bản trở thành một tác phẩm nghệ thuật. Thứ hai, thi pháp là các nguyên tắc, biện pháp nghệ thuật cụ thể để tạo nên giá trị đặc sắc của một tác phẩm, tác giả, trào lưu.

- Cách đọc: là cách tiếp nhận văn học của người đọc, người đọc dùng trí tưởng tượng, kinh nghiệm sống và cả tâm hồn của mình để chiếm lĩnh giá trị tư tưởng và nghệ thuật của tác phẩm văn chương.

=> Ý kiến khẳng định: bất cứ tác phẩm nào cũng là tác phẩm mở cho các sự đọc, các người đọc khác nhau. Tác phẩm *sinh ra* từ ý thức (tâm lý) người viết và *sống dậy* trong tâm lý (ý thức) người đọc. Sức sống của tác phẩm nằm ở trường nhìn, trường cảm của từng cá nhân đọc khác nhau.

2. Bình luận

- Ý kiến đúng đắn và xác đáng

- Tác phẩm văn học là một văn bản ngôn từ. Nhưng đặc trưng của ngôn từ là tính mơ hồ đa nghĩa nên người ta gọi tác phẩm văn học là một "văn bản mở". "Văn bản mở" nghĩa là tác phẩm gồm hai phần: "phần cứng" là những con chữ bề mặt văn bản đang nằm im, "phần mềm" là hệ thống tư tưởng, ý nghĩa được xuất hiện trong quá trình tiếp nhận. Từ xưa Phương Đông đã có mệnh đề: *Thi tại ngôn ngoại* và *văn hữu dư ba*. Cái phần *ngôn ngoại* và *dư ba* này không tồn tại trên văn bản mà do ngữ cảnh tạo ra trong tưởng tượng và cảm xúc của người đọc. Vì thế, cái gọi là "tác phẩm văn học" chỉ thực sự tồn tại khi nó biến thành cái "phần mềm" kia, còn nếu không nó trở thành "quyển sách chết".

- Ng-êi Trung Quêc x-a cho r»ng t,c phÈm t»n t»i trong l»ng c»a ng-êi tr»i kØ chø kh«ng tr»n trang giÊy; v× thÕ viÖc viÖt v»n l» viÖc c»a tÈm l»ng. Chính vì thế, tác phẩm chỉ thực sự tồn tại khi người ta ý thức được về nó mà thôi. Người đọc là người cứu tác phẩm ra khỏi hàm mộ của sách, giúp nó sống lại và bước đi giữa cuộc đời và hồn người. Tác phẩm tái sinh trong lòng bạn đọc. Tùy từng tư tưởng, kinh nghiệm, thẩm mỹ của mỗi độc giả mà tác phẩm có muôn ngàn cuộc sống khác nhau. Vì thế, tác phẩm vừa là nó, vừa chẳng là nó. Sự thú vị trong đa dạng tiếp nhận cũng chẳng kém sự thú vị trong đa dạng sáng tạo. Vì thế sức sáng tạo của nhà văn, qua bạn đọc cứ nhân lên đến vạn lần. Và thế là nghệ thuật có sự sống vĩnh hằng vì nghệ thuật có hai con đường: sáng tạo hay là chết.

- Vai trò của người đọc là rất quan trọng đối với sức sống của một tác phẩm song cho rằng phải có nó mới có TPVH thì đó là một lập luận khiên cưỡng. Văn bản tác phẩm có thể tạo ra các dị bản khác nhau trong tiếp nhận của người đọc song, đó là các *dị bản tiếp nhận từ một văn bản ổn định duy nhất là tác phẩm văn học*. Cũng như mọi giao tiếp

ngôn ngữ, giao tiếp ngôn ngữ nghệ thuật qua tác phẩm văn học bao gồm khâu *phát ngôn* của tác giả thành ra *diễn ngôn* của tác phẩm rồi đi vào *tiếp nhận* diễn ngôn đó của độc giả. Đây là quá trình tâm lý có sự đồng nhất, thống nhất mà cũng có sự sai biệt, mâu thuẫn. Chính điều này tạo ra cái mà chúng ta gọi là sức sống của tác phẩm văn học trong đời sống xã hội vô cùng phong phú, phức tạp, đa dạng giữa các nhà văn, nhà thơ – các tác giả với công chúng người đọc, người phê bình văn học.

3. Chứng minh

Chọn một số tác phẩm tiêu biểu, phù hợp phân tích để làm sáng tỏ ý kiến

(Dưới đây là một vài gợi ý)

- *Truyện Kiều* của Nguyễn Du

+ Nguyễn Công Trứ coi Kiều là kẻ tà dân, không đáng nhận sự thương xót.

Dưới cái nhìn khắt khe của lễ giáo phong kiến ông viết:

Bạc mệnh chẳng làm người tiết nghĩa, Đoạn trường cho đáng kiếp tà dân.

+ Hoài Thanh: *Truyện Kiều* là tiếng nói đau đớn, hiều đời của một trái tim lớn.

+ Tố Hữu : *Truyện Kiều* kết tinh của lời non nước, tiếng ru, tiếng thương có sức vọng đến ngàn đời.

+...

- Bài thơ: *Lặng lẽ đêm* của Y Phương:

Trên đầu ta

Trăng khe khẽ sáng

Sương khe khẽ lắng

Mây khe khẽ trôi

Dưới lưng ta

Chiều khe khẽ thở

Trong ngực ta

Khe khẽ NGƯỜI.

=> Khi đọc bài thơ, có người đã dựa vào điệp từ —khe khẽ lặp lại năm lần để coi đó là nhân tự, là phép ẩn dụ về sức sống nhỏ nhoi, yếu ớt, thoi thóp của sự vật. Bài thơ vẽ nên một bức tranh trăng, sương mây. Đọc kĩ bài thơ nhiều người lại cho rằng, danh từ —NGƯỜI mới là nhân tự làm bừng sáng bài thơ, bởi với chữ người ấy ta nhận ra một tâm hồn tinh tế, nhạy cảm đến vô cùng để cảm nhận bức tranh đa chiều với vẻ đẹp của trăng, sương, mây, sự vận động của sự vật lặng lẽ, khẽ khàng, nhưng trong trái tim lại là sự sống tiềm ẩn mạnh mẽ.

- Đôn-ki-hô-tê: Người Tây Ban Nha gọi chàng là kẻ điên rồ, người Pháp gọi là chú hề đáng thương, đến chủ nghĩa lãng mạn gọi Đôn-ki-hô-tê là người anh hùng còn sót lại, chủ nghĩa hiện thực lại coi là biểu tượng của sự suy vi một thời phong kiến đã qua.

4. Đánh giá

- Sức sống của tác phẩm văn chương không chỉ tạo nên bởi quá trình tiếp nhận mà còn ở sức sống nội tại của tác phẩm do người nghệ sĩ tạo ra.

- Người nghệ sĩ cần sáng tạo nên những tác phẩm văn chương chân chính, một tác phẩm văn chương giống như —tảng băng trôi— để tạo nên sức hấp dẫn, đánh thức niềm khát khao khám phá của người đọc.

- Bạn đọc không nên suy diễn tùy tiện, phải bắt nguồn từ văn bản. Phải thấy, khi đọc một văn bản văn học, người đọc đã thực hiện một quá trình kép: vừa sáng tạo ra tác phẩm vừa kiến tạo nên con người mình.

Đề bài:

Có ý kiến cho rằng: *Tiếp nhận văn học đòi hỏi người đọc sống với tác phẩm bằng toàn bộ tâm hồn mình để cảm nhận bức thông điệp thẩm mỹ mà tác giả gửi đến người đọc.*

Anh/chị hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

GỢI Ý ĐÁP ÁN

1. Giải thích

- Văn học là tiếng nói tư tưởng, tình cảm, suy nghĩ của nhà văn trước cuộc đời. - Nói đến tác phẩm văn học là nói đến câu chuyện của tâm hồn (tình cảm, ước mong sâu kín của nhà văn nhắn gửi với bức thông điệp thẩm mỹ), là điệu hồn tác giả đi tìm điệu hồn độc giả. Vì vậy tiếp nhận văn học đòi hỏi người đọc sống với tác phẩm bằng toàn bộ tâm hồn mình để cảm nhận bức thông điệp thẩm mỹ mà tác giả gửi đến người đọc.

- Bức thông điệp thẩm mỹ: Là tình cảm, tâm hồn, ước mong sâu kín của tác giả gửi đến người đọc thông qua hình tượng nghệ thuật.

2. Bàn luận

- Ý kiến đúng đắn và xác đáng.

- Xuất phát từ đặc trưng của văn học. Bản chất của văn học là sự sáng tạo.

Người nghệ sĩ khai thác cuộc sống, nhưng cuộc sống ấy đi vào mỗi trang văn, trang thơ lại mang một dấu ấn riêng. Thơ văn là một thế giới thuộc về phần tâm hồn của người nghệ sĩ, nó là những biến thái tinh vi của tình cảm, là khát khao hạnh phúc, là những ước vọng lớn lao v.v... Văn học là sự phản ánh cuộc sống thông qua chủ thể nhà văn, nhà thơ nên mỗi tác phẩm bao giờ cũng thể hiện tư tưởng tình cảm, gửi gắm những thông điệp của tác giả...

- Tại sao tiếp nhận văn học đòi hỏi người đọc phải sống với tác phẩm bằng toàn bộ tâm hồn mình? Bởi chỉ khi nhập vào thế giới hình tượng trong tác phẩm, chỉ khi để trái tim rung lên theo những nhịp sống trong tác phẩm, ta mới cảm nhận được những buồn vui trăn trở, khát vọng của nhà văn; mới thấy được những số phận, cảnh đời, mới hiểu được giá trị thật sự của tác phẩm văn học đó.

3. Chứng minh

Chọn một số tác phẩm tiêu biểu, phù hợp phân tích để làm sáng tỏ ý kiến

(Dưới đây là một vài gợi ý)

- Truyện Kiều – Nguyễn Du: Nhận ra số phận đau khổ của kiếp hồng nhan bạc mệnh; sự tác oai, tác quái của xã hội đồng tiền đã vùi dập, chà đạp tình yêu, hạnh phúc, quyền

sống và nhân phẩm cao đẹp của con người. Nhận ra nỗi đau đứt ruột của nhà nhân đạo lớn, tài năng kiệt xuất của Đại thi hào dân tộc.

- Vội vàng – Xuân Diệu: Có người nông nổi cho rằng bài thơ là lời giục giã cho cách sống hưởng thụ, gấp gáp nhưng ta nhận thấy bức thông điệp thẩm mỹ Xuân

Diệu muốn gửi đến bạn đọc là lòng yêu đời, yêu sống đến cuồng nhiệt, là sự thức gọi mỗi người hãy sống sao cho xứng đáng để không bao giờ phải nuối tiếc, xót xa vì những ngày tháng đã sống hoài, sống phí.

- Tống biệt hành – Thâm Tâm: Có người cho Li Khách là người khổng lồ không tim, sẵn sàng coi người thân như hư vô, nhỏ bé để mạnh bước trên đường thực hiện lí tưởng. Nhưng thực ra, đằng sau dáng vẻ kiên quyết, dứt khoát của li khách ta nhận ra nỗi buồn thương day dứt —Ta biết người buồn chiều hôm trước...Ta biết người buồn sáng hôm nay. Mặc dù thế, anh vẫn đi theo tiếng gọi của —chí nhơn. Để an ủi người ở lại, anh mong mỗi người thân hãy coi mình như hạt bụi, như lá rơi, như hơi rượu tan biến vào hư vô. Đó là vẻ đẹp thực sự của li khách - dáng vẻ của dũng khí và tâm hồn nồng ấm rất con người.

- Bước vào trang văn của nhà văn Mĩ Ô – hen – ri, mấy ai trong chúng ta không khỏi bồi hồi xúc động trước cảnh ngộ của cô họa sĩ trẻ Giôn – xi, phải từng ngày từng giờ bám lấy sự sống bằng một tia hi vọng mong manh —chiếc lá cuối cùng. Nhưng bằng trái tim giàu lòng yêu thương đồng loại, cụ Bơ –men đã hi sinh cuộc đời mình để cứu rỗi một linh hồn đang dần lụi tàn trong một thân xác yếu ớt, tưởng chừng như không giờ cứu chữa được. Kiệt tác cuối đời của cụ - —chiếc lá cuối cùng chính là bức thông điệp màu xanh mà nhà văn Ô – hen – ri muốn đem đến cho bạn đọc: Hãy sống và yêu thương, xã hội luôn cần tình yêu và lòng nhân đạo cao cả. Bởi tình yêu thương sẽ cứu sống muôn triệu trái tim khổ đau bất hạnh trên cõi đời này.

- vv...

4. Đánh giá

- Đây là ý kiến sâu sắc và đúng đắn cho người tiếp nhận để có thể cảm nhận được chiều sâu tư tưởng thẩm mỹ của tác phẩm văn chương – hay nói cách khác là phân chìm của —tầng bằng trôi nghệ thuật.

- Bài học sáng tạo và tiếp nhận: Nhà văn cần thấy vai trò và trách nhiệm khi sáng tạo văn học nghệ thuật. Viết những tác phẩm bằng tâm huyết và tài năng của mình. Bạn đọc cần có sự tri âm, đồng cảm với tác phẩm, với nhà thơ, nhà văn để có thể sẻ chia những tình cảm đồng điệu. Khi ấy, bạn đọc vừa cảm thụ được vẻ đẹp của tác phẩm nghệ thuật, vừa kiến tạo nên con người mình.

Đề bài:

Mi-lan Kan-de-ra khẳng định:

Khi đặt bút viết một tác phẩm, nhà văn thường tìm hiểu và đặt ra rất nhiều câu hỏi. Chiều sâu của tác phẩm thể hiện ở khả năng đặt ra câu hỏi về mọi vấn đề trong xã hội. Chính người đọc sẽ tìm được câu trả lời chính xác theo cách riêng của mình.

Bằng tri thức và trải nghiệm văn học của mình, bạn hãy bình luận ý kiến trên.

GỢI Ý ĐÁP ÁN

1. Giải thích

- Trong nhận định của Mi-lan, kết quả về sự tìm hiểu thực tế của nhà văn là câu hỏi và chính điều này tạo ra chiều sâu cho tác phẩm. Nó cho thấy tác giả phẩm văn học không phản ánh hời hợt, dễ dãi ở bề mặt cuộc sống mà thực sự là những kiếm tìm, những trải nghiệm, những suy tư về hiện thực.

- Trên cơ sở những câu hỏi đó của nhà văn, người đọc sẽ tìm ra câu trả lời của riêng mình. Đó là cách thức, là con đường mà tác phẩm đi vào trong đời sống, trong tiếp nhận của người đọc.

=> Ý kiến đề cập đến phương thức nhận thức hiện thực độc đáo của văn học – nhận thức thông qua việc đặt câu hỏi. Chỉ ra sự tương tác của nhà văn, tác phẩm và người đọc. Nhà văn không thay người đọc để đưa ra câu trả lời, nhà văn chỉ là người đặt câu hỏi và người đọc sẽ hoàn tất câu trả lời. Đó là tinh thần cốt lõi của tiếp nhận văn học.

2. Bình luận và chứng minh

a. Tại sao việc đặt ra câu hỏi lại quyết định chiều sâu của một tác phẩm văn học khi nó phản ánh hiện thực?

* Vì tìm hiểu thực tế đời sống thực chất là một quá trình với nhiều chặng khác nhau:

- Ở chặng thứ nhất, nhà văn thâm nhập thực tế và ghi nhận những sự kiện: *Dẫn chứng*: (Nam Cao ghi nhận sự kiện người nông dân bị bần cùng hóa (Lão Hạc), họ bị bứt ra khỏi làng xã quen thuộc, bị vứt vào những vùng đồn điền (con trai Lão Hạc), bởi nếu không rời bỏ xã hội làng xã họ sẽ phải sống cô độc như Lão Hạc, phải mất con, bán chó và chết thê thảm. Nam Cao còn ghi lại sự tha hóa của người nông dân về nhân phẩm (Chí Phèo). Những sự kiện không phải ngẫu nhiên, đơn lẻ như: chết vì miếng ăn, vì cái đói, sự lưu manh hóa trở đi trở lại trong các tác phẩm của ông như một quy luật tàn nhẫn.)

- Ghi lại những sự kiện đó, truy tìm nguyên nhân của những sự kiện đó.

+ *Dẫn chứng 1*: (Ở điểm kết thúc tác phẩm của Nam Cao đầy ắp những câu hỏi. Có những câu hỏi trực tiếp: Thế lực nào đã đẻ ra Chí Phèo? Ai cho tao lương thiện? Làm thế nào cho hết những vết sẹo trên gương mặt này? (Chí Phèo). Có những câu hỏi gián

tiếp toát ra từ toàn bộ thế giới hình tượng của tác phẩm. Vì sao Chí lại đánh đổi mạng sống để làm người lương thiện? Vì sao nhân vật của Nam Cao lại nhiều nước mắt đến thế... Những câu hỏi như thế dẫn chúng ta vào tầng vĩa khác nhau của đời sống hiện thực. Đó chắc chắn là những câu hỏi đã từng tra vấn nội tâm Nam Cao một cách căng thẳng. Chính những câu hỏi như thế làm nên chiều sâu của tác phẩm.)

+ *Dẫn chứng 2*: Hành trình của Nguyễn Minh Châu viết về số phận của người đàn bà hàng chài cũng đặt ra những câu hỏi tương tự; Vì sao người đàn bà có thể chấp nhận một cuộc sống như thời trung cổ đến thế? Tại sao cuộc sống đã hòa bình mà con người vẫn khổ như vậy? Người chồng vũ phu là đáng giận hay đáng thương?

=> Rõ ràng những câu hỏi trực tiếp hoặc gián tiếp trong tác phẩm văn học là cách thức mà nhà văn khoan sâu vào những tầng vĩa trong cuộc sống, là con đường để nhà văn nhận thức, suy tư về bản chất của hiện thực. Những tác phẩm lớn, các câu hỏi đặt ra không chỉ có ý nghĩa với đương thời mà còn có ý nghĩa với muôn đời, gần với nhiều thời đại, phổ quát cho cả loài người.

* Bằng cách nào nhà văn có năng lực đặt ra những câu hỏi như thế? Nhà văn phải đi rất sâu vào hiện thực, thậm chí phải đi qua những cảnh ngộ rất thơ mộng, đẹp đẽ như một tấm sương mù (Phùng – *Chiếc thuyền ngoài xa*, Nguyễn Minh Châu), hoặc là phải trải qua một quá trình nhận thức (Ông giáo – *Lão Hạc*). Quan trọng hơn, nhà văn phải có một tấm lòng luôn nhạy bén để thấu hiểu và cảm nhận bi kịch của con người.

b. Tại sao việc người đọc trả lời câu hỏi được nhà văn đặt ra trong tác phẩm lại là điều quan trọng?

- Tác phẩm văn học là một không gian không phải chỉ có tiếng nói duy nhất của tác giả. Tác phẩm văn học là không gian đối thoại của tác giả với độc giả. Chính việc đưa ra những câu trả lời khiến người đọc tham dự một cách tích cực vào tác phẩm. Để đưa ra những câu trả lời thì người đọc cần đến kinh nghiệm sống, và vì thế người đọc đem lại cho tác phẩm những ý nghĩa mới, nhờ đó tác phẩm không ngừng được bổ sung, sáng tạo, được tiếp thêm sức sống. (Biện giải cho từng cách hiểu: Ai đẻ ra Chí Phèo? Người đàn bà hàng chài đáng thương hay đáng trách?...)

- Ở mỗi thời đại khác nhau người ta quan tâm đến những câu hỏi khác nhau? Với tác phẩm Chí Phèo của Nam Cao, có thời kì người ta quan tâm đến câu hỏi: Ai cho tao lương thiện? Có thời đại lại quan tâm đến câu hỏi: Làm thế nào cho mất đi những vết sẹo trên gương mặt này?

- Những câu hỏi của tác phẩm có trực tiếp và gián tiếp, câu hỏi trực tiếp là do nhà văn đưa ra, còn câu hỏi gián tiếp là do phần lớn người đọc đặt ra và chính người đọc sẽ tìm câu trả lời cho mình.

3. Đánh giá

- Trong nhận định của mình, Ku-de-ra nói tác phẩm có thể đặt ra câu hỏi về mọi lĩnh vực trong cuộc sống. Điều đó đúng nhưng có lẽ những câu hỏi có ý nghĩa nhất mà văn học đem đến cho con người là những câu hỏi phản biện về những điều còn tồn tại trong xã hội, những câu hỏi tự vấn về chính mình... Nhờ những câu hỏi ấy

mà văn học có sức thanh lọc, nâng đỡ tâm hồn con người.

- Bài học sáng tạo và tiếp nhận...

Đề bài:

Đối thoại với văn chương, Cao Bá Quát nói: “Xưa nay, nỗi khổ của người ta không gì bằng chữ tình, mà cái khó ở đời không gì bằng sự gặp gỡ”.

(Sách giáo khoa Ngữ văn 12 – tập 2, tr 188 – NXB giáo dục năm 2008)

Phát biểu những suy nghĩ của mình về nhận định trên. Phân tích một số tác phẩm mà ng-ời nghệ sĩ đã khổ vì “chữ tình” để đạt tới sự “gặp gỡ” mà anh (chị) hiểu sâu sắc nhất.

GỢI Ý ĐÁP ÁN

1. Bài viết của thí sinh phải giải quyết tốt hai yêu cầu kiến thức cơ bản:

+ Yêu cầu thứ nhất là trình bày suy nghĩ của mình về nhận định.

+ Yêu cầu thứ hai là làm sáng tỏ nhận định ấy qua những tác phẩm người nghệ sĩ đã khổ vì —*chữ tình*‖ để đạt tới sự —*gặp gỡ*‖. 2. Với yêu cầu thứ nhất, cần làm nổi rõ các ý sau:

- Nhận định trên nêu lên một quy luật có tính chất phổ quát muôn đời. Trước hết cần hiểu rõ —*nỗi khổ của người ta không gì bằng chữ tình*‖. Chữ —*tình*‖ ở đây chính là tình cảm, cảm xúc đối với đồng loại, nhân dân, đất nước và cũng là tình cảm của chính người nghệ sĩ mang thiên chức —*nhân đạo từ trong cốt tuỷ*‖ (nói như Sê – Khốp).

- Nỗi khổ không chỉ là đơn giản là chuyện sướng khổ theo nghĩa thông thường trên đời mà —*khổ*‖ chính là nhà văn bằng thiên chức của mình đã cảm thông sâu sắc đến tận cùng mọi buồn vui sướng khổ của nhân loại nói chung, nhân dân mình, dân tộc mình nói riêng. Họ có thể đau đớn, vật vã giằng co đến chảy máu trước cảnh ngộ thân phận xót xa của người khác. Cũng có thể reo lên sung sướng trước niềm vui dù là nhỏ nhoi của con người.

- Như thế nỗi khổ lớn nhất xưa nay của người nghệ sĩ hoá ra lại là chuyện cảm thông chia sẻ, tri ân trước mọi cung bậc của tình cảm con người. Để nói lên được tất cả tình cảm ấy, người nghệ sĩ phải sống với cuộc đời, sống với con người, phải mở lòng đón nhận mọi vang động của cuộc đời. Và để có được sức cảm thông đó, người nghệ sĩ phải dần thân, phải tự nguyện, nói như nhà văn Lỗ Tấn thì đại ý: Tôi ăn lá ăn cỏ để vắt ra là sữa nuôi người đạt được trình độ ấy thì nỗi khổ lớn nhất lại là niềm hạnh phúc nhất.

- —*Cái khó ở trên đời không gì bằng sự gặp gỡ*‖. Thực chất đây là sự giao tiếp giữa tác giả và người tiếp nhận, là mối quan hệ giữa người nói và người nghe, người viết và người đọc, người bày tỏ và người chia sẻ cảm thông. Người viết bao giờ cũng mong mỗi người đọc hiểu mình, cảm nhận được điều mình muốn gửi gắm kín đáo. —*gặp gỡ*‖ chính là sự đồng điệu hoà hợp của những tâm hồn. ở mức độ thông nhất cao thì đó là đồng cảm xúc của người đọc.

Hiểu như vậy thì cái —*khó*‖ lại là sự thành công sự tuyệt mỹ của tác phẩm. Tác phẩm chỉ thật sự có giá trị khi được đông đảo bạn đọc đón nhận tìm thấy mình ở trong đó.

- Mối quan hệ giữa cái —*khổ*‖ và cái —*khó*‖ của người nghệ sĩ chính là mối quan hệ giữa quá trình người nghệ sĩ sống, chiêm nghiệm, hoá thân trong cuộc sống dài để phản ánh chân thật những cảm xúc những suy tư, những trăn trở, niềm đau khổ vô cùng và hạnh

phúc vô cùng của con người và truyền thông cho được tình cảm ấy đến với bạn đọc. Sự đón chờ, tiếp nhận hồ hởi của bạn đọc là tiêu chuẩn khắt khe nhất, nghiêm túc nhất đối với sự trường cửu của tác phẩm văn chương. Người nghệ sĩ nào làm được sứ mệnh ấy là nghệ sĩ lớn, tác phẩm nào đạt được sự hoà hợp ấy là tác phẩm bất hủ không sợ thời gian.

2. Yêu cầu thứ hai, cần làm tốt các ý sau:

- Khi làm sáng tỏ nhận định phải cân nhắc lựa chọn những tác phẩm thật sự có giá trị của những nghệ sĩ thực sự vĩ đại hoặc uy tín.
- Khi phân tích cụ thể phải chỉ ra được chỗ nhà văn —*lao tâm khổ tứ* cảm thông vô cùng với tình cảm con người, nói hộ cho tâm sự nỗi niềm con người để sản phẩm tinh thần của họ được bạn đọc đón nhận.
- ở góc độ tiếp nhận của người đọc, cũng phải chỉ rõ được người đọc đã cảm thông, giao thoa đồng cảnh ngộ với người nghệ sĩ sâu sắc ở điểm nào, những tình cảm gì. Nói cách khác, sợi tơ lòng kết dính người nghệ sĩ và bạn đọc là ở cách nhìn và tình cảm nào.
- Khi phân tích minh họa, đề có phần nghiêng về tư tưởng tình cảm nhưng không vì thế mà xem nhẹ yếu tố hình thức, nghệ thuật của tác phẩm. Phải xem nội dung tốt, hình thức lại chuẩn mực thì đó là tác phẩm hoàn hảo.
- Phân tích minh họa phải tuân theo một trình tự hợp lí, có thể mở rộng phạm vi tác phẩm minh họa qua mọi thời đại, mọi quốc gia miễn là người viết nói đúng, nói trúng vấn đề cần hiểu rõ và làm rõ.

Đề bài:

Phải chăng, tiếng nói tri âm là khát vọng muôn đời của văn chương xưa nay?

GỢI Ý ĐÁP ÁN

1. Vấn đề tiếng nói tri âm trong văn chương.

a. Khái niệm

Tri âm được hiểu là sự đồng điệu, thấu cảm. *“Xưa nay nỗi khổ của người ta không gì bằng chữ tình, mà cái khó ở đời không gì bằng sự gặp gỡ.”* (Hoa tiên truyện tự - Cao Bá Quát).

b. Luận giải về tiếng nói tri âm trong văn học.

- Sự tri âm giữa người đọc và người viết trước hết được bắt nguồn từ quy luật của sáng tạo nghệ thuật. Người nghệ sĩ cầm bút là để giải bày lòng mình. Nhà thơ mang —tiếng nói điệu đồng đi tìm những tâm hồn đồng điệu. Nhà văn viết tác phẩm như ban phát phần thông vàng đi khắp nơi, mong có người theo phần tìm về. Cho nên bạn đọc là một mắt xích không thể thiếu trong chu trình sáng tác - tiếp nhận tác phẩm. Bạn đọc cũng có suy nghĩ, tình cảm, cảm xúc, có niềm vui và nỗi buồn, có cảnh ngộ và tâm trạng, nhiều khi bắt gặp sự đồng điệu với nhà văn, nhà thơ. Khi hai luồng sóng tâm tình ấy giao hoà thì tác phẩm sẽ rực sáng lên, trở thành nhịp cầu nối liền tâm hồn với tâm hồn, trái tim với trái tim. Phải chăng vì thế Lưu Quý Kỳ viết : *“nhà thơ gói tâm tình của mình trong thơ. Người đọc mở ra bỗng thấy tâm tình của chính mình”*.

- Xét về đối tượng phản ánh của văn học: Những cuộc đời bi kịch, đau thương, những số phận ngang trái thường dễ khơi gợi cảm xúc đồng cảm xót thương của con người, nhất là những người nghệ sĩ (quy luật của cuộc sống: con người nhạy cảm, quan tâm nhiều hơn trước nỗi buồn hơn là niềm vui, trước bất hạnh hơn là hạnh phúc, trước mất mát, thiệt thòi hơn là được, may mắn). Tiểu Thanh, Nguyễn Du, Lorca đã đi vào trong thơ của Nguyễn Du, Tố Hữu, Thanh Thảo bởi họ có chung số phận ấy.

Tri âm còn là tìm đến cái đẹp để ngưỡng mộ, ngợi ca. Bản thân cái đẹp có sức chinh phục lớn lao với những người nghệ sĩ. Cái đẹp có từ trong cuộc đời nhân cách của con người, cái đẹp còn có trong giá trị của tác phẩm nghệ thuật. Trong cảm xúc của các nhà thơ sự cảm thông, xót thương phải đi liền với sự ngợi ca, ngưỡng mộ, tôn vinh. Qua các tác phẩm thơ chúng ta thấy Nguyễn Du, Tố Hữu, Thanh Thảo luôn muốn lưu giữ lại với muôn đời những vẻ đẹp mà đối tượng tri âm của họ sở hữu - Trên cơ sở lí luận tiếp nhận văn học:

+ Khi nhà văn kết thúc trang viết cuối cùng của tác phẩm, thì lúc đó tác phẩm mới bắt đầu vòng đời của nó. Nói các khác quá trình hoạt động của tác phẩm không phải là một chu trình đóng kín, mà nó mở ra về phía đời sống. Và đối với những tác phẩm lớn thì cuộc đời của nó luôn luôn ẩn chứa những khả năng mới sẽ bộc lộ khi nó viễn du qua không gian và thời gian. Và khi đó sức sống của tác phẩm văn chương sẽ được bắt từ hoá trong sợi dây tri âm linh diệu giữa tác giả và bạn đọc. Phải chăng vì vậy, M.Gorki đã viết: —người tạo nên tác phẩm là tác giả nhưng người quyết định số phận của tác phẩm lại là độc giả.

+ Tác phẩm văn chương chỉ sống được trong tác lòng của những người tri kỉ - là bạn đọc nhưng không phải bạn đọc nào cũng hiểu được tác phẩm và thông điệp của tác giả. Tiếp nhận văn học phụ thuộc vào nhiều yếu tố: tâm lý và tâm thế tiếp nhận, môi trường văn hoá mà người đọc đang sống, đang tiếp thu, Chuyện khen hay chê trong văn chương là điều dễ thấy. Cho nên, ở bất kỳ thời đại nào, bất cứ nền văn học dân tộc nào cũng đều rất cần tiếng nói tri âm của bạn đọc dành cho tác giả. Nghĩa là bạn đọc ấy phải

cảm thông, sẻ chia với những nỗi niềm tâm sự, nghĩ suy của người viết gửi gắm vào tác phẩm.

- Thực tiễn văn học: Tiên Phong Mộng Liên Đường chủ nhân Nguyễn Đăng Tuyển từng có lời bình *Truyện Kiều* như sau: “*Thúy Kiều khóc Đạm Tiên, Tố Như tử làm Truyện Thuý Kiều, việc tuy có khác nhau mà lòng thì là một, người đời sau thương người đời nay, người đời nay thương người đời xưa, hai chữ tài tình thật là một cái thông lụy của bọn tài tử khắp trong gầm trời và suốt cả xưa nay vậy*”. Chính bởi ý nghĩa đặc biệt của tiếng nói tri âm trong văn chương mà biết bao nhà thơ, nhà văn đã sáng tác những tác phẩm mà đối tượng lại chính là các nhà văn, nhà thơ. Bằng Việt viết về Pauxtôpxki, Ximônốp sung sướng khi tìm được tri âm là Tố Hữu: —*Ở đây tôi thấy thơ tôi, Sống trong bản dịch tuyệt vời của anh*”, hay Thanh Thảo đã viết về Lor ca bằng những vần thơ với nỗi đau “*bốc cháy như mặt trời*”. Trường hợp của Nguyễn Du và Tố Hữu trong hai bài thơ —*Độc Tiểu Thanh kị* và —*Kính gửi cụ Nguyễn Du* cũng không nằm ngoài mạch nguồn cảm hứng giàu giá trị nhân văn ấy.

2. Tiếng nói tri âm trong văn học qua một số tác phẩm tiêu biểu.

a. Tiếng nói tri âm trong *Độc Tiểu Thanh kị* của Nguyễn Du

- Hơn ai hết trong nền văn học Việt Nam, Nguyễn Du là người khổ vì chữ tình và khát khao sự gặp gỡ đến khắc khoải. Thi hào là một con người suốt đời đi tìm tri kỉ giữa cõi đời đen bạc. Chắc hẳn đại thi hào sẽ —ngậm cười chín suối vì —cả cuộc đời nay hiểu Nguyễn Du, vì có biết bao người như Huy Cận, Tế Hanh, Chế Lan Viên, ...và đặc biệt là Tố Hữu đã làm thơ giải bày, giải toả hộ người những uất hận kia. Bài thơ —*Kính gửi cụ Nguyễn Du* ra đời như bắt nhịp câu tri âm đến những tâm sự của Tố Như trong —*Độc Tiểu Thanh kị*, đồng thời cũng khẳng định ý nghĩa đặc biệt của tiếng nói tri âm trong văn chương.

- Trước hết —*Độc Tiểu Thanh kị* là tiếng nói tri âm của một cá nhân dành cho một cá nhân, một lòng đau đi tìm một hồn đau, cất lên trong một không gian đa chiều của tiếng khóc – tiếng khóc là biểu tượng cho sự đồng cảm sâu sắc giữa hai con người khác thời đại và dân tộc. Có một khoảng không gian và thời gian diệu vợi, hun hút, ngăn cách hai người nhưng chính văn chương đã xoá nhoà biên giới địa lí, biên giới lịch sử để họ tìm đến với nhau.

- Khóc cho Tiểu Thanh, Nguyễn Du đã khóc cho người, khóc cho một thiên tài kì nữ.

- Nguyễn Du coi mình là người cùng hội cùng thuyền với người xưa, khóc cho Tiểu Thanh để rồi khóc cho chính mình.

- Bài —*Độc Tiểu Thanh kị* của Tố Như viết theo thể đường luật cô đúc, hàm súc nhưng phẳng phát giọng điệu bi phần do rất nhiều thanh trắc, gợi cảm giác trĩu nặng, ngưng đọng.

b. Tiếng nói tri âm trong *Kính Gửi cụ Nguyễn Du* của Tố Hữu

- Nếu “*Độc Tiểu Thanh kị*” là tiếng nói tri âm của một cá nhân dành cho một cá nhân, sự đồng cảm sâu sắc giữa hai người khác thời đại và dân tộc, thì “*Kính gửi cụ Nguyễn Du*” là tiếng lòng tri âm của những con người cùng nguồn cội, cùng dân tộc. Hai trăm năm sau Nguyễn Du, Tố Hữu đứng trên đỉnh cao của thời đại, của dân tộc hướng về quá khứ cha ông với niềm xót xa, thương cảm. Biết bao nhà thơ khác đồng cảm với Nguyễn Du nhưng ở Tố Hữu, sự đồng cảm ấy thật sâu sắc, mệnh mông.

- Nếu như Nguyễn Du chủ yếu tri âm với cuộc đời Tiểu Thanh thì Tố Hữu còn tri âm với cả thế giới nhân vật của tác phẩm Nguyễn Du. Tố Hữu không chỉ thương

Nguyễn Du mà còn thương nhân vật mà Nguyễn Du thương.

- Không chỉ hiểu bi kịch của Nguyễn Du, Tố Hữu còn chia sẻ, cảm thông với bi kịch tình đời của thi hào. Tố Hữu không chỉ tri âm với tư cách là một người nghệ sĩ với một người nghệ sĩ mà còn tri âm trên tinh thần trân trọng truyền thống, di sản của cha ông. Hiện thực thời đại mới cho phép tác giả đánh giá đầy đủ, sâu rộng và chính xác hơn sự nghiệp sáng tác của một thiên tài. Như vậy, vấn đề tri âm còn là vấn đề thời đại với thời đại, lịch sử với lịch sử.

- Tấm lòng tri âm của Tố Hữu với Nguyễn Du không chỉ là sự đồng cảm, sẻ chia mà còn là **sự trân trọng, biết ơn, lòng cảm phục, ca ngợi**. ("*Tiếng thơ ai động đất trời ... Tiếng thương như tiếng mẹ ru thánh ngày*"). Tố Hữu đánh giá rất cao giá trị sáng tác Nguyễn Du, đặc biệt nhà thơ đã khẳng định sự trường tồn bất diệt của tác phẩm "Truyện Kiều" trong lịch sử văn học dân tộc.

- Không chỉ thấu hiểu, sẻ chia với cuộc đời, ngợi ca thơ Nguyễn Du, Tố Hữu còn tìm cách lý giải nỗi đau của Nguyễn Du. Ông cho rằng nỗi đau ấy không phải do trời mà chính là do xã hội vạn ác thời Nguyễn Du gây nên:

- Tố Hữu sử dụng thành công thể lục bát nhẹ nhàng, đầm thắm, trang trọng; hình thức tập Kiều, lấy Kiều để chuyển tải giọng điệu lạc quan, hào hứng say mê.

c. Tiếng nói tri âm trong *Đàn ghi ta của Lor-ca* (Thanh Thảo)

- Thanh Thảo từng tâm sự rằng, ông rất ngưỡng mộ Lor-ca, rằng cuộc đời và sáng tác của người nghệ sĩ tài năng này đã gây cho ông nhiều xúc cảm và ấn tượng.

Bài thơ "**Đàn ghi ta của Lor-ca**" bày tỏ tấm lòng tri âm, ngưỡng vọng sâu sắc của Thanh Thảo tới Lor-ca.

- Thanh Thảo tri âm sâu sắc với nguyện ước của Lor-ca: "*khi tôi chết hãy chôn tôi với cây đàn*". Khát vọng đó thể hiện một tình yêu Tổ quốc nồng nàn và cũng là tình yêu nghệ thuật say đắm của Lor-ca.

- Thanh Thảo đã thấu hiểu và ngưỡng vọng sâu sắc chân dung và bản lĩnh người - thơ của Lor-ca. Một chiến sĩ yêu tự do và cái đẹp. Một nghệ sĩ du ca lãng tử, hào hoa có tâm hồn phóng khoáng, khao khát cách tân nghệ thuật, khao khát chế độ dân chủ song Lor-ca rất cô đơn.

- Thanh Thảo bày tỏ nỗi bi phẫn trước cái chết oan khuất của Lor-ca. Dưới bút thơ tài hoa của ông, tiếng đàn ghi ta đã vỡ ra thành hình, thành sắc để phục sinh cái chết oan khuất của người nghệ sĩ thiên tài.

- Với tác lòng xót thương và suy tư về cuộc già từ của Lor-ca, Thanh Thảo khẳng định: Lor-ca là một tâm hồn bất diệt, một nghệ sĩ chân chính. Nhân cách và tài năng nghệ thuật của ông sẽ sống mãi với muôn đời. Nhà thơ cũng gửi tới người đọc một thông điệp đầy tiến bộ: cái đẹp của nhân cách con người, cái đẹp của sự sáng tạo nghệ thuật chân chính sẽ có sức sống bất diệt. Đây cũng là con đường mà Thanh Thảo hằng theo đuổi.

- Với thơ tự do mang phong cách tượng trưng - siêu thực, sáng tạo hình ảnh thơ theo lối lạ hoá, tài hoa, xoá bỏ những liên từ trong thơ, bài thơ không dấu câu, khụng viết hoa đầu mỗi dòng thơ tạo nên cấu trúc ngữ pháp độc đáo, nhịp bất thường, những từ mô

phông âm thanh của các nốt ghi-ta (li-la) được —cấyll vào bài thơ một cách tự nhiên... tất cả làm nên một kiệt tác.

3. Đánh giá

- Nhà văn sáng tạo không chỉ vì độc giả của hiện tại mà nhà văn thiên tài còn phải đáp ứng được những yêu cầu của mọi thời đại, mọi thế hệ. Nhà văn muốn tạo ra sự đồng cảm, tri âm với độc giả thì tác phẩm của họ phải nói được những vấn đề bức xúc của thời đại, con người, những vấn đề mang tầm phổ quát; để rồi qua tác phẩm, người đọc không chỉ hiểu tác phẩm, hiểu nhà văn, mà còn hiểu thời đại nhà văn đang sống. Rộng hơn, độc giả còn so sánh được thời đại nhà văn sống và thời đại hiện tại của chính mình. Thời đại nào cũng thế, những khao khát tri âm luôn là mong ước cháy bỏng, mãnh liệt của con người.

- Muốn vậy, nhà văn cần phải có một cái Tài, cái Tâm cao cả. Người nghệ sĩ luôn cần một tấm lòng sống và yêu hết mình với cuộc đời, con người. Và người đọc hãy sống hết mình với tác phẩm để hiểu được thông điệp thâm mỹ của tác giả, để chia sẻ, cảm thông với tác giả và trở thành người —đồng sáng tạoll với nhà thơ, nhà văn.

- Trong văn học nghệ thuật, tìm được kẻ tri âm không phải là dễ. Liệu Bá Nha có được mấy Chung Tử Kỳ? Thánh thơ Đỗ Phủ mà cũng phải trần trở: *“Bác niên ca tự khổ - Vị kiến hữu tri âm”* (Cả đời nói lên nỗi khổ của mình – Chưa từng thấy tri âm). Như vậy tiếng nói tri âm giữa người đọc và người viết là điều văn học dân tộc nào, thời đại nào cũng hướng tới. Chẳng vậy mà nhà văn Bùi Hiển cho rằng : —Ở nước nào cũng thế thôi, sự cảm thông sẻ chia giữa người đọc và người viết là trên hếtll.

Đề bài:

Nhà lý luận văn học Trung Quốc Lưu Hiệp cho rằng: *“Phàm việc làm văn thì nội tâm có bị xúc cảm lời nói mới phát ra. Nhưng người xem văn thì (ngược lại): trước xem lời văn rồi sau mới vào nội tâm tác giả. Nếu ta cứ theo sóng đi ngược lên tìm nguồn thì dù văn có kín đáo cũng sáng rõ. Đời xa không ai thấy mặt nhà văn, nhưng xem văn liền thấy tiếng lòng của họ”*.

(*Văn tâm điều long/ thiên Tri âm*; NXB Văn học; H; 1999; trang 274)

Anh chị hiểu ý kiến trên như thế nào? Hãy làm sáng tỏ qua một số tác phẩm văn học tiêu biểu.

GỢI Ý ĐÁP ÁN

1. Giải thích:

- *Làm văn và xem văn*. Thực chất là hai quá trình quan trọng của đời sống văn học: quá trình sáng tạo và tiếp nhận văn học. ở đó khái niệm —vănll tức là tác phẩm văn học là trung tâm. Làm văn là quá trình của người sáng tác, nhà văn. Xem văn là quá trình tiếp nhận của người đọc.

- *Người làm văn thì xúc cảm lời nói mới phát ra*: Nội dung của tác phẩm văn chương là nội dung cảm xúc, nhất là thơ. Người làm thơ có xúc động, cảm xúc thì lời nói mới phát ra. Văn bản văn học là sự thể hiện tình cảm, tư tưởng của người nghệ sĩ trên mặt giấy. Cảm xúc trong thơ phải mãnh liệt, tràn đầy. Rất nhiều người đề cao vai trò của cảm xúc với việc làm văn. *Thơ phát khởi phát từ lòng người, Hãy xúc động hồn thơ cho ngòi bút có thần...*

- *Ngược lại, người xem văn, trước xem ngôn ngữ, rồi hiểu người; rồi sống tìm nguồn để thấy tiếng lòng của người làm văn. Quy trình của tiếp nhận: trước phải xem văn. Nghĩa là phải xuất phát từ văn bản ngôn từ; ngôn ngữ là cái lớp rào cản đầu tiên khi tiếp xúc văn bản văn học. Văn bản văn học gồm thế giới hình tượng và các lớp nội dung ý nghĩa được ẩn tàng bên trong văn bản ngôn từ. Không thể hiểu văn nếu không giải mã văn bản ngôn từ. Đó là hệ thống kí hiệu được mã hóa để chuyển tải thông điệp thâm mĩ của người làm văn, nghệ sĩ ngôn từ. Xúc cảm trước cuộc đời, trước số phận con người được nghệ sĩ thể hiện kín đáo trong trang văn, sau văn. Nội dung cảm xúc của tác phẩm văn học ít khi phơi lộ trên bề mặt của văn bản ngôn từ ngôn từ, mà thường được gửi gắm kín đáo đằng sau câu chữ. Người xem văn phải biết rẽ sóng tìm nguồn, làm hành trình ngược dòng văn sẽ bắt gặp tiếng lòng tác giả:*

Đời xa không ai thấy mặt nhà văn, nhưng xem văn liền thấy tiếng lòng của họ.

- Phải thấy có khi rẽ sóng mà không thấy nguồn, không tìm được mặt thi nhân. Nhưng nếu thực sự rung động, sống hết mình với tác phẩm, chắc chắn người xem văn sẽ bắt gặp phần nào tiếng lòng của họ. Tri âm hoàn toàn là điều lí tưởng, là mong ước, nhưng khó thay: “*Bách niên ca tự khổ / Vị kiến hữu tri âm*”. (Tự làm khổ cả trăm năm vì thơ / Mà vẫn chưa thấy có người hiểu mình). Khó nhưng không phải không có. Chuyện Bá Nha Tử Kỳ đâu chỉ là chuyện đời xưa. Đó là câu chuyện của muôn đời về tri kỉ tri âm. Trần Phồn và điển chiếc giường cũng là nói chuyện ấy. Mắt xanh cũng là điển chỉ sự thấu hiểu nhau của những người tri kỉ. Tố Hữu, Huy Cận, Chế Lan Viên và cả dân tộc thấu hiểu nỗi lòng Nguyễn Du? Thanh Thảo tri âm với nghệ sĩ cách ngàn trùng cây số? Những tấm lòng đồng cảm vượt không gian và thời gian.

=> Ý kiến của Lưu Hiệp thật đúng đắn và xác đáng khi bàn về quá trình sáng tạo của nhà văn và quá trình tiếp nhận của người đọc.

2. Chứng minh

Chọn một số tác phẩm tiêu biểu, phân tích để làm sáng tỏ hai vấn đề lời nhận định đề cập đến là làm văn và xem văn:

- + Độc Tiểu Thanh kí – Nguyễn Du
- + Đàn ghi ta của Lor ca – Thanh Thảo
- + Chiếc thuyền ngoài xa – Nguyễn Minh Châu

+... 3. Đánh giá

- Ý kiến đúng đắn, xác đáng, thể hiện cái nhìn sâu sắc của nhà lí luận văn học

Lưu Hiệp.

- Tuy nhiên, phải thấy cái gốc của văn chương là tình cảm, cảm xúc. Vì thế, để sáng tạo nên một tác phẩm văn học chân chính, nhà văn phải có tầm vóc tư tưởng, tình cảm lớn.

- Trong quá trình tiếp nhận, người đọc cần —lấy hồn tôi để hiểu hồn người—, có con —mắt xanh— để tri âm nhưng bên cạnh đó cần có trình độ thẩm thấu văn chương mới hiểu được hết giá trị của văn chương.

Đề bài:

Hình tượng nhân vật được sinh ra từ tâm trí của nhà văn nhưng chỉ thực sự sống bằng tâm trí của người đọc.

Bằng tri thức và trải nghiệm văn học của mình, bạn hãy bình luận ý kiến trên.

GỢI Ý ĐÁP ÁN

1. Giải thích

- Nhân vật văn học là khái niệm dung để chỉ hình tượng các cá thể con người trong tác phẩm văn học – cái đã được nhà văn nhận thức, tái tạo, thể hiện bằng các phương tiện riêng của nghệ thuật ngôn từ.

- *Hình tượng nhân vật được sinh ra từ tâm trí của nhà văn*: nhà văn là người lao tâm khổ trí sáng tạo ra hình tượng nhân vật nhưng đó mới là hình tượng bằng chất liệu ngôn ngữ.

- *Chỉ thực sự sống bằng tâm trí của người đọc*: người đọc mới là người biến hình tượng nhân vật ở dạng ngôn ngữ thành sinh thể trong tâm trí của mình.

=> Câu nói nêu lên vai trò của cả hai đối tượng là nhà văn và người đọc trong quá trình sáng tạo – tiếp nhận văn học, nhưng trọng tâm là đề cao vai trò của người đọc trong việc biến hình tượng từ những kí tự trên mặt giấy thành sinh thể tồn tại trong đời sống tinh thần của con người, của xã hội.

2. Bàn luận

- Hình tượng nhân vật do nhà văn sáng tạo ra trong tác phẩm chỉ là loại sản phẩm thuộc về tiềm năng. Người đọc mới là người quyết định biến hình tượng nhân vật từ thế tiềm năng trong ngôn ngữ, trên trang sách thành hình tượng sống động. Ví thế, hình tượng nhân vật chỉ thực sự sống như một sinh thể trong tâm trí và bằng tâm trí người đọc.

- Ý đồ của nhà văn chỉ là một khả năng tồn tại của hình tượng nhân vật trong tác phẩm. Mỗi người đọc, bằng nền tảng văn hóa, tâm lí, trình độ thụ cảm riêng lại tạo ra vô vàn khả năng khác, cách hiểu khác nhau, ý nghĩa khác nhau về hình tượng nhân vật.

3. Chứng minh

- Cần lựa chọn được một số hình tượng nhân vật tiêu biểu trong các tác phẩm văn học để phân tích làm sáng tỏ vai trò sáng tạo của nhà văn và giới hạn của hình tượng khi còn ở dạng ngôn ngữ.

- Khẳng định người đọc có vai trò tạo ra sự sống cho hình tượng nhân vật khi đọc tác phẩm. Phân tích được những nhân tố dẫn đến vai trò quyết định của người đọc đối với sự sống của hình tượng nhân vật.

- Gợi ý một số nhân vật:

+ Nhân vật Thúy Kiều – trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du

+ Nhân vật Chí Phèo – Nam Cao

+ Người vợ nhặt – *Vợ Nhặt* của Kim Lân

+ Đường Tăng - *Tây du kí* của Ngô Thừa Ân

+ Đôn ki hô tê...

4. Đánh giá

- Đây là nhận định đúng đắn. Tuy nhiên không được coi thường những ý đồ tư tưởng của nhà văn. Trong đời sống lí luận văn học, câu nói —Tác giả đã chết— ý muốn đề cao vai trò của người đọc, nhưng —Tác giả muôn năm— vì tác giả là người sáng tạo ra hình tượng nhân vật. Mặt khác, bản thân nhân vật cũng có sức sống nội tại của mình.

- Việc đồng sáng tạo với nhà văn ở người đọc không có nghĩa là bình tán, suy diễn tùy tiện, gượng ép mà phải trên cơ sở hiểu được bản chất, quy luật sáng tạo nghệ thuật, xuất phát từ văn bản tác phẩm, từ hình tượng nhân vật.

- Câu nói có ý nghĩa dẫn dắt người đọc có thái độ tích cực trải nghiệm, tranh biện khi tiếp nhận tác phẩm văn chương nghệ thuật.

Đề bài

Có ý kiến cho rằng: *Khi tác phẩm kết thúc, ấy là lúc cuộc sống của nó mới thực sự bắt đầu.*

Anh (chị) hãy bình luận ý kiến trên.

GỢI Ý ĐÁP ÁN

1. Giải thích

- *Khi tác phẩm kết thúc* là khi tác giả đã hoàn thành tác phẩm cũng là khi người đọc đã đọc xong tác phẩm.

- *ấy là lúc cuộc sống của nó mới thực sự bắt đầu* nghĩa là, lúc bấy giờ tác phẩm mới thực sự sống đời sống của nó trong tâm trí người đọc, tác phẩm mới thực sự nhập vào đời sống thông qua người đọc.

=> Ý kiến đề cập đến vấn đề tiếp nhận văn học. Nó đề cao vai trò của chủ thể tiếp nhận là người đọc.

2. Bình luận

- Tác phẩm văn học là một văn bản ngôn từ. Nhưng đặc trưng của ngôn từ là tính mơ hồ đa nghĩa nên người ta gọi tác phẩm văn học là một "văn bản mở". "Văn bản mở" nghĩa là tác phẩm gồm hai phần: "phần cứng" là những con chữ bề mặt văn bản đang nằm im, "phần mềm" là hệ thống tư tưởng, ý nghĩa được xuất hiện trong quá trình tiếp nhận. Vì thế, cái gọi là "tác phẩm văn học" chỉ thực sự tồn tại khi nó biến thành cái "phần mềm" kia, còn nếu không nó trở thành "quyển sách". Mà rõ ràng, ý muốn của nhà văn là truyền đến bạn đọc những lẽ sống của đời chứ không phải để bán sách.

- Ngay từ xưa, Heghen trong Triết học tinh thần đã yêu cầu việc xem xét tác phẩm trong hệ thống "tác giả — tác phẩm — người đọc" vì ông cho rằng sự tồn tại của tác phẩm chỉ tồn tại trong ba yếu tố quan hệ hữu cơ với nhau ấy thôi. Còn người Trung Quốc xưa, lại cho rằng tác phẩm tồn tại trong lòng của người tri kỉ chứ không trên trang giấy; vì thế việc viết văn là việc của tấm lòng. Chính vì thế, tác phẩm chỉ thực sự tồn tại khi người ta ý thức được về nó mà thôi. Người đọc là người cứu tác phẩm ra khỏi hàm mộ của sách, giúp nó sống lại và bước đi giữa cuộc đời và hồn người. Tác phẩm tái sinh trong lòng bạn đọc. Vì thế, mỗi tác phẩm là một tiếng mời gọi tha thiết tấm lòng bạn đọc đến với mình, tri âm với mình để mình có được một đời sống mới. Sức sống của tác phẩm không nằm ở lời ra lệnh của nhà binh hay truyền giáo của tu sĩ mà nằm ở trường nhìn, trường cảm của từng cá nhân đọc khác nhau.

- Tuy từng tư tưởng, kinh nghiệm, thẩm mỹ của mỗi độc giả mà tác phẩm có muôn ngàn cuộc sống khác nhau. Vì thế, tác phẩm vừa là nó, vừa chẳng là nó. Sự thú vị trong đa dạng tiếp nhận cũng chẳng kém sự thú vị trong đa dạng sáng tạo. Vì thế sức sáng tạo của nhà văn, qua bạn đọc cứ nhân lên đến vạn lần. Và thế là nghệ thuật có sự sống vĩnh hằng vì nghệ thuật có hai con đường: sáng tạo hay là chết.

3. Chứng minh

Thí sinh cần phải minh hoạ bằng các tác phẩm văn học mà mình nắm vững.

(Dưới đây là một vài ví dụ gợi ý)

- Đôn-ki-hô-tê: Người Tây Ban Nha gọi chàng là kẻ điên rồ, người Pháp gọi là chú hề đáng thương, đến chủ nghĩa lãng mạn gọi Đôn-ki-hô-tê là người anh hùng còn sót lại, chủ nghĩa hiện thực lại coi là biểu tượng của sự suy vi một thời phong kiến đã qua. Vậy rõ ràng, những môi trường văn hoá khác nhau tạo ra những "phạm trù hiểu" không cùng hướng. Ta coi tác phẩm như cái đài nhiều dải tần, ai thích nghe sóng nào thì nghe, nhưng phải bắt đúng dải sóng nếu không chỉ có tạp âm thôi. Vì thế, sự "đúng — sai" trong tác phẩm là quy luật nội tại tất yếu của văn học, nó chỉ thúc đẩy sự sống của tác phẩm trường tồn mà thôi. Vậy thì lịch sử văn học, xét đến cùng, là lịch sử tiếp nhận văn học.

- *Văn cảnh* của Hồ Chí Minh. Chữ "lưỡng" là từ chìa khoá để khai mở bài thơ.

Xuân Diệu coi "lưỡng" ở đây là hai sự vô tình khép kín một đời hoa, còn Trần Đình Sử coi "lưỡng" là phó từ, còn chủ ngữ hàm ẩn "quyết định nghĩa" bài thơ là người tù Hồ Chí Minh, tự trách mình vô tình. Thú vị nhất là Nguyễn Khắc Phi khi đưa ra quan niệm "lưỡng vô tình" là sự trôi chảy liên tục, bất biến của thời gian đã làm cho người tù bất bình.

- VV...

4. Đánh giá

- Khẳng định đây là một ý kiến đúng đắn, súc tích, chứa đựng những ý tưởng sắc sảo với hình thức diễn đạt gây ấn tượng. Nó đã chỉ ra được mối liên hệ thực tế giữa nghệ thuật và đời sống, giữa sáng tạo và tiếp nhận. Nó đề cập được vấn đề cốt lõi của vòng đời tác phẩm. Nó nhấn mạnh vai trò của người đọc tri âm và là người đồng sáng tạo, người quyết định đến đời sống thực sự của tác phẩm nghệ thuật.

- Tuy nhiên, không thể phủ định hoàn toàn rằng số phận tác phẩm nằm ngoài khả năng quyết định của tác giả. Sự sống của tác phẩm, trước hết phải do chính nó và người làm ra nó quyết định. Vấn đề được đặt ra với người cầm bút muốn viết lên những tác phẩm có giá trị thực sự để phút mà tác phẩm kết thúc cũng chính là lúc *sự sống* của nó bắt đầu (chứ không phải là *cuộc sống*) thì việc kết hợp giữa cái tài và cái tâm là luôn luôn cần thiết. Như Nguyễn Du đã từng nói: *Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài*.

Đề bài:

Anh/ chị bình luận ý kiến sau: “Mỗi tác phẩm văn học là một cuộc xô số mà số độc đắc luôn có trong lòng độc giả.”

Bài làm:

Bài thơ anh anh làm một nửa mà thôi
Còn một nửa cho mùa thu làm lấy

Câu thơ thuở nào của Chế Lan Viên như một chân lý, nêu lên mối quan hệ giữa văn học nghệ thuật với cuộc đời. Tác phẩm văn học là bức tranh toàn cảnh về cuộc sống. Nó xuất phát từ hiện thực và trở về với hiện thực. Nó sống hay chết là phụ thuộc vào người đọc. Vì thế mới có ý kiến cho rằng: “Mỗi tác phẩm văn học là một cuộc xô số mà số độc đắc luôn có trong lòng độc giả.”

Nói đến văn học là nói đến tấm gương phản chiếu cuộc sống, là sự biểu hiện nội tâm. Tác phẩm văn học không chỉ là kết quả sáng tạo của nhà văn mà còn là đối tượng của tiếp nhận văn học. Nhà văn là người sáng tạo ra tác phẩm nhưng lại không có quyền định đoạt số phận cho nó. Nó có thể chết khi nhà văn còn sống. Nó có thể sống khi nhà văn không còn nữa. Có thể coi “một tác phẩm văn học như là một cuộc xô số” là vì lẽ đó. Một tác phẩm ra đời, thành công hay thất bại là do độc giả quyết định. Nói như Milan Kundera rằng: “Khi đặt bút viết một tác phẩm, nhà văn thường tìm kiếm và đặt ra rất nhiều câu hỏi. Chiều sâu của một tác phẩm thể hiện khả năng đặt ra nhiều câu hỏi về những vấn đề cuộc sống. Chính người đọc sẽ tìm ra câu trả lời.”

Ý kiến trên đã đặt ra vấn đề về mối quan hệ giữa tác phẩm với bạn đọc, giữa nhà văn với độc giả, nêu lên sức sống của một tác phẩm văn chương.

Tác phẩm văn học như một “chứng minh thư” xác nhận tư cách nhà văn, để xác định nhà văn trong lòng độc giả, trong lịch sử văn học. Một tác phẩm chỉ thực sự lưu dấu trong trái tim và ký ức bạn đọc khi đó là tác phẩm có giá trị. Mà tác phẩm có giá trị hay không thì câu trả lời nằm sẵn trong lòng độc giả. Có biết bao văn sĩ đã biến mất khỏi ký ức nhân loại vì tác phẩm của họ không phải là “số độc đắc”, chưa đủ in dấu với thời gian. Và cũng có rất nhiều những tác phẩm, tác giả mãi mãi lưu danh với đời. Những cái tên như Nguyễn Du, Tố Hữu, Xuân Diệu, Nguyễn Tuân... hay Banzắc, Hemingway... sống mãi với thời gian.

“Tác phẩm văn học như một cuộc xô số”, mà nhà văn là người quay số - hồi hộp và lo lắng vô cùng. Để có được một tác phẩm văn chương, nhà văn phải trải qua quá trình thai nghén, ấp ủ rồi lao động sáng tạo vất vả, khổ cực và thậm chí là căng thẳng. Nguyễn Tuân cũng đã từng tâm sự rằng: “Mỗi khi ngồi vào bàn giấy, tôi có cảm giác như đang đứng trước một pháp trường trắng”. Một tác phẩm hoàn thành là biết bao công sức, mồ hôi, tâm huyết của người nghệ sĩ. Cũng như bà mẹ chín tháng mười ngày đợi chờ đứa con sinh ra, nhà văn cũng vui mừng khi tác phẩm – đứa con tinh thần của mình ra đời, sống được trong lòng độc giả. Là con đẻ của nhà văn nhưng khi ra đời tác phẩm tồn tại độc lập với nhà văn. Tác phẩm “sống” được hay không còn là điều bất khoản, là dấu hỏi lớn đối với các văn sĩ.

Câu hỏi về vấn đề sống còn của tác phẩm mãi là điều bí ẩn, không lời đáp đối với tác giả nếu như không có bạn đọc. Chỉ có tiếp nhận, khám phá, thấu hiểu được nó thì công chúng định đoạt, đón nhận nó. Trong vô vàn tác phẩm đến với cuộc sống, mỗi người có thể và có quyền chọn ra một tác phẩm ưng ý cho riêng mình. Cho nên “tác phẩm văn học là một cuộc xô số” nhưng điều thú vị ở đây là không phải chỉ có một “con số độc đắc” mà mỗi người đều có thể chọn cho mình một con số riêng. Và cũng tùy cách tiếp nhận của mỗi người để tác phẩm đó trở thành “số độc đắc” hay không. Thơ Hồ Xuân Hương có thể là đặc sắc với người này nhưng cũng có thể là dung tục đối với người kia.

Tác phẩm văn học là một chỉnh thể nghệ thuật độc đáo. Xem tác phẩm văn học là một chỉnh thể nghĩa là xem nó như một cơ thể sống trọn vẹn có quá trình. Tính chỉnh thể ấy được thể hiện rõ trong quan hệ giữa nhà văn, bạn đọc, hiện thực, tác phẩm... Nhà văn phải làm sao để tác phẩm của mình là “con số độc đắc” trong lòng độc giả. Tác

phẩm phải làm sao để tạo sự hấp dẫn, lôi cuốn đối với người đọc. Tuy nhiên, tác phẩm không chỉ mang chức năng giải trí như “cuộc xô số” mà chức năng của văn học còn là nhận thức, giải trí, giao tiếp, thẩm mỹ và... “nhân đạo hóa” con người. Chức năng chính của văn học vẫn là tạo ra những rung động thẩm mỹ, hướng con người tới những điều tốt đẹp hơn, “Văn học là nhân học.” (Măcxim Gorki)

Về phía người đọc, để đánh giá đúng giá trị của một tác phẩm, người đọc cũng phải có một trình độ tiếp nhận nhất định. Sự đồng cảm, rung động thật sự trước một tác phẩm là yếu tố đầu tiên để độc giả chọn ra tác phẩm yêu thích cho riêng mình. Ngoài ra, bạn đọc cũng phải có một vốn kiến thức cơ bản về văn học để đánh giá đúng giá trị của tác phẩm. Bởi lẽ, người đọc có quyền chọn tác phẩm yêu thích, có quyền quyết định “số phận” của tác phẩm.

“Mỗi tác phẩm văn học là một cuộc xô số mà số độc đắc luôn có trong lòng độc giả”. Mỗi quan hệ giữa tác phẩm – tác giả – độc giả là mối quan hệ tác động qua lại. Tác giả dâng tặng công trình sáng tạo của mình – tác phẩm – cho bạn đọc, hồi hộp và mong mỗi đứa con tinh thần ấy được bạn đọc đón nhận. Tác phẩm được công chúng đánh giá cao thì nó sẽ cùng tác giả bất tử với thời gian.

Ngô Lê Minh

Lớp 12 Văn, trường THPT Quốc Học Huế

Năm học 2004 - 2005

CHUYÊN ĐỀ LÝ LUẬN: THƠ

I. KHÁI NIỆM THƠ

1.1. Ở Trung Quốc thời trung đại

Thơ là một hình thức sáng tác văn học đầu tiên của loài người. Thơ có lịch sử lâu đời như thế nhưng để tìm một định nghĩa thể hiện hết đặc trưng bản chất của nó cho việc nghiên cứu thơ ngày nay thì thật không dễ.

Trong nền lý luận văn học cổ điển Trung Hoa, khái niệm "thơ là gì?" đã được đề cập đến từ rất sớm. Cách đây khoảng 1500 năm, trong cuốn *Văn tâm điều long*, Lưu Hiệp đã đề cập đến ba phương diện cơ bản cấu thành nên một bài thơ là tình cảm, ý nghĩa (tình văn), ngôn ngữ (hình văn) và âm thanh (thanh văn).

Kế thừa quan niệm của Lưu Hiệp, đến đời Đường, Bạch Cư Dị đã nêu lên các yếu tố then chốt tạo thành điều kiện tồn tại của thơ: *"Cái cảm hoá được lòng người chẳng gì trọng yếu bằng tình cảm, chẳng gì đi trước được ngôn ngữ, chẳng gì gần gũi bằng âm thanh, chẳng gì sâu sắc bằng ý nghĩa. Với thơ, gốc là tình cảm, mầm lá là ngôn ngữ, hoa là âm thanh, quả là ý nghĩa"*. Quan niệm này không chỉ dừng lại ở việc nêu lên các yếu tố cấu thành tác phẩm mà còn chỉ ra mối quan hệ gắn bó giữa chúng, giống như gốc rễ, mầm lá, hoa, quả gắn liền với nhau trong một thể thống nhất hoàn chỉnh và sống động. Đây có thể coi là quan niệm về thơ toàn diện và sâu sắc nhất trong nền lý luận văn học cổ điển Trung Hoa.

1.2. Ở Việt Nam thời hiện đại

Khái niệm "thơ là gì?" cũng đã được nhiều nhà nghiên cứu đề cập đến với nhiều quan niệm, nhiều khuynh hướng khác nhau.

- **Khái quát:** Trước hết, cần khẳng định thơ là hình thức sáng tác văn học phản ánh đời sống, là thể loại văn học ra đời đầu tiên, có phạm vi phổ biến rộng và sâu.

- **Về hình thức nghệ thuật:** Nhìn từ bên ngoài, thơ là hình thức cấu tạo ngôn từ đặc biệt. Việc sắp xếp các câu (dòng) thơ như những đơn vị nhịp điệu làm nên một hình thức có tính tạo hình, thành một cấu trúc đặc biệt. Mỗi câu thơ đều là một cách sắp xếp

có dụng ý qua cách dùng từ, hình ảnh, số chữ, nhịp điệu, hiệp vần, phối thanh, các biện pháp tu từ...

- **Về nội dung, ý nghĩa:** Về bản chất bên trong của thơ thì thơ là một thể loại trữ tình, là tiếng nói tâm hồn của con người. Thơ là tiếng nói của cảm xúc, là người thư kí trung thành của trái tim, là tiếng nói thầm của nội tâm sâu kín "Thơ là tiếng nói đầu tiên, là tiếng nói thứ nhất của tâm hồn con người khi đụng chạm với cuộc sống" (Nguyễn Đình Thi).

- **Về giá trị, chức năng, tư tưởng:**

+ Thơ ca bao giờ cũng là tấm gương phản ánh cuộc sống và đặc biệt thể hiện đời sống tâm hồn con người.

+ Thơ là trạng thái tình cảm, cảm xúc cao độ, tràn đầy đòi hỏi phải được thể hiện qua hình thức nghệ thuật. Con đường để thơ đến với người đọc là "từ trái tim đến trái tim". Người nghệ sĩ từ chỗ rung động trước cái đẹp sẽ lan truyền những rung động đó tới người đọc.

+ Cảm xúc mạnh mẽ của nhà thơ có thể tạo nên những câu thơ có tầm tư tưởng tác động đến nhận thức của người đọc nên "Thơ không chỉ đưa ru mà còn thức tỉnh". Ở phương diện này, các thi sĩ huy động các thao tác của tư duy như phân tích, khái quát, tưởng tượng... để sáng tạo nghệ thuật tạo nên những câu thơ lấp lánh chất trí tuệ, triết lí.

Hiện nay, cách định nghĩa về thơ của nhóm tác giả Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi trong cuốn **Từ điển thuật ngữ văn học** có thể xem là chung nhất: "*Thơ là hình thức sáng tác văn học phản ánh cuộc sống, thể hiện tâm trạng, những cảm xúc mạnh mẽ bằng ngôn ngữ hàm súc, giàu hình ảnh và nhất là có nhịp điệu*". Định nghĩa này đã nêu rõ **nội dung** của thơ là phản ánh đời sống, thể hiện tâm trạng, cảm xúc mạnh mẽ và **hình thức nghệ thuật** là ngôn ngữ hàm súc, giàu hình ảnh và nhất là có nhịp điệu. Đặc biệt, đã nêu rõ được **sự khác biệt của ngôn ngữ thơ** với ngôn ngữ trong những thể loại văn học khác.

Và bao quát quá trình sáng tạo và ý nghĩa nội dung, tư tưởng của thơ, Xuân Diệu khẳng định "*Thơ phải xuất phát từ thực tại, từ đời sống, nhưng phải đi qua một tâm hồn, một trí tuệ và khi đã đi qua như vậy, tâm hồn, trí tuệ ấy phải in dấu vào đó thật sâu sắc, càng cá thể, càng độc đáo, càng hay, thơ là tiếng gọi đàn, là sự đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu của những con người.*" (Xuân Diệu)

II. PHƯƠNG THỨC BIỂU HIỆN CỦA THƠ

- Thơ là một thể loại văn học thuộc phương thức biểu hiện trữ tình. Thơ tác động đến người đọc bằng sự nhận thức cuộc sống, những liên tưởng, tưởng tượng phong phú; thơ được phân chia thành nhiều loại hình khác nhau, nhưng dù thuộc loại hình nào thì yếu tố trữ tình vẫn giữ vai trò cốt lõi trong tác phẩm.

- Nhân vật trữ tình (cũng gọi là chủ thể trữ tình, cái tôi trữ tình) là người trực tiếp cảm nhận và bày tỏ niềm rung động trong thơ trước sự kiện. Nhân vật trữ tình là cái tôi thứ hai của nhà thơ, gắn bó máu thịt với tư tưởng, tình cảm của nhà thơ. Tuy vậy, không thể đồng nhất nhân vật trữ tình với tác giả.

- Thơ là tiếng nói của tình cảm con người, những rung động của trái tim trước cuộc đời.

- Thơ tuy biểu hiện những cảm xúc, tâm sự riêng tư, nhưng những tác phẩm thơ chân chính bao giờ cũng mang ý nghĩa khái quát về con người, về cuộc đời, về nhân loại, đó là cầu nối dẫn đến sự đồng cảm giữa người với người trên khắp thế gian này.

- Thơ thường không trực tiếp kể về sự kiện, nhưng bao giờ cũng có ít nhất một sự kiện làm nảy sinh rung động thâm mĩ mãnh liệt trong tâm hồn nhà thơ mà văn bản thơ

là sự thể hiện của niềm rung động ấy. Một miếng trầu đem mời, một cái bánh trôi nước, một tiếng gà gáy canh khuya có thể là những sự kiện gây cảm xúc cho Hồ Xuân Hương; sự kiện Dương Khuê qua đời trong "Khóc Dương Khuê" (Nguyễn Khuyến); cuộc đời tài hoa mệnh bạc của nàng Tiểu Thanh trong "Độc Tiểu Thanh kí" (Nguyễn Du),...

- Thơ thường có dung lượng câu chữ ngắn hơn các thể loại khác (tự sự, kịch). Hệ quả là nhà thơ biểu hiện cảm xúc của mình một cách tập trung hơn thông qua hình tượng thơ, đặc biệt thông qua ngôn ngữ nghệ thuật, qua dòng thơ, qua vần điệu, tiết tấu... Nhiều khi, cảm xúc vượt ra ngoài cái vỏ chật hẹp của ngôn từ, cho nên mới có chuyện "ý tại ngôn ngoại". Do đó, thơ có thể tạo điều kiện cho người đọc thực hiện vai trò "đồng sáng tạo" để phát hiện đời sống, khiến người đọc phải suy nghĩ, trăn trở để tìm kiếm ý đồ nghệ thuật của tác giả cũng như những điểm đặc sắc trong tư duy nghệ thuật của mỗi nhà thơ.

- Thơ chú trọng đến cái đẹp, phần thi vị của tâm hồn con người và cuộc sống khách quan. Vẻ đẹp và tính chất gợi cảm, truyền cảm của thơ có được còn do ngôn ngữ thơ cô đọng, hàm súc, giàu hình ảnh và nhạc điệu. Sự phân dòng, và hiệp vần của lời thơ, cách ngắt nhịp, sử dụng thanh điệu... làm tăng sức âm vang và lan tỏa, thấm sâu của ý thơ. Bàn về đặc điểm này, nhà thơ Sóng Hồng viết: "Thơ là một hình thái nghệ thuật cao quý, tinh vi. Người làm thơ phải có tình cảm mãnh liệt thể hiện sự nồng cháy trong lòng. Nhưng thơ là có tình cảm, lí trí kết hợp một cách nhuần nhuyễn và có nghệ thuật. Tình cảm và lí trí ấy được diễn đạt bằng những hình tượng đẹp để qua những lời thơ trong sáng vang lên nhạc điệu khác thường".

III. NGÔN NGỮ THƠ

1. Ngôn ngữ thơ

a. Ngôn ngữ thơ trước hết cũng mang đặc trưng của ngôn ngữ nghệ thuật nói chung:

Ngôn ngữ chính là chất liệu và công cụ của nhà văn, nhà thơ. Ngôn ngữ trong văn học vốn dựa vào ngôn ngữ đời sống nhưng không phải là ngôn ngữ của đời sống hàng ngày mà là ngôn ngữ được nghệ thuật hóa, cách điệu hóa. Nhà văn, nhà thơ sử dụng ngôn ngữ một cách trau chuốt, sang tạo để thành một thứ ngôn ngữ giàu có, sang trọng và đẹp đẽ.

Ngôn ngữ văn học phải có các đặc trưng như: tính hệ thống, tính chính xác, tính truyền cảm, tính hình tượng, tính hàm súc, đa nghĩa, tính cá thể hóa... Ngoài ra ngôn ngữ văn học cần phải trong sáng, phù hợp chuẩn mực để người tiếp nhận có thể hiểu và chấp nhận sự mới lạ.

b. Đặc điểm của ngôn ngữ thơ

- Ngôn ngữ thơ chủ yếu là ngôn ngữ của nhân vật trữ tình. Ý nghĩa của văn bản thơ muốn biểu đạt thường không được thể hiện trực tiếp, đầy đủ qua lời thơ mà qua lời thơ, tứ thơ, giọng điệu, hình ảnh, biểu tượng thơ gợi nên. Ngôn ngữ thơ thiên về khơi gợi, giữa các câu thơ có nhiều khoảng trống đòi hỏi người đọc phải chủ động liên tưởng, tưởng tượng, thể nghiệm thì mới hiểu hết sự phong phú của ý thơ bên trong.

- Ngôn ngữ thơ trước hết là ngôn ngữ đời sống, và nhiều khi không khác biệt với ngôn ngữ đời sống. Tuy nhiên, ngôn ngữ thơ không hẳn là thứ ngôn ngữ nguyên sinh của đời sống mà là ngôn ngữ của sự **sáng tạo**, không ngừng **biến sinh** và có **ma lực** riêng nhiều khi thoát khỏi ý thức của người cầm bút trở thành một **ám ảnh** vô thức. Ngôn ngữ thơ là ngôn ngữ được chưng cất công phu vì "*bài thơ là tổ chức ở trình độ cao của ngôn ngữ, một tổ chức chặt chẽ, tinh tế của ngôn ngữ*" hoặc "*thơ là phần tinh*

lộc nhất của ngôn ngữ". Bởi vậy ngôn ngữ thơ góp phần tích cực tạo nên **giá trị thẩm mĩ**, làm phong phú thêm ngôn ngữ đời sống.

- Ngôn ngữ thơ có tính tư tưởng: Thơ phải giúp nhà thơ bộc lộ tư tưởng, tình cảm nên tư tưởng trong ngôn ngữ thơ như chiếc dây điều đưa thơ cất cánh bay cao, bay xa trong bầu trời của thực và mộng vừa neo thơ lại bầu khí quyển của đời sống.

Nhìn chung, ngôn ngữ thơ có vai trò, sức mạnh vô song mà ngôn ngữ các thể loại khác khó có thể có được. Ngôn ngữ thơ có thể tác động mạnh đến người đọc và nâng cao nhà thơ lên một tầm mới, làm nên tên tuổi nhà thơ.

2. Đặc trưng của ngôn ngữ thơ

So với ngôn ngữ văn xuôi, ngôn ngữ thơ trữ tình có những điểm khác biệt như giai điệu nhạc, họa, hàm súc và truyền cảm:

2.1. Ngôn ngữ thơ giàu chất nhạc và chất họa

Thơ – nhạc – họa đều là các loại hình nghệ thuật, song có sự khác biệt, đặc biệt là về chất liệu xây dựng hình tượng nghệ thuật để phản ánh cuộc sống. Nếu họa dùng đường nét, màu sắc, nhạc dùng giai điệu, âm thanh thì thơ cũng như các tác phẩm văn chương lại sử dụng ngôn từ làm chất liệu. Ngôn từ có đặc điểm riêng: đó là chất liệu phi vật thể, vì vậy, tác động nhận thức không trực tiếp bằng các loại hình nghệ thuật khác song sức gợi mở của nó lại hết sức dồi dào, mạnh mẽ. Nó tác động vào liên tưởng của con người và khơi dậy những cảm nhận cụ thể về màu sắc, đường nét, hình khối, âm thanh, giai điệu. Cho nên, người xưa đã nói nhiều đến: **Thi trung hữu họa, thi trung hữu nhạc**.

a. Nhạc tính

Thơ trữ tình phản ánh cuộc sống qua những rung động của tình cảm. Thế giới nội tâm của nhà thơ không chỉ biểu hiện bằng ý nghĩa của từ ngữ mà còn bằng cả âm thanh, nhịp điệu của từ ngữ ấy. Nếu như trong văn xuôi, các đặc tính thanh học của ngôn ngữ (như cao độ, cường độ, trường độ...) không được tổ chức thì trong thơ, trái lại, những đặc tính ấy lại được tổ chức một cách chặt chẽ, có dụng ý, nhằm tăng hàm nghĩa cho từ ngữ, gợi ra những điều mà từ ngữ không nói hết. Bởi thế, đặc trưng tính nhạc được coi là đặc trưng chủ yếu mang tính loại biệt rõ nét của ngôn ngữ thơ ca.

* **Âm thanh:** Tính nhạc trong thơ trước hết được gợi lên từ âm thanh trầm bổng của tự nhiên, đời sống được đưa vào trong thơ:

Vd: Lao xao chợ cá làng ngư phủ
Dắng dỏi cầm ve lầu tịch dương
(Cảnh ngày hè- Nguyễn Trãi)

Khèn lên man điệu nàng e ấp
Nhạc về Viên Chăn xây hồn thơ
(Tây Tiến - Quang Dũng)

* **Tính nhạc ở nghệ thuật biểu hiện:** Theo các nhà nghiên cứu, tính nhạc trong thơ được thể hiện ra ở ba mặt cơ bản. Đó là: sự **cân đối**, sự **trầm bổng** và sự **trùng điệp**:

- Sự cân đối là sự tương xứng hài hoà giữa các dòng thơ. Sự hài hoà đó có thể là hình ảnh, là âm thanh, chẳng hạn:

"Còn bạc, còn tiền, còn đệ tử
Hết cơm, hết rượu, hết ông tôi"
(Nguyễn Bình Khiêm).

Cũng có thể là cách sắp xếp tổ chức mà chúng ta dễ dàng nhận thấy ở cặp câu thực, câu luận trong bài thơ Đường luật thất ngôn bát cú. Đối với thơ hiện đại, yêu cầu này không khắt khe. Tuy vậy, nhà thơ vẫn hết sức chú ý đến hiệu quả nghệ thuật của phép đối xứng trong thơ của mình.

- Sự trầm bổng của ngôn ngữ thơ thể hiện ở cách hoà âm, ở sự thay đổi độ cao giữa hai nhóm thanh điệu. Xuân Diệu với hai dòng thơ toàn vận dụng vần bằng đã biểu hiện được cảm xúc lâng lâng, bay bổng theo tiếng đàn du dương, nhẹ êm:

"Sương nương theo trăng ngừng lưng trời
Tương tư nâng lòng lên chơi vơi"

Chính Tố Hữu đã có lần nói đến giá trị ngữ âm của từ "xôn xao" trong câu thơ "Gió lộng xôn xao, sóng biển đu đưa" (Mẹ Tom). Đó đâu chỉ là âm vang của tự nhiên mà là âm vang của tâm hồn. Cái làm nên âm vang đó chính là âm thanh, âm thanh của từ "xôn xao" đã cùng với nghĩa của nó làm nên điều kỳ diệu ấy. Sự trầm bổng của ngôn ngữ còn thể hiện ở nhịp điệu:

"Sen tàn/ cúc lại nở hoa
Sầu dài/ ngày ngắn/ đông đà sang xuân".

Dòng thơ cắt theo nhịp 2/4 và 2/2/4 đều đặn như nhịp chuyển vần đều đặn của tháng năm bốn mùa... Nhịp thơ ở đây là nhịp của cảm xúc, cảm nhận. Như vậy, âm thanh, nhịp điệu trong thơ không đơn thuần là hình thức mà là những yếu tố góp phần biểu hiện những khía cạnh tinh vi của đời sống tình cảm con người.

- Sự trùng điệp của ngôn ngữ thơ thể hiện ở sự dùng vần, điệp từ, ngữ và điệp cú. Chúng có tác dụng như một phương tiện kết dính các dòng thơ lại với nhau thành một đơn vị thống nhất, vừa tạo điều kiện thuận lợi cho trí nhớ vừa tạo nên vẻ đẹp trùng điệp cho ngôn ngữ thơ:

"Lầu mưa xuống, thêm lan mưa xuống
Mưa xuống lầu, mưa xuống thêm lan
Mưa rơi ngoài nẻo dặm ngàn
Nước non rả rích giọt đàn mưa xuân"
(Tiếng đàn mưa- Bích Khê).

Lối điệp từ, điệp ngữ, điệp cấu trúc ở đây vừa diễn tả được hình ảnh cơn mưa của đất trời vừa tạo nên một ấn tượng vương vấn không dứt trong lòng người.

Như vậy, nhạc điệu trong thơ là một đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ thơ. Ngày nay, nhu cầu của thơ có phần đổi khác. một số người có xu hướng bỏ vần để tạo cho câu thơ sự tự do hoá triệt để. Nhưng nếu không có một nhạc điệu nội tại nào đó như sự đối xứng giữa các dòng, các đoạn thơ, tiết tấu, nhịp điệu của câu thơ thì không còn là ngôn ngữ thơ nữa.

b. Chất họa

Chất liệu của hội họa là **hình ảnh, đường nét, màu sắc, ...** Chất họa trong thơ nghĩa là nhà thơ dùng hình ảnh, màu sắc, đường nét làm phương tiện diễn đạt tình cảm của mình.

- **Hình ảnh:** Thơ ca phản ánh cuộc sống qua hệ thống ngôn từ giàu hình ảnh. Không ở thể loại văn học nào ta bắt gặp nhiều hình ảnh, biểu tượng (hình ảnh có ngụ ý), hình tượng (hình ảnh có ngụ ý xuyên suốt tác phẩm) nổi bật như thơ ca.

+ Hình ảnh trong thơ trước hết mang vẻ đẹp trực quan, sinh động, có thể là một giọt nắng, một chiếc lá, một nàng thiếu nữ, một dáng liễu, một nhành hoa, một ngọn núi, dòng sông, con thuyền, cánh bướm...

+ Có những hình ảnh đẹp đẽ, hài hòa, thơ mộng, mềm mại, nhưng cũng có những hình ảnh khắc khoải, góm ghiếc..., mỗi một hình ảnh đều nhằm tái tạo lại thị giác, cảm quan của thi nhân. Ngôn ngữ mang tính hình tượng phải hợp lí, tránh khiên cưỡng, gò ép, áp đặt. Nó là kết quả của khả năng quan sát tinh tế, nhạy bén, vốn sống phong phú và trình độ sử dụng ngôn ngữ điêu luyện của người nghệ sĩ.

+ Hình ảnh trong thơ là sự khách thể hóa những rung cảm nội tâm bởi thế giới tinh thần vốn vô hình nên nhất thiết phải dựa vào những điểm tựa tạo hình cụ thể để hữu hình hóa. Không những quan sát và diễn tả, nhà thơ phải nâng sự quan sát của họ lên đến một mức độ nhạy bén, hoa mỹ- đây chính là sự khác biệt giữa ngôn ngữ thơ với ngôn ngữ truyện cũng như ngôn ngữ các loại hình nghệ thuật khác. Bằng chất liệu ngôn từ, nhà văn không những tái tạo được những cái hữu hình mà còn tái hiện sinh động và gợi lên một cách trực quan những cái vô hình, những cái mỏng manh mơ hồ nhất mà các loại hình nghệ thuật khác không làm được. Hình ảnh trong thơ trở nên nổi bật vì nó mang màu sắc của cảm xúc mãnh liệt và trí tưởng tượng phong phú. Nhà thơ Đoàn Phú Tứ đã từng tái hiện sinh động màu sắc và hương vị của thời gian qua tâm trạng hoài niệm:

“Màu thời gian không xanh
Màu thời gian tím ngắt
Hương thời gian không nồng
Hương thời gian thanh thanh”
(Màu thời gian)

- **Màu sắc:** Trong thơ cũng có những câu gợi nhiều màu sắc:
Mường Thanh, Hồng Cúm, Him Lam

Hoa mơ lại trắng, vườn cam lại vàng
(Tổ Hữu)

Chỉ có hai câu thơ thôi mà đã điểm tên đến năm màu sắc: Thanh (xanh), hồng, lam, trắng, vàng, nhưng có gợi cho ta một cảm quan hội họa không?

Nguyễn Du trong truyện Kiều đã có câu tả mùa xuân thật trong trẻo với lối tả từ xa đến gần, điểm nhấn ở hai màu xanh, trắng:

Cỏ non xanh rợn chân trời
Cành lê trắng, điểm một vài bông hoa...

Màu xanh ngút tầm mắt được điểm xuyết màu trắng của một vài bông hoa trên cành tạo một gam màu xanh - trắng nhẹ nhàng, mát dịu, lành lạnh, tạo nên cảm giác xa và rộng.

Trong hội họa, màu xanh lục có khả năng tạo chiều sâu và chiều xa rất lớn. Để tạo nên cái thăm thẳm của đất trời, các họa gia Trung Quốc khi vẽ tranh thủy mặc chỉ dùng một chút màu lục pha với mực nho... thế là tạo nên một hiệu quả khôn lường về không gian. Cảnh mở ra tầng tầng lớp lớp trước sau từ tỏ cho đến mờ và chìm vào cái mênh mông của khoảng không xa ngút.

Một câu thơ khác của Nguyễn Du đã tả về mùa hè:

Dưới trăng quỳên đã gọi hè
Đầu tường lửa lựu lập lòe đơm bông

Ông đã tả từ gần đến xa, trong cái màu đen của màn đêm làm nền thì màu đỏ là rất nổi vì đó là cặp màu tương phản. Nó đúng với tính chất rực rỡ gay gắt của mùa hè

Màu sắc trong sự cảm nhận xa gần của mắt nhìn có hiệu quả về không gian trên mặt phẳng đó là màu sắc.

*Long lanh đáy nước in trời
Thành xây khói biếc non phơi bóng vàng.*
(Nguyễn Du - truyện Kiều)

Một không gian mùa thu rất thanh nhẹ: màu lục của nước quện với màu lam của nền trời đưa lại cảm quan mơ màng. Bức tranh thực thực, hư hư mờ ảo: thành như xây bằng khói biếc, núi in hình trên nền trời chiều... Tất cả như soi bóng trên mặt nước long lanh, bóng vàng của trời chiều trong gam màu ấy là nóng hơn, tĩnh hơn và nặng hơn. Đây là sự hài hòa của nhiều cặp tương quan. Tuy nhiên, cảm giác nặng nhẹ của màu sắc còn phụ thuộc vào yếu tố đậm nhạt. Màu đậm gây cảm giác nặng nề; còn màu nhạt tạo cảm giác thanh nhẹ. Trong trường hợp nếu ta đặt màu đậm ở dưới, màu nhạt ở trên sẽ được một cảm giác ổn định, chắc chắn và nâng đỡ. Nếu đặt màu đậm ở trên, màu nhạt ở dưới sẽ cho ta một cảm giác đè nén chông chênh...

- **Đường nét, hình khối:** Cùng với tương quan về màu sắc, đường nét cũng là một tổ hợp ngôn ngữ trong hội họa. Do các chiều hướng của đường nét khác nhau, thanh đậm khác nhau mà biến hóa để tạo nên hiệu quả sáng - tối; lồi - lõm; xa - gần; ẩn - hiện; thực - hư. Trong đó, nét **“Thực”** là cái rõ ràng, là sáng, lồi, gần, hiện và tĩnh, nét **“Hư”** là cái mờ nhạt, là tối, lõm, ẩn và động.

Vd: “Êm đềm sóng lục nhô trên lúa”
(Trưa hè - Bàng Bá Lân)

Dốc lên thăm thẳm dốc khúc khuỷu
Heo hút cồn mây, súng ngửi trời
Ngàn thước lên cao, ngàn thước xuống
Nhà ai Pha Luông, mưa xa khơi.
(Tây Tiến - Quang Dũng)

Trong 4 câu thơ của Quang Dũng thì nếu như ba câu đầu trong khổ thơ trên là những nét vẽ gân guốc, sắc nhọn thì ở câu thứ 4 là một nét vẽ nhòe tạo một không gian xa thẳm. Để tả cái hùng vĩ của thiên nhiên, tác giả không đi sâu vào chi tiết vụn vặt mà bắt đầu từ những phác họa những nét khái quát. Trong hội họa, thuật ngữ này được gọi là "bắt dáng" đối tượng.

- **Biểu hiện không gian:** Hội họa Trung Hoa có thủ pháp biểu hiện không gian theo ba cách nhìn, gọi là "tam viễn".

- + Nhìn lên gọi là "ngưỡng quan" hoặc "cao viễn".
- + Nhìn xuống gọi là "phú thị" hay "thâm viễn".
- + Nhìn ngang gọi là "bình thị" hay "bình viễn".

Thơ và Họa không phải lúc nào cũng gặp nhau. Thơ vẫn là thơ - Họa vẫn là họa. Chỉ khi nào những vần thơ bộc lộ rõ cảm quan về hội họa, tạo được sự hài hòa của các yếu tố tạo hình và cộng hưởng được với nhau thì ta mới gặp Hội họa trong Thơ mà thôi.

2.2. Ngôn ngữ thơ có tính hàm súc

Đây là đặc điểm chung của ngôn ngữ trong tác phẩm văn chương, nhưng do đặc trưng của thể loại mà nó biểu hiện một cách tập trung với yêu cầu cao nhất trong ngôn ngữ thơ. Nếu ngôn ngữ văn xuôi tự sự là ngôn ngữ của cuộc sống đời thường, nó chấp nhận mọi lớp từ, mọi biến thái, mọi chiều kích, thậm chí cả sự xô bồ, phồn tạp đến cực độ để tái hiện bộ mặt cuộc sống, tâm lý con người trong sự sâu rộng, đa chiều vốn có của nó thì ngôn ngữ thơ lại mang nặng tính "đặc tuyển". Là thể loại có một dung lượng ngôn ngữ hạn chế nhất trong các loại tác phẩm văn học, nhưng thơ lại có tham vọng chiếm lĩnh thế giới. Nói như Ôgierôp: "Bài thơ là một lượng thông tin lớn nhất trong

một diện tích ngôn ngữ nhỏ nhất". Chính sự hạn định số tiếng trong câu thơ, bài thơ buộc người nghệ sỹ phải "thôi xao", nghĩa là phải phát huy sự tư duy ngôn ngữ để lựa chọn từ ngữ cho tác phẩm. Bởi thế, Maiacôpxki gọi lao động nghệ thuật ngôn từ của nhà thơ là "trả chữ với với giá cắt cổ":

"Nhà thơ trả chữ với giá cắt cổ
Như khai thác chất hiếm radium
Lấy một gam phải mất hàng bao công lực
Lấy một chữ phải mất hàng tấn quặng ngôn từ."

Như vậy, tính hàm súc được hiểu là khả năng của ngôn ngữ có thể miêu tả mọi hiện tượng của cuộc sống một cách cô đọng, ít lời mà nói được nhiều ý, ý tại ngôn ngoại. Đây chính là cách dùng từ sao cho đắt nhất, có giá trị biểu hiện cao nhất kiểu như Nguyễn Du đã "giết chết" các nhân vật Mã Giám Sinh, Sở Khanh, Hồ Tôn Hiến, mỗi tên chỉ bằng một từ: cái vô học của Mã Giám Sinh: Ghế trên ngòai tốt sỗ sàng; cái gian manh của Sở Khanh: Rẽ song đã thấy Sở Khanh lén vào; cái tầm thường ti tiện của Hồ Tôn Hiến: Lạ cho mặt sắt cũng ngây vì tình.

Do quy mô của tác phẩm, thơ ca thường sử dụng từ ngữ rất "tiết kiệm". Tính hàm súc của ngôn ngữ thơ, vì vậy, chứa đựng các thuộc tính khác. Hàm súc cũng có nghĩa là phải chính xác, giàu hình tượng, có tính truyền cảm và thể hiện cá tính của người nghệ sỹ. Chẳng hạn, từ "khô" trong câu thơ của Tản Đà: "Suối khô dòng lệ chờ mong tháng ngày" là một từ có tính hàm súc cao mà những yếu tố tương đương với nó (như "tuôn") không thể thay thế. Nó không chỉ diễn tả được chiều sâu của tình cảm mà còn gợi lên cả chiều dài của những tháng năm chờ đợi. Nó vừa đảm bảo được tính chính xác, tính hình tượng, vừa có tính truyền cảm.

Để đạt được tính hàm súc cao nhất, có thể biểu hiện được cái vô hạn của cuộc sống trong những cái hữu hạn của các đơn vị ngôn ngữ, thơ ca phải tính đến những kiểu tổ chức đặc biệt mà nhà nghiên cứu Phan Ngọc gọi là "quái đản". Dưới áp lực của cấu trúc ngôn ngữ khác thường này, ngữ nghĩa của từ trong thơ không dừng lại ở nghĩa gốc, nghĩa đen, nghĩa trong từ điển mà phong phú, sâu sắc, tinh tế hơn. Đó là thứ nghĩa được tạo sinh nhờ quan hệ và trong quan hệ. Ví dụ: Khi Hồng Nguyên viết: "Có nắng chiều đột kích mấy hàng cau" thì chính trong quan hệ với những yếu tố trước và sau nó mà từ "đột kích" được cấp cho một nghĩa mới, gợi lên những rung động thẩm mỹ. Hay trong câu thơ của Lâm Thị Mỹ Dạ: "Em đã lấy tình yêu của mình thắp lên ngọn lửa" thì sự kết hợp bất thường về nghĩa đã mở ra những liên tưởng hết sức thú vị. Trong đời thường, khi nói đến việc "thắp lửa", người ta một là nghĩ đến phương tiện như: cái bật lửa, que diêm ... hai là nguyên liệu như: dầu hoả, dầu dừa ... Ở đây, nhà thơ lại thay nó bằng một "chất liệu" rất trừu tượng thuộc lĩnh vực tinh thần. Và trong quan hệ với cái chất liệu trừu tượng đó, nghĩa bề mặt của "ngọn lửa" bị mờ đi, mở ra những nghĩa mới. Đó là: chân lý, niềm tin, lý tưởng cuộc đời...

Định lượng số tiếng trong thơ cũng là tiền đề tạo ra sự xuất hiện với một mật độ dày đặc các phương tiện nghệ thuật trong thơ so với văn xuôi. Nhiều lúc, trong một bài thơ, có thể thấy xuất hiện cùng một lúc các phương tiện tu từ khác nhau, như ẩn dụ, hoán dụ, nhân hoá, tượng trưng, điệp từ, điệp ngữ. Bài ca dao trữ tình sau đây là một ví dụ:

"Khăn thương nhớ ai
Khăn rơi xuống đất
Khăn thương nhớ ai
Khăn vắt lên vai

Đèn thương nhớ ai
Mà đèn không tắt
Mắt thương nhớ ai
Mắt ngủ không yên
Đêm qua em những lo phiền
Lo vì một nỗi không yên một bề."

Bài ca dao có số lượng từ không nhiều nhưng bằng các biện pháp tu từ đã thể hiện được tâm trạng khắc khoải nhớ mong của người con gái dường như còn vang mãi, dư âm đến tận bây giờ và cả mai sau, không chỉ của một người mà của nhiều người.

2.3. Ngôn ngữ thơ có tính truyền cảm

Tính truyền cảm cũng là đặc trưng chung của ngôn ngữ trong tác phẩm văn chương, bởi tác phẩm văn học là sản phẩm của cảm xúc của người nghệ sĩ trước cảnh đời, cảnh người, trước thiên nhiên. Cho nên, ngôn ngữ trong tác phẩm văn chương phải biểu hiện được cảm xúc của tác giả và phải truyền được cảm xúc của tác giả đến người đọc, khơi dậy trong lòng người đọc những cảm xúc thẩm mỹ. Tuy nhiên, do đặc trưng của thơ là tiếng nói trực tiếp của tình cảm, trái tim nên ngôn ngữ thơ ca có tác dụng gợi cảm đặc biệt.

Ngôn ngữ thơ không bao giờ là ngôn ngữ chú trọng miêu tả cái khách quan như ngôn ngữ trong tác phẩm tự sự. Nếu nhà văn dùng ngôn ngữ để thuyết minh, miêu tả, nhấn nhủ, giải thích... thì nhà thơ dùng ngôn ngữ để truyền cảm. Khi Quang Dũng viết:

"Người đi Châu Mộc chiều sương ấy
Có thấy hồn lau nẻo bến bờ
Có nhớ dáng người trên độc mộc
Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa"

Quang Dũng không có ý hỏi ai lên Châu Mộc trong buổi chiều sương nào đó có nhìn thấy phong cảnh hữu tình không mà tác giả khơi trong ta nỗi nhớ thương mát mát, nuối tiếc ngậm ngùi, những ngày tháng, những kỷ niệm, những ảo ảnh đã tan biến trong đời... Quang Dũng gợi trong ta một trạng thái bằng cách hồi sinh những gì đã mất, đồng thời phản ánh tâm trạng của chính mình.

Lời thơ thường là lời đánh giá trực tiếp thể hiện quan hệ của chủ thể với cuộc đời. Là lời đánh giá trực tiếp, thể hiện tâm trạng cho nên sự lựa chọn từ ngữ, phương thức tu từ trong thơ bao giờ cũng nhằm làm cho nội dung cảm xúc, thái độ đánh giá, sự đồng cảm hoặc phê phán, ca ngợi trở nên nổi bật:

"Ôi những cánh đồng quê chảy máu
Dây thép gai đâm nát trời chiều"
(Nguyễn Đình Thi).

Ở đây, mỗi câu thơ đều mang một từ tập trung tất cả sức nặng của tình cảm. Những từ đó như là những tiêu điểm để ta nhìn thấu vào tâm hồn tác giả. Tính truyền cảm của ngôn ngữ thơ không chỉ biểu hiện qua cách lựa chọn từ ngữ, các phương thức tu từ mà còn biểu hiện qua nhạc điệu thơ. Chẳng hạn:

"Em ơi Ba Lan mùa tuyết tan
Đường bạch dương sương trắng nắng tràn"
(Tố Hữu).

3. Nhịp điệu trong thơ

Trong nhạc phẩm Tình khúc Ổi, Trịnh Công Sơn đã viết:

"Tôi đi bằng nhịp điệu một, hai, ba, bốn, năm...
Em đi bằng nhịp điệu sáu, bảy, tám, chín, mười..."

Ta đi bằng nhịp điệu, nhịp điệu không giống nhau

Ta đi bằng nhịp điệu nhịp điệu sao khác màu ... ”

Đó là sự khác nhau trong nhịp điệu, trong sắc màu cuộc sống. Bước chân của *tôi*, của *em*, của *ta* làm sao để có thể hòa nhịp giữa cõi vô thường ... Những ca từ của Trịnh Công Sơn thật dung dị mà minh triết. Cũng như nhịp điệu cuộc sống, nhịp điệu thế giới thơ ca vô cùng phong phú. Nhận diện nhịp điệu trong thơ trữ tình còn là những trần trố của nhiều nhà nghiên cứu phê bình văn học.

3.1. Khái niệm nhịp thơ

Cũng như “Thơ là gì?”, cho đến nay câu hỏi nhịp điệu trong thơ là gì thường còn mang tính chất cảm nhận của cá nhân. Theo *Tự điển tiếng Việt* của nhóm tác giả Minh Tân – Thanh Nghi - Xuân Lâm do nhà xuất bản Thuận Hóa, 1998) thì *nhịp điệu là sự lặp lại một cách tuần hoàn các âm mạnh và nhẹ sắp xếp theo những hình thức nhất định*. Theo GS TS Mã Giang Lân trong *Nhịp điệu thơ hôm nay* đăng trên Văn học nghệ thuật Đà Nẵng (nguồn google.com): “*Theo nghĩa rộng nhất, nhịp điệu là hình thức phân bố trong thời gian những chuyển động nào đó, như vậy có thể nói về nhịp điệu của bất kỳ sự chuyển động, trong đó có âm thanh của bất kỳ thứ ngôn ngữ nào chúng ta nghe được mà không cần hiểu nghĩa. Nhịp điệu thể hiện tính chất đều đặn của chuyển động, sự cân đối của những độ dài về thời gian hay sự luân phiên dưới dạng chuyển động âm thanh (Ở đây không tính đến khái niệm nhịp điệu thường được áp dụng vào các quá trình sinh lý như thở, mạch đập của tim và những chuyển động như đi bộ...)*”.

Trong bài *Mấy ý nghĩ về thơ* (1949), Nguyễn Đình Thi quan niệm: “*Nhịp điệu của thơ không những là nhịp điệu bằng bằng, trắc trắc, lên bổng xuống trầm của tiếng đàn bên tai (...). Thơ có một thứ nhạc nữa, một thứ nhịp điệu bên trong, một thứ nhịp điệu của hình ảnh, tình ý, nói chung là của tâm hồn (...). Đó là nhịp điệu thành hình của những cảm xúc, hình ảnh liên tiếp hòa hợp mà những tiếng và chữ gọi ra như những ngân vang dài, ngay những khoảng lung linh giữa chữ, những khoảng im lặng cũng là nơi trú ngụ kín đáo của sự xúc động*”. (GS TS Mã Giang Lân, *Nhịp điệu thơ hôm nay* đăng trên Văn học nghệ thuật Đà Nẵng (nguồn google.com)).

Maiacốpski cho rằng: “*Nhịp điệu là sức mạnh chủ yếu, là năng lượng của câu thơ*”... Vậy thì có thể hiểu một cách đơn giản nhịp điệu như là sự rung động tâm hồn, là mạch cảm xúc được thể hiện ngoài lớp vỏ ngôn từ, tạo tác động, ấn tượng lên tâm thức người tiếp cận tác phẩm để thực hiện chức năng thông tin thẩm mỹ. Nói nhịp điệu trong thơ là sự chia cắt dòng âm thanh, sự phân đoạn câu thơ, dòng thơ giúp người đọc cảm thụ một cách trực tiếp. Mở rộng ra thì nhịp điệu trong thơ là một khái niệm chỉ một đơn vị ngôn ngữ nằm bên trong bản thân kiến trúc ngôn từ và qui định kiểu kiến trúc ấy, được khu biệt về quy tắc tổ chức âm thanh, là nhân tố vận động cả ở phương diện ngữ nghĩa và âm thanh. Nhịp điệu thay đổi tạo nên cảm giác lời thơ vận động nghệ thuật theo quy luật chủ quan của chủ thể sáng tác đồng thời tác động đến tâm lý tình cảm của chủ thể tiếp cận theo chức năng thông tin thẩm mỹ.

3.2. Vai trò và chức năng của nhịp điệu trong thơ

- Người ta không thể đọc bài thơ liên tục từ những từ ngữ đầu tiên đến kết thúc mà không ngừng nghỉ. Nhịp điệu gắn liền với chỗ ngừng, chỗ ngắt được phân bố hợp lý theo mạch cảm xúc để diễn đạt nội dung thẩm mỹ.

- Cảm nhận được nhịp điệu của thơ sẽ tạo nên sự khám phá mới, thú vị. Theo Trần Thiện Khanh trong *Nguyên lý cấu trúc của thơ* (nguồn google.com) cho rằng: “*Nhịp điệu trở thành ngôn ngữ đặc biệt của thơ, nó biểu hiện được bao ý tình mà từ ngữ không thể nói hết được. Nhịp điệu - một khi được cảm xúc hoá, cá tính hoá sẽ mài sắc*

cảm nhận, cảm giác của người đọc. Đọc bài thơ giàu tính nhạc, người đọc như được sống trong cảm giác mới mà trước đó chưa từng biết”.

- Nhịp điệu trong thơ được quy định qui ước chung của thể loại, song mặt khác lại tự vận động theo mạch cảm xúc riêng tạo nét chấm phá trong ý thơ. Ví dụ thơ thất ngôn bát cú thường là 4/3.

- Hình thái nhịp điệu hiện thực hoá cấu trúc ý thơ, tứ thơ, tạo nên nhạc điệu. Không phải ngẫu nhiên mà nhiều bài thơ trong âm hưởng tự nhiên của nó đã tạo nên nhạc điệu.

- Nhịp điệu trong thơ làm tăng thông tin thẩm mỹ của bài thơ. Nhịp điệu của thơ bao hàm các yếu tố giai điệu (*trầm - bổng*), tiết tấu (*mau - thưa*), nhạc điệu (*tính nhạc của thơ*), ngắt trong câu, dấu câu, ngừng hết câu, dòng thơ, nhân (*từ láy, vần, từ Hán - Việt, điệp từ, từ địa phương ...*) Nhịp điệu trong câu thơ là khoảng lặng không lời mà lại diễn đạt nhiều cảm xúc. Nhịp điệu không chỉ tách ý tách nghĩa mà còn thể hiện thế giới nội tâm của nhà thơ, thể hiện những cảm xúc được dấu kín, dè nén, mà không thể tìm thấy trong ngôn từ, trong âm thanh.

3.3. Tín hiệu nhận diện nhịp điệu trong thơ

Nhìn trên tổng thể có thể chia nhịp điệu thành 3 loại sau:

- Nhịp điệu được thực hiện qua các dấu câu, dòng thơ, câu thơ.
- Nhịp điệu thực hiện không thông qua dấu câu (*nhịp thơ, vần, từ láy, từ Hán – Việt...*).

- Các biện pháp tu từ nghệ thuật cũng góp phần tạo nên nhịp điệu trong thơ, nhất là phép tu từ điệp ngữ. Chính điệp ngữ tạo nên tính hùng biện cho văn và nhạc điệu cho thơ. Ngoài ra còn nhiều phép tu từ khác như so sánh, điển cố, ẩn dụ, hoán dụ, đảo ngữ... góp phần tạo nên nhịp điệu cho thơ.

3.4. Nhịp trong các thể thơ

***Thơ lục bát:** Nhịp chẵn (nhịp 2/2/2, 4/4) ở lục bát tạo ra giọng mềm mại, tha thiết như lời ru êm ái. Tuy nhiên, trong một số trường hợp, để tạo nét nhấn, một số tác giả có cách ngắt nhịp theo dụng ý riêng nhằm tạo ấn tượng.

***Thơ Đường luật:** Nhịp thơ thất ngôn bát cú với lối ngắt nhịp 2/2/3 hoặc 4/3 (*gọi chung là nhịp lẻ*) tạo ra giọng điệu hào sảng, trang trọng. Tuy nhiên ở một số trường hợp, sự thay đổi nhịp điệu tạo nên ý hàm súc.

***Thơ song thất lục bát:** Trong thơ song thất lục bát, hai câu thất tạo âm hưởng mạnh mẽ dứt khoát qua nhịp 3/4 được kết hợp hài hòa với nhịp chẵn của lục bát tạo nhịp điệu uyển chuyển.

***Thơ tự do:**

Nhịp thơ chỉ tác động vào tình cảm người tiếp cận để hóa thành giai điệu biểu đạt tình ý. Có lúc nhịp thơ góp phần vào bố cục câu thơ, dòng thơ, khổ thơ làm tăng khả năng diễn đạt tứ thơ. Đối với thơ tự do, nhịp thơ dần trải theo cảm xúc của chủ thể sáng tạo nên rất đa dạng.

4. Giọng điệu trong tác phẩm văn học (bao gồm cả thơ)

Nhà nghiên cứu Khrapchencô đã từng khẳng định: "Đề tài, tư tưởng, hình tượng chỉ được thể hiện trong một môi trường giọng điệu nhất định, trong phạm vi của thái độ cảm xúc nhất định đối với đối tượng sáng tác, đối với những mặt khác nhau của nó".

4.1. Khái niệm: Giọng điệu (tiếng Anh: tone) là thái độ, tình cảm, lập trường tư tưởng, đạo đức của nhà văn đối với hiện tượng được miêu tả thể hiện trong lời văn quy định cách xưng hô, gọi tên, dùng từ, sắc điệu tình cảm, cách cảm thụ xa gần, thân sơ, thành kính hay suồng sã, ngợi ca hay châm biếm,... Chẳng hạn, trong thơ tình yêu của Thế

Lữ, theo Hoài Thanh, có giọng điệu “lãng lơ mà xa vời và thiếu tình âm áp” thể hiện ở cách gọi thiếu nữ là cô em, do chưa đủ thân mật để gọi bằng em ; giọng điệu ngọt ngào, êm ái trong Hồn bướm mơ tiên của Khái Hưng, giọng điệu suồng sã, đay nghiến trong Chí Phèo của Nam Cao, giọng điệu mỉa mai, châm biếm trong “Vịnh khoa thi hương” của Tú Xương...

4.2. Vai trò của giọng điệu trong tác phẩm văn học:

- Giọng điệu phản ánh lập trường xã hội, thái độ tình cảm và thị hiếu thẩm mỹ của tác giả có vai trò rất lớn trong việc tạo nên phong cách nhà văn và tác dụng truyền cảm cho người đọc. Thiếu một giọng điệu nhất định, nhà văn chưa thể viết ra được tác phẩm, mặc dù đã có đủ tài liệu và sắp xếp trong hệ thống nhân vật.

- Không nên lẫn lộn giọng điệu với ngữ điệu là phương tiện biểu hiện của lời nói, thể hiện qua cách lên giọng, xuống giọng, nhấn mạnh, nhịp điệu,... chỗ ngừng. Giọng điệu là một phạm trù thẩm mỹ của tác phẩm văn học. Nó đòi hỏi người trần thuật, kể chuyện hay nhà thơ trữ tình phải có khẩu khí, có giọng điệu. Giọng điệu trong tác phẩm gắn với cái giọng “trời phú” của mỗi tác giả, nhưng mang nội dung khái quát nghệ thuật, phù hợp với đối tượng thể hiện. Giọng điệu trong tác phẩm có giá trị thường đa dạng, có nhiều sắc thái trên cơ sở một giọng điệu cơ bản chủ đạo, chứ không đơn điệu.

5. Âm điệu trong thơ

5.1. Khái niệm:

Âm điệu là sự hòa điệu giữa cảm xúc thơ và tiết điệu ngôn ngữ, là dạng thức hết sức vi diệu của điệu hồn trong thơ. Cảm xúc được gọi ra từ nghệ thuật tổ chức các yếu tố: thể thơ, nhịp điệu, thanh điệu, vần điệu, giọng điệu... thể hiện điệu hồn, chiều sâu xúc cảm, tinh thần của bài thơ.

=> Âm điệu là phương tiện đặc lực trong việc thể hiện cảm xúc và linh hồn của bài thơ, cảm xúc hóa thân trong âm điệu thơ.

5.2. Vai trò của âm điệu trong thơ

- Đặc trưng của thơ là trữ tình, nghiêng về biểu hiện thế giới chủ quan của con người với trạng thái tình cảm, rung động (thơ là tiếng lòng, là rung cảm mãnh liệt của nhà thơ trước cuộc sống). Nội dung cảm xúc trong thơ được thể hiện qua âm điệu, cụ thể là qua cách tổ chức ngôn từ đặc biệt, hàm súc, giàu nhạc tính, cụ thể các yếu tố: thể thơ, nhịp điệu, vần điệu, thanh điệu, giọng điệu...

- Âm điệu có vai trò quan trọng trong việc bộc lộ cảm xúc, chiều sâu tư tưởng của thi phẩm. Đọc thơ, cảm được âm điệu coi như đã nhập được vào hồn thơ, chạm vào được “cõi thơ” thực sự.

- Trong thực tế, có rất nhiều bài thơ mà sức hấp dẫn, sức sống của nó trong lòng người đọc bắt đầu từ âm điệu. Vì âm điệu:

+ Tạo nên sự hấp dẫn cho bài thơ về mặt nghệ thuật, đặc biệt là âm vang của lời thơ.

+ Dẫn dắt, hòa điệu tâm hồn người đọc vào thế giới cảm xúc lắng sâu cùng điệu hồn thi phẩm.

- Mỗi thi phẩm có một âm điệu riêng với cách tổ chức các yếu tố nghệ thuật riêng. Chỉ khi bài thơ là kết quả của sự rung động mãnh liệt và sự sáng tạo độc đáo trong cách tổ chức ngôn từ thì âm điệu thơ mới trở nên ngân vang. Như thế, âm điệu đã trở thành tín hiệu thẩm mỹ quan trọng của bài thơ.

- Âm điệu không chỉ có ý nghĩa với người sáng tác mà còn là sự định hướng, gợi mở cho người tiếp nhận, đọc thơ, cần “lấy hồn tôi để hiểu hồn người”, cần nắm bắt âm điệu thơ để đến được điệu hồn thi phẩm.

=> Từ phương diện âm điệu, có thể thấy được thực tài, thực tâm của người nghệ sĩ, đó cũng là một yêu cầu để thi phẩm có sức sống lâu bền trong lòng người đọc.

LUYỆN ĐỀ

Đề số 1: Nghĩ về thơ, Thanh Thảo tâm sự: *Kỳ lạ, là thơ. Lúc ta cất công tìm nó, thì nó chạy đi đâu, còn lúc tình cờ, ta chợt nghe trong mình một tiếng nói, cứ như ai mượn ta hay nhập vào ai, không rõ bắt đầu, không định kết thúc.*

Bằng những hiểu biết về các tác phẩm thơ anh/chị hãy làm sáng tỏ ý kiến trên. (Quá trình sáng tác và cảm hứng)

1. Giải thích:

- Lúc cất công tìm nó thì nó chạy đi đâu: Lúc người nghệ sĩ gò câu ép chữ, gượng mình viết thơ. Cảm xúc không chân thật, sản phẩm viết ra chỉ là một sáng tác mang tính hô hào, cổ động, đó chỉ là sản phẩm mang hình thức thơ, thiếu cảm xúc hoặc cảm xúc nhạt nhẽo, vô vị, người ta đọc rồi quên ngay. Đó là những xác chữ không hồn nằm thẳng đơ trên trang giấy. Thơ không phải là sự ghi chép, lắp ghép câu chữ, dụng công sáng tác.

- Lúc tình cờ, ta chợt nghe trong lòng mình một tiếng nói, cứ như ai mượn ta hay nhập vào, không rõ bắt đầu, không rõ kết thúc: Thơ đến bất chợt trong giây phút, thôi thúc người nghệ sĩ cầm bút viết, viết như một sự hồi thúc mà không biết đã bắt đầu như thế nào, kết thúc ra sao, cảm xúc dào dạt thăng hoa. Đó là những khoảnh khắc xuất thần của nhà thơ tạo nên những sáng tác

=> Khẳng định bản chất của thơ ca, thơ bắt nguồn từ cảm xúc. “Thiếu tình cảm thì có thể trở thành người thợ làm những câu có vần chứ không làm được nhà thơ” (nhà thơ Cuba. Jose Martin)

2. Lí giải:

2.1. Nghệ thuật nói chung và thơ ca nói riêng là sản phẩm của cảm xúc.

- “Tình cảm là sợi dọc của văn. Còn lời văn là sợi ngang của tư tưởng. Cái sợi dọc có ngay thẳng thì cái sợi ngang mới kết thành được. (Lưu Hiệp trong “Văn tâm điêu long”)

- “Nghệ thuật bao giờ cũng là tiếng nói của tình cảm con người, là sự tự giải bày và gửi gắm tâm tư” (Lê Ngọc Trà)

- L.Tôn x tôi: “Một tác phẩm nghệ thuật là kết quả của tình yêu. Tình yêu con người và ước mơ cháy bỏng vì một xã hội công bằng, bình đẳng bác ái”

=> Tình cảm, cảm xúc làm cho nghệ thuật thăng hoa và có sức sống mãnh liệt.

2.2. Tình cảm, cảm xúc giữ một vị trí trọng yếu trong cảm hứng của người làm thơ.

- Từ muôn xưa Việt Nam đã dùng thơ ca để nói lên những nỗi vui, buồn, mừng giận, âu lo, ước mong thầm kín trong lòng mình.

+ Ngô Thì Nhậm “Tình cảm dồi dào thì thơ nảy sinh”

+ Eliot: Thơ là một lối thoát của cảm xúc

- Tình cảm đó còn lúc tình cờ, ta chợt nghe trong mình một tiếng nói, cứ như ai mượn ta hay nhập vào ai, không rõ bắt đầu, không định kết thúc”. Cảm xúc trong thơ đến bất chợt tình cờ, không có ý sắp đặt, bởi cội nguồn của thơ ca là cảm xúc dồi dào mãnh liệt của tâm hồn nhà thơ khi va chạm với cuộc đời

- Nhưng những cảm xúc bất chợt đó không phải là những tình cảm dễ dãi mang tính bản năng mà là tình cảm được lắng đọng qua cảm xúc thẩm mĩ. Đó là những phút lóe sáng khi tâm hồn nghệ sĩ đạt đến độ chín nhất “thơ là sự chín đỏ trong cảm xúc” (vận dụng kiến thức lí luận về thơ ca)

- Những cảm xúc bất chợt đến đã toát lên tư tưởng sâu sắc, mới mẻ. Thơ không chấp nhận những triết lý khô khan, giáo điều. Chính giây phút thăng hoa nhà thơ viết được những vần thơ có ý nghĩa, kết đọng ở bề sâu. Qua mỗi vần thơ ta cảm nhận được vẻ đẹp tâm hồn của nhà thơ và những tư tưởng nhân văn tiến bộ hướng đến giá trị Chân Thiện Mĩ.

- Tiếng lòng thôn thức của nhà thơ phải được thể hiện qua thủ pháp nghệ thuật đa dạng phong phú “Thơ ca bắt rễ từ lòng người, nở hoa nơi từ ngữ”. Thế giới nghệ thuật đó luôn ẩn chứa cá tính sáng tạo, độc đáo của người nghệ sĩ.

3. Chứng minh

- Học sinh có thể vận dụng những hiểu biết của mình để làm sáng tỏ vấn đề:

+ Thơ Nguyễn Du hoặc Hồ Xuân Hương

+ “Đây thôn Vĩ Dạ”- Là sự thăng hoa của cảm xúc sau bao tháng ngày áp ủ tình cảm với thôn Vĩ với người con gái xứ Huế. Khi nhận bức bưu thiếp của Hoàng Cúc, trái tim nghệ sĩ đã trào dâng cảm xúc mãnh liệt viết nên “Đây thôn Vĩ Dạ”.

+ “Bên kia sông Đuống”-Hoàng Cầm

+ “Tràng giang” của Huy Cận.

4. Đánh giá – Mở rộng

- Nhận xét của Thanh Thảo đã đề cao vai trò của cảm xúc. Để có được những cảm xúc bất chợt đến và tạo nên sáng tác chứa đựng những tư tưởng cao đẹp người nghệ sĩ phải sống trọn vẹn từng khoảnh khắc với cuộc đời.

- Không có tài năng nghệ thuật đủ chín, câu chữ, tứ thơ non nớt, hình ảnh nhạt nhòa thì dù có trái tim có căng tràn nhựa sống, cảm xúc tuôn trào cũng không thể có thơ.

- Thái độ tiếp nhận của người đọc.

Đề số 2: *Thơ thể hiện cảm xúc, suy nghĩ, tâm trạng con người bằng ngôn ngữ cô đọng, gợi cảm giàu hình ảnh và nhạc điệu.* (trích SGK Ngữ văn 11- Tập một, NXB GD, năm 2016, tr136).

Anh/ chị hiểu ý kiến trên như thế nào? Qua bài thơ *Vội vàng* của Xuân Diệu và đoạn trích *Đất Nước* (trích trường ca *Mặt đường khát vọng* của Nguyễn Khoa Điềm hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

1. Giải thích

- Thơ thể hiện cảm xúc, suy nghĩ, tâm trạng con người: đề cập đến phương diện nội dung của thơ. Cốt lõi của thơ là cảm xúc, gắn với chiều sâu thế giới nội tâm của con người nên tác phẩm thơ là những rung động tâm hồn, suy ngẫm sâu xa, những trạng thái tâm lí của thi nhân trước thiên nhiên, cuộc sống con người.

- Ngôn ngữ cô đọng, gợi cảm, giàu hình ảnh và nhạc điệu: đề cập đến phương diện nghệ thuật của thơ. Ngôn ngữ thơ đòi hỏi sự chất lọc, gọt giũa chau chuốt tỉ mỉ; nhạc điệu của thơ không chỉ là tính nhạc trầm bổng do cách phối thanh mà còn là nhạc điệu của tâm hồn.

- Nhận định nói lên đặc trưng của thơ là diễn tả đời sống nội tâm phong phú, sâu sắc của con người bằng ngôn ngữ, hình ảnh,... chất lọc, biểu cảm, hấp dẫn.

2. Lí giải ý kiến

Ý kiến trên hoàn toàn chính xác vì xuất phát từ đặc trưng của thơ ca:

- Văn học phản ánh đời sống con người, với thơ ca, cuộc sống không chỉ là hiện thực xã hội bên ngoài mà còn là đời sống tâm hồn, tình cảm phong phú, là suy nghĩ, tâm

trạng của chính nhà thơ. Thơ là tiếng nói của tình cảm, cảm xúc, nếu không có cảm xúc thì người nghệ sĩ không thể sáng tạo nên những vần thơ hay, những câu thơ sẽ chỉ là những xác chữ vô hồn trên trang giấy, nói như Ngô Thì Nhậm, thi sĩ phải xúc động hồn thơ cho ngọn bút có thần”

- Cảm xúc suy nghĩ trong thơ không phải là thứ cảm xúc, suy nghĩ hời hợt. Đó phải là suy nghĩ ở độ chín, tình cảm ở mức độ mãnh liệt nhất thôi thúc người nghệ sĩ cầm bút sáng tạo. Nhà thơ phải sống gắn bó với cuộc đời mới có thể viết nên những vần thơ có giá trị sâu sắc, cảm xúc đạt đến độ phổ quát nhân loại.

- Tình cảm, cảm xúc, suy ngẫm, tâm trạng của con người trong thơ phải được truyền tải bằng một hình thức nghệ thuật độc đáo, mang tính thẩm mỹ. Điều đó đem lại cho thơ vẻ đẹp hoàn mỹ.

3. Chứng minh: Qua bài thơ Vội vàng của Xuân Diệu và đoạn trích Đất Nước (trích trường ca Mặt đường khát vọng của Nguyễn Khoa Điềm

a. Bài thơ Vội vàng (Xuân Diệu)

- Giới thiệu tác giả, tác phẩm.

*Những cảm xúc, suy nghĩ, tâm trạng của nhân vật trữ tình:

- Bao trùm bài thơ là mạch cảm xúc sôi nổi, mãnh liệt tuôn trào với tình yêu cuộc sống đến thiết tha cuồng nhiệt.

+ Bằng cặp mắt xanh non biếc rờn, Xuân Diệu nhìn thế giới như một thiên đường trên mặt đất với cảm xúc sung sướng, say mê, rạo rực, đắm say(Của ong bướm... cặp môi gần).

+ Thi sĩ băn khoăn, tiếc nuối trước thời gian tuyến tính một đi không trở lại khi tuổi xuân đòi người hữu hạn(Xuân đương tới...chiều hôm).

+ Thi sĩ muốn tắt nắng buộc gió để lưu mãi hương sắc cuộc sống trần gian(4 câu đầu).

+ Một tiếng lòng tha thiết cuồng nhiệt khát khao giao cảm với đời, tận hưởng trọn vẹn vẻ đẹp cuộc sống trần thế(Ta muốn...cắn vào người).

*Ngôn ngữ thơ cô đọng, gợi cảm, giàu hình ảnh, nhạc điệu: Tác giả lựa chọn được hình thức nghệ thuật phù hợp để bộc lộ cảm xúc.

- Ngôn ngữ thơ vừa chính xác, vừa mới mẻ táo bạo, sử dụng nhiều động từ mạnh, các tính từ miêu tả kết hợp các biện pháp tu từ so sánh, điệp từ, liệt kê, bút pháp tương giao.

- Hình ảnh thơ táo bạo, mới lạ, gợi cảm (ánh sáng hàng mi, tháng giêng ngon như một cặp môi gần...)

- Thể thơ tự do với các dòng thơ dài ngắn không đều, nhịp thơ thay đổi linh hoạt, giọng điệu đắm say, sôi nổi mang âm hưởng của thơ trữ tình điệu nói; cấu trúc theo lối triết luận, vừa có sự hấp dẫn của cảm xúc mãnh liệt, cháy bỏng vừa logic, chặt chẽ phù hợp diễn tả cảm xúc sôi nổi dâng trào của thi sĩ.

b. Đoạn trích Đất Nước của Nguyễn Khoa Điềm

- Giới thiệu tác giả, tác phẩm.

*Những cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật trữ tình.

- Bao trùm đoạn trích là những suy nghĩ, cảm xúc chân thành của nhà thơ về đất nước.

+ Từ cảm xúc chân thành, nhà thơ đã cảm nhận về đất nước từ những cái gần gũi, bình dị trong cuộc sống hằng ngày rồi mở ra với Thời gian đằng đẵng- Không gian mênh mông trong những truyền thuyết về thời dựng nước.

+ Suy nghĩ, cảm xúc của nhà thơ về đất nước: Đất nước không ở đâu xa mà kết tinh, hóa thân trong cuộc sống của mỗi con người. Cuộc đời của mỗi cá nhân đều được hưởng những di sản văn hóa tinh thần và vật chất của dân tộc, của nhân dân. Do đó, mỗi cá nhân phải có trách nhiệm giữ gìn và truyền lại cho các thế hệ tiếp theo. Lời thơ

nhấn nhủ tới thế hệ trẻ về trách nhiệm với đất nước, đồng thời cũng là lời tự nhủ, tự dặn mình chân thành, tha thiết của nhà thơ. (Trong anh và em.. Đất Nước muôn đời).

+ Với cảm hứng tự hào, say sưa, nhà thơ cảm nhận về đất nước theo các bình diện không gian địa lí, thời gian lịch sử, chiều sâu văn hóa và tâm hồn dân tộc. Nhưng tất cả các bình diện ấy đều được nhìn nhận và phát hiện từ một tư tưởng nhất quán và bao trùm: Đất nước của nhân dân, chính nhân dân đã làm ra đất nước. Sự cảm nhận ấy về đất nước được gợi ra từ những thắng cảnh thiên nhiên, những địa danh gắn với những tên người bình dị rồi hướng đến lịch sử 4000 năm với những lớp người. Không ai nhớ mặt đặt tên- Nhưng họ đã làm nên Đất Nước. Mạch suy tưởng của tác giả dẫn đến một khái quát cô đọng đúc kết một chân lí Đất Nước của Nhân dân, Đất Nước của ca dao thần thoại.

+ Đằng sau những suy nghĩ, cảm nhận mới mẻ về đất nước chính là tình yêu nước thiết tha: Ca ngợi công lao to lớn của nhân dân trên hành trình dựng nước; niềm tự hào của tác giả về đất nước thân thương gần gũi; thể hiện niềm tin và hi vọng vào tương lai thanh bình của đất nước.

*Ngôn ngữ cô đọng, gợi, giàu hình ảnh và nhạc điệu:

- Ngôn ngữ thơ vừa gần gũi, chân thực giản dị, tự nhiên, giàu sức gợi mới mẻ, hiện đại. Ẩn sâu trong đó là vẻ đẹp trí tuệ, văn hóa và một tình yêu đối với đất nước.

- Hình ảnh thơ gợi hình, gợi cảm, đậm chất liệu văn hóa, văn học dân gian, gợi liên tưởng sâu sắc về không gian, thời gian của lịch sử và văn hóa với biết bao thăng trầm thay đổi của đất nước và những con người đã làm nên đất nước.

- Thể thơ tự do với những câu thơ co duỗi linh hoạt, linh hoạt, thay đổi nhịp điệu phù hợp với mạch cảm xúc tuôn trào và tính hiện đại trong thơ Nguyễn Khoa Điềm; kết hợp nhuần nhuyễn chất chính luận và trữ tình, cảm xúc và suy tư sâu lắng...; Điều đó tạo cho đonạ thơ giọng điệu riêng: vừa thủ thỉ tâm tình sâu lắng, thiết tha vừa đầy suy tư triết lí. Tất cả góp phần tạo nên phong cách nghệ thuật trữ tình – chính luận độc đáo của Nguyễn Khoa Điềm.

Lưu ý: Trong mỗi luận điểm trên, học sinh cần lựa chọn dẫn chứng để phân tích, làm sáng tỏ vấn đề.

4. Bình luận

- Nhận định trên đã chỉ ra đặc trưng của thể loại thơ ở cả hai phương diện nội dung và nghệ thuật. Cụ thể tình cảm, cảm xúc, suy nghĩ, tâm trạng của con người trong thơ phải được thể hiện qua một hình thức nghệ thuật độc đáo.

- Vội vàng và đoạn trích Đất Nước trích trường ca Măt đường khát vọng là minh chứng tiêu biểu cho qua điểm Thơ thể hiện cảm xúc, suy nghĩ, tâm trạng con người bằng ngôn ngữ cô đọng, gợi cảm giàu hình ảnh và nhạc điệu.

- Bài học đối với người sáng tác và người tiếp nhận:

+ Đối với người sáng tác: Cần phải có cái Tài và cái Tâm, phải dày công sáng tạo trau chuốt ngôn từ, chọn lọc hình ảnh; ..phải có những rung động tinh tế, những cảm xúc, suy nghĩ chân thành, gắn bó sâu sắc với cuộc đời, con người để tác phẩm thơ thật sự đặc sắc về nghệ thuật và sâu sắc về nội dung tư tưởng.

+ Đối với người đọc: Hướng tới Chân- Thiện- Mĩ, bồi dưỡng tâm hồn, tình cảm trong sáng, trí tuệ phong phú thỏa mãn nhu cầu thẩm mĩ để cảm nhận được cảm xúc, tư tưởng của tác giả trong tác phẩm, từ đó trở thành bạn đọc đồng sáng tạo với người sáng tác.

Đề số 3: Bàn về thơ, Xuân Diệu cho rằng:

Người đọc muốn rằng thơ phải xuất phát từ thực tại, từ đời sống, nhưng phải đi qua một tâm hồn, một trí tuệ và khi đi qua như vậy, tâm hồn, trí tuệ phải in dấu ấn vào đó thật sâu sắc, càng cá thể, càng độc đáo, càng hay.

(*Xuân Diệu*, Toàn tập, Tập 5, NXB Văn học, Hà Nội, 2001, tr 36).

Anh/chị hiểu ý kiến trên như thế nào? Qua bài thơ *Từ ấy* của nhà thơ Tố Hữu (Ngữ văn 11, Tập 2, NXB Giáo dục) và bài thơ *Tây Tiến* của nhà thơ Quang Dũng (Ngữ văn 12, Tập 1, NXB Giáo dục), hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

1. Giải thích

- Nguồn gốc của thơ ca “phải xuất phát từ thực tại”: thơ được sinh ra từ trong hiện thực cuộc đời, từ thế giới tình cảm của con người, là người thư kí trung thành của tâm hồn con người. Nhưng hiện thực đó “phải đi qua một tâm hồn, một trí tuệ” là hiện thực được cảm nhận qua lăng kính chủ quan của người nghệ sĩ. Thơ chính là “hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan”.

- Nội dung của thơ ca phải thể hiện được tình cảm và tư tưởng (tâm hồn, trí tuệ) của thi nhân để rồi đưa tình cảm tư tưởng đó đến với người đọc. Thơ chính là tiếng nói của một cái tôi cá nhân trước cuộc đời.

- Nghệ thuật sáng tạo thơ ca “càng cá thể, càng độc đáo, càng hay”: thơ phải mang dấu ấn sáng tạo, thể hiện chất riêng biệt của thi nhân.

Tóm lại: Đối với Xuân Diệu, một tác phẩm thơ cần bắt nguồn từ hiện thực cuộc sống, thể hiện những tìm tòi, sáng tạo mới mẻ, sâu sắc, độc đáo cả về nội dung tư tưởng lẫn hình thức nghệ thuật. Có như vậy, thơ mới trở thành một chỉnh thể nghệ thuật giàu giá trị thẩm mỹ.

2. Lý giải ý kiến

- Cuộc sống là điểm xuất phát, là đề tài vô tận, là đối tượng khám phá của thơ ca nghệ thuật, gợi nhiều cảm xúc phong phú:

+ Thơ là tiếng nói của tình cảm, cảm xúc của người nghệ sĩ, nhưng tình cảm, cảm xúc ấy bao giờ cũng bắt rễ từ hiện thực cuộc đời. Hiện thực chính là điểm tựa cho cảm xúc, tình cảm, là cội nguồn không bao giờ vơi cạn để con người trữ tình bộc lộ cảm xúc và suy tưởng. Nếu tách rời hiện thực khách quan, thì cảm xúc và ý nghĩ sẽ không có cơ sở hiện thực để nảy sinh.

+ Hiện thực chân thực bao giờ cũng có khả năng dồn nén sức biểu cảm, khơi gợi tình cảm mãnh liệt, có sức dư ba lớn.

- Vẻ đẹp của thơ ca trước hết thể hiện ở những tư tưởng, tình cảm mà tác phẩm hàm chứa, là dấu ấn trí tuệ, tâm hồn của thi sĩ. Thơ thể hiện thế giới chủ quan của người

nghệ sĩ. Tình cảm, tư tưởng trong thơ trước hết là của cá nhân tác giả, là thế giới riêng tư của tác giả nảy sinh từ hiện thực.

- Vẻ đẹp của thơ còn được đánh giá ở sự sáng tạo hình thức “càng cá thể, càng độc đáo, càng hay”:

+ Bản chất nghệ thuật là sáng tạo, vì thế thơ ca không chỉ đòi hỏi nhà thơ phải in dấu tâm hồn, thể hiện cảm xúc mà còn phải in dấu cả trí tuệ, thể hiện tài năng trong việc sáng tạo hình thức biểu hiện. Thiếu sự sáng tạo thì tác phẩm và tên tuổi của tác giả sẽ không thể tồn tại.

+ Sự sáng tạo về hình thức biểu hiện của thơ ca rất phong phú, từ thể loại, cấu tứ, ngôn ngữ, hình ảnh thơ... Sự sáng tạo này tạo nên cách nói mới về những đề tài không mới, làm nên sự không lặp lại mình, không lặp lại người khác, đồng thời mang đến sức sống của thơ.

3. Chứng minh qua bài Từ ấy của Tố Hữu và bài Tây Tiến của Quang Dũng

a. Bài thơ Từ ấy của Tố Hữu

- Từ ấy “xuất phát từ thực tại”:

Tháng 7/1938, sau thời gian tham gia phong trào đấu tranh cách mạng của Đoàn thanh niên Dân chủ ở Huế, Tố Hữu vinh dự được kết nạp vào Đảng cộng sản. Niềm vui sướng hân hoan và tự hào khi được đứng dưới hàng ngũ của Đảng là cảm xúc chân thực từ trái tim của người chiến sĩ trẻ. Ngày được đứng vào hàng ngũ những người cùng phấn đấu vì một lí tưởng cao đẹp là bước ngoặt quan trọng trong cuộc đời nhà thơ. Ghi nhận kỉ niệm đáng nhớ ấy với những cảm xúc, suy tư sâu sắc, Tố Hữu viết Từ ấy. Bài thơ Từ ấy là tiếng nói của riêng Tố Hữu, là tuyên ngôn về lẽ sống đích thực của nhà thơ.

- Từ ấy thể hiện vẻ đẹp tâm hồn, trí tuệ của Tố Hữu:

+ Niềm vui sướng say mê khi bắt gặp lí tưởng của Đảng: giữa lúc đang “Băn khoăn đi kiếm lẽ yêu đời”, đang “Bâng khuâng đứng giữa hai dòng nước/Chọn một dòng hay để nước trôi”, nhà thơ được giác ngộ lí tưởng cộng sản. Lí tưởng như nguồn sáng mặt trời chiếu rọi tâm hồn chàng thanh niên, khiến tâm hồn người thanh niên trẻ tuổi Tố Hữu vui sướng vô hạn, như được sưởi ấm và thức tỉnh.

+ Những nhận thức sâu sắc mới mẻ về lẽ sống: khi được ánh sáng của lí tưởng soi rọi, Tố Hữu đã có những nhận thức mới về lẽ sống và có những chuyển biến sâu sắc trong tình cảm của mình. Nhà thơ khẳng định quan niệm mới về lẽ sống là sự gắn bó hài hoà giữa cái tôi cá nhân và cái ta chung của cộng đồng. Không còn là con người “Vẫn vơ theo mãi vòng quanh quẩn/Muốn thoát, than ôi, bước chẳng rời”, tác giả đã tự buộc lòng mình với mọi người để sống chan hoà với trăm nơi, để có được sự đồng cảm chân thành, sâu sắc. Từ đó, nhà thơ đã hoà trong một khối đoàn kết, gắn bó với mọi người. Đó là tuyên ngôn sống và sáng tác nghệ thuật của một con người tự nguyện gắn bó cả

cuộc đời mình với quần chúng lao khổ, phấn đấu vì cuộc sống hạnh phúc của đồng bào, vì tương lai tươi sáng của đất nước.

- Từ ấy in dấu ấn rõ nét vẻ đẹp sáng tạo độc đáo của thơ Tố Hữu:

+ Tố Hữu đã dùng những hình ảnh nắng hạ, mặt trời chân lí, vườn hoa lá đề chỉ lí tưởng. Những động từ bừng, chói, những cụm từ đậm hương, rộn tiếng chim đã được nhà thơ sử dụng sáng tạo nhằm thể hiện niềm vui sướng tột cùng khi nhà thơ được đứng trong hàng ngũ của những người cộng sản,

+ Các biện pháp tu từ ẩn dụ, nhân hoá, điệp từ, điệp ngữ được tác giả dùng trong bài thơ vừa có tác dụng tạo nên những hình ảnh thơ trong sáng, gần gũi, có sức mạnh lôi cuốn sự chú ý của người đọc, người nghe lại vừa thể hiện được tâm tư, tình cảm của nhân vật trữ tình đang say mê lí tưởng. Đặc biệt, trong bài thơ, cách sử dụng kết hợp các điệp từ, điệp ngữ đã tạo được một nhịp điệu vui tươi, luyến láy, giàu sức biểu cảm...

=> Từ ấy được coi là thi phẩm có ý nghĩa mở đầu, định hướng cho toàn bộ quá trình sáng tác của Tố Hữu. Những sáng tạo độc đáo của thi phẩm tạo nên nét riêng cho phong cách thơ Tố Hữu: trữ tình - chính trị, giàu tính dân tộc.

b. Bài thơ Tây Tiến của Quang Dũng

- Tây Tiến “xuất phát từ thực tại, từ đời sống”:

Tây Tiến là một đơn vị quân đội thành lập đầu năm 1947, có nhiệm vụ phối hợp với bộ đội Lào, bảo vệ biên giới Việt – Lào và đánh tiêu hao lực lượng quân đội Pháp ở Thượng Lào cũng như ở miền tây Bắc Bộ Việt Nam. Quang Dũng là đại đội trưởng của đoàn binh Tây Tiến. Cuối năm 1948 ông chuyển sang đơn vị khác. Rời xa đơn vị cũ chưa bao lâu, tại Phù Lưu Chanh, Quang Dũng viết bài thơ Nhớ Tây Tiến. Khi in lại, tác giả đổi tên bài thơ là Tây Tiến. Tây Tiến là cuộc sống, là tác lòng, là con người rất thật của Quang Dũng. Bài thơ được khơi nguồn từ những cảm xúc mãnh liệt và chân thực của nhà thơ khi nhớ về đồng đội và mảnh đất, con người Tây Bắc một thời gắn bó. Quang Dũng từng tâm sự: Hồi ấy, tâm lòng, cảm xúc của mình ra sao thì viết vậy.

- Tây Tiến thể hiện vẻ đẹp tâm hồn, trí tuệ của Quang Dũng:

+ Vẻ đẹp lãng mạn, hào hoa: nhạy cảm trước thiên nhiên Tây Bắc hùng vĩ, hoang sơ dữ dội mà huyền ảo, thơ mộng; đắm thắm tình người; những khao khát, mộng mơ mãnh liệt.

+ Vẻ đẹp ý chí, lí tưởng: dù sống và chiến đấu trong điều kiện khó khăn, khắc nghiệt nhưng Quang Dũng cũng như đoàn binh Tây Tiến vẫn hiên ngang vượt lên, coi thường gian khổ, sẵn sàng hiến dâng cả tuổi thanh xuân cho Tổ quốc. Vẻ đẹp của họ vừa mang dáng dấp của các tráng sĩ thuở trước vừa mang đậm vẻ đẹp của người chiến sĩ thời kháng chiến chống Pháp.

- Tây Tiến in dấu ấn rõ nét vẻ đẹp sáng tạo độc đáo của thơ Quang Dũng:

+ Khi viết về những người lính Tây Tiến, Quang Dũng không hề che giấu cái bi. Nhưng bi mà không bi lụy. Chất lãng mạn bi tráng là vẻ đẹp độc đáo của hình tượng người lính cách mạng trong thơ Quang Dũng.

+ Thể thơ bảy tiếng chắc khỏe mang giọng điệu hào hùng như một khúc quân hành; sử dụng phong phú các biện pháp tu từ; kết hợp hài hòa chất họa, chất nhạc trong thơ; bút pháp hiện thực kết hợp với cảm hứng lãng mạn; ngôn ngữ vừa giản dị, trong sáng vừa trang trọng, tài hoa; giọng điệu linh hoạt khi tha thiết, bồi hồi, khi hồn nhiên, vui tươi, lúc lại trở nên trang trọng rồi lắng xuống bi tráng...

=> Tây Tiến là bài thơ tiêu biểu nhất cho đời thơ Quang Dũng, thể hiện tập trung nét đặc sắc phong cách nghệ thuật của nhà thơ: hồn thơ phóng khoáng, hồn hậu, lãng mạn và tài hoa. Với bài thơ Tây Tiến “Quang Dũng đứng riêng một ốc đảo..., ông không có điểm gì chung với những nhà thơ khác, ông đứng biệt lập như một hòn đảo giữa các nhà thơ kháng chiến” (Vũ Quần Phương).

4. Bình luận

– Nhận định của Xuân Diệu không chỉ đúng trong lĩnh vực sáng tạo thơ ca mà còn đặt ra yêu cầu cho mọi sáng tạo nghệ thuật nói chung. Từ ấy (Tố Hữu) và Tây Tiến (Quang Dũng) được ra đời ở những thời điểm khác nhau, bởi hai phong cách nghệ thuật khác nhau nhưng đều là minh chứng rõ nét cho ý kiến của Xuân Diệu.

- Bài học cho người nghệ sĩ sáng tạo và người tiếp nhận:

+ Đối với người sáng tạo: trau dồi vốn sống, sống sâu sắc với thế giới nội tâm của mình, lao động công phu, nỗ lực không ngừng trong hoạt động sáng tạo nghệ thuật.

+ Đối với người đọc: tiếp nhận tác phẩm bằng toàn bộ thế giới tinh thần của mình trên tinh thần đối thoại, đồng sáng tạo với nhà thơ để thấy được những đóng góp của nhà thơ cả về nội dung, tư tưởng và nghệ thuật.

Đề số 4: *“Những bài thơ chân chính bao giờ cũng xâm chiếm tâm hồn người đọc trước hết bằng âm điệu. Cảm xúc của hồn thơ thường hiện ra thành những rung động. Những rung động tâm hồn hoá thân rất nhiều thành âm điệu thơ. Nghe được âm điệu thơ là đã phần nào nắm được cái hồn của bài thơ”.*

(Chu Văn Sơn, *Thơ - điệu hồn và cấu trúc* - NXB Giáo dục Việt Nam, 2007)

Anh (chị) hiểu ý kiến trên như thế nào? Qua thi phẩm *Tràng giang* của Huy Cận (Ngữ văn 11, Tập 2, NXB Giáo dục Việt Nam 2015) và *Việt Bắc* của Tố Hữu (Ngữ văn 12, Tập 1, NXB Giáo dục Việt Nam 2015), hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

1. Giải thích

- Thơ chân chính (thơ hay), là những bài thơ thể hiện cách nhìn, cách cảm xúc mới mẻ độc đáo về thiên nhiên tạo vật, về xã hội, về tâm hồn con người...; bộc lộ những tâm sự, nỗi niềm của người viết, mang lại cho người đọc những xúc cảm thẩm mỹ lành mạnh... Thơ chính là tình đời, tình người ngân lên trong những âm vang ngôn ngữ, kết cấu, hình ảnh, giọng điệu, nhịp điệu...

- Thơ hay, “thơ chân chính” đến với người đọc trước hết bằng “âm điệu”: là sức vang, sức tan toả của bài thơ thấm vào hồn người đọc, chinh phục trực giác của người đọc, tạo sự ám ảnh, có “ma lực” cuốn hút người đọc để có những khám phá, có cách “giải mã” phù hợp, để được đắm mình trong thế giới thơ.

- Để có âm điệu bài thơ “xâm chiếm tâm hồn người đọc”, nhà thơ phải có những “rung động tâm hồn” (cảm xúc); những rung động tâm hồn ấy đã “hoá thân rất nhiều thành âm điệu thơ”. Nhà thơ tái hiện cuộc sống thông qua những rung động, những xúc cảm mãnh liệt. Thiếu tình cảm mãnh liệt và sâu sắc thì sẽ không có thơ. Độ chín của cảm xúc nhà thơ làm nên chiều sâu của sự thể hiện cuộc sống và lay động tâm hồn người đọc. Cảm xúc trong thơ là tình cảm được ý thức, được lắng lọc qua những xúc cảm thẩm mỹ của nhà thơ.

- Đọc thơ, người đọc phải “nghe” được những rung động tâm hồn của người làm thơ, như thế mới phần nào nắm được cái hồn của bài thơ.

2. Phân tích bài thơ Tràng giang (Huy Cận), Việt Bắc (Tố Hữu) để “nghe được âm điệu thơ”.

*** Bài thơ Tràng giang (Huy Cận)**

- Giới thiệu khái quát về Huy Cận, bài thơ Tràng giang.

- “Âm điệu” qua nội dung: Bài thơ mang một âm điệu buồn mênh mang sâu lắng, ngấm sâu trong lòng tạo vật và tâm hồn thi nhân, bộc lộ nỗi buồn tủi cô đơn bơ vơ của con người cá nhân Huy Cận với nhiều cung bậc: buồn, sầu, đìu hiu, lặng lẽ, cô liêu, bơ vơ... vừa cổ điển vừa hiện đại.

+ Tràng giang hiện lên như một bức tranh tạo vật vừa mênh mông, vô biên vừa hoang sơ, hiu quạnh. Giữa không gian đó thi nhân hiện lên: như một lữ thứ lạc loài đơn độc thăm thía trạng thái bơ vơ, cô độc, sầu tủi của kiếp người; nỗi cô đơn của con người trước tạo vật bao la hùng vĩ mà thiếu vắng tình người, thiếu quê hương ấm áp, thiếu sự đồng điệu giao cảm gắn bó; niềm khát khao hơi ấm tình đời tình người đã chuyển thành niềm rung động của một tấm lòng quê.

+ Về sự vận động của hình tượng thơ: có hai dòng sông chảy dọc suốt bài thơ, một dòng sông dềnh lên mênh mang sóng nước và một dòng sông tâm hồn thấp thoáng ẩn hiện qua các khổ thơ.

- “Âm điệu” qua các yếu tố hình thức nghệ thuật: nỗi buồn triền miên trong tâm hồn Huy Cận đã được thể hiện qua âm hưởng của bài thơ, bằng âm vang chữ nghĩa, hình ảnh thơ, cấu trúc câu thơ,...

- Cội nguồn của nỗi cô đơn sầu tủi tạo nên âm điệu buồn của thi phẩm vừa mang dấu ấn của truyền thống nghệ thuật thi ca phương Đông, vừa có căn nguyên thời đại và mang đậm dấu ấn cái tôi cá nhân Huy Cận

*** Bài thơ Việt Bắc (Tố Hữu):**

- Giới thiệu khái quát về Tố Hữu, bài thơ Việt Bắc.

- “Âm điệu” qua nội dung: Việt Bắc là bản anh hùng ca tổng kết một giai đoạn lịch sử gian lao mà hào hùng của dân tộc với những mảng hoài niệm chân thực, rõ nét về con người và quê hương cách mạng. Âm điệu bài thơ được tạo nên từ nhịp điệu của cảm xúc, tâm trạng của thi nhân. Cảm xúc chủ đạo của bài thơ là nỗi nhớ thương lưu luyến.

+ Vẻ đẹp thiên nhiên Việt Bắc thanh bình, thơ mộng nhưng cũng rất đổi oai hùng trong những ngày kháng chiến; Con người Việt Bắc sống gian lao mà nghĩa tình, sẵn sàng chia ngọt sẻ bùi, kê vai sát cánh cùng Cách mạng.

+ Tái hiện kỉ niệm về Việt Bắc là để: bày tỏ lòng biết ơn sâu nặng của cán bộ cách mạng với đồng bào và quê hương Việt Bắc; là lời tự vấn của tác giả với lòng mình về

nghĩa tình thủy chung đối với đất và người Việt Bắc; nhấn gửi bài học sâu sắc về đạo lý dân tộc “uống nước nhớ nguồn”, “ngọt bùi nhớ lúc đắng cay”, quá khứ lịch sử luôn là một phần của hiện tại hôm nay.

- “Âm điệu” qua các yếu tố hình thức nghệ thuật: sử dụng sáng tạo thể thơ lục bát truyền thống; kết cấu của bài thơ theo lối đối đáp, hô ứng kết hợp với cặp đại từ “mình-ta” thường gặp trong ca dao dân; nhịp thơ có sự thay đổi phù hợp với cảm xúc khi chậm rãi, tha thiết, lắng sâu trong hoài niệm, khi nhanh, mạnh, hối hả gấp gáp khi tái hiện những tháng ngày kháng chiến hào hùng và niềm vui chiến thắng; nghệ thuật dùng từ láy, điệp từ ngữ, điệp cấu trúc cú pháp, nghệ thuật tiểu đối...

- Cội nguồn của nỗi nhớ tạo nên âm điệu tha thiết, ngọt ngào... của thi phẩm vừa mang dấu ấn của nghệ thuật truyền thống vừa mang đậm dấu ấn phong cách thơ Tố Hữu.

Lưu ý: Mỗi luận điểm học sinh phải lựa chọn dẫn chứng để làm sáng tỏ.

4. Bình luận

- Ý kiến của nhà phê bình Chu Văn Sơn đã khái quát đặc trưng nổi bật của thơ là tính trữ tình, là những rung động tâm hồn, xúc cảm thẩm mỹ của nhà thơ được mã hoá bằng những sáng tạo ngôn từ tạo nên âm điệu của bài thơ. Âm điệu thơ chính là cái thần, là linh hồn, làm nên giá trị, sức hấp dẫn, sức sống của thi phẩm. Đồng thời tác giả cũng đề cập đến vấn đề tiếp nhận thơ, người đọc “nghe” thơ, hiểu những xúc cảm của nhà thơ bằng chính những rung cảm tâm hồn mình.

- Đối với người làm thơ, trước hết phải có “rung động tâm hồn”, có xúc cảm nhưng đồng thời phải biết “mã hoá” xúc cảm, những rung động tâm hồn ấy bằng những sáng tạo nghệ thuật để bài thơ có “âm điệu” riêng, có sức hấp dẫn riêng đối với người đọc.

- Đối với người đọc, đến với thi phẩm, trước tiên bằng trực cảm, lắng nghe những rung động trong tâm hồn mình. Những rung động đó phải bắt nguồn từ việc “cảm” “âm điệu” của bài thơ, từ những yếu tố (đặc biệt là những yếu tố độc đáo) thuộc về thi phẩm để đồng cảm với những rung động tâm hồn của tác giả và “giải mã” thi phẩm. Người đọc cần có những “chìa khóa” để mở cánh cửa thế giới nghệ thuật của các tác phẩm thơ.

Đề số 5: Cổ nhân từng nói: “Thi trung hữu họa”, “Thi trung hữu nhạc”.

Anh/chị hiểu ý kiến trên như thế nào? Bằng sự hiểu biết của mình về bài thơ *Tây Tiến* (Quang Dũng) và *Việt Bắc* (Tố Hữu), hãy làm sáng tỏ.

1. Giải thích

*** *Cắt nghĩa ý kiến:***

- Thi: thơ. Thơ là một hình thức sáng tác văn học nghiêng về thể hiện cảm xúc thông qua tổ chức ngôn từ đặc biệt, giàu nhạc tính, giàu hình ảnh và gợi cảm.

- Thi trung hữu họa: Trong thơ có họa (có tranh, có cảnh). Thi trung hữu nhạc: Trong thơ có nhạc.

=> Ý kiến trên của người xưa nói đến đặc trưng của thơ trữ tình là giàu hình ảnh và nhạc điệu. Ý kiến của cổ nhân hoàn toàn đúng đắn và xác đáng.

*** *Lí giải ý kiến:***

- Thơ - nhạc - họa đều là các loại hình nghệ thuật, song có sự khác biệt, đặc biệt là về chất liệu xây dựng hình tượng nghệ thuật để phản ánh cuộc sống. Nếu họa dùng đường nét, màu sắc, nhạc dùng giai điệu, âm thanh thì thơ cũng như các tác phẩm văn chương lại sử dụng ngôn từ làm chất liệu. Ngôn từ có đặc điểm riêng: đó là chất liệu phi vật thể, vì vậy, tác động nhận thức không trực tiếp bằng các loại hình nghệ thuật khác song sức gợi mở của nó lại hết sức dồi dào, mạnh mẽ. Nó tác động vào liên tưởng của con người

và khơi dậy những cảm nhận cụ thể về màu sắc, đường nét, hình khối, âm thanh, giai điệu.

- Thi trung hữu họa bởi vì: Văn học phản ánh hiện thực cuộc sống, thơ ca cũng không nằm ngoài quy luật đó. Thơ ca phản ánh cuộc sống qua hệ thống ngôn từ giàu hình ảnh. Không ở thể loại văn học nào ta bắt gặp nhiều hình ảnh, biểu tượng (hình ảnh có ngụ ý), hình tượng (hình ảnh có ngụ ý xuyên suốt tác phẩm) nổi bật như thơ ca. Hình ảnh trong thơ là sự khách thể hóa những rung cảm nội tâm bởi thế giới tinh thần vốn vô hình nên nhất thiết phải dựa vào những điểm tựa tạo hình cụ thể để hữu hình hóa. Hình ảnh trong thơ nổi bật vì còn mang màu sắc của cảm xúc mãnh liệt và trí tưởng tượng phong phú.

- Thi trung hữu nhạc bởi vì: Thơ ca là sự biểu hiện trực tiếp cảm xúc, tình cảm của con người. Cảm xúc biểu lộ mạnh mẽ ở thanh điệu, nhịp điệu của lời nói (ngôn từ). Tính nhạc là đặc thù cơ bản của việc phô diễn tình cảm của thơ ca. Âm thanh và nhịp điệu làm tăng hàm nghĩa cho từ ngữ, gợi ra những điều từ ngữ không thể nói hết. Nhạc điệu trong thơ thể hiện nhịp vận động của đời sống, của nhịp đập trái tim, bước đi của tình cảm con người.

2. Chứng minh qua hai bài thơ Tây Tiến và Việt Bắc

a. Thi trung hữu họa:

- Với trí tưởng tượng bay bổng, phong phú, kết hợp bút pháp miêu tả khái quát và cận cảnh, thủ pháp đối lập tương phản... Bài thơ Tây Tiến đã vẽ lên trước mắt người đọc:

+ Bức tranh chân thực về khung cảnh núi rừng miền Tây hiểm trở hùng vĩ nhưng vô cùng trữ tình thơ mộng.

+ Bức chân dung về người lính Tây Tiến hào hùng nhưng cũng rất đời thường.

- Bằng lối nói giàu hình ảnh, các cách chuyển nghĩa truyền thống (so sánh, ẩn dụ, tượng trưng, ước lệ...) được sử dụng thích hợp... Bài thơ Việt Bắc đã tái hiện thành công:

+ Bức tranh thiên nhiên, núi rừng Việt Bắc.

+ Bức tranh về cuộc sống con người trong kháng chiến, bức tranh Việt Bắc ra quân hào hùng.

b. Thi trung hữu nhạc:

- Xuân Diệu nhận xét: Đọc bài thơ Tây Tiến như ngâm âm nhạc trong miệng. Tính nhạc trong Tây Tiến thể hiện ở:

+ Thể thơ thất ngôn mang âm hưởng trầm hùng phù hợp với việc biểu đạt nội dung.

+ Phối hợp nhịp nhàng giữa các thanh bằng trắc, sự hiệp vần: oi, biện pháp điệp từ: nhớ, ngàn thước...

+ Sử dụng thành công hệ thống từ láy.

+ Nhạc điệu của bài thơ còn được tạo nên từ nỗi nhớ tha thiết, tình yêu sâu đậm của nhà thơ với mảnh đất Tây Bắc, với binh đoàn Tây Tiến, với quê hương, đất nước. Đó là nhạc điệu tâm hồn của thi nhân.

- Tính nhạc trong Việt Bắc thể hiện ở:

+ Thể thơ lục bát: Nhịp nhàng, tha thiết, ngọt ngào, sâu lắng nhưng biến hóa sáng tạo không đơn điệu.

+ Sử dụng cặp đại từ: mình - ta.

+ Nghệ thuật đối: Được sử dụng với tần số cao, biểu đạt xúc động nổi lòng sâu kín của kẻ đi - người ở đồng thời tạo ra sự cân xứng về cấu trúc vẻ đẹp nhịp nhàng của ngôn từ. Tất cả tạo nên nhạc điệu đầy quyến luyến, trầm bổng, ngân nga. Việt Bắc ru người trong nhạc.

+ Biện pháp điệp: điệp từ: nhớ, có nhớ; điệp cấu trúc: mình đi - mình về; câu hỏi tu từ... tạo nên nhịp ru cho bài thơ, diễn tả thành công nỗi lòng kẻ đi - người ở.

- + Cách gieo vần và sử dụng từ láy cũng góp phần tạo nên nhạc điệu cho bài thơ.
- + Việt Bắc có giọng điệu tâm tình, tự nhiên, đầm thắm, là tiếng nói của tình thương mến ngọt ngào, là khúc tình ca và bản hùng ca về kháng chiến và con người kháng chiến... Thơ Tố Hữu phong phú nhạc điệu, một thứ nhạc giàu có tự bên trong của tâm hồn hoà với nhạc điệu lời cuốn của đời sống.

3. Bình luận

- Khẳng định câu nói của cổ nhân là hoàn toàn đúng với thơ ca và được minh chứng rõ qua hai bài thơ Tây Tiến và Việt Bắc.
- Hai bài thơ giàu chất nhạc, chất họa, thể hiện tài năng của hai nhà thơ trong việc sử dụng ngôn từ nghệ thuật.
- Bài học cho người nghệ sĩ và người tiếp nhận.

Đề số 6: Nhà văn Nhữ Bá Sĩ cho rằng: *Thơ là để nói chí, nhưng biểu hiện ở nơi tình.* Anh/Chị hiểu ý kiến trên như thế nào? Bằng hiểu biết của mình về hai bài thơ *Cảnh ngày hè* (Nguyễn Trãi) và *Nhàn* (Nguyễn Bỉnh Khiêm), hãy làm sáng tỏ.

1. Giải thích

* *Cắt nghĩa ý kiến:*

- Chí: ý chí, khát vọng, mục tiêu, quan điểm, lí tưởng... con người muốn hướng tới. Thơ là để nói chí: Khẳng định mục đích của thơ ca là để bày tỏ ý chí, khát vọng, lí tưởng, quan điểm sống... của nhà thơ trước cuộc đời.
 - Tình: tình cảm, cảm xúc, tấm lòng của người viết. Biểu hiện ở nơi tình: Thơ ca nói chí, tỏ lòng nhưng không thể hiện một cách khô khan mà thông qua con đường tình cảm, làm lay động cảm xúc, trái tim người đọc.
- => Nhận định của Nhữ Bá Sĩ khẳng định: nói chí là mục đích của thơ ca nhưng biểu hiện ở nơi tình là đặc trưng, là cội nguồn, là gốc của thể loại thơ. * Lí giải ý kiến:

Ý kiến của Nhữ Bá Sĩ đúng đắn và xác đáng vì:

- Xuất phát từ quan điểm về mục đích sáng tác: quan điểm thời trung đại là thi dĩ ngôn chí - dùng thơ để nói chí, tỏ lòng, cốt làm nổi bật cái hùng tâm tráng trí của con người.
- Xuất phát từ chức năng của văn học: văn học có nhiều chức năng trong đó phải kể đến chức năng giáo dục. Gắn với chức năng này, thơ văn suy cho cùng là phương tiện để nói chí, chở đạo nhằm giáo dục người đọc có lí tưởng sống, mục đích sống, quan điểm sống... lành mạnh, tiến bộ.
- Xuất phát từ khát vọng của người viết: nhà thơ bao giờ cũng muốn gửi gắm vào trong tác phẩm những tư tưởng, triết lí, lí tưởng, cảm xúc... của mình và truyền đến cho người đọc để được chia sẻ, thấu hiểu.
- Xuất phát từ đặc trưng của thơ: là tiếng nói của tình cảm mãnh liệt. Vì thế, thơ ca nói chí, chở đạo theo con đường riêng, đó là cách thể hiện giàu cảm xúc với những rung động tình cảm mãnh liệt (khác văn xuôi thiên về kể, tả sự việc...).
- Xuất phát từ thực tiễn: trong sáng tác thơ ca từ xưa tới nay, những tác phẩm có giá trị đều là những tác phẩm có tư tưởng sâu sắc được tạo nên từ trái tim giàu cảm xúc của người cầm bút.

2. Chứng minh qua *Cảnh ngày hè* (Nguyễn Trãi) và *Nhàn* (Nguyễn Bỉnh Khiêm)

* *Chứng minh qua Cảnh ngày hè* (Nguyễn Trãi)

- Giới thiệu tác giả, tác phẩm.
- Thơ là để nói chí: Bài thơ thể hiện khát vọng, lí tưởng của Nguyễn Trãi là làm sao cho muôn dân được ấm no, hạnh phúc (Dân giàu đủ khắp đòi phương).

- Biểu hiện ở nơi tình: Khát vọng ấy của Nguyễn Trãi không nói một cách khô khan mà được thể hiện gián tiếp thông qua tình yêu với thiên nhiên, cuộc sống, con người, cùng mong ước của ông:

+ Bức tranh thiên nhiên tươi đẹp, đầy âm thanh, màu sắc (Hòe lục đùn đùn tán rợp giương/Thạch lựu hiên còn phun thức đỏ/Hồng liên trì đã tiễn mùi hương...) cùng bức tranh sinh hoạt đời sống sôi động (Lao xao chợ cá làng ngư phủ) đã gián tiếp cho thấy tình cảm thiết tha của Nguyễn Trãi về một cuộc sống no đủ cho nhân dân, yên bình cho đất nước.

+ Ước mong tha thiết có chiếc đàn của vua Ngu Thuấn để gảy khúc Nam phong cho mưa thuận, gió hòa, nhân dân làm ăn no đủ, khắp mọi người, khắp mọi nơi.

- Nghệ thuật thể hiện chí và tình: ngôn ngữ trong sáng, giản dị; hình ảnh thơ sinh động; giọng điệu giàu cảm xúc; sự cách tân ở câu lục ngôn xen lẫn câu thất ngôn tạo nên sự dồn nén cảm xúc của bài thơ,... tất cả đã góp phần thể hiện cái chí của tác giả một cách rất tình khiến người đọc xúc động.

*** Chứng minh qua Nhân (Nguyễn Bình Khiêm)**

- Giới thiệu tác giả, tác phẩm.

- Thơ là để nói chí: Bài thơ thể hiện quan niệm sống, triết lí sống nhân, lánh đục về trong của Nguyễn Bình Khiêm. Đây là cái chí của những nhà nho sống trong thời loạn, họ coi trọng nhân cách, hành đạo bằng việc giữ gìn lối sống thanh cao, không chấp nhận con đường công danh, phú quý mà giành giết, hãm hại nhau, hay áp bức, bóc lột nhân dân.

- Biểu hiện ở nơi tình: Quan niệm sống, triết lí sống ấy của Nguyễn Bình Khiêm cũng được thể hiện đầy cảm xúc qua sự an nhiên, phong cách thư thái khi hòa hợp với tự nhiên, cùng thái độ vượt lên mọi cám dỗ danh lợi của một nhà nho ưu thời mẫn thế:

+ Sự ung dung, nhàn tản khi trở về với cuộc sống thuần hậu, nguyên thủy (Một mai, một cuốc, một cần câu/Thơ thần dầu ai vui thú nào).

+ Thái độ xa lánh nơi phồn hoa, cửa quyền (Ta đại, ta tìm nơi vắng vẻ/Người khôn, người đến chốn lao xao).

+ An nhiên hòa hợp với tự nhiên (Thu ăn măng trúc, đông ăn giá/Xuân tắm hồ sen, hạ tắm ao).

+ Xem công danh, phú quý tựa như giấc chiêm bao (Rượu, đến cội cây, ta sẽ uống/Nhìn xem phú quý tựa chiêm bao).

- Nghệ thuật thể hiện chí và tình: Thể thơ thất ngôn bát cú; ngôn ngữ trong sáng; hình ảnh giản dị, gần gũi với cuộc sống hàng ngày; cách ngắt nhịp độc đáo; sử dụng điển tích chọn lọc; giọng thơ nhẹ nhàng, thâm trầm, sâu sắc; chất trữ tình kết hợp chất triết lí nhuần nhuyễn... đã khiến cái chí của tác giả được thể hiện rất tình, có khả năng tác động sâu sắc đến tâm hồn người đọc.

3. Bình luận

- Ý kiến đã đề cập đến mối quan hệ mật thiết giữa chí và tình trong thơ: quan hệ tác động qua lại, bổ sung hỗ trợ cho nhau.

+ Cái chí nâng tầm vóc, vai trò của thơ ca trong đời sống.

+ Cái tình làm cho cái chí tỏa sáng, động lại trong trái tim người đọc.

- Hai bài thơ Cảnh ngày hè và Nhân được viết nên từ chí và tình của những nhà nho có tư tưởng tiến bộ là minh chứng tiêu biểu cho quan điểm của Nhữ Bá Sĩ. Cảnh ngày hè và Nhân cũng như tên tuổi của hai tác giả luôn bất tử với thời gian.

- Ý kiến là bài học ý nghĩa:

- + Với người sáng tác: tác phẩm văn học chỉ đọng lại nơi người đọc khi nó chứa đựng những tư tưởng, triết lí sống đáng quý cùng một tình cảm thiết tha, mãnh liệt của người sáng tạo; chí và tình cần được thể hiện bằng những phương tiện nghệ thuật phù hợp.
- + Với người tiếp nhận: cần thông qua các phương tiện nghệ thuật của tác phẩm và bằng tấm lòng đồng cảm, tri âm với người viết để hiểu được giá trị tư tưởng của tác phẩm; trân trọng tài năng của tác giả; bồi dưỡng tâm hồn vươn đến Chân - Thiện - Mĩ.
- Ý kiến không chỉ đúng với thơ mà còn đúng với các thể loại văn học khác (khuyến khích).

CHUYÊN ĐỀ LÍ LUẬN: TRUYỆN

Phần 1: KHÁI LƯỢC VỀ TRUYỆN

I. KHÁI NIỆM

- Truyện là thể loại văn học có phương thức trình bày một chuỗi sự việc, từ sự việc này đến sự việc kia, cuối cùng dẫn đến một kết thúc, thể hiện một ý nghĩa. Tự sự giúp người đọc và người nghe có thể hiểu rõ sự việc, con người, hiểu rõ vấn đề, từ đó bày tỏ thái độ khen chê. Tự sự rất cần thiết trong cuộc sống, trong giao tiếp, trong văn chương.

- Đặc điểm:

+ Tác phẩm tự sự phản ánh đời sống khách quan thông qua các sự kiện, hệ thống sự kiện: thể hiện một bức tranh khách quan về thế giới, về những gì tồn tại bên ngoài người trần thuật, không phụ thuộc và ý muốn và tình cảm của họ. Tất cả những sự việc, sự kiện, biến cố bên ngoài hay những cảm xúc, tâm trạng, ý nghĩ bên trong được nhà văn xem như đối tượng để phân tích.

+ Tác phẩm tự sự có khả năng phản ánh hiện thực một cách rộng lớn, bao quát: trong tác phẩm tự sự, không gian và thời gian không bị hạn chế. Nhân vật tự sự được khắc họa đầy đủ, nhiều mặt, triển khai sâu rộng trong nhiều mối quan hệ đa dạng và phong phú. Nhân vật được khắc họa từ ngoại hình đến nội tâm, cả quá khứ, hiện tại và tương lai.

+ Tác phẩm tự sự luôn luôn có hình tượng người kể chuyện: làm nhiệm vụ tường thuật, kể chuyện để phân tích, nghiên cứu, kêu gọi, bình luận, cất nghĩa những quan hệ phức tạp giữa nhân vật và nhân vật, giữa nhân vật và hoàn cảnh... Trong tác phẩm tự sự, hình tượng người trần thuật giữ một vai trò hết sức quan trọng và luôn luôn muốn hướng dẫn, gợi ý cho người đọc nên hiểu nhân vật, hoàn cảnh. như thế nào.

+ Lời văn trong tác phẩm tự sự: chủ yếu là lời văn kể chuyện, miêu tả.

II. CÁC THỂ LOẠI

1. Truyện ngắn:

Truyện ngắn là một thể loại văn học. Nó thường là các câu chuyện kể bằng văn xuôi và có xu hướng ngắn gọn, súc tích và hàm nghĩa hơn các câu truyện dài như tiểu thuyết. Thông thường truyện ngắn có độ dài chỉ từ vài dòng đến vài chục trang, trong khi đó tiểu thuyết rất khó dừng lại ở con số đó. Vì thế, tình huống truyện luôn là vấn đề quan trọng bậc nhất của nghệ thuật truyện ngắn. Truyện ngắn thường chỉ tập trung vào một tình huống, một chủ đề nhất định. Trong khi đó, tiểu thuyết chứa được nhiều vấn đề, phủ sóng được một diện rộng lớn của đời sống. Do đó, truyện ngắn thường hết sức hạn chế về nhân vật, thời gian và không gian trong truyện ngắn cũng không trải dài như tiểu thuyết. Đôi khi truyện ngắn chỉ là một khoảnh khắc của cuộc sống.

2. Tiểu thuyết:

Tiểu thuyết là một thể loại văn xuôi có hư cấu, thông qua nhân vật, hoàn cảnh, sự việc để phản ánh bức tranh xã hội rộng lớn và những vấn đề của cuộc sống con người, biểu hiện tính chất tường thuật, tính chất kể chuyện bằng ngôn ngữ văn xuôi theo những chủ đề xác định.

+ Tiểu thuyết có nhiều dạng thức kết cấu tùy theo yêu cầu của đề tài, chủ đề hoặc theo sở trường của người viết. Thậm chí người ta còn cho rằng, về nguyên tắc, tiểu thuyết không có một hình thức thể loại hoàn kết, bởi vì nó là “sử thi của thời đại chúng ta”, tức là sử thi của cái hiện tại, cái đang hàng ngày hàng giờ đổi thay.

+ Tuy thường gặp những kết cấu chương hồi, kết cấu tâm lý, kết cấu luận đề, kết cấu đơn tuyến, kết cấu đa tuyến v.v. tiểu thuyết vẫn không chịu được những chế định chặt chẽ, nó không có quy phạm cố định và người viết thậm chí có thể phá vỡ những khuôn mẫu sẵn có để vận dụng một cách linh hoạt và sáng tạo các hình thức kết cấu khác nhau. Kết cấu cho phép tạo nên một diện mạo chung nhất về tiểu loại: tiểu thuyết chương hồi, tiểu thuyết tâm lý, tiểu thuyết luận đề, tiểu thuyết đa thanh v.v.

- Có hai cách để phân biệt truyện ngắn hay tiểu thuyết:

+ Căn cứ theo số trang mà truyện có thể in ra.

+ Căn cứ theo cách viết của cả truyện: Tiểu thuyết hay truyện dài thì cứ triển miên theo thời gian, đôi khi có quãng hồi ức trở ngược lại. Truyện ngắn thì gây cho người đọc một cái nút, một khúc mắc cần giải đáp. Cái nút đó càng ngày càng thắt lại đến đỉnh điểm thì đột ngột cởi tung ra, khiến người đọc hả hê, hết băn khoăn.

III. CÁC ĐẶC TRƯNG

1. Sự kiện (biến cố)

- Sự kiện là những sự việc xảy ra trong đời sống, là những hành động, việc làm, những sự gặp gỡ... có khả năng làm bộc lộ bản chất nhân vật, thay đổi mối quan hệ người và người, làm thay đổi cảm xúc, tình cảm, nhận thức, thậm chí số phận nhân vật. Ví như sự kiện Tấm bị Cám lừa, lấy hết giỏ tép. Sự kiện này chứng tỏ bản chất lừa đảo, độc ác của Cám, vừa thể hiện bản tính thật thà, đôn hậu của Tấm, vừa tạo điều kiện để Tấm gặp Bụt. Hoặc như để kể về một người xấu như Lí Thông, người ta kể những sự kiện như hấn kết nghĩa anh em với Thạch Sanh, rồi lừa chàng đi gác miếu trăn trỉnh nhằm lấy thân chàng thế mạng cho hấn...

- Sự kiện thường là cái không bình thường (cho nên còn gọi là biến cố) trong đời sống nhân vật. Chính vì cái không bình thường ấy, đã khiến nhân vật phải suy nghĩ, phải cảm xúc, thậm chí phải đấu tranh, dằn vặt, phải tự ý thức... để sau đó buộc nhân vật phải có những hành động, ứng xử phù hợp tiếp theo. Có những sự kiện nhỏ, có những sự kiện lớn trong cuộc đời nhân vật, song tất cả đều làm cho bản chất sâu kín của nhân vật hiện lên rõ nét. Cái không bình thường của sự kiện thường xảy ra một cách bất ngờ, đột ngột, có thể phá vỡ trật tự vốn đang tồn tại, làm cho sự kiện trở thành cái lạ lùng, “thậm chí một cảnh tượng xưa nay chưa từng có”, ví như sự kiện cho chữ trong *Chữ người tử tù* của Nguyễn Tuân vậy.

- Sự kiện, về bản chất, là sản phẩm của mối quan hệ con người và hoàn cảnh, môi trường, cho nên nó có khả năng phản ánh cuộc sống một cách toàn diện. Qua sự kiện, có thể biết được các mối quan hệ của con người. Ví dụ, chuỗi sự kiện trong *Truyện Kiều* đã cho thấy mối quan hệ của người dân với hệ thống quan lại, của gái lầu xanh với chủ chứa, nông dân khởi nghĩa với triều đình... Bên cạnh đó, là mối quan hệ con người và môi trường: những đoạn tả cảnh thiên nhiên, tả đồ vật... thường được miêu tả rất cụ thể, chi tiết.

- Sự kiện còn là kết quả của mối dây liên hệ của con người đối với thế giới. Cho nên,

theo mối liên hệ của các sự kiện mà tác giả tự sự có thể mở rộng không gian - thời gian không hạn chế. Vì vậy, một tác phẩm có thể miêu tả một khoảng khắc, nhưng cũng có thể miêu tả cả một đời người, thậm chí nhiều thế hệ. Ông khách ở quê ra khiến người kể chuyện nhớ lại toàn bộ chuyện về cuộc đời của ông lão Khủng với mọi thăng trầm của đời người cũng như của cả một vùng đất (*Khách ở quê ra* - Nguyễn Minh Châu).

Người đời thường nhắc đến những sự kiện văn học nổi tiếng với những giá trị xã hội và nhân sinh sâu sắc: Ô-đi-xê lưu lạc mười năm, Từ Thức gặp tiên; Thúy Kiều bán mình chuộc cha; Phăng-tin bán tóc, bán răng, bán thân nuôi con; Chí Phèo đời được làm người lương thiện, anh Tràng nhất được vợ... Các sự kiện văn học nổi tiếng này thường có sức hấp dẫn đặc biệt.

2. Cốt truyện

- Có hai cách hiểu về khái niệm cốt truyện. Một là, cốt truyện là hạt nhân cơ bản của câu chuyện với trật tự các sự kiện theo tuyến tính. Với nghĩa này, các nhà nghiên cứu thường gọi đó là khung cốt truyện. Hai là, cốt truyện đã được nghệ thuật hóa nằm những mục đích tư tưởng và thẩm mỹ nhất định: đan xen các tuyến nhân vật, phát triển các thành phần phụ, đảo lộn trật tự thời gian, lắp ghép các môtip, đầu cuối tương ứng... Với nghĩa này, người ta dùng khái niệm truyện kể. Ở đây, chúng ta nói đến cốt truyện là nói đến cốt truyện đã được nghệ thuật hóa. Cốt truyện là chuỗi sự kiện có tính liên tục trước sau, có quan hệ nhân quả hoặc có liên hệ về ý nghĩa, vừa có tác dụng biểu hiện tính cách, số phận nhân vật, vừa xây dựng bức tranh đời sống hiện thực, vừa là yếu tố gây hấp dẫn cho người đọc.

- Tiến trình các sự kiện sẽ tạo thành cốt truyện. Bình thường, đứng về cấu trúc cơ bản và truyền thống, cốt truyện thường có các thành phần cơ bản như: trình bày, thắt nút, phát triển, cao trào, mở nút. Trật tự cốt truyện thường được kể theo trật tự tuyến tính, theo dòng lịch sử. Trong truyện tự sự hiện đại, năm thành phần cơ bản này có thể thiếu vắng một thành phần nào đó và việc kể chuyện có thể không theo trật tự trước sau của câu chuyện, mà có sự đảo ngược, xen lẫn các thành phần.

- Ngoài ra, còn có thể có những dạng cốt truyện phổ biến như: truyện lồng trong truyện. Trong truyện *Lão Hạc* của Nam Cao, có cốt truyện ông lão buộc phải bán con chó mình yêu quý và cốt truyện về ông giáo lúc đầu không hiểu sau dần dần hiểu được ông lão hàng xóm của mình. Truyện *Một nghìn lẻ một đêm* xứ Ba Tư chính là một kiểu chồng chất các câu chuyện nằm trong chuyện. Có truyện lặp lại, đầu cuối tương ứng (*Chí Phèo* - Nam Cao).

+ Truyện xây dựng trên một môtip. Đặc biệt ở truyện cổ tích, những môtip phối hợp với nhau hình thành mối liên hệ chủ đề của tác phẩm.

+ Cốt truyện ở đây được xem là sự tổng hợp các môtip theo kế tục thời gian và nhân quả. Cốt truyện trữ tình là câu chuyện không có sự kiện gì đặc biệt mà chủ yếu dựa theo cảm xúc của nhân vật (*Dưới bóng hoàng lan*, *Hai đứa trẻ* - Thạch Lam). Đó là loại truyện kể về thế giới nội tâm nên sự kiện chính là sự kiện nội tâm (sự kiện bên trong, sự kiện tâm trạng).

- Cốt truyện thường mang những chức năng sau: Tạo thành lịch sử cuộc đời nhân vật với những thăng trầm, biến đổi. Cốt truyện *Tám Cám* cho thấy số phận của một cô gái quê nghèo, hiền lành, chăm chỉ, trải qua bao khó khăn, vất vả, thậm chí phải chết đi sống lại nhiều lần, để cuối cùng có được một hạnh phúc lâu dài. Cốt truyện còn góp phần bộc lộ xung đột, mâu thuẫn của con người, có ý nghĩa nhân sinh. Cốt truyện *Cây khế* có những sự kiện có vẻ như trùng lặp nhưng cuối cùng dẫn đến hai kết cục hoàn toàn khác biệt do cách ứng xử nhân sinh khác biệt với từng sự kiện đó. Cốt truyện còn

có nhiệm vụ tạo nên sự hấp dẫn cho câu chuyện, cho nên những phép ngẫu nhiên, bất ngờ, lặp lại, đột ngột, lắp ghép, giả mà như thật... đều làm cho cốt truyện tăng thêm phần hấp dẫn. Cốt truyện phiên lưu cho thấy nhân vật luôn phải tự gỡ mình thoát ra khỏi các tình huống gay gắt. Cốt truyện tài hoa tài tử gặp gỡ bao giờ cũng có những trở ngại và cuối cùng đoàn viên hạnh phúc...

- Ngoài ra, bên cạnh cốt truyện, như là thành phần động, còn có các thành phần khác, mang tính tĩnh tại, có thể gọi là thành phần xen, hay thành phần ngoài cốt truyện. Đây là những thành phần như miêu tả, kể, bình luận, trữ tình, cảnh thiên nhiên, môi trường, giới thiệu lai lịch, khắc họa nội tâm, giới thiệu phong tục... Những thành phần này tuy không đóng vai trò quan trọng trong cốt truyện, nhưng chính nó góp phần làm cho tác phẩm trở thành một sinh mệnh đầy đặn, có sự sống, có linh hồn. Đây là thành phần giàu chất tạo hình và biểu hiện, làm cho văn học có thể so sánh với hội họa, điêu khắc, âm nhạc, cung cấp những bức tranh hấp dẫn, sinh động về hiện thực, vừa giàu khả năng lí giải tường tận tâm lí, hành động nhân vật cũng như các nội dung khác của đời sống. Đoạn miêu tả tiếng đàn của Thúy Kiều, miêu tả không gian đêm về trong truyện *Hai đứa trẻ* (Thạch Lam), sự mở rộng các thành phần tĩnh tại này làm cho tác phẩm tự sự có khả năng trình bày trọn vẹn đầy đặn về cuộc sống, tạo không khí, nhịp điệu, ấn tượng, cách đánh giá và cảm thụ thế giới với những đặc sắc thẩm mĩ. Sự luân phiên các thành phần động (sự kiện), tĩnh (miêu tả, bình luận, kể...) sẽ tạo nên nhịp điệu trần thuật. Nếu tập trung vào sự kiện (thành phần động), nhịp điệu câu chuyện sẽ nhanh, còn tập trung vào thành phần tĩnh, nhịp điệu câu chuyện sẽ trở nên chậm rãi.

3. Người kể chuyện

- Người kể chuyện là chủ thể của hành động kể chuyện, có vai trò như một người chứng kiến, trình bày và sáng tạo trong câu chuyện. Người kể chuyện có thể là chính tác giả nhưng cũng có thể là một vai do tác giả hư cấu giúp tác giả kể lại câu chuyện của mình.

- Người kể chuyện có ngôi kể, vai kể, điểm nhìn, giọng điệu kể, có nhiệm vụ phân tích, nghiên cứu, giải thích, khêu gợi, bình luận, làm sáng tỏ mọi quan hệ phức tạp giữa nhân vật và hoàn cảnh. Thí dụ, người kể chuyện đã giới thiệu, giải thích lai lịch nhân vật trong đoạn mở đầu truyện *Tám Cám*: Tám và Cám là hai chị em cùng cha khác mẹ. Mẹ Tám chết từ hồi Tám mới biết đi. Ít lâu sau, người cha cũng chết. Tám ở với dì ghẻ là mẹ của Cám. Nhân vật này có thể lộ diện, nhưng cũng có thể vô danh, nhưng bao giờ người đọc cũng cảm nhận được linh hồn của người kể chuyện này một cách rõ rệt, gần gũi thông qua lời kể, giọng điệu, điểm nhìn, cách dẫn dắt và phân tích, lí giải cốt truyện...

- Có nhiều cách phân loại người kể chuyện.

+ Theo N. Friednam, trong sách *Điểm nhìn trần thuật* (1967), có thể phân loại người kể chuyện thành những loại như: người kể chuyện biết hết, người kể chuyện không biết hết, là nhân chứng (thường là ngôi), là vai chính (nhân vật kể), người kể toàn năng (dựa vào điểm nhìn nhiều nhân vật), người kể chuyện đơn lẻ (điểm nhìn một nhân vật), người kể camera (không tỏ thái độ chủ quan), người kể quan sát kịch (chỉ thấy hành động).

+ Dựa vào ngôi kể có thể xác định gồm có 2 kiểu người kể chuyện: Thứ nhất, người kể chuyện ngôi thứ nhất xưng tôi, thường là người tham gia trong câu chuyện, là nhân vật trong truyện. Thứ hai là người kể chuyện theo ngôi thứ ba, không tham gia vào câu chuyện, chỉ đứng bên ngoài để kể.

Trong truyện truyền thống, người kể chuyện thường là người đứng ngoài câu

chuyện, hoặc là chính tác giả, thường ít xưng danh. Nhưng trong truyện hiện đại, nhân vật người kể chuyện có thể ở ngôi thứ nhất, xưng tôi, nhân vật này có thể là một nhân vật trong câu chuyện (ông giáo trong truyện *Lão Hạc* - Nam Cao) hoặc ngôi thứ ba (người kể chuyện đứng bên ngoài câu chuyện). Loại nhân vật này có một giọng điệu thể hiện qua cách nhìn, cách cảm thụ, phương thức tư duy, năng lực trí tuệ, tình cảm, bộc lộ qua ngôn ngữ. Như vậy là nhân vật người kể chuyện cũng được cá tính hóa. Chính giọng điệu này đã xác định được phần nào phong cách của tác giả. Ví dụ, lời người kể chuyện trong tác phẩm của Nguyễn Khải luôn có xu hướng phân tích lí giải cặn kẽ cách ứng xử của nhân vật trong các mối quan hệ, còn lời kể chuyện của Thạch Lam luôn chứa đầy những miêu tả cảm giác, mang thiên hướng trữ tình.

4. Điểm nhìn kể chuyện

4.1. Khái niệm

- **Tầm quan trọng của điểm nhìn nghệ thuật:** Tác phẩm văn học nào dù là thơ hay truyện cũng xuất phát từ điểm nhìn cụ thể. Không thể không có tác phẩm văn học nếu không có điểm nhìn và điểm nhìn góp phần quan trọng tạo nên giá trị tác phẩm. Tác giả Nguyễn Thái Hòa trong *Điểm nhìn trong lời nói giao tiếp và điểm nhìn trong nghệ thuật trong truyện* đã khẳng định điểm nhìn điểm bắt đầu và chi phối sâu sắc đến tác phẩm. Đồng thời ông cũng nhận thấy mối quan hệ chặt chẽ giữa điểm nhìn với người kể, tác phẩm và người đọc: “Điểm nhìn nghệ thuật là điểm xuất phát của một cấu trúc nghệ thuật, hơn thế nữa là một cấu trúc tiềm ẩn được người đọc tiếp nhận bằng thao tác suy ý từ các mối quan hệ phức hợp giữa người kể và văn bản, giữa văn bản và người đọc văn bản, giữa người kể và người đọc hàm ẩn”

- **Khái niệm:** Nguyễn Thị Thu Thủy trong cuốn sách *Điểm nhìn và ngôn ngữ trong truyện kể* đã khẳng định điểm nhìn trong truyện kể chi phối tới quá trình quan sát và kể lại: “Điểm nhìn là vị trí, xuất phát điểm mà từ đó hiện thực được quan sát và kể lại”. Tác giả Nguyễn Thị Hoài An trong luận án tiến sĩ của mình khẳng định “*Điểm nhìn nghệ thuật trong tự sự là vị trí, chỗ đứng nhất định để nhìn nhận, xem xét, đánh giá sự vật, hiện tượng ... và sau đó kể, miêu tả, thể hiện chúng bằng hình thức của một tác phẩm nghệ thuật ngôn từ*”. Cần lưu ý rằng vị trí, chỗ đứng không chỉ là vị trí trong không gian, thời gian mà còn là tầm nhận thức, trình độ, văn hóa, lứa tuổi, giới tính, trải nghiệm... của người kể chuyện. Từ điểm nhìn nghệ thuật người kể chuyện xác định thông tin trọng tâm (tiêu điểm) để kể, miêu tả và thể hiện thái độ, bình luận. Mối quan hệ giữa chủ thể của điểm nhìn với truyện và tiêu điểm sẽ quyết định ngôi kể trong truyện”.

- **Mối quan hệ của điểm nhìn với đối tượng được nói đến trong tác phẩm:** Điểm nhìn của chủ thể có điểm rơi vào khách thể. Từ điểm nhìn nghệ thuật, chủ thể của điểm nhìn quan sát, kể lại, miêu tả và bình luận khiến đối tượng được nói đến hiện lên sống động. Nhìn chung, khi phân tích tác phẩm theo điểm nhìn nghệ thuật chúng ta phải trả lời cho các câu hỏi: *Người trần thuật là ai? Anh ta miêu tả cái gì? Và dưới cái nhìn của anh ta thì cái được miêu tả hiện ra như thế nào?* Từ đó, điểm nhìn nghệ thuật trong tác phẩm có ý nghĩa quan trọng trong việc giúp người đọc thâm nhập sâu vào tác phẩm trên bình diện nghệ thuật, khám phá một cách sâu sắc giá trị nội dung, tư tưởng mà nhà văn muốn gửi gắm ở đứa con tinh thần của mình.

- Về bản chất điểm nhìn nghệ thuật luôn xuất phát từ điểm nhìn của tác giả và mỗi tác phẩm truyện đều ẩn chứa trong đó hình tượng tác giả. Từ việc phân tích điểm nhìn nghệ thuật của tác phẩm, người đọc còn có thể tìm ra được nét riêng độc đáo trong phong cách nghệ thuật của mỗi nhà văn.

4.2. Phân loại điểm nhìn

- Theo vị trí quan sát của người kể, có thể phân theo điểm nhìn kể chuyện như: điểm nhìn bên ngoài, bên trong; điểm nhìn không gian (xa, gần), điểm nhìn di động (từ đối tượng này sang đối tượng khác), điểm nhìn thời gian (quá khứ, hiện tại, tương lai), điểm nhìn luân phiên (trong, ngoài). Sự luân phiên điểm nhìn này cho thấy sự linh hoạt của các kiểu tổ chức miêu tả và bình luận trong cốt truyện.

- Tuy nhiên, điểm nhìn người kể chuyện thường được phân chia thành ba loại chính: điểm nhìn toàn tri (vô điểm nhìn), điểm nhìn bên ngoài, điểm nhìn bên trong. Ngoài ra, còn có thể kể đến kiểu điểm nhìn di động. Dựa trên tầm nhìn, vai trò của người kể chuyện và mối quan hệ giữa điểm nhìn với tiêu điểm, ngôi nhân xưng, hình thức ngôn ngữ người ta xác định các tiêu chí nhận diện điểm nhìn trong tự sự như sau:

1) Các tiêu chí nhận diện tác phẩm kể chuyện theo điểm nhìn toàn tri

- *Về tầm nhìn và vai trò của người kể chuyện:* Người kể chuyện có khả năng biết hết về câu chuyện, biết nhiều hơn nhân vật và là chủ thể của điểm nhìn. Người kể chuyện không chỉ có vai trò kể lại câu chuyện mà còn có thể bình luận, điều khiển nhân vật.

- *Về ngôi, nhân xưng:*

+ Người kể chuyện thường không xuất hiện (hàm ẩn) hoặc hiếm khi là người kể chuyện tường minh xưng "tôi".

+ Nhân vật thường ở ngôi thứ ba.

- *Về tiêu điểm kể chuyện:* Người kể chuyện có cái nhìn biết hết nên nhân vật có thể được kể từ bên ngoài (ngoại hình, lời nói, hành động) vào bên trong (nội tâm) một cách rõ nét.

- *Về ngôn ngữ kể chuyện:* chủ yếu là lời người kể chuyện, là lời kể gián tiếp.

2) Các tiêu chí nhận diện tác phẩm kể chuyện theo điểm nhìn bên ngoài

- *Về tầm nhìn và vai trò của người kể chuyện:* Người kể chuyện mặc dù vẫn là chủ thể của điểm nhìn nhưng biết ít hơn nhân vật, chỉ có khả năng nhìn nhận từ bên ngoài mà không biết gì về nội tâm bên trong của nhân vật. Người kể chuyện ít có khả năng đánh giá, phán đoán và không có khả năng điều khiển nhân vật.

- *Về ngôi, nhân xưng:*

+ Người kể chuyện không xuất hiện trong tác phẩm, hoàn toàn giấu mình.

+ Nhân vật thường ở ngôi thứ ba.

- *Về tiêu điểm kể chuyện:* Nhân vật chỉ có thể được kể từ bên ngoài bằng ngoại hình, lời nói, hành động.

- *Về ngôn ngữ kể chuyện:* Ngôn ngữ gián tiếp, chủ yếu là ngôn ngữ người kể chuyện. Trong một số tác phẩm ngôn ngữ đối thoại của nhân vật được coi trọng và chiếm một tỉ lệ cao.

3) Các tiêu chí nhận diện tác phẩm kể chuyện theo điểm nhìn bên trong

- *Về tầm nhìn và vai trò của người kể chuyện:* Chủ thể của điểm nhìn là nhân vật. Người kể chuyện có thể là nhân vật kể chuyện mình hoặc nhập thân vào nhân vật để kể chuyện nên chỉ có thể nhìn nhận, kể chuyện, bình luận, lí giải, phán đoán bằng tầm nhìn của một nhân vật.

- *Về ngôi, nhân xưng:* Người kể chuyện đồng thời là nhân vật, có thể xuất hiện trong tác phẩm ở ngôi thứ nhất (với trường hợp người kể chuyện là nhân vật kể chuyện mình) hoặc ngôi thứ ba (với trường hợp người kể chuyện nhập thân vào nhân vật để kể chuyện).

- *Về tiêu điểm kể chuyện:* Tiêu điểm kể chuyện là nội tâm của nhân vật nên truyện kể thường ít sự kiện, ít nhân vật, ít hành động, lời nói.

- *Về ngôn ngữ kể chuyện*: Ngôn ngữ kể chuyện là lời kể trực tiếp với trường hợp người kể chuyện là nhân vật kể chuyện mình hoặc nửa trực tiếp với trường hợp người kể chuyện nhập thân vào nhân vật để kể chuyện.

4) Điểm nhìn di động: Là kiểu kể chuyện mà người kể chuyện tựa vào nhiều điểm nhìn khác nhau để kể chuyện: Trong tác phẩm người kể chuyện di chuyển từ điểm nhìn này sang điểm nhìn khác để kể chuyện. Tiêu biểu cho phương thức kể chuyện này là tác phẩm *Đời thừa*. Ban đầu, người kể chuyện kể chuyện kể từ điểm nhìn của Từ với đối tượng được quan sát và kể, miêu tả là nhân vật Hộ. Sau đó, người kể chuyện lại xuất phát từ điểm nhìn của nhân vật Hộ để quan sát, kể và miêu tả về nhân vật Từ. Điểm nhìn di chuyển như vậy cung cấp một cái nhìn đa chiều về cuộc sống mòn mỏi của người trí thức trong xã hội cũ.

5. Phương thức kể chuyện

Trong nghệ thuật kể chuyện hiện đại, căn cứ vào điểm nhìn nghệ thuật có thể chia thành ba phương thức trần thuật.

5.1. Phương thức kể chuyện thứ nhất: Người kể chuyện giấu mình, không xuất hiện nhưng lại biết tất cả và kể về các nhân vật, sự kiện ... Nhân vật là đối tượng được kể nên thuộc ngôi thứ ba (hắn, y, thị, nó, anh, cụ...).

5.2. Phương thức kể chuyện thứ hai: Nhân vật tự kể chuyện mình xưng tôi, thuộc ngôi thứ nhất kể chuyện về chính mình, về những gì mình biết. Vai trò của anh ta trong tác phẩm vừa là nhân vật vừa là người kể chuyện.

5.3. Phương thức kể chuyện thứ ba: Người kể chuyện giấu mình nhưng chuyển điểm nhìn trần thuật cho nhân vật, điểm nhìn là điểm nhìn nhân vật, lời kể theo giọng điệu của nhân vật thuộc ngôi thứ ba còn gọi là lời nửa trực tiếp. Về bản chất điểm nhìn nghệ thuật luôn xuất phát từ điểm nhìn của tác giả và mỗi tác phẩm truyện đều ẩn chứa trong đó hình tượng tác giả. Tuy nhiên, đặc điểm nghệ thuật của mỗi tác phẩm khi đến với người đọc lại có những hiệu quả khác nhau. Hai phương thức trần thuật thứ nhất và thứ hai chịu chi phối sâu sắc hơn từ điểm nhìn tác giả, còn phương thức trần thuật thứ ba lại cho ấn tượng chủ yếu từ điểm nhìn nhân vật.

Phần 2: CÁC VẤN ĐỀ TRỌNG TÂM VỀ TRUYỆN (Thành các chuyên đề riêng)

ĐIỂM NHÌN NGHỆ THUẬT

1. Khái lược về điểm nhìn nghệ thuật

- *Tầm quan trọng của điểm nhìn nghệ thuật*: Tác phẩm văn học nào dù là thơ hay truyện cũng xuất phát từ điểm nhìn cụ thể. Không thể không có tác phẩm văn học nếu không có điểm nhìn và điểm nhìn góp phần quan trọng tạo nên giá trị tác phẩm. Tác giả Nguyễn Thái Hòa trong *Điểm nhìn trong lời nói giao tiếp và điểm nhìn trong nghệ thuật trong truyện* đã khẳng định điểm nhìn điểm bắt đầu và chi phối sâu sắc đến tác phẩm. Đồng thời ông cũng nhận thấy mối quan hệ chặt chẽ giữa điểm nhìn với người kể, tác phẩm và người đọc: “Điểm nhìn nghệ thuật là điểm xuất phát của một cấu trúc nghệ thuật, hơn thế nữa là một cấu trúc tiềm ẩn được người đọc tiếp nhận bằng thao tác suy ý từ các mối quan hệ phức hợp giữa người kể và văn bản, giữa văn bản và người đọc văn bản, giữa người kể và người đọc hàm ẩn”

- **Khái niệm:** Nguyễn Thị Thu Thủy trong cuốn sách *Điểm nhìn và ngôn ngữ trong truyện kể* đã khẳng định điểm nhìn trong truyện kể chi phối tới quá trình quan sát và kể lại: "Điểm nhìn là vị trí, xuất phát điểm mà từ đó hiện thực được quan sát và kể lại". Tác giả Nguyễn Thị Hoài An trong luận án tiến sĩ của mình khẳng định "*Điểm nhìn nghệ thuật trong tự sự là vị trí, chỗ đứng nhất định để nhìn nhận, xem xét, đánh giá sự vật, hiện tượng ... và sau đó kể, miêu tả, thể hiện chúng bằng hình thức của một tác phẩm nghệ thuật ngôn từ*". Cần lưu ý rằng vị trí, chỗ đứng không chỉ là vị trí trong không gian, thời gian mà còn là tâm nhận thức, trình độ, văn hóa, lứa tuổi, giới tính, trải nghiệm... của người kể chuyện. Từ điểm nhìn nghệ thuật người kể chuyện xác định thông tin trọng tâm (tiêu điểm) để kể, miêu tả và thể hiện thái độ, bình luận. Mối quan hệ giữa chủ thể của điểm nhìn với truyện và tiêu điểm sẽ quyết định ngôi kể trong truyện".

- **Mối quan hệ của điểm nhìn với đối tượng được nói đến trong tác phẩm:** Điểm nhìn của chủ thể có điểm rơi vào khách thể. Từ điểm nhìn nghệ thuật, chủ thể của điểm nhìn quan sát, kể lại, miêu tả và bình luận khiến đối tượng được nói đến hiện lên sống động. Nhìn chung, khi phân tích tác phẩm theo điểm nhìn nghệ thuật chúng ta phải trả lời cho các câu hỏi: *Người trần thuật là ai? Anh ta miêu tả cái gì? Và dưới cái nhìn của anh ta thì cái được miêu tả hiện ra như thế nào?* Từ đó, điểm nhìn nghệ thuật trong tác phẩm có ý nghĩa quan trọng trong việc giúp người đọc thâm nhập sâu vào tác phẩm trên bình diện nghệ thuật, khám phá một cách sâu sắc giá trị nội dung, tư tưởng mà nhà văn muốn gửi gắm ở lứa con tinh thần của mình.

- **Điểm nhìn thể hiện phong cách nhà văn:** Về bản chất điểm nhìn nghệ thuật luôn xuất phát từ điểm nhìn của tác giả và mỗi tác phẩm truyện đều ẩn chứa trong đó hình tượng tác giả. Từ việc phân tích điểm nhìn nghệ thuật của tác phẩm, người đọc còn có thể tìm ra được nét riêng độc đáo trong phong cách nghệ thuật của mỗi nhà văn.

2. Phân loại điểm nhìn nghệ thuật

- Theo vị trí quan sát của người kể, có thể phân theo điểm nhìn kể chuyện như: điểm nhìn bên ngoài, bên trong; điểm nhìn không gian (xa, gần), điểm nhìn di động (từ đối tượng này sang đối tượng khác), điểm nhìn thời gian (quá khứ, hiện tại, tương lai), điểm nhìn luân phiên (trong, ngoài). Sự luân phiên điểm nhìn này cho thấy sự linh hoạt của các kiểu tổ chức miêu tả và bình luận trong cốt truyện.

- Tuy nhiên, điểm nhìn người kể chuyện thường được phân chia thành ba loại chính: điểm nhìn toàn tri (vô điểm nhìn), điểm nhìn bên ngoài, điểm nhìn bên trong. Ngoài ra, còn có thể kể đến kiểu điểm nhìn di động. Dựa trên tầm nhìn, vai trò của người kể chuyện và mối quan hệ giữa điểm nhìn với tiêu điểm, ngôi nhân xưng, hình thức ngôn ngữ người ta xác định các tiêu chí nhận diện điểm nhìn trong tự sự như sau:

2.1. Các tiêu chí nhận diện tác phẩm kể chuyện theo điểm nhìn toàn tri

- **Về tầm nhìn và vai trò của người kể chuyện:** Người kể chuyện có khả năng biết hết về câu chuyện, biết nhiều hơn nhân vật và là chủ thể của điểm nhìn. Người kể chuyện không chỉ có vai trò kể lại câu chuyện mà còn có thể bình luận, điều khiển nhân vật.

- **Về ngôi, nhân xưng:**

+ Người kể chuyện thường không xuất hiện (hàm ẩn) hoặc hiếm khi là người kể chuyện tường minh xưng "tôi".

+ Nhân vật thường ở ngôi thứ ba.

- **Về tiêu điểm kể chuyện:** Người kể chuyện có cái nhìn biết hết nên nhân vật có thể được kể từ bên ngoài (ngoại hình, lời nói, hành động) vào bên trong (nội tâm) một cách rõ nét.

- *Về ngôn ngữ kể chuyện*: chủ yếu là lời người kể chuyện, là lời kể gián tiếp.

2.2. Các tiêu chí nhận diện tác phẩm kể chuyện theo điểm nhìn bên ngoài

- *Về tầm nhìn và vai trò của người kể chuyện*: Người kể chuyện mặc dù vẫn là chủ thể của điểm nhìn nhưng biết ít hơn nhân vật, chỉ có khả năng nhìn nhận từ bên ngoài mà không biết gì về nội tâm bên trong của nhân vật. Người kể chuyện ít có khả năng đánh giá, phán đoán và không có khả năng điều khiển nhân vật.

- *Về ngôi, nhân xưng*:

+ Người kể chuyện không xuất hiện trong tác phẩm, hoàn toàn giấu mình.

+ Nhân vật thường ở ngôi thứ ba.

- *Về tiêu điểm kể chuyện*: Nhân vật chỉ có thể được kể từ bên ngoài bằng ngoại hình, lời nói, hành động.

- *Về ngôn ngữ kể chuyện*: Ngôn ngữ gián tiếp, chủ yếu là ngôn ngữ người kể chuyện. Trong một số tác phẩm ngôn ngữ đối thoại của nhân vật được coi trọng và chiếm một tỉ lệ cao.

2.3. Các tiêu chí nhận diện tác phẩm kể chuyện theo điểm nhìn bên trong

- *Về tầm nhìn và vai trò của người kể chuyện*: Chủ thể của điểm nhìn là nhân vật. Người kể chuyện có thể là nhân vật kể chuyện mình hoặc nhập thân vào nhân vật để kể chuyện nên chỉ có thể nhìn nhận, kể chuyện, bình luận, lí giải, phán đoán bằng tầm nhìn của một nhân vật.

- *Về ngôi, nhân xưng*: Người kể chuyện đồng thời là nhân vật, có thể xuất hiện trong tác phẩm ở ngôi thứ nhất (với trường hợp người kể chuyện là nhân vật kể chuyện mình) hoặc ngôi thứ ba (với trường hợp người kể chuyện nhập thân vào nhân vật để kể chuyện).

- *Về tiêu điểm kể chuyện*: Tiêu điểm kể chuyện là nội tâm của nhân vật nên truyện kể thường ít sự kiện, ít nhân vật, ít hành động, lời nói.

- *Về ngôn ngữ kể chuyện*: Ngôn ngữ kể chuyện là lời kể trực tiếp với trường hợp người kể chuyện là nhân vật kể chuyện mình hoặc nửa trực tiếp với trường hợp người kể chuyện nhập thân vào nhân vật để kể chuyện.

2.4. Điểm nhìn di động: Là kiểu kể chuyện mà người kể chuyện tựa vào nhiều điểm nhìn khác nhau để kể chuyện: Trong tác phẩm người kể chuyện di chuyển từ điểm nhìn này sang điểm nhìn khác để kể chuyện. Tiêu biểu cho phương thức kể chuyện này là tác phẩm *Đời thừa*. Ban đầu, người kể chuyện kể chuyện kể từ điểm nhìn của Từ với đối tượng được quan sát và kể, miêu tả là nhân vật Hộ. Sau đó, người kể chuyện lại xuất phát từ điểm nhìn của nhân vật Hộ để quan sát, kể và miêu tả về nhân vật Từ. Điểm nhìn di chuyển như vậy cung cấp một cái nhìn đa chiều về cuộc sống mòn mỏi của người trí thức trong xã hội cũ.

3. Phương thức kể chuyện

Trong nghệ thuật kể chuyện hiện đại, căn cứ vào điểm nhìn nghệ thuật có thể chia thành ba phương thức trần thuật.

3.1. Phương thức kể chuyện thứ nhất: Người kể chuyện giấu mình, không xuất hiện nhưng lại biết tất cả và kể về các nhân vật, sự kiện ... Nhân vật là đối tượng được kể nên thuộc ngôi thứ ba (hắn, y, thị, nó, anh, cụ...).

2.2. Phương thức kể chuyện thứ hai: Nhân vật tự kể chuyện mình xưng tôi, thuộc ngôi thứ nhất kể chuyện về chính mình, về những gì mình biết. Vai trò của anh ta trong tác phẩm vừa là nhân vật vừa là người kể chuyện.

3.3. Phương thức kể chuyện thứ ba: Người kể chuyện giấu mình nhưng chuyển điểm nhìn trần thuật cho nhân vật, điểm nhìn là điểm nhìn nhân vật, lời kể theo giọng điệu

của nhân vật thuộc ngôi thứ ba còn gọi là lời nửa trực tiếp. Về bản chất điểm nhìn nghệ thuật luôn xuất phát từ điểm nhìn của tác giả và mỗi tác phẩm truyện đều ẩn chứa trong đó hình tượng tác giả. Tuy nhiên, đặc điểm nghệ thuật của mỗi tác phẩm khi đến với người đọc lại có những hiệu quả khác nhau. Hai phương thức trần thuật thứ nhất và thứ hai chịu chi phối sâu sắc hơn từ điểm nhìn tác giả, còn phương thức trần thuật thứ ba lại cho ẩn tượng chủ yếu từ điểm nhìn nhân vật.

LUYỆN ĐỀ

Đề số 1: Một trong những thành công về mặt nghệ thuật trong truyện ngắn “Hai đứa trẻ” của nhà văn Thạch Lam là đã tạo được một điểm nhìn phù hợp. Bằng hiểu biết về tác phẩm, anh/chị hãy làm sáng tỏ.

1. Giải thích

- **Khái niệm:** Nhà nghiên cứu Nguyễn Thị Thu Thủy trong cuốn sách *Điểm nhìn và ngôn ngữ trong truyện kể* đã khẳng định điểm nhìn trong truyện kể chi phối tới quá trình quan sát và kể lại: “Điểm nhìn là vị trí, xuất phát điểm mà từ đó hiện thực được quan sát và kể lại”. Tác giả Nguyễn Thị Hoài An trong luận án tiến sĩ của mình khẳng định “*Điểm nhìn nghệ thuật trong tự sự là vị trí, chỗ đứng nhất định để nhìn nhận, xem xét, đánh giá sự vật, hiện tượng ... và sau đó kể, miêu tả, thể hiện chúng bằng hình thức của một tác phẩm nghệ thuật ngôn từ*”. Cần lưu ý rằng vị trí, chỗ đứng không chỉ là vị trí trong không gian, thời gian mà còn là tầm nhận thức, trình độ, văn hóa, lứa tuổi, giới tính, trải nghiệm... của người kể chuyện. Từ điểm nhìn, chủ thể sẽ hướng cái nhìn vào một đối tượng cụ thể tức là từ điểm nhìn nghệ thuật người kể chuyện xác định thông tin trọng tâm (tiêu điểm) để kể, miêu tả và thể hiện thái độ, bình luận.

- **Tầm quan trọng của điểm nhìn nghệ thuật:** Tác phẩm văn học nào dù là thơ hay truyện cũng xuất phát từ điểm nhìn cụ thể. Không thể không có tác phẩm văn học nếu không có điểm nhìn và điểm nhìn góp phần quan trọng tạo nên giá trị tác phẩm. Đồng thời ông cũng nhận thấy mối quan hệ chặt chẽ giữa điểm nhìn với người kể, tác phẩm và người đọc.

- **Mối quan hệ của điểm nhìn với đối tượng được nói đến trong tác phẩm:** Điểm nhìn của chủ thể có điểm rơi vào khách thể. Từ điểm nhìn nghệ thuật, chủ thể của điểm nhìn quan sát, kể lại, miêu tả và bình luận khiến đối tượng được nói đến hiện lên sống động. Nhìn chung, khi phân tích tác phẩm theo điểm nhìn nghệ thuật chúng ta phải trả lời cho các câu hỏi: *Người trần thuật là ai? Anh ta miêu tả cái gì? Và dưới cái nhìn của anh ta thì cái được miêu tả hiện ra như thế nào?* Từ đó, điểm nhìn nghệ thuật trong tác phẩm có ý nghĩa quan trọng trong việc giúp người đọc thâm nhập sâu vào tác phẩm trên bình diện nghệ thuật, khám phá một cách sâu sắc giá trị nội dung, tư tưởng mà nhà văn muốn gửi gắm ở đứa con tinh thần của mình.

- Điểm nhìn nghệ thuật sẽ chi phối phương thức kể chuyện dẫn đến những phương thức kể chuyện khác nhau, ngôi kể khác nhau...

- **Điểm nhìn thể hiện phong cách nhà văn:** Về bản chất điểm nhìn nghệ thuật luôn xuất phát từ điểm nhìn của tác giả và mỗi tác phẩm truyện đều ẩn chứa trong đó hình tượng tác giả. Từ việc phân tích điểm nhìn nghệ thuật của tác phẩm, người đọc còn có thể tìm ra được nét riêng độc đáo trong phong cách nghệ thuật của mỗi nhà văn.

2. Điểm nhìn trong tác phẩm “Hai đứa trẻ”

2.1. Điểm nhìn của ai?

Trong tác phẩm nhà văn đã lựa chọn được điểm nhìn rất phù hợp với câu chuyện. Tác phẩm được kể chuyện từ điểm nhìn của nhân vật Liên là một cô bé có tâm hồn nhạy cảm. Hoàn cảnh và trải nghiệm của Liên có ảnh hưởng đến điểm nhìn là gia đình vốn ở Hà Nội, vì thầy Liên mất việc, gia đình sa sút nên phải về quê. Mẹ Liên làm nghề hàng xáo và giao cho hai chị em trông coi một gian hàng tạp hóa nhỏ thuê lại của bà lão móm. Cuộc sống hàng ngày ở nơi phố huyện nghèo nàn, bế tắc, tù đọng đã khiến tâm hồn Liên trở nên có nhiều suy tư.

2.2. Miêu tả cái gì? Và dưới cái nhìn của anh ta thì cái được miêu tả hiện ra như thế nào? Điểm nhìn kể chuyện đã dẫn đến kiểu phương thức kể chuyện nhà văn giấu mình và dựa vào điểm nhìn của nhân vật để kể chuyện. Bởi vậy trong tác phẩm nhà văn có thể:

+ Trước hết đó là điểm nhìn thể hiện trong không gian, thời gian. Khách thể chịu sự chi phối của điểm nhìn nghệ thuật là bức tranh thiên nhiên và cuộc sống con người ở phố huyện nghèo từ lúc chiều muộn đến lúc đêm khuya.

+ Đi sâu vào mọi ngõ ngách nội tâm của nhân vật để miêu tả cảm nhận, tâm trạng của Liên trước bức tranh thiên nhiên, đời sống và tâm trạng đợi tàu, tâm trạng khi đoàn tàu đi qua.

a. Bức tranh thiên nhiên, đời sống hiện lên qua điểm nhìn của nhân vật Liên

(Điểm nhìn trong không gian, thời gian)

- Bức tranh thiên nhiên và cuộc sống con người lúc chiều muộn
- Bức tranh thiên nhiên và cuộc sống con người lúc đêm tối

b. Thế giới nội tâm của nhân vật Liên

(Điểm nhìn xuất phát từ cảm xúc, tư tưởng, trải nghiệm, vốn sống... của một cô bé có tâm hồn nhạy cảm)

- Tâm trạng lúc chiều muộn
- Tâm trạng lúc đêm tối
- Tâm trạng khi chờ tàu
- Tâm trạng khi tàu đến
- Tâm trạng khi tàu qua

3. Điểm nhìn thể hiện phong cách nghệ thuật nhà văn Thạch Lam và chiều sâu nội dung, tư tưởng

- “Hai đứa trẻ” của Thạch Lam là một truyện ngắn tiêu biểu cho phong cách nghệ thuật của Thạch Lam. Lựa chọn điểm nhìn nghệ thuật của một nhân vật nhà văn đã nhập thân vào nhân vật, tựa vào nhân vật để kể chuyện, kể, tả, bình luận với tầm nhìn của nhân vật. Vì thế truyện ít sự kiện, hành động, không có cốt truyện, không tạo ra những tình huống truyện éo le, nghịch cảnh mà đi sâu vào thế giới nội tâm của hai đứa trẻ, đặc biệt là của nhân vật Liên với những rung động, cảm xúc mơ hồ, mong manh mà thật tinh tế. Lối viết văn mềm mại, trữ tình, trong sáng, giàu hình ảnh và nhạc điệu cùng các hình ảnh có tính biểu tượng rất hấp dẫn. Tác phẩm như một “bài thơ trữ tình đượm buồn”, là một tiếng nói trữ tình thâm kín, nhẹ nhàng nhưng thấm thía vô cùng.

- Thể hiện chiều sâu tư tưởng, nội dung và quan điểm văn chương tiến bộ của Thạch Lam: Thông qua tâm trạng đợi tàu của chị em Liên và Anh, tác phẩm thể hiện giá trị hiện thực, tư tưởng nhân đạo sâu sắc và kín đáo thể hiện tinh thần yêu nước. Nhà văn thể hiện sự quan tâm đến cuộc sống của những con người nghèo khổ, muốn văn chương trở thành thứ vũ khí thanh cao và đặc lực làm cho cuộc sống con người trở nên tốt đẹp hơn.

Đề số 2: Thử áp dụng lí thuyết *Điểm nhìn* vào việc giảng dạy các tác phẩm văn học trong nhà trường : “Những đứa con trong gia đình” của Nguyễn Thi và “Chiếc thuyền ngoài xa” của Nguyễn Minh Châu.

1. “Những đứa con trong gia đình” của Nguyễn Thi

Trong chương trình Văn học nhà trường có lẽ nghệ thuật kể chuyện trong truyện ngắn “Những đứa con trong gia đình” của Nguyễn Thi được tìm hiểu nhiều nhất và được xem là đặc sắc nhất. Nếu “Rừng xà nu” của Nguyễn Trung Thành chủ yếu kể chuyện theo phương thức thứ nhất và chủ yếu từ điểm nhìn người kể chuyện thì “Những đứa con trong gia đình” lại kể chuyện theo phương thức kể chuyện thứ ba và kể theo điểm nhìn của nhân vật. Câu chuyện có cốt truyện khá đơn giản kể về một gia đình nông dân Nam Bộ yêu nước, các thành viên trong gia đình không chỉ gắn bó với nhau bằng tình cảm ruột thịt mà còn bằng truyền thống căm thù giặc, gan góc, khát khao đánh giặc, giàu tình nghĩa, thủy chung, son sắt với cách mạng. Trong tác phẩm nhà văn hoàn toàn giấu mặt và dường như đã trao ngòi bút của mình cho nhân vật để nhân vật tự viết về mình và kể về các thành viên khác trong gia đình. Ngôi kể và điểm nhìn nghệ thuật của tác phẩm có thể được mô hình hóa như sau: NKC = NV = Việt (ngôi 3).

Điểm nhìn nghệ thuật trong tác phẩm là của một nhân vật duy nhất. Điểm nhìn nghệ thuật chỉ thay đổi theo không gian, thời gian và diễn biến tâm lý của nhân vật. Theo dòng ý thức của nhân vật Việt thời gian có độ lùi về quá khứ. Điểm nhìn ban đầu là điểm nhìn của thời hiện tại khi Việt đã được đồng đội tìm thấy và đang điều trị vết thương trong một bệnh viện dã chiến. Từ đây Việt mới hồi tưởng lại lúc bị thương nằm một mình ngoài chiến trường. Điểm nhìn thứ nhất vì thế dẫn đến điểm nhìn thứ hai là điểm nhìn của một chiến sỹ trẻ đã chiến đấu dũng cảm rồi bị thương nặng, trong giờ phút giao tranh giữa sự sống và cái chết anh nhớ về gia đình bằng những ấn tượng sâu đậm nhất. Điểm nhìn nghệ thuật sau đó lại lùi về quá khứ xa hơn, làm sống lại những kỷ niệm với những người thân ngày Việt còn ở nhà.

Ở đây NT kể chuyện của nhà văn ít nhiều chịu ảnh hưởng NTKC của các nhà tiểu thuyết phương Tây hiện đại trong vấn đề tái hiện dòng ý thức. Sự thay đổi điểm nhìn nhân vật đã làm xáo trộn không gian, thời gian truyện, làm câu chuyện không diễn biến thông thường theo trình tự thời gian mà theo dòng hồi tưởng, cảm xúc, đan xen quá khứ và hiện tại, từ những chi tiết ngẫu nhiên của thực tế chiến trường như “trời lát phát mưa”, “tiếng éch nhái kêu dậy lên” (14, tr.295), “Tiếng trực thăng phành phạch”, “mùi nắng” (14, tr.297), “tiếng chim cu rừng gù gù” (14, tr.298)... mà gợi ra những dòng hồi tưởng khi gần, khi xa, từ chuyện này sang chuyện khác một cách tự nhiên, tạo được cả không gian nghệ thuật dồn nén và làm cho tác phẩm trở nên giàu kịch tính.

Tài năng của nhà văn Nguyễn Thi là đã chọn được phương thức kể chuyện theo điểm nhìn nhân vật rất phù hợp với chủ đề của tác phẩm. Qua dòng hồi tưởng của Việt, các nhân vật là các thành viên khác trong gia đình dù chỉ xuất hiện rất ít trong tác phẩm cũng trở nên sống động, tạo được ấn tượng khó quên. Bên cạnh đó điểm nhìn nghệ thuật còn chi phối cách lựa chọn các chi tiết điển hình thể hiện tính cách Nam bộ, thẳng thắn, bộc trực, lạc quan yêu đời, giàu tình nghĩa nhưng căm thù ngùn ngụt với quân cướp nước. Ở họ có phẩm chất của người Nam bộ trong cuộc kháng chiến chống Mỹ gan góc, dũng cảm như thể được sinh ra để cầm súng giết giặc. Khi có tâm trạng họ thường gửi gắm tâm sự qua tiếng hát, câu hò, thường kể Lục Vân Tiên hoặc ca sáu câu vọng cổ. Tính cách Nam bộ điển hình thể hiện rõ nhất qua nhân vật chú Năm. Người đọc hẳn sẽ

nhớ mãi những từ ngữ Nam bộ chỉ khi thốt qua miệng chú Năm mới trở nên cực kỳ hấp dẫn như “*trọng trọng*” (14, tr.295), “*thỏn mỏn*” (14, tr.302). Nhớ mãi cuốn sổ gia đình như một thứ gia phả sống, một cuốn biên niên lịch sử mà chú là tác giả. Trong cuốn sổ ấy bằng nét chữ còng còng, lời văn mộc mạc và những chi tiết tưởng chừng rất nhỏ nhặt chú ghi lại những tội ác mà bọn giặc gây ra cho gia đình, những chiến công của từng thành viên trong gia đình trong việc đánh giặc. Nhớ mãi cả giọng hò “*đã đục và tức như gà gáy*” (14, tr.296), chú hò về cuộc đời cơ cực của chú và những chiến công của đất này. Mỗi khi chú hò gân cổ chú nổi đóm lên, mắt mở to đọng nước, tay chú đặt lên vai Việt, mắt nhìn thẳng vào mắt Việt như nhấn nhủ điều gì... Những chi tiết nghệ thuật ấy được thể hiện qua điểm nhìn nghệ thuật phù hợp khiến nhân vật trở nên rất gần gũi, chân thật. Việc phân tích tác phẩm theo điểm nhìn của nhân vật Việt, còn giúp học sinh hiểu sâu thêm về các nhân vật như: má Việt, Chị Chiến ...

Lợi thế của nghệ thuật kể chuyện theo điểm nhìn nhân vật ở đây là nhà văn có thể thâm nhập vào các góc ngách tâm lý nhân vật, làm cho cho truyện giàu tính gợi cảm, có tác động mạnh mẽ đến cảm xúc người đọc. Từ trạng thái tâm lý của Việt lúc tỉnh lúc mê, chập chờn như những giấc mơ đối tượng được miêu tả dần dần mở rộng. Cụ thể lần thứ hai tỉnh lại Việt nhớ chú Năm, lần thứ ba nhớ về người mẹ và lần thứ tư chủ yếu nhớ đến chị Chiến. Có thể nói, nhà văn Nguyễn Thi đã miêu tả một cách xuất sắc tâm lý nhân vật, trong những biến thái sinh động và tinh tế, trong đó đặc biệt chú ý đến tác động của ngoại cảnh trong việc khơi gợi mạch hồi ức về gia đình.

Mặt khác, từ điểm nhìn nhân vật, nhà văn còn tạo ra được những đoạn văn độc thoại và đối thoại cực kỳ hấp dẫn, đó là đoạn đối thoại giữa hai chị em Việt và Chiến trong đêm trước khi lên đường đi bộ đội và nhất là đoạn văn miêu tả cảnh hai chị em khiêng bàn thờ má sang nhà chú Năm. Ở hai đoạn văn này nhà văn Nguyễn Thi đã thể hiện được cá tính cũng như thâm nhập rất sâu vào tâm lý nhân vật.

Nhìn chung, khi trần thuật theo điểm nhìn nhân vật, nhà văn phải thông hiểu ngôn ngữ, giọng điệu của nhân vật. Từ điểm nhìn của Việt, các nhân vật là những thành viên khác trong gia đình được xưng hô một cách gần gũi, theo vai vế và gợi tình ruột thịt thiêng liêng. Ví dụ nhân vật ông Năm = chú Năm, nhân vật má Việt = má, nhân vật Chiến = Chị Chiến... Điểm nhìn của người Nam bộ làm ngôn ngữ địa phương xuất hiện khá nhiều trong tác phẩm với những từ ngữ như: tía, ba, má, cây thơm, miếng, trái... Giọng điệu của tác phẩm cũng là giọng điệu nhân vật, mang thần hồn thần tính của anh chàng Việt trẻ con, vô tư, lộc ngộc. Từ đó người học có thể tiếp cận ngôn ngữ, giọng điệu của tác phẩm với tư cách là một biểu hiện của phong cách nghệ thuật.

Tóm lại, trong truyện ngắn “Những đứa con trong gia đình” nhà văn Nguyễn Thi đã tạo được một điểm nhìn nghệ thuật sắc sảo. Cách trần thuật theo điểm nhìn nhân vật đã đem đến cho tác phẩm nhiều giá trị nghệ thuật đặc sắc, đặc biệt có tác dụng làm nổi bật nội dung tư tưởng của tác phẩm. Chính sự hòa quyện giữa tình cảm gia đình với tình yêu quê hương, đất nước, tình yêu cách mạng, giữa truyền thống gia đình với truyền thống dân tộc đã tạo nên sức mạnh tinh thần to lớn cho người Việt Nam đi đến chiến thắng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ.

2. “Chiếc thuyền ngoài xa” của Nguyễn Minh Châu

Trong các truyện ngắn được đưa vào chương trình Văn 12 ban cơ bản chỉ có truyện ngắn “Chiếc thuyền ngoài xa” của nhà văn Nguyễn Minh Châu là ra đời sau năm 1975. Truyện được kể theo phương thức trần thuật thứ hai và cũng là tác phẩm có nghệ thuật kể chuyện đặc sắc trong chương trình văn học ở nhà trường. Người kể chuyện cũng là nhân vật chính trong tác phẩm, xưng tôi và kể lại những chuyện mà mình đã

chứng kiến và đã tham gia, hơn nữa còn bày tỏ cả những suy nghĩ, đánh giá và cảm xúc. Điểm nhìn nghệ thuật là điểm nhìn của nhân vật, của nhà nhiếp ảnh Phùng, người nghệ sĩ say mê cái đẹp cũng là một người lính từ chiến trường trở về làm cho câu chuyện trở nên tự nhiên, chân thật. Điều này có tác dụng rút ngắn khoảng cách giữa người đọc và tác phẩm. Mô hình về ngôi kể, điểm nhìn nghệ thuật và nhân vật trong tác phẩm có thể khái quát: Nhà văn = NKC = NV = Tôi (ngôi 1). Theo điểm nhìn đó các nhân vật khác đều thuộc ngôi thứ ba. Chẳng hạn: người đàn bà = chị, người đàn ông = lão, thằng Phác = nó, Đầu = anh...

Điểm nhìn nghệ thuật của tác phẩm chủ yếu là điểm nhìn của nhân vật Phùng = Tôi = NKC. Điểm nhìn ấy trước hết là điểm nhìn của người nghệ sĩ say mê và tìm kiếm cái đẹp nên khi tìm thấy cái đẹp, Phùng hoàn toàn choáng ngợp trước cảnh vật thiên nhiên mà anh cho là cảnh trời cho, cả đời bấm máy anh mới gặp một lần. Điểm nhìn tiếp theo là điểm nhìn của người ngoài cuộc chứng kiến cảnh bạo lực trong gia đình hàng chài. Điểm nhìn của một người lính từ chiến trường trở về, đã từng phải vào sinh ra tử để bảo vệ đất nước, vì cuộc sống tốt đẹp của con người khiến Phùng không thể chấp nhận cảnh tượng đó. Anh đã xông vào can thiệp để từ đây điểm nhìn của NKC = NV là điểm nhìn của người trong cuộc có những ảnh hưởng nhất định đến diễn biến của câu chuyện.

Từ điểm nhìn nghệ thuật của nhân vật đồng thời là người kể chuyện, thời gian trần thuật được kể theo trật tự tuyến tính, tức là theo trình tự thời gian thông thường làm cho mạch truyện diễn ra tự nhiên, các chi tiết truyện kết nối với nhau một cách hợp lý và chặt chẽ. Bắt đầu từ chuyện Phùng được giao nhiệm vụ đến vùng biển để chụp một bức ảnh về cảnh biển trong một buổi sáng có sương mù. Anh đã đến vùng biển cũng là chiến trường cũ nơi anh từng chiến đấu để chụp ảnh, ở đó anh còn có một người bạn chiến đấu nay làm chánh án tòa án huyện. Tại đây anh có hai phát hiện bất ngờ. Phát hiện thứ nhất là một bức tranh nghệ thuật toàn bích và lãng mạn về cảnh vật thiên nhiên buổi sáng hôm ấy. Phát hiện thứ hai là bức tranh hiện thực đời sống đầy nghiệt ngã về cuộc sống của gia đình hàng chài. Anh đã tham gia vào câu chuyện của gia đình hàng chài và từ trái tim của người nghệ sĩ mang nặng tình đời, tình người anh rút ra những chiêm nghiệm về đời sống và nghệ thuật.

Xét về góc độ *điểm nhìn* thì truyện ngắn “Chiếc thuyền ngoài xa” của Nguyễn Minh Châu và “Rừng xà nu” của Nguyễn Trung Thành đều không tạo dựng cốt truyện theo một điểm nhìn đơn nhất mà xuất phát từ nhiều điểm nhìn khác nhau. Nhưng điểm khác nhau là ở chỗ, trong truyện ngắn này người kể chuyện còn đồng thời là nhân vật. Trong “Chiếc thuyền ngoài xa” ta còn thấy có điểm nhìn của người đàn bà, của Đầu khi họ nói về nhân vật người đàn ông ở tòa án huyện. Điểm nhìn của Đầu là điểm nhìn của một vị chánh án, người bảo vệ công lý, trừng trị cái xấu và cái ác. Trong mắt anh người đàn ông là kẻ độc ác không thể chấp nhận được. Nhưng từ điểm nhìn của người đàn bà xấu xí, thất học và cam chịu thì ông ta là người ơn vì đã lấy chị, vì đã giúp chị nuôi đàn con. Theo người đàn bà ông ta là nạn nhân của cuộc sống đói nghèo, thậm chí chị còn cho rằng về bản chất ông ta là người “*cực tính nhưng hiền lành lắm*” (9, tr. 75)...Chính vì xuất phát từ nhiều điểm nhìn khác nhau mà sự phản ánh hiện thực được thể hiện một cách khách quan và phong phú. Để rồi từ chỗ nhìn nhận về sự việc, nhân vật ở nhiều góc độ xa và gần, bên ngoài và bên trong và từ nhiều phía nhà văn Nguyễn Minh Châu đã bộc lộ nhìn nhận của mình về cuộc đời và con người. Cuộc đời hóa ra không hề đơn giản, xuôi chiều mà nhiều khi rất phức tạp, bản chất của cuộc đời là đa sự và con người

thì đa đoan. Vì vậy con người cần có cái nhìn đa diện, nhiều chiều để nhận ra bản chất bên trong của đời sống và con người. Điều đó làm tăng giá trị nhận thức cho tác phẩm.

Truyện được kể từ điểm nhìn của nhân vật nên diễn biến sự kiện mang đậm tính chủ quan. Ở đây, nhân vật phải có cái nhìn của một nghệ sĩ thì mới có thể cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên một cách trực tiếp *“trước mặt tôi là một bức tranh mực tàu của một danh họa thời cổ. Mũi thuyền in một nét mơ hồ lòe nhòe vào bầu sương mù trắng như sữa có pha đôi chút màu hồng hồng do ánh mặt trời chiếu vào. Vài bóng người lớn lẫn trẻ con ngồi im phăng phắc như tượng trên chiếc mũi khum khum, đang hướng mặt vào bờ. Tất cả khung cảnh ấy nhìn qua những cái mắt lưới và tấm lưới nằm giữa hai chiếc gọng vó hiện ra dưới một hình thù y hệt cánh một con dơi, toàn bộ khung cảnh từ đường nét đến ánh sáng đều hài hòa và đẹp, một vẻ đẹp thật đơn giản và toàn bích khiến đứng trước nó tôi trở nên bối rối, trong trái tim như có cái gì bóp thắt vào.”* (9, tr.70) Những tình cảm, cảm xúc và thế giới nội tâm của nhân vật Phùng cũng xuất hiện khá nhiều trong tác phẩm như *“Có lẽ suốt một đời cầm máy ảnh chưa bao giờ tôi được thấy cảnh “đắt” như trời cho như vậy”* (9, tr.70), *“Trong giây phút bối rối tôi tưởng chính mình vừa khám phá thấy cái chân lý của sự toàn thiện, khám phá thấy cái khoảnh khắc trong ngần của tâm hồn”* (9, tr.70), *“Tất cả mọi việc xảy đến khiến tôi kinh ngạc đến mức, trong mấy phút đầu, tôi cứ đứng há mồm ra mà nhìn”* (9, tr.72), *“Quái lạ, tuy là ảnh đen trắng nhưng mỗi lần ngắm kỹ, tôi vẫn thấy hiện lên cái màu hồng hồng của ánh sương mai lúc bấy giờ nhìn thấy từ bãi xe tăng hồng...”* (9, tr.77,78). Khi nhân vật là người kể chuyện thì thái độ, tình cảm của anh ta thường được bộc lộ qua động từ phán đoán hay khẳng định: *“Có lẽ”* (9, tr.70), *“chắc chắn”* (9, tr.71), *“chắc lắm”* (9, tr.71), *“tưởng”* (9, tr.70)... Những động từ này có tác dụng truyền đến cho người đọc những xúc cảm, đánh giá của người kể chuyện.

Có lẽ cũng không phải ngẫu nhiên mà nhà văn Nguyễn Minh Châu đã chọn điểm nhìn người kể chuyện là điểm nhìn của một người lính đã từng vào sinh ra tử ở chiến trường và chọn không gian chuyện ở một vùng biên vốn là chiến trường cũ vẫn còn dấu tích chiến tranh với những chiếc xe tăng hỏng. Điểm nhìn nghệ thuật cũng như không gian nghệ thuật này đã gợi mở thêm giá trị cho tác phẩm, giúp người đọc nhận ra rằng cái nghèo đói, thất học là hậu quả của chiến tranh tàn khốc và cuộc chiến chống lại cái xấu, cái ác để bảo vệ cái đẹp, cái thiện trong đời thường có khi còn cam go hơn việc chiến đấu chống lại kẻ thù trong chiến tranh. Hơn nữa, cũng không phải ngẫu nhiên Nguyễn Minh Châu chọn điểm nhìn của một nghệ sĩ đam mê nghệ thuật, bởi chỉ có như vậy nhà văn mới thể hiện những phát hiện và phát ngôn những triết lý về mối quan hệ giữa cuộc đời và nghệ thuật. Con thuyền nghệ thuật lung linh, huyền ảo và đầy lãng mạn thì ở rất xa còn hiện thực đời sống nhiều khi nghiệt ngã lại ở rất gần. Hãy đừng vì nghệ thuật mà quên cuộc đời vì nghệ thuật chân chính phải là cuộc đời và vì cuộc đời. Người nghệ sĩ tài năng cần biết nhìn cuộc đời bằng cái nhìn đa diện, nhiều chiều, phải là người nhận ra sự thật ẩn khuất sau màn sương huyền ảo, phải tiếp cận sự thật để nhận ra ý nghĩa của cuộc sống và nghệ thuật chân chính.

3. Nguyễn Thi và Nguyễn Minh Châu đều là các nhà văn xuất sắc, có nhiều đóng góp cho Văn học Việt Nam hiện đại. Các truyện ngắn được đưa vào chương trình văn học 12 của cả hai nhà văn đều là những truyện ngắn tiêu biểu, có nội dung và tư tưởng sâu sắc, có giá trị nghệ thuật cao. Điểm nhìn nghệ thuật không chỉ giúp người đọc thâm nhập sâu vào tác phẩm trên bình diện nghệ thuật mà từ đó còn khám phá một cách sâu sắc giá trị nội dung, tư tưởng mà nhà văn muốn gửi gắm ở đứa con tinh thần của mình. Từ việc phân tích điểm nhìn nghệ thuật của tác phẩm người đọc còn có thể tìm ra được

nét riêng độc đáo trong phong cách nghệ thuật của mỗi nhà văn, cao hơn nữa là nhận thức tác phẩm ở góc độ phong cách học và thi pháp học.

NHÂN VẬT TRONG TÁC PHẨM VĂN HỌC

1. Khái niệm

Nhân vật văn học là con người được nhà văn miêu tả trong tác phẩm bằng phương tiện văn học. Những con người này có thể được miêu tả kỹ hay sơ lược, sinh động hay không rõ nét, xuất hiện một hay nhiều lần, thường xuyên hay từng lúc, giữ vai trò quan trọng nhiều, ít hoặc không ảnh hưởng nhiều lắm đối với tác phẩm.

Nhân vật văn học có thể là con người có tên (như Tấm Cám, Thúy Vân, Thúy Kiều, Từ Hải, Kim Trọng...), có thể là những người không có tên (như thằng bán tơ, viên quan, mục quản gia...) hay có thể là một đại từ nhân xưng nào đó (như một số nhân vật xưng tôi trong các truyện ngắn, tiểu thuyết hiện đại, như mình- ta trong ca dao...). Khái niệm con người này cũng cần được hiểu một cách rộng rãi trên 2 phương diện: số lượng: hầu hết các tác phẩm từ văn học dân gian đến văn học hiện đại đều tập trung miêu tả số phận của con người. Về chất lượng: dù nhà văn miêu tả thần linh, ma quỷ, đồ vật...nhưng lại gán cho nó những phẩm chất của con người.

Nhân vật tự sự cũng là yếu tố cơ bản của truyện ngắn và tiểu thuyết. Đó là loại nhân vật có tên tuổi, có lịch sử, có quá trình, có số phận. Khác với nhân vật trữ tình, nhân vật tự sự được tập trung khắc hoạ tương đối cụ thể ở nhiều phương diện: ngoại hình, hành động, nội tâm, và đặc biệt là trong mối quan hệ với các nhân vật khác. Chỉ có trong mối quan hệ với các nhân vật khác, nhân vật mới bộc lộ hết bản chất của mình, cũng như những biến đổi trong cuộc đời nhân vật cũng tùy thuộc mối quan hệ này. Tuy cũng được khắc hoạ nội tâm, nhưng những xung động nội tâm của nhân vật tự sự chủ yếu là để lí giải nguyên nhân những hành động tiếp theo, dẫn đến những sự kiện kế tiếp trong cuộc đời nhân vật. Ví như đoạn Chí Phèo tỉnh dậy sau cơn say, ta thấy có một đoạn nội tâm dài về nguyên nhân khát khao hạnh phúc. Tiếp đến là hành động đòi quyền được làm người để có cơ may tìm hạnh phúc.

Trong nhiều trường hợp, khái niệm nhân vật được sử dụng một cách ẩn dụ nhằm chỉ một hiện tượng nổi bật nào đó trong tác phẩm. Chẳng hạn, người ta thường nói đến nhân dân như là một nhân vật trung tâm trong Chiến tranh và hòa bình của L. Tônxtôi, ca cao là nhân vật chính trong Đất dữ của G. Amadô, chiếc quan tài là nhân vật trong tác phẩm Chiếc quan tài của Nguyễn Công Hoan... Tô Hoài nhận xét về Chiếc quan tài: "Trong truyện ngắn Chiếc quan tài của Nguyễn Công Hoan, nhân vật không phải là người mà là một chiếc quan tài. Nhưng chiếc quan tài ấy chẳng phải là vô tri mà là một sự thâm trầm, một bản án tố cáo chế độ thâm khốc thời Pháp thuộc. Như vậy, chiếc quan tài cũng là một thứ nhân vật". Tuy vậy, nhìn chung, nhân vật vẫn là hình tượng của con người trong tác phẩm văn học.

Nhân vật văn học là một hiện tượng nghệ thuật có tính ước lệ, có những dấu hiệu để nhận biết: tên gọi, những dấu hiệu về tiểu sử, nghề nghiệp, những đặc điểm riêng... Những dấu hiệu đó thường được giới thiệu ngay từ đầu và thông thường, sự phát triển về sau của nhân vật gắn bó mật thiết với những giới thiệu ban đầu đó. Việc giới thiệu Thúy Vân, Thúy Kiều khác nhau dường như cũng báo trước về số phận của mỗi người sau này:

"Vân xem trang trọng khác vời
Khuôn trăng đầy đặn nét ngài nở nang
Hoa cười ngọc thốt đoan trang

Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da.
Kiều càng sắc sảo mặn mà
So bề tài sắc lại là phần hơn
Làn thu thủy, nét xuân sơn
Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh"
Hay việc giới thiệu Hoạn Thư:
"Ở ăn thì nét cũng hay,
Nói điều ràng buộc thì tay cũng già"

Gắn liền với những suy nghĩ, nói năng, hành động trong quá trình phát triển về sau của nhân vật. Nhân vật văn học không giống với các nhân vật thuộc các loại hình nghệ thuật khác. Ở đây, nhân vật văn học được thể hiện bằng chất liệu riêng là ngôn từ. Vì vậy, nhân vật văn học đòi hỏi người đọc phải vận dụng trí tưởng tượng, liên tưởng để dựng lại một con người hoàn chỉnh trong tất cả các mối quan hệ của nó.

2. Vai trò của nhân vật trong tác phẩm.

Nhân vật văn học có chức năng khái quát những tính cách, hiện thực cuộc sống và thể hiện quan niệm của nhà văn về cuộc đời. Khi xây dựng nhân vật, nhà văn có mục đích gắn liền nó với những vấn đề mà nhà văn muốn đề cập đến trong tác phẩm. Vì vậy, tìm hiểu nhân vật trong tác phẩm, bên cạnh việc xác định những nét tính cách của nó, cần nhận ra những vấn đề của hiện thực và quan niệm của nhà văn mà nhân vật muốn thể hiện. Chẳng hạn, khi nhắc đến một nhân vật, nhất là các nhân vật chính, người ta thường nghĩ đến các vấn đề gắn liền với nhân vật đó. Gắn liền với Kiều là thân phận của người phụ nữ có tài sắc trong xã hội cũ. Gắn liền với Kim Trọng là vấn đề tình yêu và ước mơ vươn tới hạnh phúc. Gắn liền với Từ Hải là vấn đề đấu tranh để thực hiện khát vọng tự do, công lí... Trong Chí Phèo của Nam Cao, nhân vật Chí Phèo thể hiện quá trình lưu manh hóa của một bộ phận nông dân trong xã hội thực dân nửa phong kiến. Đằng sau nhiều nhân vật trong truyện cổ tích là vấn đề đấu tranh giữa thiện và ác, tốt và xấu, giàu và nghèo, những ước mơ tốt đẹp của con người...

Do nhân vật có chức năng khái quát những tính cách, hiện thực cuộc sống và thể hiện quan niệm của nhà văn về cuộc đời cho nên trong quá trình mô tả nhân vật, nhà văn có quyền lựa chọn những chi tiết, yếu tố mà họ cho là cần thiết bộc lộ được quan niệm của mình về con người và cuộc sống. Chính vì vậy, không nên đồng nhất nhân vật văn học với con người trong cuộc đời. Khi phân tích, nghiên cứu nhân vật, việc đối chiếu, so sánh có thể cần thiết để hiểu rõ thêm về nhân vật, nhất là những nhân vật có nguyên mẫu ngoài cuộc đời (anh hùng Núp trong Đất nước đứng lên; Chị Sứ trong Hòn Đất...) nhưng cũng cần luôn luôn nhớ rằng nhân vật văn học là một sáng tạo nghệ thuật độc đáo gắn liền với ý đồ tư tưởng của nhà văn trong việc nêu lên những vấn đề của hiện thực cuộc sống. Betông Brecht cho rằng: "Các nhân vật của tác phẩm nghệ thuật không phải giản đơn là những bản dập của những con người sống mà là những hình tượng được khắc họa phù hợp với ý đồ tư tưởng của tác giả".

3. Phân loại nhân vật văn học.

Nhân vật văn học là một hiện tượng hết sức đa dạng. Những nhân vật được xây dựng thành công từ xưa đến nay bao giờ cũng là những sáng tạo độc đáo, không lặp lại. Tuy nhiên, xét về mặt nội dung tư tưởng, kết cấu, chất lượng miêu tả..., có thể thấy những hiện tượng lặp đi lặp lại tạo thành các loại nhân vật khác nhau. Để nắm bắt được thể giới nhân vật đa dạng, phong phú, có thể tiến hành phân loại chúng ở nhiều góc độ khác nhau.

3.1. Từ góc độ nội dung, phẩm chất nhân vật:

Có thể nói đến các loại nhân vật chính diện (nhân vật tích cực), nhân vật phản diện (nhân vật tiêu cực).

Nhân vật chính diện là nhân vật đại diện cho lực lượng chính nghĩa trong xã hội, cho cái thiện, cái tiến bộ. Khi nhân vật chính diện được xây dựng với những phẩm chất hoàn hảo, có tính chất tiêu biểu cho tinh hoa của một giai cấp, một dân tộc, một thời đại, mang những mầm móng lí tưởng trong cuộc sống...có thể được coi là nhân vật lí tưởng. Ở đây, cũng cần phân biệt nhân vật lí tưởng với nhân vật lí tưởng hóa. Loại nhân vật sau là loại nhân vật được tô hồng, hoàn toàn theo chủ quan của nhà văn. Ở đây, nhà văn đã vi phạm tính chân thực của sự thể hiện.

Nhân vật phản diện là nhân vật đại diện cho lực lượng phi nghĩa, cho cái ác, cái lạc hậu, phản động, cần bị lên án. Trong quá trình phát triển của văn học, trong mỗi giai đoạn lịch sử khác nhau, việc xây dựng các loại nhân vật trên cũng khác nhau. Nếu như trong thần thoại chưa có sự phân biệt rạch ròi giữa nhân vật chính diện và nhân vật phản diện thì trong truyện cổ tích, các truyện thơ Nôm, các nhân vật thường được xây dựng thành 2 tuyến rõ rệt có tính chất đối kháng quyết liệt. Ở đây, hễ là nhân vật chính diện thường tập trung những đức tính tốt đẹp còn nhân vật phản diện thì hoàn toàn ngược lại. Trong văn học hiện đại, nhiều khi khó phân biệt đâu là nhân vật chính diện, đâu là nhân vật phản diện. Việc miêu tả này phù hợp với quan niệm cho rằng hiện thực nói chung và con người nói riêng không phải chỉ mang một phẩm chất thẩm mĩ mà bao hàm nhiều phẩm chất thẩm mĩ khác nhau, cái nhìn của chủ thể đối với sự vật nhiều chiều, phức hợp chứ không đơn điệu...Những nhân vật như Chí Phèo, Thị Nở, Tám Bính, Năm Sài Gòn...là những nhân vật có bản chất tốt nhưng đó không phải là phẩm chất duy nhất của nhân vật. Bakhtin cho rằng: cần phải thống nhất trong bản thân mình vừa các đặc điểm chính diện lẫn phản diện, vừa cái tầm thường lẫn cái cao cả, vừa cái buồn cười lẫn cái nghiêm túc. Chính vì vậy, ở đây, sự phân biệt chính diện, phản diện chỉ có ý nghĩa tương đối. Khi đặt nhân vật vào loại nào để nghiên cứu, cần phải xét khuynh hướng chủ đạo của nó đồng thời phải chú ý đến các khuynh hướng, phẩm chất thẩm mĩ khác nữa. Trong giai đoạn trước, những nhân vật như Kiều, Hoạn Thư, Thúc Sinh cũng được Nguyễn Du miêu tả ở nhiều góc độ, với nhiều phẩm chất khác nhau chứ không phải chỉ có một phẩm chất chính diện hoặc phản diện.

3.2. Từ góc độ kết cấu

Xem xét chức năng và vị trí của nhân vật trong tác phẩm, có thể chia thành các loại nhân vật: nhân vật chính, nhân vật trung tâm, nhân vật phụ.

Nhân vật chính là nhân vật giữ vai trò quan trọng trong việc tổ chức và triển khai tác phẩm. Ở đây, nhà văn thường tập trung miêu tả, khắc họa tỉ mỉ từ ngoại hình, nội tâm, quá trình phát triển tính cách của nhân vật. Qua nhân vật chính, nhà văn thường nêu lên những vấn đề và những mâu thuẫn cơ bản trong tác phẩm và từ đó giải quyết vấn đề, bộc lộ cảm hứng tư tưởng và tình điệu thẩm mĩ.

Nhân vật chính có thể có nhiều hoặc ít tùy theo dung lượng hiện thực và những vấn đề đặt ra trong tác phẩm. Với những tác phẩm lớn có nhiều nhân vật chính thì nhân vật chính quan trọng nhất xuyên suốt toàn bộ tác phẩm được gọi là nhân vật trung tâm. Trong không ít trường hợp, nhà văn dùng tên nhân vật trung tâm để đặt tên cho tác phẩm. Ví dụ: Đông Kísốt của Cervantes, Anna Karênina của L. Tônxtôi, A.Q chính truyện của Lỗ Tấn, Truyện Kiều của Nguyễn Du...

Trừ một hoặc một số nhân vật chính, những nhân vật còn lại đều là những nhân vật phụ ở các cấp độ khác nhau. Đó là những nhân vật giữ vị trí thứ yếu so với nhân vật

chính trong quá trình diễn biến của cốt truyện, của việc thể hiện chủ đề tư tưởng của tác phẩm.

Nhân vật phụ phải góp phần hỗ trợ, bổ sung cho nhân vật chính nhưng không được làm mờ nhạt nhân vật chính. Có nhiều nhân vật phụ vẫn được các nhà văn miêu tả đậm nét, có cuộc đời và tính cách riêng, cùng với những nhân vật khác tạo nên một bức tranh đời sống sinh động và hoàn chỉnh.

3.3. Từ góc độ thể loại

Có thể phân thành các nhân vật: nhân vật trữ tình, nhân vật tự sự và nhân vật kịch.

3.4. Từ góc độ chất lượng miêu tả

Có thể phân thành các loại: nhân vật, tính cách, điển hình.

Nhân vật là những con người nói chung được miêu tả trong tác phẩm. Nhà văn có thể chỉ mới nêu lên một vài chi tiết về ngôn ngữ, cử chỉ, hành động...cũng có thể miêu tả kĩ và đậm nét.

Tính cách là nhân vật được khắc họa với một chiều sâu bên trong. Nó như một điểm qui tụ mà từ đó có thể giải thích được mọi biểu hiện muôn màu, muôn vẻ sinh động bên ngoài của nhân vật.

Điển hình là tính cách đã đạt đến độ thực sự sâu sắc, là sự thống nhất giữa cái chung và cái riêng, cái khái quát và cái cá thể...Nói một cách nghiêm ngặt, thuật ngữ này chỉ được áp dụng từ chủ nghĩa hiện thực phê phán trở về sau.

Ngoài những loại nhân vật trên, có thể nêu lên một số khái niệm khác về nhân vật qua các trào lưu văn học khác nhau. Chẳng hạn, khái niệm nhân vật bé nhỏ trong văn học hiện thực phê phán, khái niệm nhân vật-con vật người trong chủ nghĩa tự nhiên, nhân vật-phi nhân vật trong các trào lưu văn học hiện đại chủ nghĩa ở phương Tây..

4. Một số biện pháp xây dựng nhân vật.

Để xây dựng thành công một nhân vật văn học, nhà văn phải có khả năng đồng cảm, phát hiện những đặc điểm bền vững ở nhân vật. Điều này đòi hỏi nhà văn phải hiểu đời và hiểu người. Nhưng có một điều không kém phần quan trọng là nhà văn phải miêu tả, khắc họa nhân vật ấy sao cho có sức thuyết phục mạnh mẽ đối với người đọc. Đây là vấn đề liên quan trực tiếp đến những biện pháp xây dựng nhân vật trong tác phẩm văn học.

Có nhiều biện pháp khác nhau trong việc xây dựng nhân vật. Dưới đây chỉ xét một số biện pháp chung, chủ yếu nhất: miêu tả nhân vật qua ngoại hình, nội tâm, ngôn ngữ và hành động.

LUYỆN ĐỀ

Đề bài: Bàn về nhân vật trong tác phẩm văn học có ý kiến cho rằng:

“Nhà văn sáng tạo nhân vật để gửi gắm tư tưởng, tình cảm và quan niệm của mình về cuộc đời”.

Em hãy làm sáng tỏ nhận định trên qua nhân vật trong một truyện ngắn mà em đã được học trong chương trình Ngữ văn lớp 11 THPT.

A. ĐÁP ÁN

Bài làm của học sinh cần đảm bảo những yêu cầu sau đây:

1. Về kiến thức

a. Giải thích nhận định

Ý nghĩa, vai trò của nhân vật trong truyện là góp phần thể hiện tư tưởng, tình cảm và quan niệm của nhà văn về cuộc đời.

+ Tư tưởng: nhận thức, sự lý giải và thái độ của nhà văn đối với đối tượng, với những vấn đề nhân sinh đặt ra trong tác phẩm.

+ Tình cảm (tình cảm thẩm mỹ): những rung động, những xúc cảm thẩm mỹ đối với thực tại bộc lộ thế giới tinh thần cũng như cá tính và kinh nghiệm xã hội của nhà văn.

+ Quan niệm (quan niệm nghệ thuật) về cuộc đời: nguyên tắc tìm hiểu, cắt nghĩa thế giới và con người thể hiện ở điểm nhìn nghệ thuật, ở chủ đề sáng tác, kiểu nhân vật và mối quan hệ giữa các nhân vật, ở cách xử lý các biến cố... của nhà văn.

b. Làm sáng tỏ nhận định

- Chọn được nhân vật tiêu biểu trong một truyện ngắn đặc sắc của chương trình Ngữ văn lớp 11.

- Phân tích nhân vật ở các góc độ: Ngoại hình, nội tâm, ngôn ngữ, hành động, biến cố, mối quan hệ với các nhân vật khác....

- Trên cơ sở đó giúp người đọc thấy rõ được tư tưởng, tình cảm, quan niệm của nhà văn về cuộc đời thông qua nhân vật.

c. Bình luận

- Tư tưởng, tình cảm và quan niệm của nhà văn gửi gắm trong nhân vật giúp tác giả chuyển tải tư tưởng, chủ đề của tác phẩm và thông điệp của mình tới người đọc. Nội dung và nghệ thuật của tác phẩm nhờ đó mà gắn bó, hoàn thiện. Tác phẩm dễ thành công hơn.

- Khẳng định sự đúng đắn của nhận định. Đó là căn cứ để đánh giá, thậm chí đồng thời cũng là yêu cầu đối với người cầm bút và định hướng cho sự khám phá, tiếp nhận tác phẩm.

2. Về kỹ năng

- Biết vận dụng linh hoạt những kiến thức Ngữ văn đã học để làm bài văn NLVH.

- Bố cục sáng rõ, lập luận chặt chẽ, sắc sảo.

- Hành văn trôi chảy, mạch lạc, có cảm xúc. Chữ viết rõ ràng, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp...

Đề bài: Có ý kiến cho rằng: “Hình tượng nhân vật được sinh ra từ tâm trí của nhà văn nhưng chỉ thực sự sống bằng tâm trí của người đọc”. Bằng trải nghiệm văn học của mình, anh/chị hãy làm sáng tỏ. (Đề bài về nhân vật và quá trình sáng tác và tiếp nhận văn học)

I. Mở bài

Văn học nói bằng hình tượng, hình tượng nghệ thuật là khối pha lê lấp lánh làm nên giá trị tác phẩm văn học. Nếu cái thần của âm nhạc là giai điệu, của hội họa là đường nét và màu sắc thì cái thần của văn chương chính là ở hình tượng nhân vật. Song những tác phẩm văn học chỉ xây dựng nên những hình tượng về con người thì đó chưa hẳn là một tác phẩm vô giá. Bởi trong sáng tạo nghệ thuật, điều quan trọng, đặc sắc nhất nhiều khi không phải ở hình tượng con người mà ở hình tượng nhân vật. Chính vì vậy, có ý kiến cho rằng: “Hình tượng nhân vật được sinh ra từ tâm trí của nhà văn nhưng chỉ thực sự sống bằng tâm trí của người đọc”.

III. Thân bài

1. Giải thích, lí giải

“Nhà thơ tư duy bằng hình tượng” (Biêlinxki). Văn học ở bất kì thời đại nào muốn phản ánh hiện thực đời sống đều phải thông qua các hình tượng nhân vật điển hình. Nhà thơ tư duy bằng hình tượng, nhà văn cũng tư duy bằng hình tượng. Thế giới thêm sắc màu, cuộc sống thêm âm điệu bởi những hình tượng nhân vật điển hình độc đáo.

“Văn học và đời sống là hai vòng tròn đồng tâm mà tâm điểm của nó chính là con người” (Nguyễn Minh Châu). Văn học phản ánh cuộc sống và trung tâm là con người thông qua hình tượng nhân vật. Chính những hình tượng nghệ thuật độc đáo, có sức phổ quát, mang những ý nghĩa sâu sắc về nhân sinh đã góp phần làm nên nét riêng cho tác phẩm văn học. Người nghệ sĩ thường sáng tạo nên những tượng đài bất hủ về con người bằng cách xây dựng chính hình tượng nhân vật.

Nghệ thuật đồng nghĩa với sáng tạo. Nghệ sĩ là kẻ làm công việc “khơi những nguồn chưa ai khơi và sáng tạo những gì chưa có” (Nam Cao). Viết văn là một quá trình khai phá những vỉa quặng của cuộc đời nhưng mỗi thứ kim loại quý hiếm nhà văn tìm thấy lại lấp lánh một sắc màu riêng biệt. Có phải đó là sắc màu của những hình tượng nhân vật điển hình được nhà văn nhặt nhạnh ở cuộc đời, nhào nặn trong tư tưởng và đưa vào tác phẩm dưới lớp áp chủ quan độc đáo? Ngay từ khi ra đời; văn học đã nhận thức đời sống và thể hiện tư tưởng tình cảm bằng các hình tượng nhân vật nghệ thuật. Từ tiếng gọi chú tiểu lẳng lơ nhưng đầy khao khát yêu đương của Thị Mầu trên chiếu chèo ngày xưa đến đoạn trường mười lăm năm lưu lạc của Thúy Kiều trong thơ Nguyễn Du, hình tượng nhân vật điển hình đã thành sợi chỉ đỏ xuyên suốt các tác phẩm văn học, bắc nhịp cầu giữa hiện thực xã hội và tư tưởng nhân văn.

Như lời nhận định đã bàn tới, “hình tượng nhân vật được sinh ra từ tâm trí của nhà văn nhưng chỉ thực sự sống bằng tâm trí của người đọc” bởi nhà văn xây dựng hình tượng nhân vật để khái quát hiện thực, để cất nghĩa đời sống và thể hiện tư tưởng của chính mình. Vì vậy, hiện thực trong tác phẩm máng đậm dấu ấn chủ quan của người nghệ sĩ. Nhà văn là chủ thể sáng tạo, là kẻ chi phối mọi tư tưởng thẩm mỹ, góc nhìn, phạm vi của hiện thực nên dù được bắt nguồn từ cuộc sống; dù được nuôi dưỡng bằng bầu sữa của bà mẹ cuộc đời thì tác phẩm văn chương; qua các hình tượng nhân vật, phản ánh hiện thực “được sinh ra từ tâm trí của nhà văn. Tác phẩm văn chương không bao giờ là bản sao của hiện thực mà hiện thực được soi chiếu vào tác phẩm bằng lăng kính chủ quan của người viết, có thể tốt, có thể xấu, có thể đáng vui và cũng có thể đáng buồn. Hiện thực cuộc sống được khoác lên tấm áo nhiều màu như vậy chính là bởi hình tượng nhân vật được nhà văn đưa vào tác phẩm. Hình tượng nhân vật là đứa con của hiện thực cuộc sống nhưng lại được nuôi dưỡng bằng tình cảm, tư tưởng của nhà văn. Nó cũng là cuộc đời riêng; nhưng đồng thời cũng là cái loa phát ngôn của người nghệ sĩ. Trong bản thân hình tượng bao giờ cũng có sự thống nhất sinh động giữa các mặt cá biệt và khái quát, lí trí và cảm xúc, chủ quan và khách quan. Hình tượng càng độc đáo, được nâng lên mức điển hình thì hiện thực càng được phản ánh ở những góc cạnh sâu xa nhất, hướng tới một giá trị thẩm mỹ riêng – “chỉ thực sự sống bằng tâm trí của người đọc” Điều đó làm nên “ánh sáng riêng mãnh liệt” cho hình tượng nhân vật. Đến với hình tượng nhân vật là đến với một thế giới hiện thực riêng biệt được xây dựng ngay trên nền thế giới hiện thực đương thời. Hình tượng nhân vật tỏa sáng của lí tưởng thẩm mỹ lên trên hiện thực bề bộn, để cho người đọc có một cái nhìn mới mẻ; chân thực và sâu sắc hơn về cuộc đời. Lời nhận định đã khẳng định tầm quan trọng và giá trị biểu hiện của hình tượng nhân vật trong tác phẩm. Đó cũng là cơ sở để đánh giá tư tưởng nhà văn và giá trị của toàn bộ tác phẩm.

2. Phân tích, chứng minh

“Hình tượng nhân vật được sinh ra từ tâm trí của nhà văn nhưng chỉ thực sự sống bằng tâm của người đọc”. Nhà văn lấy tư liệu từ hiện thực để xây dựng nên hình tượng điển hình và đặt vào đó tư tưởng thẩm mỹ của mình. Tôi nhớ câu chuyện thần thoại xa xưa, thần Trụ Trời lấy đất sét nặn ra con người và thổi hơi thở của mình vào những hình tượng vô tri để cho con người sự sống. Nhà văn phải chăng cũng là người thổi linh hồn mình vào trong hình tượng nhân vật để dù mang những phẩm chất đặc trưng, phổ quát của thế giới hiện thực, nó vẫn có một sức sống riêng, một cuộc đời cá biệt trong “tâm trí của người đọc”. Không phải ngẫu nhiên mà nhân vật trung tâm trong các tác phẩm của chủ nghĩa hiện thực là những kẻ đại diện cho bốn thống trị như Nghị Hách, Nghị Quế, Bá Kiến... hay những nạn nhân của xã hội cũ như anh Pha, chị Dậu, lão Hạc, Mị... Hiệu quả cao nhất mà những điển hình đó đạt được là bóc trần sự mục nát của xã hội thực dân phong kiến với một thái độ phủ nhận và phê phán mạnh mẽ. Nhưng độc đáo hơn, lần đầu tiên người ta biết đến một cách trị người tàn ác và mưu mô như của Bá Kiến, con đường leo lên xã hội thượng lưu nhờ bản và lót bịch như của Xuân Tóc Đỏ. Những hình tượng điển hình ấy không bao giờ chỉ đơn thuần là một bức tranh nhân sinh mà bao giờ cũng gửi đến người đọc một thông điệp; một triết lí sâu xa.

Biêlinxki từng phân biệt: “Nhà triết học nói bằng phép tam đoạn luận, nhà văn nói bằng các hình tượng và bức tranh. Dù đều đi từ cái riêng đến cái chung để khám phá cuộc sống con người, khám phá bản chất của thực tại nhưng trong quá trình nghiên cứu, trong khi các nhà triết học, khoa học gạt bỏ những chi tiết cá biệt, những yếu tố ngẫu nhiên để tìm ra cái chung; để khẳng định yếu tố khách quan, chân lí thì trong nghệ thuật lại in đậm dấu ấn chủ quan, cái chung được biểu hiện trong cái riêng; cái riêng để khái quát cái chung. Hình tượng nhân vật ra đời nhằm mục đích đó. Chí Phèo, Thị Nở từ văn chương đã bước ra cuộc đời; trở thành những cái tên như minh chứng tiêu biểu cho tính điển hình của hình tượng nhân vật. Ta thấy trong cuộc đời nhọc nhằn của anh Pha, chị Dậu... đáng đáp ông cha, những người cả đời gắn bó với ruộng đồng và chịu biết bao nhiêu áp bức. Đó chính là sự “sinh ra từ tâm trí của nhà văn”. Nhưng không bao giờ những Chí Phèo, chị Dậu ấy là bản thân cuộc đời thực. Văn học chỉ có một Chí Phèo với bi kịch bị cự tuyệt quyền làm người trong khi cuộc đời có cả ngàn thằng Chí Phèo uống rượu say rồi chửi bới. Văn học chỉ có một Hăm-lét với niềm trăn trở, day dứt vì lí tưởng “sống hay không sống” trong khi lịch sử có biết bao nhiêu âm mưu “chiếm ngôi vua, đoạt quyền chúa”. Không bao giờ người ta quên được tiếng nói khắc khoải của Chí Phèo: “Tao muốn làm người lương thiện. Ai cho tao lương thiện? Làm sao xóa được những vết sẹo trên mặt này?”. Không chỉ bởi một hiện thực khốc liệt của xã hội phong kiến dồn đuổi con người vào bước đường cùng mà sâu sắc hơn hết người ta nhận ra trong đó một khát vọng sống mạnh mẽ; cháy bỏng; một ước muốn lương thiện giản dị mà cao đẹp của một tâm hồn tội lỗi. Lần đầu tiên người ta nhận ra ánh sáng của lương tri, ánh sáng của tính người tỏa ra từ thân xác của con quỷ dữ. Đó chính là “ánh sáng riêng” của hình tượng Chí Phèo “chỉ thực sự sống bằng tâm trí của người đọc”.

Kinh Thư xưa có câu: “Thẩm sở mộng chi nhân, khắc kì hình tượng, dĩ tứ phương bằng cử chi ư dân gian” (Xem xét người thấy trong mộng, khắc lấy hình tượng của người ấy để đi tìm khắp bốn phương trong dân gian). Hình tượng nhân vật bao giờ cũng là ‘con người của dân gian’. Nó được thoát thai từ hiện thực đời sống và mang những tính cách cơ bản nhất, bản chất nhất và nổi bật nhất của đời sống xã hội. Nguyễn Du từ bao nhiêu cuộc đời long đong, lận đận của người phụ nữ trong xã hội phong kiến đã xây dựng lên hình tượng Thúy Kiều với tất cả nỗi đau khổ của loài người đúc kết lại:

Đau đớn thay phận đàn bà
Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung.
(Truyện Kiều – Nguyễn Du)

Trong cuộc đời mười lăm năm lưu lạc của Kiều có những “vết xe đổ” của Đạm Tiên, của Tiểu Thanh, của người con gái đất Long Thành cùng biết bao nỗi đau khổ khác của người phụ nữ trong xã hội phong kiến. Có thể nói, cuộc đời Thúy Kiều là một bức tranh toàn cảnh và sinh động về nỗi đoạn trường của người phụ nữ dưới xã hội hà khắc, nặng nề, tàn ác và thối nát của thời đại cũ. Hiện thực trong Truyện Kiều được tái hiện qua tâm trí của Nguyễn Du. Người đọc như được cùng nàng Kiều trải qua biết bao thăng trầm, tận mắt chứng kiến và thấu hiểu muôn vàn nỗi khổ đau của kiếp người. Nhưng Kiều không chỉ là đại diện cho một lớp người, cuộc đời Kiều không đơn thuần chỉ là một bức tranh hiện thực rộng lớn và Nguyễn Du không chỉ là ngòi hiện thực chủ nghĩa một chiều. Kiều được ca tụng là người phụ nữ đẹp nhất của văn học Việt Nam bởi những nét đẹp riêng biệt, độc đáo, chỉ tài năng Nguyễn Du mới có thể sáng tạo nên:

Làn thu thủy, nét xuân sơn
Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh
Một hai nghiêng nước nghiêng thành
Sắc đành đòi một, tài đành họa hai.
(Truyện Kiều – Nguyễn Du)

Vẻ đẹp khiến cho trời đất phải ghen tức, vẻ đẹp làm thiên nhiên đảo lộn, có lẽ trong cả nền văn học Việt Nam, người ta chỉ tìm thấy mình Kiều. Kiều “sống trong tâm trí người đọc” không chỉ bởi nét riêng biệt “hơn người” ấy mà còn bởi tầm lòng cao cả của Nguyễn Du được soi rọi trong những câu thơ đẹp nhất dùng để ca ngợi sắc đẹp người con gái tài hoa.

Cũng trong Truyện Kiều, bên cạnh nhân vật điển hình Thúy Kiều, Kim Trọng, Từ Hải thì Mã Giám Sinh cũng là một nhân vật điển hình có “ánh sáng riêng”. Ở hình tượng này, người đọc nhận ra một cách rõ ràng hiện thực biểu hiện cụ thể, sinh động như có thực:

Hỏi tên rằng: “Mã Giám Sinh”
Hỏi quê, rằng: “Huyện Lâm Thanh cũng gần”
(...) Ghế trên ngai tốt sỗ sàng
(...) Cò kè bớt một thêm hai.

“Nghệ thuật là biết tước bỏ và tập trung” (L. Tôn-xtôi). Nguyễn Du đã “tước bỏ” những chi tiết về tên, tuổi, quê quán. Và “tập trung” với vài chữ thật đắt, thật sâu cay – “tốt, sỗ sàng, “cò kè”, tác giả đã “giết chết” nhân vật của mình để khẳng định bản chất một kẻ vô học, một con buôn với đầy đủ ngón nghề và sự ma lanh. Nhưng đằng sau đó, người ta còn thấy cả một phường buôn thịt bán người tàn nhẫn của xã hội phong kiến. Nhân vật Mã Giám Sinh vừa mang tính cá biệt vừa mang tính khái quát; là một điển hình tiêu biểu cho những nhân vật phản diện trong Truyện Kiều. Người đọc vừa thấy ở hắn một tính cách xảo quyệt của kẻ buôn người hạng nhất, vừa thấy thêm một góc tối như bản của xã hội phong kiến đương thời. Từ câu chuyện đời Minh của Thanh Tâm Tài Nhân bên Trung Quốc, bằng tài năng bậc thầy, Nguyễn Du đã xây dựng nên những hình tượng điển hình độc đáo đề từ nguyên tác Kim Vân Kiều truyện, Thiên văn tự tuyệt bút – Truyện Kiều ra đời; dù vẫn giữ nguyên cốt truyện nhưng hiện thực đã trở thành hiện thực của xã hội Việt Nam đương thời, nhân vật đã trở thành con người Việt Nam. Tác phẩm mang đậm bản sắc dân tộc dù xây dựng từ cái nền của tác phẩm nước ngoài chính bởi những hình tượng nhân vật điển hình như Kiều, Từ Hải, Mã Giám Sinh...

Như vậy, “nghệ thuật không đòi hỏi phải thừa nhận cái tác phẩm của nó như là hiện thực” (Phơ-bách). Sự thực trong tác phẩm nghệ thuật không phải bản thân cuộc đời thực, thậm chí có lúc thực hơn ngoài cuộc sống vì hình tượng nhân vật không lệ thuộc máy móc vào yếu tố cá biệt. Sự kiện trong thực tế với sự kiện trong văn học có một khoảng cách lớn. Sợi dây mỏng manh nối giữa chúng chính là hình tượng nhân vật, là tư tưởng của người viết.

“Hình tượng văn học là sự tổng hợp những tư tưởng và say mê, là kết quả của một tâm lòng đầy thiết tha” (Biêlinxki). Hình tượng nhân vật trong tác phẩm bao giờ cũng mang dấu ấn mạnh mẽ của chủ quan nhà văn, bộc lộ tiếng nói riêng, phong cách độc đáo của người nghệ sĩ. Mỗi hình tượng nhân vật điển hình lại tỏa chiếu ra một ánh sáng riêng. Đó chính là ánh sáng của tư tưởng nhà văn, của lí tưởng thẩm mĩ được soi chiếu qua hình tượng. Hình tượng nhân vật là nơi gửi gắm trái tim sôi nổi nhiệt thành, đầy yêu thương của người viết. Đằng sau ngòi bút lạnh lùng; sắc sảo xây dựng nên một hình tượng Chí Phèo là trái tim Nam Cao nhức nhối những nhịp đập yêu thương và căm phẫn. Ông xây dựng Chí Phèo trong bi kịch bị cự tuyệt quyền làm người không chỉ đề cập lên tiếng nói tố cáo xã hội mà còn là tiếng nói cảm thông đòi quyền sống, quyền hạnh phúc cho con người. Những trang viết của Nguyễn Du cũng thấm đầy nước mắt khi miêu tả cuộc đời khổ đau của Thúy Kiều. Nhà thơ đã khóc cùng nhân vật, cười cùng nhân vật; nâng niu nhân vật lên bằng ngòi bút tình thương đầy lòng bác ái. Tư tưởng của nhà văn soi sáng trong các hình tượng nhân vật. Nó luôn hướng con người tới những giá trị đích thực của văn chương và cuộc sống. Văn học luôn là điểm tựa để con người vươn lên trên hoàn cảnh nghiệt ngã, hướng tới chân – thiện – mỹ cuộc đời. “Văn học là nhân học” (M. Gorki). Mọi yếu tố của văn học đều mang giá trị nhân văn, nhân đạo hóa con người; chỉ ra cho con người sự xấu xa để vươn tới cái cao cả của tâm hồn. Đó chính là thứ ánh sáng “được sinh ra từ tâm trí của nhà văn” không bao giờ tắt trong mọi tác phẩm văn chương chân chính.

3. Bình luận

“Hình tượng nhân vật được sinh ra từ tâm trí” bằng tài năng và tâm huyết của nhà văn, làm nên đặc điểm phong cách từng tác giả. Nó tỏa ra thứ ánh sáng của riêng người viết, ánh sáng của tài năng, của lương tri. Không một hình tượng nhân vật nào giống hình tượng nhân vật nào bởi nghề văn đòi hỏi sự sáng tạo, sự thâm nhập thực tế để xây dựng nên những hình tượng nhân vật bất hủ. Khi người nghệ sĩ đã thâm nhập sâu sắc vào nhân vật, họ như được sống cuộc đời của nhân vật, xúc động, yêu thương, vui buồn, đau khổ, giận hờn... như cảnh ngộ của chính mình. Đó là những giây phút “tự quên mình” đồng thời in dấu chủ quan của mình vào đối tượng miêu tả. Các nghệ sĩ vĩ đại như L.Tôn-xtôi, M. Gorki, Banzắc, Phlô-be... đều có sự thâm nhập sâu sắc như vậy. Banzắc kể lại, sau khi đi theo và lắng nghe những người công nhân nói chuyện với nhau, ông nhanh chóng nhập thân vào đối tượng sâu sắc đến mức cảm thấy như mình cùng đang mặc những quần áo rách rưới như họ, đang đi những đôi giày rách như họ, những nhu cầu nguyện vọng của họ đều được truyền đến tâm hồn tôi hay nói đúng hơn: với tất cả hồn mình, tôi nhập vào tâm hồn họ. Chỉ có sự thâm nhập thực tế bằng cả con người và trái tim thì người nghệ sĩ mới có thể sáng tạo nên những hình tượng nhân vật bất hủ, những nhân vật vừa là con người của quần chúng; vừa là con người của văn chương, vừa mang tính hiện thực, vừa mang tính nghệ thuật độc đáo. Bàn về giá trị của hình tượng điển hình trong tác phẩm, lời nhận định còn đặt ra yêu cầu của người nghệ sĩ chân chính. Đó là những yêu cầu của văn học muôn đời.

Mỗi người nghệ sĩ khi sáng tạo mang trong mình một nhiệt huyết sáng tạo cháy bỏng và con mắt tinh nhạy, nhìn hiện thực cuộc sống với con mắt của người đầu tiên; đặc biệt là “sống toàn tâm, toàn trí, toàn hồn – sống toàn thân và thức nhọn giác quan” để xây dựng hình tượng nhân vật mang ý nghĩa, ẩn chứa bao điều huyền diệu, sâu sắc về nhân sinh. **Và người tiếp nhận** do đó khi thưởng thức tác phẩm cũng cần phải nâng cao trình độ thẩm mĩ, tìm hiểu và nhận ra ý nghĩa, giá trị của những hình tượng nhân vật.

Nhà văn là kẻ đã dùng những hình tượng và từ ngữ hoàn chỉnh lạ lùng để cô đặc lại những ý nghĩ, những cảm xúc, những giọt máu và những giọt lệ cay đắng, nóng bỏng của thế gian này. Hơn bất kì một nghề nghiệp, tôi yêu nghề văn bởi hình tượng nhân vật được sinh ra từ tâm trí của tôi và hiện thực cuộc đời dắt tôi đến một chân trời mới, một tâm hồn mới và những điều kì diệu chỉ thấy trong mơ.

CHI TIẾT NGHỆ THUẬT

1. Khái niệm

Theo “Từ điển thuật ngữ văn học”, chi tiết nghệ thuật là “Các tiểu tiết của tác phẩm mang sức chứa lớn về cảm xúc và tư tưởng” và họ gọi chung là chi tiết nghệ thuật. Cũng theo nhóm tác giả này thì: “Tuỳ theo sự thể hiện cụ thể, chi tiết nghệ thuật có khả năng thể hiện, giải thích, làm minh xác cấu tứ nghệ thuật của nhà văn, trở thành tiêu điểm, điểm hội tụ của tư tưởng tác giả trong tác phẩm.

Chi tiết nghệ thuật gắn với “quan niệm nghệ thuật” về thế giới con người, với truyền thống văn hoá nghệ thuật nhất định”. Những chi tiết được chọn lọc, gửi gắm mọi tư tưởng, tình cảm của nhà văn là sự dồn nén những điều nhà văn muốn nói. Tầm vóc của nhà văn được thể hiện ngay trong chính cách nhà văn lựa chọn và sử dụng chi tiết trong tác phẩm. Một chi tiết nhỏ cũng là kết quả của việc sử dụng, sắp xếp và mô tả của nhà văn gắn với tư duy và sáng tạo nghệ thuật của nhà văn khi hình thành tác phẩm. Nó xuất hiện như thế nào phụ thuộc vào con mắt nhìn, khả năng thấu hiểu đời sống, thấu hiểu con người của nhà văn.

Sách giáo khoa ngữ văn 11 (bộ nâng cao) cho rằng chi tiết nghệ thuật “là những biểu hiện cụ thể, lắm khi nhỏ nhất, nhưng lại cho thấy tính cách nhân vật và diễn biến quan hệ của chúng, đồng thời cũng biểu hiện sự quan sát và nghệ thuật kể chuyện của tác giả. Do đó chi tiết rất quan trọng đối với nhân vật, vừa tạo ra sức hấp dẫn, thú vị vừa bộc lộ ý nghĩa của chúng”.

Một chi tiết dù nhỏ nhưng đặt trong mạch vận động của tác phẩm vẫn có vai trò riêng của nó:

- + Với nhà văn để thể hiện ý đồ, tư tưởng một cách thuyết phục tạo chiều sâu cho tác phẩm.

- + Với người đọc quá trình đọc tác phẩm là sự giải mã các chi tiết, một chi tiết dù nhỏ cũng có thể mang chứa thông điệp giúp người đọc thâm nhập vào thế giới nghệ thuật tác phẩm, nắm bắt thông điệp của tác giả. Những chi tiết đặc sắc còn tạo hứng thú cho người đọc trong quá trình tiếp nhận tác phẩm.

Như vậy chi tiết nghệ thuật là những yếu tố nhỏ lẻ của tác phẩm nhưng mang sức chứa lớn về cảm xúc và tư tưởng. Sức chinh phục của hình tượng nghệ thuật là ở sự

truyền cảm thì góp phần quyết định tạo ra sức truyền cảm hấp dẫn lôi cuốn người đọc là nhờ chi tiết

2. Đặc điểm của chi tiết nghệ thuật trong tác phẩm tự sự:

– **Tính tạo hình của chi tiết nghệ thuật:** Hình tượng nghệ thuật cụ thể, gợi cảm, sống động nhờ các chi tiết về môi trường, phong cảnh chân dung, nội thất, cử chỉ, phản ứng nội tâm, hành vi lời nói. Trong tác phẩm tự sự chi tiết có khả năng gợi ra hình ảnh về sự vật, cảnh vật, con người... đặc biệt là vai trò khắc hoạ tính cách nhân vật. Nhà văn sử dụng rất nhiều chi tiết- những nét cụ thể để miêu tả ngoại hình, nội tâm, hành động của nhân vật, cũng như cảnh vật, sự kiện có liên quan đến nhân vật đó. Đan dệt hàng loạt các chi tiết với nhau mới có được một bức tranh bằng ngôn ngữ có thể tạo nên một ấn tượng tương đối xác định về nhân vật.

Ví dụ:

Chi tiết đồ vật tàn tạ trong “Hai đứa trẻ” của Thạch Lam hiện ra chân thực với chiếc chõng tre, cửa hàng tạp hoá “nhỏ xíu”, gánh hàng nước của mẹ con chị Tí, manh chiếu rách, chiếc thau sắt rúm ró, cây đàn bầu cũ kĩ...góp phần làm nên bức tranh phố huyện nghèo nàn héo hắt, tiêu điều mà trong đó cuộc sống của con người cứ lay lắt héo mòn từng ngày.

Trong truyện ngắn “Chí Phèo” của Nam Cao, nhân vật Chí Phèo được hiện ra sinh động với các chi tiết về ngoại hình ngôn ngữ và nội tâm:

– Sự tha hoá của Chí Phèo được khắc hoạ bằng những chi tiết về ngoại hình và ngôn ngữ, hành động của nhân vật.

– Sự thức tỉnh với chi tiết miêu tả nội tâm của Chí Phèo từ sau khi gặp Thị Nở.

Không chỉ gợi ra hình ảnh về sự vật, khắc hoạ tính cách nhân vật mà chi tiết nghệ thuật còn có vai trò cá biệt hoá nhân vật. Nhờ những chi tiết đắt giá sắc nét được tạo nên bởi tài năng của nhà văn mà các nhân vật văn học trở thành những gương mặt “quen mà lạ”, “con người này” không hề trộn lẫn mặc dù xuất hiện giữa đám đông cùng loại. Đều là những người nông dân nhưng Chí Phèo khác hẳn với Tràng. Bá Kiến cũng rất khác với Nghị Quế mặc dù đều là điển hình cho bọn cường hào ác bá.

3. Chi tiết nghệ thuật gắn với quan niệm nghệ thuật về con người của nhà văn:

Trong truyện cổ tích nhân vật được xây dựng theo kiểu chức năng theo hai tuyến thiện ác. Nhân vật không có tâm lí chỉ có chi tiết hành động thực hiện hai chức năng đó. Tấm với chi tiết diễn tả sự hoá thân liên tiếp (chim vàng anh, khung cửi, cây xoan đào, quả thị) thể hiện sức sống dẻo dai, mãnh liệt của cái thiện. Kết lại tác phẩm với hành động Tấm dội nước sôi vào Cám là sự trừng phạt đích đáng của cái thiện đối với cái ác qua đó thể hiện mơ ước của nhân dân về sự chiến thắng của cái thiện trong cuộc đấu tranh giành và giữ hạnh phúc.

Trong văn học trung đại, con người được quan niệm như con người siêu cá thể. Tư tưởng và hành động cũng như cách ứng xử của con người đều theo khuôn mẫu, quy ước chung bởi bị chi phối của thi pháp nặng về tính qui phạm, ước lệ và tính phi ngã. Con người được đặt trong những mối quan hệ cơ bản(tam cương), những đức tính chủ yếu trong hệ thống đạo đức của nho giáo (ngũ thường) chi phối đời sống tình cảm của con người. Khi nội tâm có sự giống nhau thì không có bí ẩn để khám phá.

Do vậy, lựa chọn những chi tiết thể hiện tâm lí chủ yếu bằng những chi tiết ngoại hiện như ngôn ngữ, hành động. Điều đó lí giải vì sao Kiều cứ nhất định phải bằng hành động bán mình chuộc cha mới là có hiếu. Nhân vật Vũ Nương với những chi tiết hành động và ngôn ngữ thể hiện vẻ đẹp “công dung ngôn hạnh” của người phụ nữ trung đại. Nhân vật Ngô Tử Văn khẳng khái nóng nảy, thấy chuyện bất bằng không tha cũng được khắc hoạ với các chi tiết hành động và ngôn ngữ. Đặc biệt là chi tiết Tử Văn đốt đền tà của viên Bách hộ họ Thôi.

Văn học hiện đại những năm 1930-1945: ở mỗi nhà văn có sự thức tỉnh về ý thức cá nhân, họ đã đi vào khám phá đời sống cá nhân mỗi con người, trong đó mỗi cá nhân là một tiểu vũ trụ chứa đầy bí mật có cử chỉ, ngôn ngữ, đời sống nội tâm riêng. Nam Cao thuộc lớp nhà văn ấy, ông đã hướng ngòi bút vào khai thác thế giới nội tâm- chỗ tinh vi huyền diệu nhất của con người... Nam Cao đã miêu tả tâm lí nhân vật bằng rất nhiều thủ pháp với những chi tiết vô cùng đặc sắc. Những trang văn miêu tả sự thức tỉnh khát khao lương thiện của Chí Phèo được xem là thành công nhất kết tinh cho biệt tài phân tích tâm lí đạt đến trình độ bậc thầy ở Nam Cao là nhờ những chi tiết khơi sâu vào nội tâm nhân vật.

Văn học giai đoạn 1945-1954: với quan niệm con người riêng -chung, con người nhỏ bé bất hạnh trong xã hội cũ được đổi đời trong xã hội mới. Hạnh phúc của họ tìm thấy trong hạnh phúc chung của dân tộc. Xuất phát từ quan niệm này nên số phận của nhân vật có khác so với nhân vật trong văn xuôi hiện thực phê phán 1930- 1945 là do cách lựa chọn chi tiết kết thúc khác nhau. Kết thúc của Chí Phèo là bi kịch với chi tiết cái lò gạch cũ, còn Tràng trong “Vợ nhặt” chắc chắn sẽ có một tương lai tươi sáng được kết chi tiết lá cờ đỏ sao vàng bay trong gió.

Văn học kháng chiến 1945-1975: với quan niệm con người mang tính sử thi, tạc dáng đứng hào hùng vào lịch sử do vậy việc lựa chọn chi tiết để xây dựng nhân vật cũng khác. Nhà văn chọn những chi tiết để lí tưởng hoá nhân vật, nhân vật toả ánh hào quang, họ đẹp ở mọi phương diện trong chiến đấu và trong cả đời thường. Trong truyện “Rừng xà nu”, Tnú là một nhân vật anh hùng toàn diện. Tnú anh hùng từ nhỏ, lớn lên ờ thành người chiến sĩ cách mạng kiên trung và còn là người chồng người cha giàu yêu thương. Việt, Chiến ở “Những đứa con trong gia đình” cũng đẹp ở mọi phương diện và nhà văn cũng đã lựa chọn những chi tiết tiêu biểu để khắc hoạ vẻ đẹp lí tưởng ấy.

Văn xuôi sau 1975 vận động đổi mới theo hướng dân chủ hoá và trên tinh thần nhân bản sâu sắc. Văn học hướng tới hiện thực đa chiều, con người đa diện. Mọi mặt của đời sống con người được văn học quan tâm phản ánh: con người cá nhân, đời thường, con người với cả hạnh phúc và bi kịch, con người phi lí tưởng, nhân loại, tự nhiên bản năng... Do vậy việc lựa chọn chi tiết để khắc hoạ nhân vật cũng khác với văn học giai đoạn trước.

Số phận của Mị trong “Vợ chồng A Phủ” có khác với người đàn bà hàng chài trong “Chiếc thuyền ngoài xa” bởi do xuất phát từ quan niệm nghệ thuật về con người có khác nhau nên cách chọn chi tiết kết thúc truyện cũng khác nhau. Mị được đổi đời trong xã hội mới với chi tiết Mị giải thoát cho A Phủ và chạy theo A Phủ tới Phiềng Sa. Sau đó, hai người được tham gia vào đội quân giải phóng quê hương. Người đàn bà hàng chài cuối cùng vẫn phải cam chịu chấp nhận số phận không dám rời bỏ người chồng vũ phu, chấp nhận cảnh đòn roi như cơm bữa “ba ngày một rận nhẹ, năm ngày một trận nặng” và con thuyền gia đình chị vẫn đang chao đảo trong cơn bão cấp 11.

Gắn với quan niệm nghệ thuật về con người, do vậy chi tiết nghệ thuật có vai trò quan trọng làm nên diện mạo nhân vật văn học của từng thời. Khi phân tích nhân vật phải đặt nó trong típ người của từng thời kì văn học và cần phải lựa chọn những chi tiết nghệ thuật tiêu biểu để thẩm bình, làm nổi bật đặc điểm của nhân vật.

4. Cách cảm nhận chi tiết trong tác phẩm tự sự:

Hướng khai thác chi tiết trong truyện ngắn tự sự xuất phát từ đặc trưng của thể loại truyện ngắn. “Truyện ngắn là tác phẩm tự sự cỡ nhỏ, thường được viết bằng văn xuôi, phản ánh cuộc sống trong tình khách quan của nó thông qua con người, hành vi và các sự kiện. Truyện ngắn đề cập đến hầu hết các phương diện của đời sống con người và xã hội. Nét nổi bật của truyện ngắn là sự giới hạn về dung lượng”. “Nếu tiểu thuyết là một đoạn của dòng đời thì truyện ngắn chỉ là mặt cắt của dòng đời như mặt cắt giữa một thân cây cổ thụ. Chỉ liếc qua những đường vân trên khoanh gỗ tròn kia dù trăm năm vẫn thấy cả cuộc đời thảo mộc” (Nguyễn Minh Châu).

Do hạn chế về dung lượng câu chữ, nên truyện ngắn không phản ánh được một phạm vi hiện thực rộng lớn như tiểu thuyết, mà chỉ là những câu chuyện trong khoảnh khắc, là giây phút lóe sáng trong cuộc đời nhân vật. Pautópuxki đã nói: “Tôi nghĩ rằng truyện ngắn là một truyện ngắn gọn, trong đó cái không bình thường hiện ra như một cái gì bình thường và một cái gì bình thường hiện ra như cái không bình thường”.

Vì vậy, khi viết truyện ngắn, nhà văn phải có khả năng quan sát sắc sảo, năng lực khái quát cao độ, để có thể phản ánh được bản chất của con người và đời sống qua một hiện tượng, một biến cố, một lát cắt. Nhà văn phải dồn nén hiện thực và tư tưởng vào trong những chi tiết nghệ thuật có dung lượng ý nghĩa lớn lao như “bàn tay xiết lại thành nắm đấm” (Hemingway). Vì vậy yếu tố quan trọng bậc nhất của truyện ngắn là các chi tiết nghệ thuật.

Tuy nhiên, trong một truyện ngắn, không phải chi tiết nào cũng “mang nhiều ẩn ý”, vì vậy đòi hỏi chúng ta phải lựa chọn được những chi tiết đắt giá, phân tích làm sáng tỏ ý nghĩa của nó trong việc thể hiện hình tượng, chủ đề tác phẩm và tư tưởng của tác giả. Hơn nữa, theo kinh nghiệm viết truyện ngắn của Vương Trí Nhàn: “toàn truyện phải là một cái vòng khép kín, không dài quá, không ngắn quá, không xô đẩy xộc xệch, thậm chí không thừa một chi tiết nào. Khi đã vào truyện cái xà tích của một cô gái hay một chút ánh trăng thượng tuần cũng phải có ý nghĩa, cái nọ nương tựa cái kia, chi tiết này soi rọi cho chi tiết khác”. Các chi tiết nghệ thuật trong tác phẩm có quan hệ máu thịt với nhau, cho nên khi phân tích chúng ta phải đặt chi tiết đang tìm hiểu trong mối liên hệ khăng khít với các chi tiết khác, trong chỉnh thể nghệ thuật toàn vẹn của tác phẩm.

Bước 1: Trước hết phải đọc kĩ văn bản để nắm cốt truyện, ý đồ sáng tạo của nhà văn cùng với tư tưởng chủ đề của tác phẩm.

Bước 2: Tìm những chi tiết đắt giá có vai trò: thúc đẩy sự phát triển của cốt truyện; thể hiện số phận, phẩm chất, số phận của nhân vật; thể hiện tư tưởng, chủ đề của tác phẩm... Nếu trong giảng văn người giáo viên không biết hướng dẫn học sinh lựa chọn khai thác chi tiết tiêu biểu, quan trọng chắc chắn bài giảng sẽ không có độ sâu. Bài viết văn của học sinh cũng vậy sẽ không thực sự thuyết phục và để lại ấn tượng cho người đọc nếu như không chọn, bình những chi tiết đặc sắc.

Bước 3: Phân tích cảm thụ, bình giá chi tiết về nội dung tư tưởng và nghệ thuật

Chi tiết nghệ thuật là những yếu tố nhỏ lẻ của tác phẩm nhưng mang sức chứa lớn về cảm xúc và tư tưởng. Sức chinh phục của hình tượng nghệ thuật là ở sự truyền cảm thì góp phần quyết định tạo ra sức truyền cảm hấp dẫn, lôi cuốn người đọc là nhờ chi tiết.

Bài 2:

1. Ngoài tính tạo hình, chi tiết nghệ thuật mang bản chất sáng tạo của người nghệ sĩ, bản chất văn hóa của một cộng đồng. Chúng ta đều thấy chỉ qua một vài con chữ trong Truyện Kiều, như chữ “tót” (*Ghế trên ngòai tót sỗ sàng*), chữ “cò kè” (*Cò kè bót một thêm hai*) mà thi hào Nguyễn Du đã lật tẩy cả một chân dung kẻ con buôn, vô học, thô lỗ của nhân vật Mã Giám Sinh, hay một chữ “lén” làm lộ ra một tính cách mờ ám, lén lút, tráo trở... của Sở Khanh, hay hai chữ “mặt sắt” đã gọi ra một chân dung tính cách lạnh lùng, hiểm độc, tàn nhẫn của Hồ Tôn Hiến... Các chữ “tót”, “cò kè”, “mặt sắt” được gọi là những chi tiết đắt giá làm nổi lên hồn cốt nhân vật.

Chi tiết hàm chứa nhiều nét nghĩa, nhiều giá trị được gọi là tín hiệu nghệ thuật. Đã gọi là tín hiệu thì luôn mang một mã, để giải mã thì phải nhờ đến cả một chiều sâu văn hóa. Ví dụ để hiểu bài thơ *Mời trầu* của Hồ Xuân Hương phải có vốn văn học dân gian nhất định: *Quả cau nho nhỏ, miếng trầu hôi/ Này của Xuân Hương mới quệt rồi/ Có phải duyên nhau thì thăm lại/ Đùng xanh như lá, bạc như vôi*. Để cắt nghĩa được văn bản người đọc buộc phải liên tưởng về câu chuyện cổ *Trầu cau*. Lại phải đặt bài thơ vào quan niệm truyền thống phương Đông trong tình yêu hôn nhân: Cái duyên và màu sắc đỏ... Như vậy nếu dịch bài thơ này sang một ngôn ngữ khác là cực khó, không muốn nói là không thể.

2. Chi tiết gắn với quan niệm nghệ thuật về con người và cuộc sống của nhà văn. Chỉ cần đọc một câu thơ *Bố cu lồm ngồm bò trên bụng* của “Bà Chúa thơ Nôm” cũng cho thấy cả một cái nhìn coi thường, khinh miệt giới đàn ông trong xã hội phong kiến hà khắc vốn luôn coi phụ nữ chỉ là đồ chơi. Động từ “lồm ngồm” thường để chỉ những con vật loài cua cáy, đặt trong văn cảnh bài thơ nó toát lên một tiếng cười mỉa: Tưởng cái anh đàn ông phải là “*Làm trai cho đáng lên trai/ Xuống đông đông tỉnh, lên đoài đoài yên*”, nhưng thực ra cũng chỉ là thứ cua cáy mà “bò” trên sự vĩ đại của người phụ nữ... Chi tiết này còn cho thấy một sự nổi loạn, sự đối chọi với cả một ý thức hệ hẹp hòi, ích kỷ, phản nhân văn lỗi thời.

Hãy nhìn vào những so sánh của bài ca dao sau ta thấy người Việt xưa yêu quý cái đẹp lắm, nhất là cái đẹp thuộc về con người: *Cổ tay em trắng như ngà/ Đôi mắt em sắc như là dao cau/ Miệng cười như thể hoa ngâu/ Cái khăn đội đầu như thể hoa sen*. Và cái đẹp của người con gái xứ Kinh Bắc trong Bên kia sông Đuống của Hoàng Cầm không chỉ là cái đẹp trần thế mà còn là cái đẹp mang tầm vĩnh cửu của tạo hóa tỏa ánh sáng và sự sống xuống cõi trần gian: *Những cô hàng xén răng đen/ Cười như mùa thu tỏa nắng*.

3. Chi tiết đóng vai trò làm tiền đề cho sự phát triển của cốt truyện. Hẳn chúng ta không ai quên cái hình dáng “ngật ngưỡng” của nhân vật Chí Phèo trong truyện ngắn cùng tên của nhà văn Nam Cao: “Hắn vừa đi vừa chửi, bao giờ cũng vậy, cứ rượu xong là hắn chửi. Bắt đầu hắn chửi trời...”. Đây là chi tiết mở đầu tác phẩm, ngoài sự khơi gợi hấp dẫn lôi kéo bạn đọc, nó vừa có tác dụng gián tiếp giới thiệu thân

thế, tiểu sử nhân vật vừa có chức năng mở ra một trường không - thời gian trong quá khứ rồi tiếp đến thì tương lai trong cuộc đời ngắn ngủi của Chí Phèo.

Dưới góc độ xã hội học, cũng chi tiết này còn mở ra một ý nghĩa về thân phận con người trong xã hội cũ.

Bản chất của xã hội là giao tiếp. Không có giao tiếp thì không có xã hội, mà xét đến cùng chữ nhau cũng là một cách giao tiếp, có điều là giao tiếp trong thế đối lập. Kênh giao tiếp sẽ bị đóng băng hoàn toàn khi cả hai bên không thêm để sức, có hơi và nhiệt tình để mà chữ nhau nữa. Thế cho nên khi Chí chữ cả làng Vũ Đại tức là Chí khát khao được giao tiếp với mọi người. Cả làng Vũ Đại không ai thêm “ra nhời” với Chí vì Chí không còn xứng đáng là người để họ chữ. Tức là dân làng Vũ Đại đã coi Chí ở một thế giới khác, thế giới của thân phận loài vật, có lẽ chính xác hơn là thân phận loài chó, mà bằng chứng là có chi tiết: “*Thành thử chỉ có ba con chó dữ với một thằng say rượu...*”.

Giả sử Chí Phèo không có chi tiết “bát cháo hành” thì truyện sẽ rất bình thường, nhưng nhờ có nó mà cốt truyện như đào sâu thêm vào cái bi kịch không được làm người của một kẻ khát khao lương thiện, nhờ đó ý nghĩa truyện nâng thêm một tầm cao.

4. Chi tiết thể hiện tập trung cho câu tứ. Trường hợp này thường để nhà thơ cấu trúc tác phẩm và người bình thơ nương theo đó mà tìm ra tứ thơ. Xin ví dụ bằng bài thơ *Hoàng Hạc lâu tống Mạnh Hạo Nhiên chi Quảng Lăng* (Tạm biệt Hoàng Hạc tiễn Mạnh Hạo Nhiên đi Quảng Lăng) của đại thi sĩ Lý Bạch:

Cố nhân tây từ Hoàng Hạc lâu
Yên hoa tam nguyệt há Dương Châu
Cô phàm viễn ảnh bích không tận
Duy kiến Trường Giang thiên tế lưu
(Bạn từ lầu Hạc lên đường
Giữa mùa hoa khói, Châu Dương xuôi dòng.
Bóng buồm đã khuất bầu không
Trông theo chỉ thấy dòng sông bên trời
(*Bản dịch của Ngô Tất Tố*)

Hai câu đầu nói tới người đi (Mạnh Hạo Nhiên) với không gian chia ly: Tạm biệt Hoàng Hạc, thời gian chia ly: Giữa mùa hoa khói. Nơi đến: Dương Châu. Như vậy Lý Bạch không tiễn bạn nơi quê nhà mà ở nơi đất khách: Lầu Hạc - một địa danh gắn liền với truyền thuyết vị tiên cưới hạc vàng bay đi. Dương Châu thời điểm bấy giờ là một thành phố nổi tiếng sầm uất nhất vùng Giang Nam mà Lý Bạch đã từng đến. Thế cho nên đằng sau những chi tiết địa danh này còn ẩn một lý do nào đó mà Lý Bạch không thể đi cùng bạn. Điều này cắt nghĩa hai câu sau với những chi tiết đặc sắc càng làm cho tứ thơ tiễn bạn thật nặng tình, chất chứa tâm trạng. Tình lòng trong cảnh: Chiếc buồm cô đơn cũng là người bạn cô đơn đang xa dần rồi mất hút vào màu xanh vô tận của sông nước bao la. Thuyền đi đã khuất bóng mà người đưa tiễn vẫn còn đứng trên lầu cao để trông theo. Chi tiết cô phàm (cánh buồm cô đơn) cho thấy nhà thơ không chỉ nhìn theo bằng mắt mà còn nhìn bằng cả tấm lòng.

Như vậy trong phép làm văn, sự dụng công hướng vào việc tìm ra chi tiết. Chi tiết càng có sức biểu hiện càng góp phần nâng cao giá trị tác phẩm. Không bao giờ có một tác phẩm hay mà chi tiết lại nhạt nhẽo, nông cạn, thiếu sức sống.

Đề bài 1: “Ở mỗi truyện ngắn, mỗi chi tiết đều có vị trí quan trọng như mỗi chữ trong bài thơ tứ tuyệt. Trong đó, có những chi tiết đóng vai trò đặc biệt như nhân vật trong thơ vậy”. (Nguyễn Đăng Mạnh)

Anh (chị) hãy phân tích tác phẩm “Chí Phèo” để làm rõ nhận định trên.

Bài làm

Đã có ý kiến cho rằng: “Chi tiết nhỏ làm nên nhà văn lớn”. Đúng như vậy! Chi tiết nghệ thuật tuy nhỏ nhưng có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong tác phẩm. Chi tiết có khả năng thể hiện, giải thích, làm minh xác câu tứ nghệ thuật của nhà văn trở thành tiêu điểm, điểm hội tụ của tư tưởng tác giả trong tác phẩm. Chính vì thế, giáo sư Nguyễn Đăng Mạnh đã nhận định: “Ở mỗi truyện ngắn, mỗi chi tiết đều có vị trí quan trọng như mỗi chữ trong bài thơ tứ tuyệt. Trong đó, có những chi tiết đóng vai trò đặc biệt như nhân vật trong thơ vậy”. Minh chứng rõ ràng nhất cho nhận định trên là tác phẩm “Chí Phèo” của Nam Cao.

Đầu tiên, ta thấy trong ý kiến của Nguyễn Đăng Mạnh có nhắc đến hai chữ “chi tiết”. Chi tiết hay nói chính xác hơn là chi tiết nghệ thuật là những yếu tố nhỏ lẻ của tác phẩm nhưng mang sức chứa lớn về cảm xúc và tư tưởng. Tác phẩm nghệ thuật lôi cuốn người đọc là nhờ nhiều yếu tố trong đó chi tiết đóng vai trò quan trọng. Thường thường, truyện ngắn cô đọng hàm súc về dung lượng nên mọi chi tiết đều phải có sự lựa chọn kỹ lưỡng của nhà văn. Chi tiết này dẫn đến chi tiết khác tạo nên sự hấp dẫn, mang theo chiều sâu ý nghĩa của tác giả gửi gắm qua tác phẩm. Thậm chí, có những chi tiết trong tác phẩm có một vị trí đặc biệt quan trọng như “nhân vật” tức con mắt trong thơ tứ tuyệt. Chi tiết góp phần hình thành tính cách nhân vật, chủ đề tác phẩm khẳng định sự tinh tế, độc đáo, tài hoa của nhà văn. Cách đánh giá của Giáo sư Nguyễn Đăng Mạnh không chỉ đặt ra yêu cầu sáng tạo các chi tiết độc đáo. Truyện ngắn “Chí Phèo” của Nam Cao được xem là bậc thầy trong việc sáng tạo ra các chi tiết nghệ thuật đặc sắc. Trong “Chí Phèo” ta có thể thấy rằng có rất nhiều các chi tiết đặc sắc tạo nên giá trị của tác phẩm như chi tiết tiếng chửi của Chí ở đầu truyện, chi tiết cái bóng, chi tiết tỉnh rượu sau cuộc gặp gỡ với Thị Nở ở bờ sông, đặc biệt, nhân vật của bài có thể được xem là chi tiết bát cháo hành và hơi cháo hành, rồi chi tiết Chí ôm mặt khóc vì bị Thị từ chối, cuối cùng là chi tiết giết Bá Kiến... Các chi tiết trên có một vị trí đặc biệt trong tác phẩm và thể hiện được tài năng của nhà văn.

Trước tiên, ngay từ mở đầu tác phẩm, ta thấy xuất hiện một chi tiết khá độc đáo. Đó chính là chi tiết Chí Phèo chửi. Chí Phèo xuất hiện lần đầu tiên trước mặt người đọc không phải bằng xương bằng thịt mà là bằng tiếng chửi. Chí vừa đi vừa chửi “chửi trời, chửi đời, chửi cả làng Vũ Đại, chửi cha đứa nào không chửi nhau với hắn, chửi đứa chết mẹ nào đẻ ra thân hắn”. Đó là tiếng chửi vật vã, đau đớn của một thân phận con người ít nhiều nhận thức được bi kịch của chính mình. Chí đã bị đánh bật ra khỏi cái xã hội của loài người. Xã hội mà dù sống trong nó Chí cũng không còn được xem là con người nữa. Nam Cao rất tinh tế trong việc đưa chi tiết này lên đầu câu chuyện bởi đây vừa là cái nền cho sự tò mò của người đọc về thân phận Chí vừa là chi tiết thể hiện được thái độ xót xa, thương cảm của chính nhà văn.

Với chi tiết tiếng chửi của Chí Phèo, Nam Cao đã khéo léo đưa người đọc vào một tuổi thơ đầy cay đắng, bất hạnh của kiếp người. Chí sinh ra gắn liền với con số không: không cha, không mẹ, không họ hàng thân thích... Chí là một đứa con bị bỏ rơi bên chiếc lò gạch cũ, được dân làng truyền tay nhau nuôi nấng. Lớn lên, Chí hết đi ở cho nhà này lại đi ở cho nhà người khác, năm hai mươi tuổi thì làm canh điền cho nhà

Bá Kiến. Chí là một anh nông dân hiền lành, biết ghét những gì mà người ta cho là đáng khinh. Chí đã từng có một ước mơ giản dị “Chồng cuộc mướn, cày thuê, vợ dệt vải. Chúng lại bỏ một con lợn làm vốn liếng, khá giả thì mua dăm ba sào ruộng làm”. Thế nhưng, chỉ với cái con ghen vu vơ của lão Bá Kiến, cái ước mơ ấy đã bị bóp nghẹt và Chí bị đẩy vào nhà tù thực dân. Sau bảy tám năm ra tù, con người Chí hoàn toàn khác. Cả nhân hình và nhân tính cũng bị thay đổi. Chí Phèo trở về mà không ai nhận ra “cái đầu thì trọc lóc, cái răng cạo trắng hớn, cái mặt đen mà rất cong cong, hai mắt gườm gườm trông ghớm chết...” Cả nhân tính cũng biến dạng. Từ một anh nông dân hiền lành như đất giời thì trở thành một thằng say, về hôm trước hôm sau đã uống rượu đến xé chiều và say khướt. Rồi cũng từ đó, Chí trở thành tay sai đắc lực cho lão Bá Kiến sống bằng máu và nước mắt của dân làng Vũ Đại. Trước kia, thì hiền lành, giàu lòng tự trọng giờ đây Chí trở nên ghớm ghê, dữ tợn với bộ dạng của một teenn lưu manh, côn đồ, một thằng liều mạng thậm chí là một con quỷ dữ.

Tưởng rằng Chí sẽ bị trượt dài trên con đường lưu manh nhưng Thị Nở xuất hiện ở với Chí trong một đêm trăng sáng đã nâng đỡ con người kia dậy. Buổi sáng hôm sau khi thức dậy Chí đã hoàn toàn tỉnh rượu. Chi tiết Chí Phèo tỉnh rượu sau cuộc gặp gỡ với Thị Nở ở bờ sông đã khẳng định một điều rằng phần người trong Chí Phèo vẫn đang còn tồn tại. Lần đầu tiên trong cuộc đời Chí Phèo tỉnh dậy chợt nhận ra nơi căn lều ẩm thấp là ánh nắng ngoài kia rực rỡ biết bao, nghe được tiếng chim hót ngoài kia vui vẻ quá, tiếng anh thuyền chài gõ mái chèo trên sông, tiếng lao xao của người bán vải về... Những âm thanh ấy ngày nào mà chả có nhưng hôm nay Chí mới nghe thấy. Một con quỷ dữ mà cũng cảm nhận được những điều tinh tế đó sao? Từ khi ra tù về, đây là lần đầu tiên Chí Phèo thấy tỉnh. Nhưng qua chi tiết này ta thấy rằng Nam Cao không trách, không giận Chí Phèo mà ngòi bút của ông dành cho nhân vật này vẫn nồng nàn yêu thương. Ông phát hiện trong chiều sâu của nhân vật vẫn là bản tính tốt đẹp, chỉ cần chút tình thương chạm khẽ vào là có thể sống dậy mạnh mẽ, tha thiết. Và Chí Phèo tỉnh dậy cũng là chi tiết nghệ thuật đặc sắc làm nên chất thơ cho tác phẩm. Chính cuộc sống đã lay động tiềm thức xa xôi của Chí, nó như từng giọt nước thối vào tâm hồn khô cằn, sỏi đá của Chí và hơn hết, nó làm sống dậy một ước mơ thời trai trẻ: “có một gia đình nho nhỏ, chồng cuộc mướn cày thuê, vợ dệt vải. Chúng lại bỏ một con lợn nuôi để làm vốn liếng, khá giả thì mua dăm ba sào ruộng làm”.

Tiếp ngay sau đó, một chi tiết có thể được xem là “nhãn tự” của truyện ngắn này đó chính là chi tiết bát cháo hành và hơi cháo hành. Khi Chí Phèo đang suy nghĩ sau cơn tỉnh rượu thì với bàn tay ân cần của mình, Thị Nở đã khơi dậy trong Chí phần người bằng một bát cháo hành. Bát cháo hành chính là liều thuốc giải độc góp phần thức tỉnh phần người trong con quỷ dữ. Kỳ diệu làm sao bát cháo hành Thị Nở, là một liều tiên được vừa giải cảm vừa giải độc. Cháo hành đã tẩy đi ổ men rượu, gột rửa những tội lỗi của con người. Cháo hành có hương vị đặc biệt quá, những kẻ vô nhân tính như cha con nhà Bá Kiến làm sao mà biết được. Đó là hương vị của tình người, của tình thương và tình yêu- một thứ tình cảm mộc mạc và chân thành. Khi cả làng Vũ Đại không chấp nhận Chí là con người thì Thị Nở đã dang rộng vòng tay để đón lấy anh. Và bát cháo hành kia vô hình chung đã sưởi ấm cho trái tim nguội lạnh và mở đầu cho một mối duyên duyên. Nhìn bát cháo hành bốc khói mà lòng Chí Phèo xao xuyến, băng khuâng. Hắn ăn cháo hành và lấy làm mãn nguyện vì vị ngon của nó. Chí Phèo quen sống với một kiểu định nghĩa: muốn có cái ăn hắn phải kêu làng, phải rạch mặt ăn vạ, hắn phải thực sự hóa thân thành con quỷ dữ... Mỗi miếng ăn hàng ngày của Chí phải có máu và nước mắt của người dân làng Vũ Đại. Nhưng hôm nay dường như cái triết lí sống của Chí đã thay

đổi, những gì hắn có giờ đã phản bội lại hắn. Hơn thế từ xưa đến nay, Chí luôn phải đi phục tùng cho người khác thế mà giờ đây lần đầu tiên, trong cuộc đời, Chí Phèo được hưởng sự chăm sóc bởi bàn tay của một phụ nữ và hắn đã khóc. Cảm giác hạnh phúc được sống trong tình thương đã đánh thức chất người trong Chí- cái bản chất lương thiện lâu nay đã tưởng chết hẳn trong cái lốt của một con quỷ dữ. Chi hiểu ra rằng người ta sống với nhau không chỉ bằng tội ác mà còn cả bằng tình thương yêu nữa. Chí đã thực sự hiểu ra chính mình, đã thực sự thay đổi.

Song song cùng với bát cháo hành là hơi cháo hành. Dường như cái hơi cháo hành đã làm mất của Chí uơng ướn, nó phảng phất phục sinh phần người trong Chí... Hắn có thể sống với người ta bằng tình yêu, hắn nhen nhóm ước mơ về một cuộc sống bình dị... Hương cháo là hương cuộc đời, hương tình yêu mà từ trước đến giờ chưa ai cho Chí cả... Hương cháo giản dị, mộc mạc đến đơn sơ nhưng bao nhân tính ẩn chứa, nó giữ chân Chí Phèo đứng lại ở bờ của phần người... Nhìn Thị hắn như muốn khóc, hắn cảm động và ngay trong chốc lát “Hắn cảm thấy lòng thành trẻ con, hắn muốn làm nũng với Thị như làm nũng với mẹ...” Đó là giây phút mà hắn người nhất. Đã hai lần Thị Nở đã phải thốt lên “Ôi sao mà hắn hiền!” rồi “Những lúc tỉnh táo hắn cười nghe thật hiền”. Cảm giác được yêu thương và chờ che đã làm Chí trỗi dậy một tình yêu cuộc sống. Phần quỷ tạm thời rũ bỏ. Đó là giây phút Chí thêm lương thiện và khát khao làm hòa với mọi người. Rồi đến khát vọng hạnh phúc với Thị Nở “Giá cứ như thế này mãi thì tốt nhỉ...” hay “mình sang đây ở với tớ một nhà cho vui”

Và rồi khi biết bà cô Thị Nở ngăn không cho Thị Nở lấy mình, Chí đau đớn và phẫn nộ. Chí lại uống rượu nhưng càng uống lại càng tỉnh, càng buồn. Hắn cứ thoang thoang thấy hơi cháo hành. Đó là hương vị được hạnh phúc, được yêu thương, được làm người, hắn đã một lần nếm và không thể quên được nên không thể quay lại kiếp sống của một con vật. Chí đã muốn hoàn lương nhưng cái định kiến xã hội đã đẩy Chí đi xa và không còn cho Chí được trở về với cuộc sống của con người nữa. Càng nghĩ ta càng thấy thương hơn là căm hận Chí, thấy đồng cảm hơn là thấy trách móc Chí. Tóm lại, hình ảnh bát cháo hành và hơi cháo hành góp phần khắc sâu thêm chủ đề của truyện. Miêu tả tấn bi kịch bị tước đoạt quyền làm người của người nông dân nghèo trong xã hội cũ, đồng thời cũng biểu hiện một tư tưởng của Nam Cao: tội ác hủy diệt tính người nhưng tình thương sẽ cứu rỗi linh hồn con người.

Cũng là khi Thị Nở bỏ Chí Phèo, ta thấy có một chi tiết Chí ôm mặt ngồi khóc. Đây cũng chính là chi tiết khá quan trọng. Chí Phèo muốn được hạnh phúc nhưng xã hội không cho phép cái hạnh phúc của một kẻ không cha, không mẹ như Chí được tồn tại. Một kẻ lưu manh cũng biết ngồi khóc ư? Không! Lúc này đây Chí không phải là một kẻ lưu manh nữa mà đã là một con người có tình cảm, có nhận thức. Tội nghiệp cho Chí, một quyền bình đẳng như con người, một quyền được mưu cầu hạnh phúc cũng không có mà Chí chỉ còn một con đường duy nhất để sống đó chính là hóa thân vào kiếp thú vật, vào kiếp quỷ dữ.

Cuối cùng, xung đột giữa khát vọng và hoàn cảnh đã dẫn đến chi tiết cuối cùng của câu chuyện là Chí Phèo kết liễu Bá Kiến. Nhận ra rằng kẻ làm cho mình ra nông nổi này chính là Bá Kiến, mặc dù Chí Phèo định xách dao đến tìm giết con “khom già” và con “đĩ Nở” kia nhưng những bước chân của Chí lại dẫn hắn đến nhà Bá Kiến. Chí đã thấm thía tội ác của kẻ đã cướp đi tư cách làm người, cướp đi cả bộ mặt và linh hồn của mình. Chí Phèo đến nhà Bá Kiến với tư cách là một nô lệ thức tỉnh đòi quyền làm người.

“Tao muốn làm người lương thiện

Ai cho tao lương thiện”?

Đó là những câu hỏi vút lên đầy cay đắng và không lời giải đáp. Câu hỏi chất chứa nỗi đau của một con người thấm thía được nỗi đau khôn cùng của bị kịch cá nhân. Câu hỏi đánh thẳng vào bộ mặt của xã hội bất lương. Câu hỏi như cửa vào tâm can người đọc về một thân phận con người đầy cay đắng trong xã hội cũ. Lương thiện có ngay trong mỗi con người là di sản tinh thần của mỗi con người. Tại sao phải đi đòi lương thiện? Đó chính là vì cái xã hội vô nhân tính ấy cướp đi mất. Thương thay cho Chí, ngay cả cái quyền làm người ấy cũng đã bị cái xã hội ấy bóp nát. Và Chí Phèo cũng đã kết liễu cuộc đời mình sau khi kết liễu tên cáo già Bá Kiến. Cái chất bi thảm của Chí Phèo là lời kết tội danh thép cái xã hội vô nhân đạo đồng thời là tiếng kêu cứu về quyền làm người trong xã hội ấy.

Có thể nói rằng các chi tiết nghệ thuật trong truyện ngắn rất đặc sắc, góp phần không nhỏ tạo nên thành công cho tác phẩm và cho nhà văn, thể hiện khả năng khái quát hiện thực và sáng tạo nghệ thuật của Nam Cao. Từ những chi tiết liên kết, gắn kết với nhau cho ta thấy được cảnh nông thôn Việt Nam trước cách mạng tồn tại hai giai cấp đối lập là nông dân cần lao và bọn thống trị, hơn nữa, còn cho ta thấy rằng quá trình tha hóa, biến chất của người nông dân vì bị đói, bị rét, bị áp bức, bóc lột.

Mặt khác, quá trình lao động nghệ thuật của nhà văn là qua trình lao động công phu, chất lọc từng chi tiết nhỏ trong đời sống để tạo nên những chi tiết nghệ thuật sáng giá. Trong truyện ngắn Chí Phèo, ta có thể coi là trung tâm của toàn câu chuyện thể hiện cách nhìn và tấm lòng nhân đạo của nhà văn điển hình là chi tiết bát cháo hành và hương cháo hành. Nhà văn đã như hóa thân và cảm thông với số phận của người nông dân trước cách mạng.

Đúng như giáo sư Nguyễn Đăng Mạnh đã nhận xét: “Ở mỗi truyện ngắn, mỗi chi tiết đều có vị trí quan trọng như mỗi chữ trong bài thơ tứ tuyệt. Trong đó, có những chi tiết đóng vai trò đặc biệt như nhãn tự trong thơ vậy”. Mỗi chi tiết trong tác phẩm góp phần như mắt xích vậy. Càng đọc Chí Phèo của Nam Cao ta càng hiểu đúng về nhận định trên cũng như biết thế nào là chi tiết nhỏ làm nên tác phẩm lớn.

Đề số 2: Bàn về truyện ngắn, có ý kiến cho rằng: *“Sứ mệnh của thể loại truyện ngắn đặt lên vai các chi tiết nghệ thuật. Chi tiết nghệ thuật trong truyện ngắn là những người tí hon mang nhiệm vụ khổng lồ”*. Anh/ chị hãy bình luận và làm sáng tỏ ý kiến trên qua một vài truyện ngắn Việt Nam giai đoạn 1930-1945.

1. Giải thích

– Chi tiết nghệ thuật: “các tiểu tiết của tác phẩm mang sức chứa lớn về cảm xúc và tư tưởng” (Theo Từ điển thuật ngữ văn học).

– Truyện ngắn: Thể loại tự sự cỡ nhỏ, “thường hướng tới việc khắc họa một hiện tượng, phát hiện một nét bản chất trong quan hệ nhân sinh hay đời sống tâm hồn của con người” (Từ điển thuật ngữ văn học). Truyện ngắn được coi như “lát cắt của đời sống”.

– Sứ mệnh của thể loại truyện ngắn: Qua việc tái hiện những khoảnh khắc đời sống, những hiện tượng nhân sinh, những cảnh huống trong quan hệ giữa người với người, truyện ngắn khái quát lên các vấn đề có ý nghĩa sâu sắc về con người và xã hội; qua một lát cắt đời sống mà người đọc thấy cả cái cây đời, qua cái khoảnh khắc mà nói được cái muôn thuở của cõi người.

– Những người tí hon mang nhiệm vụ khổng lồ: Chi tiết nghệ thuật là đơn vị nhỏ nhất cấu thành tác phẩm nhưng nó mang trọng trách lớn lao: làm nổi bật tính cách, phẩm chất của nhân vật; chủ đề của tác phẩm; quan niệm thẩm mỹ, tư tưởng nghệ thuật, phong cách nghệ thuật của nhà văn; tạo nên chiều sâu và sức hấp dẫn cho tác phẩm...

=> Ý kiến đã khẳng định vai trò then chốt, tầm quan trọng không thể thiếu của chi tiết nghệ thuật trong truyện ngắn.

2. Lí giải

Sở dĩ chi tiết nghệ thuật có vai trò đặc biệt quan trọng trong truyện ngắn là vì:

+ Truyện ngắn có dung lượng nhỏ; số lượng nhân vật, sự kiện không nhiều; cốt truyện diễn ra trong một thời gian, không gian hạn chế, thường chỉ xoay quanh một tình huống có tính chất chủ đạo. Nhưng điều quan trọng là những gì phản ánh phải có sức khái quát, có chiều sâu, vượt ra ngoài khuôn khổ của câu chữ. Truyện ngắn là “tác phẩm có bề sâu nhưng lại không được dài”.

+ Để giải quyết mâu thuẫn trên, cần phải có những chi tiết nghệ thuật đắt giá trong tác phẩm. Đó là những điểm sáng hội tụ chiều sâu nội dung và vẻ đẹp nghệ thuật của tác phẩm, cô đúc những điều nhà văn muốn nói trong một dung lượng câu chữ khiêm tốn, tạo nên những trang văn hàm súc, nói ít gợi nhiều. Chi tiết nghệ thuật trong truyện ngắn phải gánh vác nhiệm vụ nặng nề, có ý nghĩa then chốt trong việc thực hiện sứ mệnh của thể loại. Dù chỉ là tiểu tiết của tác phẩm nhưng những gì nó làm được thì thật lớn lao.

3. Phân tích, chứng minh:

– Thí sinh chọn và phân tích một vài chi tiết nghệ thuật đặc sắc trong các truyện ngắn Việt Nam giai đoạn 1930-1945 để làm sáng tỏ vấn đề đang bàn luận.

4. Bình luận, mở rộng:

- Đánh giá về ý kiến:

+ Đây là ý kiến đúng đắn, “bắt mạch” được một phương diện cơ bản trong đặc trưng của truyện ngắn.

+ Đề cao vai trò của chi tiết nghệ thuật trong truyện ngắn nhưng không có nghĩa là đẩy vai trò ấy lên địa vị độc tôn. Bên cạnh chi tiết nghệ thuật, những yếu tố khác cũng có ý nghĩa không nhỏ trong truyện ngắn: tình huống truyện, nhân vật, ngôn ngữ...

+ Chi tiết nghệ thuật không chỉ quan trọng đối với thể loại truyện ngắn mà đối với tất cả các thể loại văn học, sức nặng nghệ thuật của tác phẩm sẽ tăng lên rất nhiều khi chủ thể sáng tạo sản sinh được những chi tiết “có tầm”.

- Đánh giá về tác giả, tác phẩm vừa phân tích để chứng minh

- Bài học cho người sáng tác và người tiếp nhận.

+ Người sáng tác: Những người đã gắn đời văn của mình với nghiệp viết truyện ngắn cần nhận thức được sâu sắc vai trò của các chi tiết nghệ thuật ở thể loại này, không ngừng khổ luyện để nâng cao nội lực, mài sắc tài năng, từ đó cho ra đời những chi tiết đặc sắc, độc đáo, có khả năng “đóng đinh” vào lòng người đọc.

– Người tiếp nhận: khi đến với truyện ngắn cần phải sống hết mình với tác phẩm, cần sự cảm thụ tinh tế để có thể phát hiện, giải mã các chi tiết đặc sắc – những “huyệt đạo” làm bùng sáng nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.

Đề số 3: Nhận xét về vai trò của chi tiết nghệ thuật trong tác phẩm truyện, có ý kiến cho rằng: “Chi tiết nhỏ làm nên nhà văn lớn” M.Gorki. Hãy chọn hai chi tiết

đặc sắc “Chữ người tử tù” Của Nguyễn Tuân và “Chí Phèo” của Nam Cao để làm sáng tỏ ý kiến trên.

I. Mở bài: Giới thiệu ý kiến của M.Gorki và hai tác phẩm Chữ người tử tù, Chí Phèo

Nhà văn Nguyễn Tuân từng nói rằng “Nghệ thuật là lĩnh vực của cái độc đáo”. Thật vậy mỗi tác phẩm nghệ thuật đòi hỏi phải mang một dấu ấn, ấn tượng sâu sắc riêng biệt trong lòng người đọc, có như vậy tác phẩm mới có thể sống và tỏa sáng giữa dòng chảy của thời gian và sự thay đổi của thị hiếu xã hội. Tác phẩm muốn độc đáo thì nhà văn cần phải tạo sự độc đáo, ấn tượng từ những điều nhỏ nhặt nhất cấu thành nên tác phẩm, cùng với cốt truyện tình huống truyện thì chi tiết nghệ thuật cũng là yếu tố quan trọng trong tác phẩm văn chương tự sự, để tạo nên sự thành công đồng thời mang đến những dấu ấn riêng cho tác giả. Như M.Gorki nhận xét “chi tiết nhỏ làm nên nhà văn lớn”, chi tiết trong tác phẩm “Chữ Người Tử Tù” của Nguyễn Tuân và “Chí Phèo” của Nam Cao, chi tiết cảnh cho chữ và bát cháo hành đã cho ta thấy rõ được điều này.

II. Thân bài

1. Giải thích ý kiến

Nhà văn Nga **Pauxtopxki** từng nói: “chi tiết làm nên bụi vàng của tác phẩm”, dù chỉ là bụi những chi tiết lại có giá trị như vàng, rất quý giá, chi tiết là phần rất nhỏ, điểm nhỏ trong nội dung, sự việc hoặc hiện tượng, chi tiết nghệ thuật là những tiểu tiết trong tác phẩm góp phần cấu thành nên tác phẩm theo từ điển thuật ngữ văn học, chi tiết Nghệ thuật mang sức chứa lớn về cảm xúc và tư tưởng, nhà văn lớn là nhà văn có tài năng nổi bật, có phong cách riêng biệt và mỗi tác phẩm của mình là nhà văn đó đều mang lại sự ấn tượng trong lòng người đọc.

Qua ý kiến của mình M.Gorki muốn cho người đọc hiểu được rằng chi tiết nghệ thuật chỉ là một phần nhỏ trong số toàn bộ tác phẩm, nhưng cả tác phẩm lại được tạo thành sự kết hợp của các chi tiết ấy. Như vậy xây dựng một công trình muốn đạt đến độ chắc chắn, toàn mỹ, từng chi tiết cấu tạo trong quá trình xây dựng là điều quan trọng. Nhà văn có tài năng thực thụ sẽ biết cách tạo ra những chi tiết đặc biệt, đặc sắc nhất cho tác phẩm của mình và chính chi tiết đặc sắc đó sẽ tạo nên tên tuổi của tác giả. Ý kiến của M.Gorki nhằm khẳng định vai trò quan trọng của chi tiết nghệ thuật trong tác phẩm văn chương tự sự.

Chi tiết dù nhỏ nhưng lại mang giá trị lớn, chi tiết nhỏ mang sức chứa lớn về cảm xúc, tư tưởng giúp tác phẩm văn chương tự sự phản ánh được cuộc sống cả ở bề rộng và bề sâu, khám phá được những triết lý nhân sinh, sâu sắc. Chi tiết nghệ thuật thể hiện điều gì đó trong số phận tính cách nhân vật, mang giá trị nhân đạo, giá trị hiện thực, tư tưởng trong tác phẩm thể hiện nghệ thuật tác phẩm, phong cách tác giả và phản ánh phong cách nghệ thuật của nhà văn.

Phân tích, chứng minh ý kiến

Nếu như tác phẩm trứ tình thiên về hiện thực, chủ quan bộc lộ thế giới tình cảm mãnh liệt, từng cung bậc cảm xúc thì tự sự lại thiên về hiện thực khách quan. Thể hiện cả chiều sâu, lẫn bề sâu của tác phẩm, điều đó nằm ở chi tiết rất nhỏ trong truyện. Ta cần đặt chi tiết vào diễn biến cốt truyện ở cái nhìn bao quát, như vậy mới thấy được ý nghĩa mà chi tiết nghệ thuật mang lại. Nhà văn tài năng là người xây dựng được những chi tiết nghệ thuật nhỏ, mang giá trị lớn.

2. Phân tích, chứng minh:

- Nguyễn Tuân và Nam Cao là những nhà văn tài năng như vậy, đặc biệt qua 2 chi tiết cảnh cho chữ và bát cháo hành trong truyện ngắn Chữ Người Tử Tù của Nguyễn

Tuân và Chí Phèo của Nam Cao. Người đọc nhận ra rõ hơn tài năng của nhà văn và giá trị mà chi tiết nghệ thuật mang lại cho tác phẩm.

- Phân tích chi tiết trong “Chữ người tử tù”: Cảnh cho chữ, hành động vái lạy người tù, giọt nước mắt của quản ngục...

- Phân tích chi tiết bát trong Chí Phèo: Tiếng chửi, bát cháo hành, cái lò gạch cũ

3. Bình luận

- **Đánh giá về ý kiến:** rất đúng đắn khi khẳng định vai trò của chi tiết trong tác phẩm.

- **Đánh giá về hai nhà văn và hai tác phẩm:** Mặc dù hai nhà văn Nguyễn Tuân và Nam Cao là hai nhà văn theo khuynh hướng văn học khác nhau, Nguyễn Tuân theo khuynh hướng lãng mạn, còn Nam Cao nghiêng về mảng văn học hiện thực phê phán. Mỗi nhà văn lại sở hữu phong cách nghệ thuật quan điểm sống khác nhau, nhưng họ đều là những nhà văn lớn, sáng tạo nên những chi tiết nghệ thuật đặc sắc, độc đáo có một không hai, chi tiết cảnh cho chữ và chi tiết bát cháo hành đó là những chi tiết Nghệ thuật đắt giá làm nên tên tuổi của nhà văn, đúng như M.Gorki từng nói “chi tiết nhỏ làm nên nhà văn lớn”.

- **Bài học với người sáng tác và tiếp nhận:**

+ Người sáng tác: Những người đã gắn đời văn của mình với nghiệp viết truyện ngắn cần nhận thức được sâu sắc vai trò của các chi tiết nghệ thuật ở thể loại này, không ngừng khổ luyện để nâng cao nội lực, mài sắc tài năng, từ đó cho ra đời những chi tiết đặc sắc, độc đáo, có khả năng “đóng đinh” vào lòng người đọc.

+ Người tiếp nhận: khi đến với truyện ngắn cần phải sống hết mình với tác phẩm, cần sự cảm thụ tinh tế để có thể phát hiện, giải mã các chi tiết đặc sắc – những “huyết đạo” làm bùng sáng nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.

III. Kết bài

Không những có chi tiết Nghệ thuật độc đáo mà truyện ngắn Chữ Người Tử Tù của Nguyễn Tuân và truyện ngắn Chí Phèo của Nam Cao còn thành công nhờ vào cốt truyện hay, tình huống truyện đặc sắc, ngôn ngữ mang đậm phong cách của tác giả, một bên thì tài hoa điêu luyện, một bên thì mộc mạc chân thực. Mỗi tác phẩm lại mang đến cho người đọc những cung bậc cảm xúc, những triết lý sâu sắc mà tác giả muốn gửi gắm đến người đọc “chi tiết nhỏ làm nên nhà văn lớn”, nhưng phải là một nhà văn thật sự tài năng mới có thể sáng tạo nên những chi tiết nghệ thuật gây dấu ấn cho tên tuổi của mình. Nguyễn Tuân và Nam Cao là hai nhà văn lớn, mà các tác phẩm của hai ông sẽ mãi mãi được hậu thế yêu quý và được trân trọng./.

Đề số 4: “Nghệ thuật tạo vẻ đẹp cho dòng nước mắt, biến nỗi thống khổ của nhân loại thành tiếng hát vô biên” (Đặng Tiến – Vũ trụ thơ).

Bằng việc phân tích chi tiết giọt nước mắt của viên quản ngục (Chữ người tử tù – Nguyễn Tuân) và giọt nước mắt của Chí Phèo, anh chị hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

Nguyễn Văn Thạc từng viết: “Cuộc sống còn tuyệt vời biết bao trong thực tế và trên trang sách. Nhưng cuộc sống cũng bi thảm biết bao. Cái đẹp còn trộn lẫn niềm sầu muộn, cái nên thơ còn lóng lánh những giọt nước mắt ở đời”. Phải chăng cuộc sống trong tính hiện thực của nó, niềm vui luôn đi đôi với nỗi buồn, ánh sáng luôn tồn tại bên cạnh bóng tối, cái xấu luôn xen lẫn cái tốt và niềm hạnh phúc thường đi đôi với nỗi đau bất hạnh? Và niềm đau của con người xưa nay đã trở thành động lực thôi thúc người

nghệ sĩ cầm bút. Khi ấy, ta nói: “Nghệ thuật tạo vẻ đẹp cho dòng nước mắt, biến nỗi thống khổ của nhân loại thành tiếng hát vô biên” (Đăng Tiến – Vũ trụ thơ).

Tạo hóa trao cho con người ngôn ngữ để sáng tạo nghệ thuật. Từ những lời hát trong lao động của người nguyên thủy, những lời nguyện cầu mong ước mùa màng tốt lành cho đến những vần thơ, thiên truyện dồi dào xúc cảm trên trang giấy. Có thể nói nghệ thuật – gam màu lớn của cái đẹp, đang mang trong mình những sắc thái nhỏ mà trong đó, văn học chính là một loại hình ngôn từ - đóa hồng sắc sỡ của vườn thảo mộc văn chương. Văn học phản ánh cuộc sống xuôi theo mạch chảy ngọt ngào của hiện thực. Hiện thực lại gắn liền với dòng nước mắt – là nỗi đau, sự tuyệt vọng, bế tắc, là tấn bi kịch không thể thoát thành lời. Nhưng nghệ thuật không chỉ bóc trần nỗi đau một cách vô nghĩa. Khi con người đắm mình trong nỗi sầu, cũng là lúc vẻ đẹp trong tâm hồn họ trỗi dậy, làm nên làn sóng căn tràn xúc cảm xô bờ lên trái tim người đọc, xâu chuỗi với nhau, kết tinh thành bức chân dung của chính tác phẩm ấy. Chưa dừng lại đó, nghệ thuật còn ẩn mình qua khả năng cải tạo hiện thực của nó. Từ nỗi buồn, văn chương thay áo mới cho những cung bậc xúc cảm của nhân loại, biến niềm đau thành niềm hi vọng, khích lệ, động viên con người chiến thắng số phận làm chủ cuộc đời. Như vậy, nhận định trên đã khiến ta thêm thấu tỏ những khía cạnh của chức năng và đặc trưng văn học. Nghệ thuật là sự thấu hiểu cho nỗi khốn cùng của loài người và là hành trình tìm kiếm vẻ đẹp, giá trị cốt lõi của tâm hồn. Đồng thời, nó còn cất lên tiếng lòng tri âm đồng điệu, xoa dịu vết thương, tiếp thêm sức mạnh cho bao mảnh đời vượt qua bể khổ bằng bà ca của niềm hạnh phúc, bằng tiếng hát vô biên.

Giữa biết bao bận bịu của buổi chợ phiên văn chương, giữa náo nhiệt, đông đúc của các gian hàng lằng mạn, giữa những đôn gánh ngập tràn vẻ đẹp cao cả, thiêng liêng, tại sao nhà văn lại phải đi đến những chân trời xa xôi để tạo nên vẻ đẹp cho dòng nước mắt? Tại sao giữa vạn vết cắt đời sống, người nghệ sĩ lại nguyện gắn ngòi bút của mình với những kiếp người đau khổ, với những trần trở của cõi đời mệnh mông? Bởi, con người chính là đối tượng phản ánh của văn học. Con người với tất cả những niềm vui, tâm tư, khát vọng luôn là đích đến của văn học, là mối quan tâm hàng đầu của người nghệ sĩ chân chính, đặc biệt là con người và niềm đau. Là dòng sông in bóng cuộc đời, là tấm gương soi chiếu hiện thực, văn học không thể khước từ những tiếng khóc than hay lời tuyệt vọng ai oán mà trái lại, bể khổ của nhân loại chính là hầm mỏ khai thác không bao giờ vơi cạn của người cầm bút. Có phải chăng người nghệ sĩ nên làm như Nadim-Hicmet từng nói: “Con hãy lắng nghe nỗi buồn của cành cây héo khô, của chim muông què quặt, của hành tinh lạnh ngắt nhưng trước hết con hãy lắng nghe nỗi buồn của con người”. Bên cạnh đó, sáng tác văn học là hành trình tìm kiếm, chinh phục cái đẹp trên mọi giao lộ của cuộc đời. Niềm vui của người nghệ sĩ là niềm vui của người dẫn đường đến xứ sở của cái đẹp. Và có lẽ, giọt nước mắt khổ đau cũng mang trong mình vẻ đẹp tiềm ẩn nào đó. “Tạo vẻ đẹp cho dòng nước mắt” chính là khám phá, chất lọc những hạt ngọc ẩn sâu dưới lớp vỏ bọc tâm hồn của con người từ hiện thực đời sống. Từ cội nguồn của nỗi khổ, của số phận nghiệt ngã, nhà văn rẽ hướng đến những vẻ đẹp của tình thương, của niềm hi vọng, của ước mơ, hoài bão,... làm nên dáng vóc con người để tôn vinh, ca ngợi các giá trị chân thiện mỹ và quan trọng hơn hết là các giá trị người. Chính vì điều đó, mỗi nhà văn, trước hết phải là “người cho máu”, là kẻ đa đoan ôm trọn nỗi đau người, đau đời tha thiết, phải thu gọn vào tầm mắt lớp bụi đời thô ráp, bé nhỏ để gọi mở những lát cắt giản dị của cuộc đời. Với sứ mệnh cao cả và thiêng liêng ấy, người cầm bút phải khám phá được tinh hoa của vẻ đẹp sáng ngời trong tâm

hồn nhân loại, hạt bụi vàng trong lớp vữa trầm tích hiện thực, khơi dậy ở người đọc niềm tin vĩnh cửu về cái đẹp và cái thiện của mỗi con người.

Nghệ thuật chính là cây đàn muôn điệu của tâm hồn, là bến đỗ của sự thanh bình, giúp con người trở về với bản chất thực sự, với cái lương tri vốn có. Văn học sẽ còn lại gì nếu mất đi khả năng cải tạo hiện thực của nó? Sẽ ra sao nếu nghệ thuật không thể là mảnh đất ươm mầm những nhánh hoa hi vọng hay tiếng hát yêu thương? Khi ấy, tác phẩm nghệ thuật sẽ không: “nằm ngoài quy luật của sự băng hoại” và phải tự nó thừa nhận cái chết trước dòng sông năm tháng, trước những thành trì vĩnh cửu, trước những kì quan của tạo hóa. Vì lẽ đó, văn chương phải là ngọn lửa châm ngòi để sự thấu hiểu lan tỏa, là tiếng hát cất cao để thành nhip cầu sẽ chia giữa trái tim với trái tim, giữa con người với con người và là ngọn gió đưa lối bao mảnh đời thoát khỏi thung lũng đau thương để đến với cánh đồng hạnh phúc. Bởi văn chương nói chung và tác phẩm văn học nói riêng không tồn tại như một vòng tròn khép kín mà là xứ sở của vùng đất muôn màu, ảnh hưởng đến sự vật xung quanh nó. Nhà nghiên cứu Lê Ngọc Trà từng nói: “Nghệ thuật là tiếng nói của tình cảm, là sự tự giải bày và gửi gắm tâm tư”, như vậy, từ nỗi đau, từ số phận bi thương, từ tiếng khóc than hay lời tuyệt vọng, tác phẩm văn học đã vượt qua mọi bờ cõi và giới hạn, khiến người gần người hơn, xoa dịu nỗi đau, thỏa lấp vết thương lòng và rung lên những cung bậc tình cảm sâu xa nhất.

Văn chương – đó không chỉ là cái đẹp, cái bóng bẩy của ngon từ, của nghệ thuật thanh cao thuần khiết, không chỉ là thứ nước phép màu nhiệm thanh lọc và tưới mát tâm hồn mà hơn thế, văn chương còn là tình yêu, cuộc sống của bao người. Như biết bao người cầm bút trên cõi đời, gánh trên vai thiên chức và trách nhiệm của nghề văn. Nam Cao đã đúc kết cho mình một quan niệm sâu sắc về nghệ thuật: “Nghệ thuật chỉ có thể là tiếng đau khổ kia thoát ra từ những kiếp lầm than”. Có lẽ, đối với nhà văn, phát hiện và khẳng định bản chất tốt đẹp của những người lao động nghèo khổ bị đẩy dụa giữa chốn lầm than chính là mục tiêu của người cầm bút. Phải có niềm tin to lớn ở con người, phải có đôi mắt đong đầy nhân ái, Nam Cao mới phát hiện được những đốm sáng đặc biệt ấy trong lòng người. Và “Chí Phèo” là tác phẩm minh chứng điều đó.

Xuyên suốt thiên truyện, nam Cao đã gióng lên hồi chuông cảnh báo về một bức tranh hiện thực xã hội chân thực, cuộc sống cơ cực, nỗi thống khổ, bị kịch tha hóa bị tước đi quyền làm người của người nông dân trong xã hội thực dân nửa phong kiến suy tàn. Trong cái xã hội rối ren ấy, những con người lương thiện bị đẩy vào con đường lưu manh háo với biết bao ê chề, tủi hổ, tiêu biểu là nhân vật Chí Phèo. Với lăng kính nghệ thuật của riêng mình, Nam Cao nhận ra điều mà xã hội định kiến như làng Vũ Đại còn thiếu đó chính là lòng tốt. Và sự lương thiện đáng quý đó ông trao cho Thị Nở - người đàn bà xấu xí bị cả làng xa lánh, dè chừng. Tình yêu thương đó kết tinh trong bát cháo hành đã gieo lên trong lòng Chí Phèo hạt mầm của nhân tính, kéo con quỷ dữ từ địa ngục trở về. Những tưởng bức tranh hiện thực với gam màu trầm buồn, lạnh ngắt, thiếu vắng tình người sẽ khép lại, mở ra cho ta những tia nắng vàng rực rỡ, nhưng không. Khát vọng làm người của Chí Phèo và mối tình của anh với Thị Nở bị bà cô Thị Nở, nhân dân làng Vũ Đại và những định kiến trong xã hội, chối bỏ. Để rồi, nỗi thất vọng, đau thương, ngỡ ngàng bủa vây lấy Chí. Chí cố tìm đến hơi men để lần trốn hiện thực, chạy trốn chính mình nhưng thất bại ê chề: “Tỉnh ra, chao ôi là buồn” Sau tất cả, sau những nhát dao khắc sâu vào vết thương lòng, sau những chua xót, cay đắng của cái ao đời phẳng lặng, Chí khóc. Hắn khóc những giọt nước mắt đau thương đến tận cùng, khóc cho một tình yêu chưa bén mà đã tàn, khóc cho bị kịch bị khước từ, khóc cho khát vọng hoàn lương bị vùi dập. Đây là lần đầu tiên cũng là lần duy nhất Chí Phèo khóc

trong tác phẩm. Đã nhiều lần, giọt nước mắt ấy chực rơi nhưng lại được tình thương của Thị nâng đỡ: “Nếu Thị không vào. Cứ để hắt vắn vợ nghĩ mãi thì khóc được mắt”. Ấy đâu phải là giọt nước mắt bi ai, mà là giọt nước mắt của hạnh phúc, của niềm hi vọng, của sự hân hoan chào đón ngày hoàn lương. Chỉ khi tình yêu bị khước từ, mọi điểm tựa tinh thần vỡ nát, cánh công đến miền đất hứa đóng sầm lại, Chí Phèo mới bật khóc trong nỗi đau tận cùng của số phận.

Hình tượng giọt nước mắt chính là một khám phá độc đáo mang tính triết lí của Nam Cao về nhân tính của con người. Đối với ông: “Người ta chỉ xấu xa, hư hỏng trước đôi mắt ráo hoảnh của phường ích kỉ và nước mắt là một miếng kính biến hình vũ trụ”. Chính giọt nước mắt là hiện thân của cảm xúc nơi đáy lòng của Chí Phèo bởi nước mắt là ngôn từ nơi trái tim nhưng không thể diễn tả. Và Nam Cao tin rằng khi nào nước mắt con người còn rơi nghĩa là tâm hồn họ còn sống. Phải chăng giọt nước mắt là hiện thân của những cung bậc cảm xúc chân thành nơi trái tim mỗi người? Nó hoàn toàn đi ngược lại với những cơn say triền miên, sự vụt mất ý thức, cảm xúc mà Chí đã từng nếm trải. Bởi có những giọt nước mắt chảy ra ngoài theo những đòn đau để rồi một ngày trái tim lại là đại dương mênh mông còn hơn là những giọt nước mắt chảy ngược vào tim để ngày kia khi nước mắt cạn khô trái tim chỉ còn là cánh đồng trắng muối. Như vậy, qua chi tiết giọt nước mắt, người nghệ sĩ đã miêu tả đầy tinh tế vẻ đẹp tiềm ẩn trong mỗi con người, một vẻ đẹp độc đáo, khó thấy mà lại quá dồi dào ẩn dưới ánh nhìn mới lạ của nhà văn. Đồng thời, nỗi thống khổ của Chí Phèo cũng chính là nỗi sầu vạn cổ của nhân loại, để từ đó, nhà văn mở ra cho ta một góc nhìn mới về những năm tháng đã qua, trải mình cùng những thước phim đời sống của quá khứ với biết bao kiếp làm than miền man tìm về miền hạnh phúc. Hơn thế nữa, từ mạch đập con tim người đọc: “tiếng hát vô biên” được cất lên tha thiết, tiếng hát xót thương, tiếng lòng cảm thông đầy đau đớn hay lời tố cáo danh tháo, như một hồi chuông, lời thỉnh cầu về một xã hội công bằng, tốt đẹp hơn.

Nhà phê bình người Nga, Biêlinxki từng viết: “Tác phẩm nghệ thuật sẽ chết nếu nó không đặt ra những câu hỏi và trả lời những câu hỏi ấy”. Cuộc sống của tác phẩm văn học chỉ bắt đầu khi trang sách đóng lại, đó là khi trong lòng người đọc đầy ắp những băn khoăn trăn trở về cuộc đời. Đã bao giờ bạn tự hỏi: “Phải chăng giọt nước mắt nào cũng khởi nguồn từ đau thương?” chưa? Khác với Nam Cao, Nguyễn Tuân cho rằng chỉ có cái đẹp, cái tài mới nằm ngoài quy luật đào thải của thời gian, mới có sức mạnh chinh phục nhân loại. Cái đẹp, cái tài là thước đo công minh nhất của mọi nhân cách phẩm giá. Theo nhà văn, con người ta sinh ra ở đời không phải chỉ biết ngẩng cao đầu mà còn phải biết cúi đầu và vái lạy trước cái đẹp, cái tài, cái thiên lương. Và tất nhiên, phải rơi nước mắt trước vẻ đẹp trong sáng. Giọt nước mắt khi ấy đã trở thành “tiếng hát vô biên” nâng bước con người trên các bậc thang tìm đến các giá trị làm người chân chính. Hãy theo chân Nguyễn Tuân trên chuyến phiêu lưu khám phá vẻ đẹp trên giao lộ văn chương với “Chữ người tử tù”.

Sóng đôi cùng hình tượng Huân Cao tài hoa, bất khuất, cao cả là một viên quân ngục yêu say mê con chữ với tất cả trái tim, một con người với tính cách dịu dàng và lòng biết giá người, trọng người tài hoa. Nửa đầu thiên truyện, nhân vật viên quân ngục hiện lên chỉ để khắc sâu tài năng của ông Huân. Nhưng càng về sau, nhân vật này càng chiếm được vai trò to lớn hơn. Viên quân ngục được Nguyễn Tuân nhận xét như: “một thanh âm trong trẻo chen vào giữa một bản đàn mà nhạc luật đều hỗn loạn xô bồ”. Nhà văn đã xây dựng nhân vật theo một cách độc đáo, mới mẻ đúng như phong cách nghệ thuật của ông. Tác giả đã nắm bắt được cái vái lạy cùng giọt nước mắt khâm phục đối

với Huấn Cao của viên quan ở cuối thiên truyện. Chi tiết: “dòng nước mắt rĩ vào kẽ miệng làm cho nghẹn ngào” là một điểm nhấn hết sức đắt giá, đóng vai trò như chi tiết làm nên bụi vàng của tác phẩm. Dòng nước mắt là hình tượng nghệ thuật gợi sự tương tác đa chiều giữa con người và con người, giữa con người và nghệ thuật. Đó là giọt nước mắt trước cái đẹp và dành cho cái đẹp đầy nâng niu, trân trọng. Đó cũng là giọt nước mắt ân hận của viên quan khi nhớ về những năm tháng gắn bó với chốn lao tù đầy tăm tối, với tội ác, tử thần và không có lấy sự tự do. Và cuối cùng, đó là giọt nước mắt tri ân sâu sắc chứa ơn lòng thành đến với Huấn Cao – người đã mang đến cho quần ngục đáng thương chân lí sống, bài học về sự cảm hóa của cái chân – thiện – mỹ. Kể từ đó, quần ngục hiện ra với bức chân dung cao cả, đẹp đẽ và rất tinh tế. Tóm lại, giọt nước mắt lúc này đây là bàn tay nâng bước những vẻ đẹp trong đời và cả vẻ đẹp của con người, thấp lên trong lòng người đọc niềm lan tỏa của sự thấu hiểu, trân trọng, ngợi khen, bắt nhịp cho lời ca của những giá trị người.

Nghệ thuật là cánh cửa mở rộng tâm hồn, nó mang đến một sức mạnh phi thường mà chỉ ai hiểu và yêu say đắm mới thấm thía. Nghệ thuật nói chung hay văn học nói riêng tạo vẻ đẹp cho niềm đau và gợi lên những xúc cảm sâu xa nơi trái tim độc giả. Để làm nên những con thuyền văn chương không bao giờ chìm giữa đại dương nghệ thuật, nhà văn phải khắc ghi trong tim rằng: “Tài năng và tấm lòng là hai cánh chim nâng tác phẩm của anh đến đỉnh cao. Hai cánh chim ấy mạnh mẽ bao nhiêu thì tác phẩm của anh sẽ bay cao và bay xa bấy nhiêu” (Gamzatov). Không những vậy, bạn đọc – người nắm trong tay vận mệnh của tác phẩm. Phải lắng lòng lại, dùng mọi giác quan để cảm nhận từng biến chuyển trên ngòi bút nhà văn, để nhận lấy trọn vẹn những thông điệp mà tác giả gửi gắm.

Văn chương là chuyện muôn đời, muôn người. Mỗi trang văn là một khía cạnh cuộc sống thấm đẫm bao nhiêu nước mắt thế nhân. Nhưng văn chương không chỉ có thế vì: “Nghệ thuật tạo vẻ đẹp cho dòng nước mắt, biến nỗi thống khổ của nhân loại thành tiếng hát vô biên”.

TÔ GIA TRÂN

LỚP 11.5 TRƯỜNG THPT. ĐHSP

ĐIỂN HÌNH VĂN HỌC

1. Khái niệm:

- Thuật ngữ **diễn hình** được sử dụng rộng rãi trong nhiều lĩnh vực khoa học khác nhau. Theo cách hiểu thông thường nhất thì diễn hình là những nét tiêu biểu tập trung nhất của một kiểu loại nào đó. Nó là kiểu mẫu là cá thể mang tính trội.

Diễn hình nghệ thuật được hiểu là “những nét, những tính cách cơ bản nhất, bản chất nhất, quan trọng nhất và nổi bật nhất trong đời sống xã hội được tập trung biểu hiện và nâng cao qua sự sáng tạo của nghệ sĩ, nhưng chung quy nó vẫn là cuộc sống” (Trùng Chinh).

Từ đó, ta có thể định nghĩa rằng **nhân vật diễn hình** là kiểu nhân vật tiêu biểu, có những nét nổi bật, mang nét chung khái quát cho một loại kiểu nhân vật. Nhân vật được coi là diễn hình nếu nó tiêu biểu đại diện cho nhiều người có cùng nét tính cách, cuộc đời, số phận giống nó. Ví dụ trong tác phẩm Chí Phèo, nhân vật Chí Phèo tiêu biểu cho người nông dân trong xã hội đương thời, tiêu biểu cho những người như Binh Chức,

Năm Thọ, Chí Phèo con...Xã hội xấu xa thối nát đã đẩy họ đến con đường bán cùng hóa và tha hóa, thậm chí đẩy họ đến cái chết.

Đặc điểm của nhân vật điển hình là sự thống nhất giữa cái chung và cái riêng, giữa khái quát và cá biệt. Nhân vật điển hình có vẻ riêng cụ thể để in sâu vào trí nhớ của người đọc. Ví dụ: Chí Phèo là điển hình cho kiểu người bị xã hội phong kiến vùi dập. Tuy nhiên, Chí cũng vẫn giữ nét riêng độc đáo của mình như vẻ riêng về ngoại hình, những ước mơ bình dị, tình yêu với thị Nở...

Nhân vật điển hình thường xuất hiện trong hoàn cảnh điển hình. Ví dụ như nhân vật Chí Phèo xuất hiện trong môi trường xã hội thực dân phong kiến Việt Nam 1930-1945.

Vai trò của nhân vật điển hình: Một tác phẩm thành công là một tác phẩm xây dựng được nhân vật điển hình, một tác giả xuất sắc là tác giả xây dựng được nhân vật điển hình.

LUYỆN ĐỀ

Đề bài 1: Phân tích ý nghĩa điển hình của nhân vật Chí Phèo trong truyện ngắn Chí Phèo của nhà văn Nam Cao

I. MỞ BÀI

- Giới thiệu tác giả, tác phẩm:
- Giới thiệu nhân vật: Nhân vật Chí Phèo không chỉ làm tròn nhiệm vụ là “linh hồn” của tác phẩm, nơi nhà văn truyền tải những sự kiện hiện thực, những thông điệp nhân sinh mà còn trở thành nhân vật điển hình bậc nhất của nền văn học Việt Nam.

II. THÂN BÀI

1. Giải thích: Tk phân lí thuyết

2. Phân tích, chứng minh tính điển hình của nhân vật Chí Phèo

2.1. Hoàn cảnh điển hình:

Bối cảnh nhân vật Bá Kiến xuất hiện trong tác phẩm là bối cảnh xã hội làng Vũ Đại, một xã hội thu nhỏ của nông thôn Việt Nam giai đoạn 1930-1945. Làng Vũ Đại được một thầy địa lý phán là có thể đất “quần ngư tranh thực”, nghĩa là đàn cá săn mồi, trong đó cá lớn thì nuốt cá bé. Cường hào trong làng thì chia năm bề bảy cánh như phe Bá Kiến, cánh đội Tảo, Tư Đạm, Bát Tùng... Ngoài mặt chúng tử tế với nhau nhưng bên trong ngầm ngầm mưu cho nhau ăn bòn, dè dè đầu cưỡi cổ lẫn nhau. Mặt khác, chúng lại hợp với nhau để cùng bóc lột dân lành. Trong đàn cá tranh mồi ấy người ấy, Bá Kiến được đánh giá là con cá lớn nhất. Chính cái xã hội phong kiến đen tối, tiêu cực với giai cấp cầm quyền sa đọa ấy đã đẩy những người nông dân vào tấn bi kịch khốn khổ nhất, đó là tha hóa về nhân cách.

2.2. Nhân vật Chí Phèo đại diện cho một kiểu người trong xã hội (Điểm chung)

- Nhân vật điển hình là sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa nhân vật mang tính cụ thể, vừa không lặp lại nhưng vẫn mang những phẩm chất, đặc điểm chung để có thể trở thành đại diện tiêu biểu cho một kiểu người trong xã hội. Đặt nhân vật Chí Phèo trong tương quan với phạm vi của định nghĩa trên, ta có thể thấy Chí Phèo chính là nhân vật điển hình cho số phận người nông dân trong xã hội thực dân, phong kiến.

- Chí Phèo vốn là một anh canh điền hiền lành, lương thiện nhưng sau khi ra tù và trở thành tay sai của Bá Kiến thì Chí Phèo đã trở thành con quỷ dữ làng Vũ Đại. Sự thay

đổi về con người, tha hóa về nhân tính của Chí Phèo hoàn toàn do sự tác động của hoàn cảnh điển hình. *(Phân tích lai lịch và quá trình tha hóa đầy đau đớn của Chí Phèo)*

- Cuộc đời và số phận của Chí Phèo không chỉ là số phận của riêng một cá nhân, cá thể nào đó mà điển hình cho những người nông dân bị đọa đầy, đau khổ, bị tha hóa trong xã hội phong kiến đen tối. Họ bị tước đi quyền cơ bản nhất của con người là quyền được sống lương thiện, quyền được hạnh phúc. Đó là những người nông dân như Binh Chức, Năm Thọ và dự báo sẽ có những Chí Phèo con ra đời. *(Phân tích thêm các nhân vật Binh Chức, Năm Thọ, dự báo Chí Phèo con)*

2.3. Nhân vật Chí Phèo mang những nét riêng để lại dấu ấn trong lòng độc giả

- Nhân vật có ngoại hình riêng, có ước mơ lương thiện, biết nhục khi bị bà ba gọi vào bóp chân xoa bụng...(phân tích các chi tiết nghệ thuật này)

- Chí Phèo cũng có con đường số phận riêng so với các nhân vật Binh Chức, Năm Thọ bởi vì khi đang phải sống kiếp sống cô độc của con quỷ dữ hắc đã gặp được thị Nở để sau đó hắc trở về với cuộc đời lương thiện *(Phân tích chuyện tình với thị Nở và quá trình thức tỉnh của Chí Phèo)*

- Khi Chí đã thức tỉnh nhân tính, khát khao được làm hòa với mọi người để trở về với cuộc sống lương thiện thì vẫn bị những định kiến nghiệt ngã của xã hội ngăn cản. Nam Cao đã xây dựng được môi trường sống, hoàn cảnh có tính điển hình với những mâu thuẫn căng thẳng, không thể giải quyết, từ đó đặt nhân vật của mình trong thế đối kháng giữa phần nhân tính và phần ác quỷ bên trong con người.

Cái chết của Chí Phèo trên ngưỡng cửa trở về với cuộc đời lương thiện đầy ám ảnh, có ý nghĩa tố cáo xã hội man rợ và thể hiện bi kịch đầy bi thảm của người nông dân trong xã hội cũ. Những câu nói cuối cùng của Chí Phèo trước khi chết là tiếng nói đanh thép đòi quyền sống cho người nông dân để họ không còn phải rơi vào bi kịch như Chí Phèo.

III. KẾT BÀI

Nghệ thuật xây dựng nhân vật: Nhân vật Chí Phèo được xây dựng rất thành công bằng nghệ thuật điển hình hóa. Nhân vật xuất hiện với ngoại hình gây chú ý và được miêu tả ở nhiều điểm nhìn khác nhau, lúc được miêu tả qua con mắt tác giả, lúc lại qua con mắt của thị Nở và Bá Kiến. Nội tâm của nhân vật, ngôn ngữ đối thoại và hành động được sử dụng để khắc họa tính cách, khiến nhân vật hiện lên sinh động trong trí tưởng tượng của bạn đọc. Hơn nữa, kết cấu truyện vô cùng chặt chẽ, logic; tình tiết hấp dẫn, biến hóa giàu kịch tính; ngôn ngữ mộc mạc, giản dị mà sống động, linh hoạt cũng góp phần tạo nên sự thành công của tác phẩm.

- **Vai trò của nhân vật:** Nhân vật Chí Phèo góp phần phản ánh được cuộc sống, số phận của rất nhiều người nông dân bất hạnh trong xã hội cũ, phản ánh được hiện thực mang tính xã hội sâu sắc. Nhân vật Chí Phèo vừa có nét chung đại diện cho những người nông dân trong xã hội thực dân phong kiến vừa có những nét riêng rất đáng nhớ. Vì thế Chí Phèo trở thành một nhân vật văn học có sức sống lâu bền.

Đề số 2: Nhà phê bình văn học Nga Bielinxki định nghĩa : “*Điển hình văn học như một người lạ mặt quen biết*”. Anh (chị) hiểu nhận định trên như thế nào? Hãy làm rõ điều đó thông qua điển hình Chí Phèo trong tác phẩm cùng tên của Nam Cao.

1. Giải thích ý kiến

+ “Người lạ mặt”: là nét riêng , nét cá biệt, nét độc đáo mà nhìn vào đó ta có thể phân biệt được với nhân vật khác

+ “Người lạ mặt” nhưng “quen biết” là do những nét chung, nét phổ quát của điển hình nghệ thuật. Điển chung đó giúp ta nhận ra một loại người, một tầng lớp, một giai cấp, một dân tộc với những đặc điểm, phẩm chất đặc trưng.

=> Ý nghĩa câu nói

Đây là một định nghĩa về nhân vật điển hình: là nhân vật có tính chung (phổ biến, khái quát và thống nhất) mang ý nghĩa thẩm mỹ, quy định nhân vật thuộc tầng lớp nào, giai cấp nào, lối sống nào, thậm chí tiêu biểu cho dân tộc nào trong một hoàn cảnh lịch sử cụ thể và tính riêng là nét độc đáo, cá biệt chỉ nhân vật đó có. Nó biểu hiện qua hình dáng, lời nói, tính cách, số phận, qua mối quan hệ với nhân vật khác.

2. Lí giải

– Điển hình nghệ thuật là hình ảnh chủ quan của hiện thực khách quan. Bước vào tác phẩm, hiện thực ấy mang đậm dấu ấn sáng tạo, qua lăng kính chủ quan của người nghệ sĩ. Như vậy, do yêu cầu của tính riêng về phong cách cá nhân, mỗi điển hình nghệ thuật phải thể hiện được nét độc đáo, mới mẻ, từ nội dung đến hình thức, để phân biệt với hình tượng khác.

– Sự sáng tạo của người nghệ sĩ vô cùng quan trọng, song hình tượng nghệ thuật do nghệ sĩ sáng tạo không phải chỉ để cho riêng mình, mà còn là để nói hộ người khác. Do đó, điển hình nghệ thuật bao giờ cũng phải mang tính khái quát cao, nó phải phản ánh được đặc điểm, tâm lí, tính cách, tư tưởng và nguyện vọng của một tầng lớp xã hội, một giai cấp hay một loại người nào đó. Điển hình nghệ thuật là người “quen biết”, khi mỗi người đều có thể thấy hình bóng mình trong đó.

– Điển hình nghệ thuật phải hài hoà giữa tính chung và tính riêng, cụ thể và khái quát, cá biệt và phổ quát. Nếu chỉ chú ý tính chung thì hình tượng mất đi tính sinh động, cụ thể, thủ tiêu cá tính sáng tạo của nhà văn, xoá nhoà phong cách riêng độc đáo của nhà văn. Ngược lại, nếu chỉ chú ý tính riêng thì hình tượng sẽ trở nên xa lạ, tính phổ quát sẽ mất, hình tượng sẽ thiếu sức truyền cảm, không tạo được sự đồng điệu, đồng cảm với bạn đọc.

3. Phân tích, chứng minh

3.1. Chí Phèo là một hiện tượng xã hội lặp đi lặp lại trong đời sống nông thôn trước cách mạng tháng tám- 1945

+ Hiện tượng Chí Phèo mang tính quy luật. Đó là việc người nông dân bị dồn đẩy, bị tha hóa: Năm Thọ, Binh Chức, Chí Phèo. Khi Chí Phèo chết Thị Nở nhìn nhanh xuống bụng ... như dự báo một Chí Phèo con ra đời để kế nghiệp bố.

+ Bọn cường hào, ác bá đã sinh ra những “lũ lưu manh” và biến thành công cụ có lợi cho chúng. Nhưng “có áp bức sẽ có đấu tranh”, sự phản kháng của Chí Phèo không nằm ngoài qui luật ấy.

+ Chỉ có điều khi chưa có cách mạng thì mọi vấn đề không thể giải quyết triệt để “tre già măng mọc”

3.2. Chí Phèo hiện ra như một con người độc đáo, cụ thể không giống ai

– Cuộc đời Chí Phèo không giống bất cứ nhân vật nông dân nào trong giai đoạn 1930-1945.

– Độc đáo ở lai lịch: Hắn vừa sinh ra đã bị từ chối quyền làm người...

– Sự tha hoá của Chí Phèo cũng không giống những nhân vật khác (Binh Chức, Năm Thọ). Sự tha hoá của Chí Phèo bị đẩy đến mức cùng cực, đỉnh điểm

+ Ngoại hình độc đáo

+ Tiếng chửi độc đáo

+ Nhân tính tha hóa

– Sự hồi sinh độc đáo: Mỗi tình của một kẻ lưu manh và một người đàn bà dở hơi mà khiến Chí Phèo trở nên “rất người”(biết khóc, cười, ăn năn, lo lắng, hồi hộp, hi vọng, muốn hạnh phúc, muốn làm người lương thiện.

– Bị từ chối Chí lại rơi vào bi kịch tuyệt vọng. Chí uống rượu, ôm mặt khóc với tâm trạng đau đớn uất ức...

– Cái chết của Chí cũng khác: Chí giết chết kẻ thù đích thực là Bá Kiến và tự kết liễu đời mình. Hành động này là một phản ứng tiêu cực nhưng rất phù hợp với cảnh ngộ của Chí, đồng thời bộc lộ chất người còn loé sáng trong con quỷ dữ “Chí Phèo”...

3.3. Những đặc sắc nghệ thuật

– Khắc hoạ thành công nội tâm nhân vật

– Xây dựng nhân vật sống động, chân thực như bước ra từ trang sách đi vào cuộc sống đời thường.

– Ngôn ngữ tự nhiên sinh động; giọng điệu linh hoạt...

4. Bình luận

– Đó là nhận định đúng đắn bởi đã nêu lên những nét đặc trưng, độc đáo của nhân vật điển hình

– Đây cũng là một gợi ý cho bạn đọc về cách đánh giá, nhận diện những nhân vật điển hình trong một tác phẩm. Từ đó thấy được tài năng, tâm huyết, tấm lòng nhân đạo của nhà văn trong sáng tạo nghệ thuật.

HÌNH TƯỢNG VĂN HỌC

1. Khái niệm

Văn học nhận thức đời sống, thể hiện tư tưởng tình cảm, khát vọng và mơ ước của con người thông qua hình tượng nghệ thuật. Hình tượng “là phương thức chiếm lĩnh, thể hiện và tái tạo đời sống theo quy luật của nghệ thuật” (theo Từ điển Văn học). Theo L. I. Timôphêép, hình tượng là bức tranh về đời sống con người vừa cụ thể vừa khái quát, được sáng tạo bằng hư cấu và giàu ý nghĩa thẩm mỹ. Đây là định nghĩa quen thuộc và phổ biến nhất.

- Văn học hàm chứa tư tưởng tình cảm và không nói một cách khô khan, giáo điều nên nó nhận thức và thể hiện đời sống bằng hình tượng nghệ thuật, tức làm sống lại một cách cụ thể và gợi cảm những sự việc, hiện tượng của đời sống, làm cho ta suy nghĩ về tính cách, số phận, tình đời, tình người. Văn chương thấm vào lòng người và bắt từ với thời gian, không có biên giới bởi lẽ văn học nhận thức và thể hiện bằng hình tượng nghệ thuật.

- Hình tượng nghệ thuật trong thơ văn có thể là một bông hoa, một vầng trăng, một nàng Thúy Kiều, một người chinh phụ, một Chí Phèo, một Bá Kiến... cũng có thể là một tâm trạng, cảm xúc của con người... Nó có thể là bất cứ gì tồn tại trong thực tế khách quan. Hình tượng nghệ thuật về thiên nhiên hay về con người, sự vật đều được nhà văn sáng tạo ra bằng sự liên tưởng, tưởng tượng để nhà văn thể hiện tư tưởng tình cảm của mình và khái quát về hiện thực đời sống, hướng người đọc đến cái chân, thiện, mỹ.

- Mặc dù có thể là bất cứ thứ gì trong thực tại khách quan nhưng để trở thành hình tượng trong văn học thì nó phải được tạo nên từ nhiều yếu tố, hình ảnh, chi tiết...

Chẳng hạn, đọc tác phẩm văn học phải cảm nhận được các chi tiết nghệ thuật, từ các chi tiết hợp thành ấy mới có thể khám phá ra cái hay cái đẹp của hình tượng nghệ thuật.

- Hình tượng văn học thường có tính hàm súc, có ý nghĩa biểu tượng, trở nên đa nghĩa, đa thanh và qua hình tượng người đọc có thể cảm nhận thấy cái hay cái ý vị của văn chương. Không nên hiểu đơn giản hình tượng chỉ là những bức tranh đời sống, những hình ảnh (tượng). Ở đây cần phân biệt hai khái niệm hình ảnh và hình tượng. Hình ảnh chính là những bức tranh đời sống mà chúng ta gặp trong tác phẩm: cây đa, giếng nước, con đò, và cả con người... Nhưng tất cả mới chỉ là hình ảnh khi chúng chỉ mang ý nghĩa biểu vật cho chính nó. Thí dụ, cây tre chỉ cây tre, giếng nước chỉ giếng nước. **Nhưng nếu những hình ảnh đó đã mang những ý nghĩa khác ngoài nó, những ý nghĩa mới, kết tinh, chứa đựng tư tưởng tình cảm của con người, tức những ý nghĩa nhân sinh, khi đó hình ảnh mới trở thành hình tượng.** Các nhà mỹ học phương Tây cho rằng hình tượng có chức năng biểu ý, còn người Trung Hoa thường dùng khái niệm ý tượng (hình ảnh có ý) là vì thế. Ví dụ: Cây tre trong bài thơ Tre Việt Nam (Nguyễn Duy) là hình tượng bởi ngoài nghĩa cụ thể, nó còn mang ý nghĩa khái quát về con người Việt Nam bất khuất, kiên cường, bền bỉ trong khó khăn, vất vả, đói nghèo. Cô Tấm (Tấm Cám) là hình tượng, bởi vì nhân vật đó đã thể hiện ước mơ về hạnh phúc, công lí của người xưa.

Mọi hình thức của đời sống khi đã chứa đựng những ý nghĩa nhân sinh mới mẻ, giàu tính thẩm mĩ, chứa đựng tư tưởng và tình cảm của con người sẽ trở thành hình tượng. Cho nên, hình tượng vừa cụ thể vừa khái quát, vừa khách quan vừa chủ quan, vừa vật chất vừa tinh thần là vì thế. Bởi lẽ, văn học xây dựng hình tượng vừa để khái quát hiện thực, cất nghĩa, lí giải đời sống, vừa thể hiện tư tưởng, tình cảm dưới ánh sáng của một lí tưởng thẩm mĩ nhất định.

Như vậy, có thể hiểu, hình tượng là phương thức phản ánh thế giới đặc thù của văn học bằng những hình thức đời sống, được sáng tạo bằng hư cấu và tưởng tượng, vừa cụ thể vừa khái quát, mang tính điển hình, giàu ý nghĩa thẩm mĩ, thể hiện tư tưởng và tình cảm con người.

2. Đặc trưng của hình tượng

2.1. Hình tượng là một khách thể mang tính tinh thần (Tính phi vật thể)

Nghệ sĩ sáng tạo ra hình tượng, những khách thể đời sống tồn tại trong tác phẩm. Gọi hình tượng là những khách thể, bởi vì trước hết nó là những hình thức đời sống được nhà văn tưởng tượng sáng tạo để trình bày về một hiện thực đời sống nhất định. Ai cũng có thể nhìn các hình tượng ấy như một cái bên gì bên ngoài, như một khách thể. Khách thể đó khi đã được ra đời, có một cuộc sống độc lập riêng, không phụ thuộc vào ý muốn người sáng tạo. Gọi hình tượng là một thế giới tinh thần vì nó chỉ tồn tại trong cảm nhận, chứ không phải là một thế giới vật chất để ta có thể nhìn, sờ, nắn được. Cái hiện thực tinh thần đó được gìn giữ và truyền đạt trong những phương tiện vật chất nhất định (âm thanh, hình khối, màu sắc). Con người không chỉ sống trong thế giới vật chất mà còn sống trong thế giới tinh thần do các thế hệ trước truyền lại và do thực tiễn đời sống không ngừng tạo ra. Lạc

Long Quân, Âu Cơ, vua Hùng, Thánh Gióng đều đang tồn tại như những khách thể tinh thần trong tâm hồn người Việt. Những gì tinh tú nhất trong hiện thực đều được tinh thần hóa để trở thành những khách thể tinh thần như vậy.

Hình tượng còn được sáng tạo là để thỏa mãn những khát vọng tinh thần của con người, những khát vọng mà hiện thực cuộc đời không mang đến được. Thỏa mãn về ước mơ công lí: cái ác bị trừng phạt, oan khuất được đền bù, kẻ hiền gặp lành. Thỏa mãn về

ước mơ: nồi cơm ăn hết lại đây là ước mơ của những người quá cực nhọc vất vả vì miếng ăn ; chàng trai, cô gái nghèo xấu xí bỗng chốc hóa thành đẹp đẽ, khỏe mạnh, giàu có là ước mơ của những con người vất vả, nghèo hèn, đầy tủi nhục... Hình tượng văn học mang ý nghĩa đối với đời sống tinh thần con người. Cái vàng trắng ai xẻ làm đôi trong Truyện Kiều tô đậm thêm tâm trạng cô đơn, và chính vì thế càng làm dấy lên nỗi khát khao hạnh phúc của con người. Truyện cổ tích Trầu Cau đâu chỉ là chuyện phong tục mà là chuyện tình nghĩa anh em, vợ chồng gắn bó thắm thiết keo sơn.

Hình tượng mang tính tinh thần còn vì nó được xây dựng bởi hư cấu và tưởng tượng, bởi nó chỉ tồn tại trong thế giới tinh thần, trong trí tưởng tượng của con người. Tuy nhiên kể cả khi nhà văn sáng tạo theo một nguyên mẫu nào đó, thì nguyên mẫu ấy cũng đã được lắp ghép, tái tạo, lựa chọn theo một góc nhìn và ý tưởng nhà văn muốn tô đậm. Do mang tính tinh thần nên thế giới của hình tượng là một thế giới khác, đó là một thế giới có không gian, thời gian, nhịp điệu với những quy luật và giá trị riêng. Ở cuộc đời thật, đã mấy cô Tấm trở thành hoàng hậu, mấy chàng trai nghèo được lên ngôi vua? Nhưng trong văn học, con người đã thực hiện được ước mơ đổi đời đó của mình.

2.2. Hình tượng mang tính tạo hình và biểu hiện

Tạo hình là làm cho khách thể tinh thần vốn vô hình có được một tồn tại cụ thể, cảm tính bề ngoài. Nó bao gồm việc tạo cho hình tượng một không gian, thời gian, những sự kiện và những quan hệ, tạo dựng được môi trường và những con người có ngoại hình, nội tâm, hành động, ngôn ngữ.

Hình tượng vốn là một khách thể tinh thần nên phải có cái hình mới tồn tại. Theo Lưu Hiệp: có cái hình xuất hiện thì cái đẹp mới nảy sinh (Văn tâm điêu long). Còn Hêghen cũng khẳng định, hình ảnh chính là sự khách thể hóa những rung động nội tại để con người nhìn thấy bộ mặt tinh thần của chính mình qua ngoại vật (Mĩ học). Ví như, tư tưởng về chủ quyền quốc gia: Sông núi nước Nam vua Nam ở (Lí Thường Kiệt), hay cảm xúc về sự mất mát: Ai đem con sáo sang sông, Để cho con sáo sổ lồng bay đi (ca dao). Như vậy, tạo hình chính là để cho sự vật và cả những cái trừu tượng như một tư tưởng, hoặc mơ hồ như một cảm xúc cũng hiện lên rõ rệt.

Tạo hình không đòi hỏi trình bày mọi chi tiết của đối tượng. Nó chỉ chọn lọc những chi tiết ít ỏi nhất nhưng giàu màu sắc biểu hiện, tiêu biểu nhất cho một cuộc sống, một tình huống, một tính cách. Giá trị và ý nghĩa của tạo hình là thể hiện chính thể. Sêkhốp từng nói, chỉ một mảnh chai vỡ lấp lánh thể hiện được cảnh sắc một đêm trăng. Nguyễn Tuân thích chi tiết tiếng ếch trên sông làm sống dậy một niềm hoài cổ của Tú Xương trong bài Sông lấp. Nói cách khác, chính là thể hiện được tính toàn vẹn của chính thể với cái thần, khí của sự vật. Có như vậy, tạo hình mới thành công. Người xưa thường nói đến quan hệ giữa hình và thần, hình và khí tức với cái tinh thần, cái vận động nội tại, cái khí chất, phong thái riêng của sự vật đó. Quan niệm hình thần chỉ ngoại hình và khí chất tinh thần của sự vật gắn chặt với nhau trong một sự vật. Xưa Lưu An đời Hán trong sách Hoài Nam tử đã từng nhận xét có người vẽ Tây Thi đẹp mà không có duyên, họa mắt Mạnh Bôn to mà không đáng sợ, để nói những bức vẽ không có hồn. Hình vẽ trở thành hình tượng khi nó truyền được cái thần, cái khí của khách thể tinh thần¹¹.

Biểu hiện là phẩm chất tất yếu của tạo hình. Biểu hiện là khả năng bộc lộ cái bên trong, cái bản chất của sự vật, hé mở những nỗi niềm sâu kín của tâm hồn. Biểu hiện giúp hình tượng được cảm nhận một cách toàn vẹn, nhất là thể hiện được khuynh hướng, tư tưởng, tình cảm của con người, của tác giả trước các hiện tượng đời sống.

Tạo hình và biểu hiện của hình tượng được bộc lộ qua chi tiết, tình tiết (những thành phần nhỏ nhất của hình tượng), một hình ảnh, một cảm xúc, một âm thanh, một màu sắc, một quan hệ. Chúng liên kết với nhau, tạo thành một hình tượng toàn vẹn, hiện lên rõ nét trong tâm trí người đọc. Chẳng hạn, cánh buồm lẻ loi đơn độc tan biến vào bầu không cùng dòng sông cuộn cuộn chảy ngang trời đã diễn tả được nỗi buồn và sự cô đơn của con người trong cảnh biệt li trong thơ Lí Bạch. Hêghen gọi các chi tiết trong tác phẩm là những ‘con mắt’, qua đó chẳng những thấy được thế giới nghệ thuật mà còn thấy được ‘một tâm hồn tự do trong cái vô hạn’ của tác giả. Như vậy, tạo hình là để biểu hiện, và muốn biểu hiện phải nhờ tạo hình.

Cơ sở của tạo hình là sự tương đồng của hình tượng so với cái được miêu tả. Cơ sở của biểu hiện là sự khác biệt, là cái không bình thường, cái bất thường. Trong câu ca: Thân em như tấm lụa đào, Phất phơ giữa chợ biết vào tay ai, cái tương đồng ở đây là sự so sánh làm nổi bật vẻ đẹp phẩm chất của cô gái, nhưng cũng nói được tính không xác định của số phận cô. Một cô gái có những phẩm chất tốt đẹp lẽ ra phải có số phận tương ứng. Nhưng thực sự, số phận cô lại phụ thuộc vào sự ngẫu nhiên nào đó. Đó là cái bất thường. Chính điều này tạo nên sự xót xa trong lời than về số phận. Đây chính là nội dung biểu hiện của hình tượng.

Sự kết hợp tạo hình và biểu hiện làm cho hình tượng có một hình thức độc đáo. Đó là một thể thống nhất giữa thực và hư, trực tiếp và gián tiếp, ổn định và biến hóa, mang đầy nội dung cuộc sống, tư tưởng và cảm xúc.

2.3. Tính quy ước và sáng tạo của hình tượng

Hình tượng văn học, về bản chất, là một loại kí hiệu. Kí hiệu là phương tiện gìn giữ và truyền đạt kinh nghiệm: chẳng hạn như từ ngữ, còi báo động, tín hiệu đèn xanh đèn đỏ trong giao thông. Kí hiệu có khi chỉ là một hình vẽ, một màu sắc, một từ ngữ, nhưng nó mang một nội dung có tính quy ước hợp lí của lôgic đời sống để mọi người có thể nhận biết được.

Hình tượng khi được vật chất hóa bằng từ ngữ, bằng các chi tiết tạo hình và biểu hiện cũng mang tính kí hiệu. Thí dụ, Sen tàn, cúc lại nở hoa là hình tượng kí hiệu của mùa thu. Đầu tường lửa lựu lập lòe đâm bông là kí hiệu của mùa hè. Khi hình tượng được coi là một kí hiệu nghĩa là nó có những nội dung hợp lôgic, mang tính truyền thống, ổn định, mà mọi người có thể hiểu và chia sẻ được.

Hình tượng văn học còn là những kí hiệu mang tính thẩm mĩ, bởi vì nó không chỉ diễn tả nội dung thực tại ổn định mà bao giờ cũng chỉ ra cái mới, phát hiện cái độc đáo mang cá tính nghệ sĩ. Cũng là những hình tượng mang kí hiệu của mùa thu, nhưng Nguyễn Du viết: Long lanh đáy nước in trời, Thành xây khói biếc non phôi bóng vàng, còn theo Vương Duy: Ngô đồng nhất diệp lạc, Thiên hạ cộng tri thu. Cùng một hiện tượng, nhưng mỗi nghệ sĩ lại chọn những kí hiệu khác nhau.

Hình tượng luôn thể hiện, khái quát một tư tưởng, một thái độ, một quan niệm của chủ thể về cuộc đời. Để biểu hiện ý nghĩa khái quát ấy, hình tượng phải có một hình thức chủ quan đặc biệt, ghi dấu cách cảm nhận và thể hiện thế giới độc đáo, riêng biệt, không lặp lại của từng tác giả. Ví như, cùng là diễn tả cái buồn chán, tội nghiệp của những kiếp sống vô danh, vô nghĩa, sống như chưa hề được sống, Thạch Lam đã dùng hình ảnh bóng đêm và niềm khao khát ánh sáng của hai chị em trong Hai đứa trẻ, còn trong Tỏa nhị kiều, Xuân Diệu lại miêu tả sự quẩn quanh, xám xịt, lờ mờ của cuộc đời hai cô gái trẻ và hình ảnh hai hạt cơm nguội chính là một hình ảnh khái quát về kiếp sống vô nghĩa đó.

Mỗi hình tượng, vừa là sự tái hiện một hiện tượng thực tại, vừa mã hóa một nội dung cảm xúc do hiện tượng gợi lên trong những tình huống xã hội nhất định. Bông sen gợi sự trong trắng, thơm đẹp nơi ao bùn, không gian cao xa gợi sự hùng vĩ, ngưỡng mộ. Vì vậy, khi Tố Hữu viết: Tôi lại về quê Bác, làng Sen, Oï hoa sen đẹp của bùn đen thì ai cũng hiểu. Còn như khi nhà thơ viết: Hỡi những chàng trai cô gái yêu, Trên những đèo mây, những tầng núi đá, nếu bỏ qua cái đẹp cao cả, hào hùng trong các yếu tố đèo mây, tầng núi thì đã bỏ mất cái cao xa, lung linh vời vọi của hình tượng.

Như vậy là, trong các chi tiết tạo hình luôn có sự mã hóa các tư tưởng, cảm xúc xã hội, thẩm mỹ. Mỗi thời kì văn học dân tộc, đều có cách mã hóa khác nhau tạo thành ngôn ngữ nghệ thuật riêng của từng thời kì. Chẳng hạn, nếu như trong văn học dân gian Việt Nam, thuyền tượng trưng cho cuộc đời lênhênh, trôi dạt, vô định, thì ở phương Tây xưa, thuyền lại tượng trưng cho sự phiêu du của linh hồn sang thế giới bên kia. Từ đó ta thấy nguồn gốc phương Tây của hình ảnh thuyền hồn trong bài 14 tháng 7 của Tố Hữu hoặc trong câu thơ của Huy Cận: Hiu hiu gió đẩy thuyền lên biển trời, Chở hồn lên tận chơi vơi. Như vậy, hình tượng có sự vận động qua lịch sử, các kí hiệu thẩm mỹ có khác nhau qua từng thời kì. Muốn hiểu hình tượng nghệ thuật, đòi hỏi phải có sự giải mã các kí hiệu nghệ thuật, kí hiệu thẩm mỹ.

Nhưng bản chất của kí hiệu lại có xu hướng cố định hóa, trở thành công thức, dễ rơi vào sáo mòn. Vì vậy kí hiệu phải luôn được đổi mới, cắt nghĩa mới, sáng tạo kí hiệu mới. Một trong những cách làm cho hình tượng luôn mới là cấu trúc lại các kí hiệu thẩm mỹ quen thuộc, làm cho nó có thêm những ý nghĩa mới. Cũng hình tượng thuyền và bến như trong ca dao xưa, nhưng trong bài thơ Lòng anh làm bến thu của Chế Lan Viên: Buổi sáng em xa chi, Cho chiều mùa thu đến, Để lòng anh hóa bến, Nghe thuyền em ra đi, chúng lại mang những ý nghĩa mới mẻ về vị trí, phẩm chất, biểu tượng.

2.4. Hình tượng chứa đựng tình cảm xã hội và lí tưởng thẩm mỹ

Hình tượng không phải là sự sao chép nguyên xi đời sống hiện thực mà còn mang sẵn quan niệm, đánh giá về thế giới, chứa đựng một tư tưởng nhân sinh. Nỗi khát khao bắt Nữ thần Mặt trời về làm vợ (Đằm San) chính là nỗi khát khao chinh phục tự nhiên, là sự khẳng định sức mạnh, ý chí của con người thuở xa xưa. Hình ảnh bi đát, thê thảm của đám tang lão Gôriô (Lão Gôriô – Ban dắc) hiện lên như lời tố cáo của tác giả về thực chất các quan hệ người và người trong xã hội tư sản. Như vậy, hình tượng văn học vừa thể hiện quan niệm, tư tưởng vừa thể hiện thái độ, tình cảm của nhà văn.

Tình cảm xã hội là tình cảm của một con người riêng biệt nhưng đã được ý thức trên cấp độ xã hội và được soi sáng bằng một lí tưởng xã hội nhất định. Nó không chỉ là những dấu ấn, những rung động cá nhân riêng lẻ mà còn mang tính phổ quát bởi mọi vận động của đời sống xã hội đều đi qua số phận của cá nhân. Tình cảm xã hội trong văn học cao hơn tình cảm bình thường bởi nó hướng tới những tình cảm chung, bởi cội nguồn của nó là nhu cầu tinh thần, là lí tưởng, ước mơ. Cái nuôi tiếc trong bài ca Trèo lên cây bưởi hái hoa, không chỉ là cái nuôi tiếc về sự đã trót ràng buộc, mà cao hơn là ý thức cay đắng về số phận, từ đó dấy lên một khát vọng tình yêu, khát khao được chia sẻ, đồng vọng trong những tâm hồn khác. Không chỉ là tình cảm xót thương của một người chú đối với đứa cháu nhỏ (Lượm) đã hi sinh, nhà thơ Tố Hữu còn khẳng định sự bất diệt của một tuổi thơ trong sáng đã hiến dâng đời mình cho tự do của dân tộc. Tư tưởng này mang dấu ấn của tâm thức của mọi người Việt nói chung: những con người đã hi sinh vì Tổ quốc sẽ còn sống mãi với non sông. Tình cảm xã hội thường đi đôi với lí tưởng thẩm mỹ tức những khát vọng cao cả nhất, tích cực nhất, nhân tính nhất của con người về cái

tốt, cái đẹp, cái hoàn thiện trong các lĩnh vực khác nhau. Do đó, các hình tượng nghệ thuật thường mang những giá trị kết tinh lí tưởng thẩm mĩ không chỉ của tác giả mà còn của một thời đại, một dân tộc. Hình tượng người anh hùng, từ con người mang kích thước phi thường như ông Gióng đến những anh bộ đội bình dị: Mái chèo một chiếc xuống con, Mà sông nước dậy sóng còn đại dương (Tố Hữu) là kết tinh của quan niệm về người anh hùng, một hình mẫu đẹp trong tâm thức dân tộc Việt Nam, một dân tộc hàng nghìn năm sống trong ngọn lửa chống ngoại xâm.

2.5. Tính nghệ thuật của hình tượng

Hình tượng mang tính thẩm mĩ, nói cách khác là mang tính nghệ thuật, bởi vì nó được sáng tạo là để thưởng thức và thoả mãn về mặt thẩm mĩ. Người ta đọc một câu thơ, một câu chuyện, thường thích thú vì những hình ảnh đẹp, những vần thơ réo rắt, những cốt truyện li kì, hấp dẫn, những nhân vật có hình thức và tính cách quyến rũ... Sức hấp dẫn của hình tượng là một dấu hiệu quan trọng. Đidôro nói với nghệ sĩ: “Trước hết, anh phải làm cho tôi cảm động, kinh hoàng, tê mê, anh phải làm cho tôi sợ hãi, run rẩy, rơi lệ hay căm hờn”.

Sức hấp dẫn đầu tiên được tạo thành từ sự sinh động, giống như thật của hình tượng. Gorki đã từng đưa trang sách lên soi qua ánh sáng để xem có đúng là có những con người ở đằng sau trang sách thật không là vì vậy. Nhưng tính sinh động không chỉ đơn giản là giống như thật, mà còn ở sự mới mẻ, lạ kì trong cảm nhận về thế giới chỉ thuộc một hình tượng nào đó. Khi viết về Bác Hồ: Ta lẫn Bác với bầu trời và giọt lệ, Với hương mộc trong đêm và lộc non trên cành, Chế Lan Viên đã thể hiện một cái nhìn lạ hóa đối tượng. Nhân vật và sự kiện sinh động thường có những biến hóa bất ngờ không lường trước được. Con chim đến ăn khế tự nhiên lại nói: ăn một quả, trả cục vàng. Miếng trầu tèm cánh phượng không ngờ lại là dấu hiệu giúp Vua nhận ra cô Tấm, vợ mình. Anh Tràng chỉ định hát ghẹo mấy cô gái cho vui không ngờ nhặt được vợ. Chí Phèo định đi giết con khom già nhà nó, bỗng quay sang nhà Bá Kiến đòi làm người lương thiện!. Chính những biến hóa vô cùng ấy đã làm cho hình tượng có sức lôi cuốn đặc biệt.

Hình tượng còn hấp dẫn bởi những chân lí đời sống được phát biểu dưới những hình thức độc đáo: Khi ta ở chỉ là nơi đất ở, Khi ta đi đất bỗng hóa tâm hồn (Chế Lan Viên); Gió đưa cây cải về trời, Rau răm ở lại chịu lời đắng cay (ca dao). Nhưng chân lí đời sống trong hình tượng luôn được thể hiện bằng cái nhìn mang tính chủ quan mãnh liệt. Vì vậy, ta hay bắt gặp những lời than, câu hỏi, những trạng thái sững sờ, đột ngột, choáng ngợp của chủ thể trước cuộc đời: Nụ tầm xuân nở ra xanh biếc, Em có chồng anh tiếc lắm thay! (ca dao); Non cao những ngóng cùng trông, Suối khô dòng lệ chờ mong tháng ngày (Tản Đà). Nếu thiếu đi những biểu hiện chủ quan thì những hình tượng đó chắc bớt đi nhiều tính sinh động, biểu hiện của những chủ thể đang cảm xúc trước cuộc đời.

Như vậy, hình tượng là một phương thức chiếm lĩnh đời sống đặc thù của văn học. Trong hình tượng, có sự thống nhất của cái cá biệt và khái quát, tình cảm và lí trí, tái hiện và biểu hiện, truyền thống và sáng tạo, thể hiện tính muôn màu của thế giới và sức mạnh chủ thể của người sáng tạo.

LUYỆN ĐỀ

Nghị luận ý kiến: “Hình tượng nhân vật được sinh ra từ tâm trí của nhà văn nhưng chỉ thực sự sống bằng tâm trí của người đọc”. Bằng tri thức và trải nghiệm văn học của mình, anh/ chị hãy bình luận ý kiến trên.

Văn học nói bằng hình tượng, hình tượng nghệ thuật là khối pha lê lấp lánh làm nên giá trị tác phẩm văn học. Nếu cái thần của âm nhạc là giai điệu, của hội họa là đường nét và màu sắc thì cái thần của văn chương chính là ở hình tượng nhân vật. Song những tác phẩm văn học chỉ xây dựng nên những hình tượng về con người thì đó chưa hẳn là một tác phẩm vô giá.

Bởi trong sáng tạo nghệ thuật, điều quan trọng, đặc sắc nhất nhiều khi không phải ở hình tượng con người mà ở hình tượng nhân vật. Chính vì vậy, có ý kiến cho rằng: “Hình tượng nhân vật được sinh ra từ tâm trí của nhà văn nhưng chỉ thực sự sống bằng tâm trí của người đọc”.

“Nhà thơ tư duy bằng hình tượng” (Biêlinxki). Văn học ở bất kì thời đại nào muốn phản ánh hiện thực đời sống đều phải thông qua các hình tượng nhân vật điển hình. Nhà thơ tư duy bằng hình tượng, nhà văn cũng tư duy bằng hình tượng. Thế giới thêm sắc màu, cuộc sống thêm âm điệu bởi những hình tượng nhân vật điển hình độc đáo.

“Văn học và đời sống là hai vòng tròn đồng tâm mà tâm điểm của nó chính là con người” (Nguyễn Minh Châu). Văn học phản ánh cuộc sống và trung tâm là con người thông qua hình tượng nhân vật. Chính những hình tượng nghệ thuật độc đáo, có sức phổ quát, mang những ý nghĩa sâu sắc về nhân sinh đã góp phần làm nên nét riêng cho tác phẩm văn học. Người nghệ sĩ thường sáng tạo nên những tượng đài bất hủ về con người bằng cách xây dựng chính hình tượng nhân vật.

Nghệ thuật đồng nghĩa với sáng tạo. Nghệ sĩ là kẻ làm công việc “khơi những nguồn chưa ai khơi và sáng tạo những gì chưa có” (Nam Cao). Viết văn là một quá trình khai phá những vỉa quặng của cuộc đời nhưng mỗi thứ kim loại quý hiếm nhà văn tìm thấy lại lấp lánh một sắc màu riêng biệt. Có phải đó là sắc màu của những hình tượng nhân vật điển hình được nhà văn nhặt nhạnh ở cuộc đời, nhào nặn trong tư tưởng và đưa vào tác phẩm dưới lớp áo chủ quan độc đáo? Ngay từ khi ra đời; văn học đã nhận thức đời sống và thể hiện tư tưởng tình cảm bằng các hình tượng nhân vật nghệ thuật. Từ tiếng gọi chú tiểu lẳng lơ nhưng đầy khao khát yêu đương của Thị Mầu trên chiếu chèo ngày xưa đến đoạn trường mười lăm năm lưu lạc của Thúy Kiều trong thơ Nguyễn Du, hình tượng nhân vật điển hình đã thành sợi chỉ đỏ xuyên suốt các tác phẩm văn học, bắc nhịp cầu giữa hiện thực xã hội và tư tưởng nhân văn. Như lời nhận định đã bàn tới, “hình tượng nhân vật được sinh ra từ tâm trí của nhà văn nhưng chỉ thực sự sống bằng tâm trí của người đọc” bởi nhà văn xây dựng hình tượng nhân vật để khái quát hiện thực, để cắt nghĩa đời sống và thể hiện tư tưởng của chính mình. Vì vậy, hiện thực trong tác phẩm máng đậm dấu ấn chủ quan của người nghệ sĩ. Nhà văn là chủ thể sáng tạo, là kẻ chi phối mọi tư tưởng thẩm mỹ, góc nhìn, phạm vi của hiện thực nên dù được bắt nguồn từ cuộc sống; dù được nuôi dưỡng bằng bầu sữa của bà mẹ cuộc đời thì tác phẩm văn chương; qua các hình tượng nhân vật, phản ánh hiện thực “được sinh ra từ tâm trí của nhà văn. Tác phẩm văn chương không bao giờ là bản sao của hiện thực mà hiện thực được soi chiếu vào tác phẩm bằng lăng kính chủ quan của người viết, có thể tốt, có thể xấu, có thể đáng vui và cũng có thể đáng buồn. Hiện thực cuộc sống được khoác lên tấm áo nhiều màu như vậy chính là bởi hình tượng nhân vật được nhà văn đưa vào tác phẩm. Hình tượng nhân vật là đứa con của hiện thực cuộc sống nhưng lại được nuôi

đường bằng tình cảm, tư tưởng của nhà văn. Nó cũng là cuộc đời riêng; nhưng đồng thời cũng là cái loa phát ngôn của người nghệ sĩ. Trong bản thân hình tượng bao giờ cũng có sự thống nhất sinh động giữa các mặt cá biệt và khái quát, lí trí và cảm xúc, chủ quan và khách quan. Hình tượng càng độc đáo, được nâng lên mức điển hình thì hiện thực càng được phản ánh ở những góc cạnh sâu xa nhất, hướng tới một giá trị thẩm mĩ riêng – “chỉ thực sự sống bằng tâm trí của người đọc” Điều đó làm nên “ánh sáng riêng mãnh liệt” cho hình tượng nhân vật. Đến với hình tượng nhân vật là đến với một thế giới hiện thực riêng biệt được xây dựng ngay trên nền thế giới hiện thực đương thời. Hình tượng nhân vật tỏa sáng của lí tưởng thẩm mĩ lên trên hiện thực bề bộn, để cho người đọc có một cái nhìn mới mẻ; chân thực và sâu sắc hơn về cuộc đời. Lời nhận định đã khẳng định tầm quan trọng và giá trị biểu hiện của hình tượng nhân vật trong tác phẩm. Đó cũng là cơ sở để đánh giá tư tưởng nhà văn và giá trị của toàn bộ tác phẩm.

“Hình tượng nhân vật được sinh ra từ tâm trí của nhà văn nhưng chỉ thực sự sống bằng tâm của người đọc”. Nhà văn lấy tư liệu từ hiện thực để xây dựng nên hình tượng điển hình và đặt vào đó tư tưởng thẩm mĩ của mình. Tôi nhớ câu chuyện thần thoại xa xưa, thần Trụ Trời lấy đất sét nặn ra con người và thổi hơi thở của mình vào những hình tượng vô tri để cho con người sự sống. Nhà văn phải chăng cũng là người thổi linh hồn mình vào trong hình tượng nhân vật để dù mang những phẩm chất đặc trưng, phổ quát của thế giới hiện thực, nó vẫn có một sức sống riêng, một cuộc đời cá biệt trong “tâm trí của người đọc”. Không phải ngẫu nhiên mà nhân vật trung tâm trong các tác phẩm của chủ nghĩa hiện thực là những kẻ đại diện cho bọn thống trị như Nghị Hách, Nghị Quế, Bá Kiến... hay những nạn nhân của xã hội cũ như anh Pha, chị Dậu, lão Hạc, Mị... Hiệu quả cao nhất mà những điển hình đó đạt được là bóc trần sự mục nát của xã hội thực dân phong kiến với một thái độ phủ nhận và phê phán mạnh mẽ. Nhưng độc đáo hơn, lần đầu tiên người ta biết đến một cách trị người tàn ác và mưu mô như của Bá Kiến, con đường leo lên xã hội thượng lưu như bản và lối bạch như của Xuân Tóc Đỏ. Những hình tượng điển hình ấy không bao giờ chỉ đơn thuần là một bức tranh nhân sinh mà bao giờ cũng gửi đến người đọc một thông điệp; một triết lí sâu xa.

Biêlinxki từng phân biệt: “Nhà triết học nói bằng phép tam đoạn luận, nhà văn nói bằng các hình tượng và bức tranh. Dù đều đi từ cái riêng đến cái chung để khám phá cuộc sống con người, khám phá bản chất của thực tại nhưng trong quá trình nghiên cứu, trong khi các nhà triết học, khoa học gạt bỏ những chi tiết cá biệt, những yếu tố ngẫu nhiên để tìm ra cái chung; để khẳng định yếu tố khách quan, chân lí thì trong nghệ thuật lại in đậm dấu ấn chủ quan, cái chung được biểu hiện trong cái riêng; cái riêng để khái quát cái chung. Hình tượng nhân vật ra đời nhằm mục đích đó. Chí Phèo, Thị Nở từ văn chương đã bước ra cuộc đời; trở thành những cái tên như minh chứng tiêu biểu cho tính điển hình của hình tượng nhân vật. Ta thấy trong cuộc đời nhọc nhằn của anh Pha, chị Dậu... đáng đáp ông cha, những người cả đời gắn bó với ruộng đồng và chịu biết bao nhiêu áp bức. Đó chính là sự “sinh ra từ tâm trí của nhà văn”. Nhưng không bao giờ những Chí Phèo, chị Dậu ấy là bản thân cuộc đời thực. Văn học chỉ có một Chí Phèo với bị kịch bị cự tuyệt quyền làm người trong khi cuộc đời có cả ngàn thằng Chí Phèo uống rượu say rồi chửi bới. Văn học chỉ có một Hăm-lét với niềm trăn trở, day dứt vì lí tưởng “sống hay không sống” trong khi lịch sử có biết bao nhiêu âm mưu “chiếm ngôi vua, đoạt quyền chúa”. Không bao giờ người ta quên được tiếng nói khắc khoải của Chí Phèo: “Tao muốn làm người lương thiện. Ai cho tao lương thiện? Làm sao xóa được những vết sẹo trên mặt này?”. Không chỉ bởi một hiện thực khốc liệt của xã hội phong kiến dồn đuổi con người vào bước đường cùng mà sâu sắc hơn hết người ta nhận ra

trong đó một khát vọng sống mạnh mẽ; cháy bỏng; một ước muốn lương thiện giản dị mà cao đẹp của một tâm hồn tội lỗi. Lần đầu tiên người ta nhận ra ánh sáng của lương tri, ánh sáng của tính người tỏa ra từ thân xác của con quỷ dữ. Đó chính là “ánh sáng riêng” của hình tượng Chí Phèo “chỉ thực sự sống bằng tâm trí của người đọc”.

Kinh Thư xưa có câu: “Thâm sở mộng chi nhân, khắc kì hình tượng, dĩ tứ phương bằng cử chi ư dân gian” (Xem xét người thấy trong mộng, khắc lấy hình tượng của người ấy để đi tìm khắp bốn phương trong dân gian). Hình tượng nhân vật bao giờ cũng là ‘con người của dân gian’. Nó được thoát thai từ hiện thực đời sống và mang những tính cách cơ bản nhất, bản chất nhất và nổi bật nhất của đời sống xã hội. Nguyễn Du từ bao nhiêu cuộc đời long đong, lận đận của người phụ nữ trong xã hội phong kiến đã xây dựng lên hình tượng Thúy Kiều với tất cả nỗi đau khổ của loài người đúc kết lại:

Đau đớn thay phận đàn bà
Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung.
(Truyện Kiều – Nguyễn Du)

Trong cuộc đời mười lăm năm lưu lạc của Kiều có những “vết xe đổ” của Đạm Tiên, của Tiểu Thanh, của người con gái đất Long Thành cùng biết bao nỗi đau khổ khác của người phụ nữ trong xã hội phong kiến. Có thể nói, cuộc đời Thúy Kiều là một bức tranh toàn cảnh và sinh động về nỗi đoạn trường của người phụ nữ dưới xã hội hà khắc, nặng nề, tàn ác và thối nát của thời đại cũ. Hiện thực trong Truyện Kiều được tái hiện qua tâm trí của Nguyễn Du. Người đọc như được cùng nàng Kiều trải qua biết bao thăng trầm, tận mắt chứng kiến và thấu hiểu muôn vàn nỗi khổ đau của kiếp người. Nhưng Kiều không chỉ là đại diện cho một lớp người, cuộc đời Kiều không đơn thuần chỉ là một bức tranh hiện thực rộng lớn và Nguyễn Du không chỉ là ngòi hiện thực chủ nghĩa một chiều. Kiều được ca tụng là người phụ nữ đẹp nhất của văn học Việt Nam bởi những nét đẹp riêng biệt, độc đáo, chỉ tài năng Nguyễn Du mới có thể sáng tạo nên:

Làn thu thủy, nét xuân sơn
Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh
Một hai nghiêng nước nghiêng thành
Sắc đành đòi một, tài đành họa hai.
(Truyện Kiều – Nguyễn Du)

Vẻ đẹp khiến cho trời đất phải ghen tức, vẻ đẹp làm thiên nhiên đảo lộn, có lẽ trong cả nền văn học Việt Nam, người ta chỉ tìm thấy mình Kiều. Kiều “sống trong tâm trí người đọc” không chỉ bởi nét riêng biệt “hơn người” ấy mà còn bởi tấm lòng cao cả của Nguyễn Du được soi rọi trong những câu thơ đẹp nhất dùng để ca ngợi sắc đẹp người con gái tài hoa.

Nhận định về hình tượng nhân vật ngắn gọn, hay nhất (ảnh 2)
Hình tượng nhân vật Mã Giám Sinh

Cũng trong Truyện Kiều, bên cạnh nhân vật điển hình Thúy Kiều, Kim Trọng, Từ Hải thì Mã Giám Sinh cũng là một nhân vật điển hình có “ánh sáng riêng”. Ở hình tượng này, người đọc nhận ra một cách rõ ràng hiện thực biểu hiện cụ thể, sinh động như có thực:

Hỏi tên rằng: “Mã Giám Sinh”
Hỏi quê, rằng: “Huyện Lâm Thanh cũng gần”
(...) Ghế trên ngai tốt sỗ sàng
(...) Cò kè bớt một thêm hai.

“Nghệ thuật là biết tước bỏ và tập trung” (L. Tôn-xtôi). Nguyễn Du đã “tước bỏ” những chi tiết về tên, tuổi, quê quán. Và “tập trung” với vài chữ thật đắt, thật sâu cay –

“tốt, sỗ sàng, “cò kè”, tác giả đã “giết chết” nhân vật của mình để khẳng định bản chất một kẻ vô học, một con buôn với đầy đủ ngón nghề và sự ma lanh. Nhưng đằng sau đó, người ta còn thấy cả một phường buôn thịt bán người tàn nhẫn của xã hội phong kiến. Nhân vật Mã Giám Sinh vừa mang tính cá biệt vừa mang tính khái quát; là một điển hình tiêu biểu cho những nhân vật phản diện trong Truyện Kiều. Người đọc vừa thấy ở hắn một tính cách xảo quyệt của kẻ buôn người hạng nhất, vừa thấy thêm một góc tối nhơ bẩn của xã hội phong kiến đương thời. Từ câu chuyện đời Minh của Thanh Tâm Tài Nhân bên Trung Quốc, bằng tài năng bậc thầy, Nguyễn Du đã xây dựng nên những hình tượng điển hình độc đáo đề từ nguyên tác Kim Vân Kiều truyện, Thiên văn tự tuyệt bút – Truyện Kiều ra đời; dù vẫn giữ nguyên cốt truyện nhưng hiện thực đã trở thành hiện thực của xã hội Việt Nam đương thời, nhân vật đã trở thành con người Việt Nam. Tác phẩm mang đậm bản sắc dân tộc dù xây dựng từ cái nền của tác phẩm nước ngoài chính bởi những hình tượng nhân vật điển hình như Kiều, Từ Hải, Mã Giám Sinh... Như vậy, “nghệ thuật không đòi hỏi phải thừa nhận cái tác phẩm của nó như là hiện thực” (Phơ-bách). Sự thực trong tác phẩm nghệ thuật không phải bản thân cuộc đời thực, thậm chí có lúc thực hơn ngoài cuộc sống vì hình tượng nhân vật không lệ thuộc máy móc vào yếu tố cá biệt. Sự kiện trong thực tế với sự kiện trong văn học có một khoảng cách lớn. Sợi dây mỏng manh nối giữa chúng chính là hình tượng nhân vật, là tư tưởng của người viết.

“Hình tượng văn học là sự tổng hợp những tư tưởng và say mê, là kết quả của một tấm lòng đầy thiết tha” (Biêlinxki). Hình tượng nhân vật trong tác phẩm bao giờ cũng mang dấu ấn mạnh mẽ của chủ quan nhà văn, bộc lộ tiếng nói riêng, phong cách độc đáo của người nghệ sĩ. Mỗi hình tượng nhân vật điển hình lại tỏa chiếu ra một ánh sáng riêng. Đó chính là ánh sáng của tư tưởng nhà văn, của lí tưởng thẩm mĩ được soi chiếu qua hình tượng. Hình tượng nhân vật là nơi gửi gắm trái tim sôi nổi nhiệt thành, đầy yêu thương của người viết. Đằng sau ngòi bút lạnh lùng; sắc sảo xây dựng nên một hình tượng Chí Phèo là trái tim Nam Cao nhức nhối những nhịp đập yêu thương và căm phẫn. Ông xây dựng Chí Phèo trong bi kịch bị cự tuyệt quyền làm người không chỉ để cất lên tiếng nói tố cáo xã hội mà còn là tiếng nói cảm thông đòi quyền sống, quyền hạnh phúc cho con người. Những trang viết của Nguyễn Du cũng thấm đầy nước mắt khi miêu tả cuộc đời khổ đau của Thúy Kiều. Nhà thơ đã khóc cùng nhân vật, cười cùng nhân vật; nâng niu nhân vật lên bằng ngòi bút tình thương đáy lòng bác ái. Tư tưởng của nhà văn soi sáng trong các hình tượng nhân vật. Nó luôn hướng con người tới những giá trị đích thực của văn chương và cuộc sống. Văn học luôn là điểm tựa để con người vươn lên trên hoàn cảnh nghiệt ngã, hướng tới chân – thiện – mĩ cuộc đời. “Văn học là nhân học” (M. Gorki). Mọi yếu tố của văn học đều mang giá trị nhân văn, nhân đạo hóa con người; chỉ ra cho con người sự xấu xa để vươn tới cái cao cả của tâm hồn. Đó chính là thứ ánh sáng “được sinh ra từ tâm trí của nhà văn” không bao giờ tắt trong mọi tác phẩm văn chương chhân chính.

“Hình tượng nhân vật được sinh ra từ tâm trí” bằng tài năng và tâm huyết của nhà văn, làm nên đặc điểm phong cách từng tác giả. Nó tỏa ra thứ ánh sáng của riêng người viết, ánh sáng của tài năng, của lương tri. Không một hình tượng nhân vật nào giống hình tượng nhân vật nào bởi nghề văn đòi hỏi sự sáng tạo, sự thâm nhập thực tế để xây dựng nên những hình tượng nhân vật bất hủ. Khi người nghệ sĩ đã thâm nhập sâu sắc vào nhân vật, họ như được sống cuộc đời của nhân vật, xúc động, yêu thương, vui buồn, đau khổ, giận hờn... như cảnh ngộ của chính mình. Đó là những giây phút “tự quên mình” đồng thời in dấu chủ quan của mình vào đối tượng miêu tả. Các nghệ sĩ vĩ đại

như L.Tôn-xtôi, M. Gorki, Banzắc, Phlô-be... đều có sự thâm nhập sâu sắc như vậy. Banzắc kể lại, sau khi đi theo và lắng nghe những người công nhân nói chuyện với nhau, ông nhanh chóng nhập thân vào đối tượng sâu sắc đến mức cảm thấy như mình cùng đang mặc những quần áo rách rưới như họ, đang đi những đôi giày rách như họ, những nhu cầu nguyện vọng của họ đều được truyền đến tâm hồn tôi hay nói đúng hơn: với tất cả hồn mình, tôi nhập vào tâm hồn họ. Chỉ có sự thâm nhập thực tế bằng cả con người và trái tim thì người nghệ sĩ mới có thể sáng tạo nên những hình tượng nhân vật bất hủ, những nhân vật vừa là con người của quần chúng; vừa là con người của văn chương, vừa mang tính hiện thực, vừa mang tính nghệ thuật độc đáo. Bàn về giá trị của hình tượng điển hình trong tác phẩm, lời nhận định còn đặt ra yêu cầu của người nghệ sĩ chân chính. Đó là những yêu cầu của văn học muôn đời.

Mỗi người nghệ sĩ khi sáng tạo mang trong mình một nhiệt huyết sáng tạo cháy bỏng và con mắt tinh nhạy, nhìn hiện thực cuộc sống với con mắt của người đầu tiên; đặc biệt là “sống toàn tâm, toàn trí, toàn hồn – sống toàn thân và thức nhọn giác quan” để xây dựng hình tượng nhân vật mang ý nghĩa, ẩn chứa bao điều huyền diệu, sâu sắc về nhân sinh. Và người tiếp nhận do đó khi thưởng thức tác phẩm cũng cần phải nâng cao trình độ thẩm mỹ, tìm hiểu và nhận ra ý nghĩa, giá trị của những hình tượng nhân vật.

Nhà văn là kẻ đã dùng những hình tượng và từ ngữ hoàn chỉnh lạ lùng để cô đặc lại những ý nghĩ, những cảm xúc, những giọt máu và những giọt lệ cay đắng, nóng bỏng của thế gian này. Hơn bất kì một nghề nghiệp, tôi yêu nghề văn bởi hình tượng nhân vật được sinh ra từ tâm trí của tôi và hiện thực cuộc đời dắt tôi đến một chân trời mới, một tâm hồn mới và những điều kì diệu chỉ thấy trong mơ..

Tạ Thị Bảo Chân

THPT Đào Duy Từ-Thái Nguyên

MỘT SỐ KHÁI NIỆM QUAN YẾU

1. Bi kịch

- Bi là buồn, bi thương, là những mất mát, bế tắc không có lối thoát. Bi kịch thường nảy sinh từ mâu thuẫn, xung đột giữa mơ ước, khát vọng, hoài bão, lí tưởng và mong muốn của con người với hiện thực cuộc sống khiến con người rơi vào sự thất bại, trạng thái bi thương tuyệt vọng, thậm chí dẫn đến cái chết. Bi kịch là cuộc đấu tranh dai dẳng, không khoan nhượng giữa thiện và ác, giữa ánh sáng và bóng tối, giữa cao thượng và thấp hèn, giữa chính nghĩa và phi nghĩa. Trong cuộc sống thường ngày, bi kịch không diễn ra giữa các lực lượng xã hội đấu tranh với nhau mà nó là lực lượng tinh thần trong đời sống tâm hồn của một con người.

- Bi kịch còn là một thể loại kịch thể hiện mối xung đột không điều hoà được giữa thiện và ác, cao cả và thấp hèn, lí tưởng và thực tại,... Kết thúc các bi kịch nhân vật chính thường có kết cục bi thảm, đau thương, các thành quả quan trọng thường bị phá hủy, gây cảm xúc đau thương mãnh liệt cho người đọc, người xem.

- Ta đã thấy trong văn chương không ít bi kịch như bi kịch giữa tình yêu và thù hận của Romeo và Juliet, bi kịch bị bán vào lầu xanh của Kiều... Trong văn học hiện thực phê phán Việt Nam 1930-1945 cũng có những bi kịch như bi kịch của chị Dậu trong “Tắt đèn” của Ngô Tất Tố, của anh Pha trong “Bước đường cùng” của Nguyễn Công Hoan... Nhưng nếu như chị Dậu, anh Pha... chỉ rơi vào bi kịch bản cùng hóa bởi nạn sưu cao, thuế nặng, cường hào ác bá, bi kịch của họ chỉ là bi kịch về miếng cơm manh

áo thì bị kịch của Chí Phèo trong tác phẩm của Nam Cao còn đau đớn hơn nhiều. Chí Phèo không chỉ phải chịu đựng bị kịch của sự bần cùng hóa mà còn rơi vào tấn bi kịch tinh thần đầy đau đớn, bị kịch bị từ chối quyền làm người.

2. Giá trị hiện thực:

Giá trị hiện thực là phạm vi hiện thực đời sống mà tác phẩm phản ánh. Một tác phẩm văn học nào cũng có giá trị hiện thực vì văn học bắt nguồn từ đời sống, bắt nguồn từ hiện thực đời sống sinh hoạt hàng ngày, bắt nguồn từ hiện thực, tình cảm, tâm lí... Trong tác phẩm văn học, giá trị hiện thực là sự phản ánh chân thực, sâu sắc cuộc sống cơ cực, nỗi khổ về vật chất hay tinh thần của những con người bé nhỏ, bất hạnh; chỉ ra nguyên nhân gây đau khổ cho con người và miêu tả tình thế vẻ đẹp tiềm ẩn trong con người. Ở mỗi tác phẩm cụ thể, giá trị hiện thực được miêu tả đa dạng.

3. Giá trị nhân đạo, nhân văn

- **Nhân đạo:** Nhân là người và đạo là đạo đức, đạo lí làm người. Giá trị nhân đạo trong tác phẩm văn học là đạo lí hướng tới con người, vì con người, là tình yêu thương giữa người với người. Một nhà văn chân chính là nhà văn nhân đạo chủ nghĩa, phát cao ngọn cờ đấu tranh giải phóng con người và bênh vực quyền sống cho con người. Trong tác phẩm văn học, giá trị nhân đạo là tình cảm, thái độ của chủ thể nhà văn đối với cuộc sống của con người được miêu tả trong tác phẩm thể hiện cụ thể ở lòng xót thương những con người bất hạnh; phê phán những thế lực hung ác áp bức, chà đạp con người; trân trọng những phẩm chất, khát vọng tốt đẹp của con người; đòi quyền sống, quyền hạnh phúc cho con người... Đồng thời tư tưởng nhân đạo còn thể hiện qua các hình tượng nghệ thuật, qua cảm hứng, cảm xúc, giọng điệu... Cảm hứng nhân đạo cùng với cảm hứng yêu nước là hai sợi chỉ đỏ xuyên suốt toàn bộ nền văn học Việt Nam. Về cơ bản có những biểu hiện chung song ở mỗi thời kì, giai đoạn, do hoàn cảnh lịch sử, xã hội, do ý thức hệ tư tưởng của các nhà văn khác nhau nên có những biểu hiện riêng.

- **Nhân văn:** là tư tưởng đề cao giá trị đích thực (giá trị bên trong) của con người, tôn trọng, bảo vệ và phát huy quyền sống, quyền tự do và khát vọng hạnh phúc của con người, là ước mơ thiết tha vun đắp những giá trị nhân bản ngày càng hoàn thiện, thương xót, cảm thông cho những kiếp người bé nhỏ, bất hạnh, là quá trình đấu tranh chống lại những thế lực bất công, bạo tàn. Trong văn học, tư tưởng nhân văn chính là thước đo giá trị văn học của mọi thời đại.

4. Chi tiết nghệ thuật

Theo “Từ điển thuật ngữ văn học”, chi tiết nghệ thuật là “Các tiểu tiết của tác phẩm mang sức chứa lớn về cảm xúc và tư tưởng” và họ gọi chung là chi tiết nghệ thuật. Cũng theo nhóm tác giả này thì: “Tuỳ theo sự thể hiện cụ thể, chi tiết nghệ thuật có khả năng thể hiện, giải thích, làm minh xác cấu tứ nghệ thuật của nhà văn, trở thành tiêu điểm, điểm hội tụ của tư tưởng tác giả trong tác phẩm. Chi tiết nghệ thuật gắn với “quan niệm nghệ thuật” về thế giới con người, với truyền thống văn hoá nghệ thuật nhất định”

Sách giáo khoa ngữ văn 11 (bộ nâng cao) cho rằng chi tiết nghệ thuật “là những biểu hiện cụ thể, lắm khi nhỏ nhặt, nhưng lại cho thấy tính cách nhân vật và diễn biến quan hệ của chúng, đồng thời cũng biểu hiện sự quan sát và nghệ thuật kể chuyện của tác giả. Do đó chi tiết rất quan trọng đối với nhân vật, vừa tạo ra sức hấp dẫn, thú vị vừa bộc lộ ý nghĩa của chúng”.

Như vậy chi tiết nghệ thuật là những yếu tố nhỏ lẻ của tác phẩm nhưng mang sức chứa lớn về cảm xúc và tư tưởng. Sức chinh phục của hình tượng nghệ thuật là ở sự truyền cảm thì góp phần quyết định tạo ra sức truyền cảm hấp dẫn lôi cuốn người đọc là nhờ chi tiết.

5. Nhan đề: Nhan đề có ý nghĩa quan trọng đối với một tác phẩm văn học. Có thể coi nhan đề là tên gọi đưa con tinh thần của nhà văn. Vì thế, nhà văn nào cũng muốn đặt cho tác phẩm một tên gọi hay, ý nghĩa, nhất là có thể thu tóm được giá trị của tác phẩm.

6. Truyện ngắn:

Truyện ngắn là tác phẩm tự sự phản ánh cuộc sống một cách chân thực, khách quan thông qua nhân vật, biến cố, sự kiện, cốt truyện,... nhưng đặc điểm nổi bật là ngắn. Sekhop đã coi truyện ngắn là "thứ nước hoa quả cô đặc", tinh chất nhưng ngọt ngào. Với Etspagno, truyện ngắn là con đom đóm bay vút trong đêm tối, chỉ qua một vệt sáng mà thấy được cả một bầu trời đêm mênh mông. Nating lại coi truyện ngắn là một giọt nước, tuy bé nhỏ nhưng có khả năng phản chiếu tất cả những ảnh hình, sắc màu lung linh của cuộc sống. Là người đề ra nguyên lý *tảng băng trôi*, He-minh-uê, nhà văn của "Mặt trời vẫn mọc", "Những ngọn đồi xanh châu Phi", nhà văn của niềm tin bất diệt vào con người: "con người có thể bị đánh bại nhưng không thể hủy diệt" đã hình dung đầy đủ về tầm vóc và sức lực của truyện ngắn: "Truyện ngắn là bàn tay siết lại thành nắm đấm". Tuy ngắn gọn nhưng có sức công phá mãnh liệt vào hiện thực đa sắc, đa màu.

7. Tình huống truyện:

Kn 1: Điều gì tạo nên sức mạnh của truyện ngắn? Ngoài nhân vật, cốt truyện, kết cấu, chi tiết - những người tí hon mang trên vai sứ mệnh của một người khổng lồ,... tình huống truyện có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Nó chính là hoàn cảnh riêng được tạo nên bởi sự kiện đặc biệt khiến cho tại đó, cuộc sống hiện lên đậm đặc nhất và ý đồ tư tưởng của tác giả cũng được bộc lộ sắc nét nhất. Có thể khẳng định: tình huống truyện giữ vai trò là hạt nhân của cấu trúc thể loại, là một lát cắt của hiện thực cuộc sống, nhưng chỉ qua một lát cắt ấy thấy được cả vòng đời thảo mộc trăm năm (Nguyễn Minh Châu).

- Có 3 loại tình huống phổ biến trong truyện ngắn.

+Tình huống hành động: Chủ yếu nhằm tới hành động có tính bước ngoặt của nhân vật.

+Tình huống tâm trạng: Chủ yếu khám phá diễn biến tình cảm, cảm xúc của nhân vật.

+Tình huống nhận thức: Chủ yếu giác ngộ chân lý của nhân vật.

Kn 2: *"Truyện ngắn dẫu sao cũng phải ngắn, do đó thủ thuật chủ yếu của truyện ngắn là thủ thuật điểm huyệt. Truyện ngắn điểm huyệt thực hiện bằng cách nắm bắt trúng những tình huống cho phép phơi bày cái chủ yếu nhưng lại bị che giấu trong muôn mặt cuộc sống hàng ngày"* (Nguyễn Ngọc). Vậy là đối với truyện ngắn, tình huống giữ vai trò là hạt nhân của cấu trúc thể loại, nó chính là cái hoàn cảnh riêng được tạo nên bởi một sự kiện đặc biệt khiến cho tại đó, cuộc sống hiện lên đậm đặc nhất và ý đồ tư tưởng của tác giả cũng được bộc lộ sắc nét nhất. Bên cạnh đó, từ tình huống truyện, các sự kiện, biến cố của cốt truyện được phát triển, tính cách nhân vật được bộc lộ - nói cách khác tình huống truyện như một thứ nước rửa ảnh làm nổi hình, nổi sắc

nhân vật. Việc giải quyết những mâu thuẫn, xung đột trong tình huống truyện sẽ bộc lộ rõ tư tưởng chủ đề của tác phẩm và dụng ý nghệ thuật của tác giả. Việc sáng tạo nên các tình huống độc đáo biểu hiện khả năng quan sát, khám phá bản chất cuộc sống, bản chất con người của nhà văn.

8. Đề từ: Thường là câu, đoạn thơ hay câu, đoạn văn ngắn gọn, cô đọng dẫn ra ở đầu tác phẩm hoặc một bộ phận của tác phẩm (chương, hồi, đoạn, phần). Lời đề từ không chỉ có thể là lời của chính tác giả, mà đôi khi là thơ, văn mà tác giả mượn của một tác giả nào đó. Đề từ xuất hiện đa dạng trong tất cả các văn bản nghệ thuật như thơ, truyện ngắn, tiểu thuyết, văn bản kịch, kí và cả trong những bức thư nhưng xuất hiện nhiều nhất là trong thơ và truyện ngắn. Đề từ nhằm nêu lên nguồn cảm hứng, chủ đề tư tưởng của tác phẩm, hướng người đọc vào ý đồ nghệ thuật của tác phẩm nhưng đôi khi nó cũng chỉ là vật trang sức cho tác phẩm mà không đem đến nhiều ý nghĩa.

Chuyên đề 14:

BỔ SUNG LÝ LUẬN KHI VIẾT VĂN

I. VĂN HỌC DÂN GIAN

1.1. Chung

1. “Tôi khuyên các bạn nên đọc truyện cổ tích...thơ ngụ ngôn, các tuyển tập ca dao... Hãy đi sâu vào vẻ đẹp quyến rũ của ngôn ngữ bình dân, hãy đi sâu vào những câu hài hòa cân đối trong các bài ca, trong truyện cổ tích... Bạn sẽ thấy ở đó sự phong phú lạ thường của các hình tượng, sự giản dị của sức mạnh làm say đắm lòng người, vẻ đẹp tuyệt vời của những định nghĩa... Hãy đi sâu vào sáng tác của nhân dân, nó trong lành như nước nguồn ngọt ngào, tươi mát, róc rách từ khe núi chảy ra.” (M.Gorki)

2. “Rất cần nêu lên rằng, trong văn học dân gian hoàn toàn không có bóng dáng của chủ nghĩa bi quan mặc dầu những người sáng tác văn học dân gian sống trong nhọc nhằn, cực khổ. Tập thể dường như vẫn có ý thức về tính bất diệt của mình và tin rằng mình sẽ chiến thắng tất cả những lực lượng thù địch”. (Gorki nói)

3. “Ở đâu có lao động thì ở đó có sáng tạo ra ngôn ngữ”. (Nguyễn Tuân)

4. Hương nhụy trong mát và ngọt lành của tâm hồn con người là nghệ thuật.

5. Văn học dân gian “là những hòn ngọc quý”. (Hồ Chí Minh)

6. “Văn học dân gian là nguồn nhựa sống để nuôi dưỡng tâm hồn trẻ thơ, chắp cánh tương lai cho những hoài bão lớn lao về cuộc sống thiên nhiên và con người”. (Nguyễn Đình Thi)

7. “Văn học dân gian là cội nguồn, là bầu sữa mẹ nuôi dưỡng nền văn học dân tộc Việt Nam. Nhiều thể loại văn học viết được xây dựng và phát triển dựa trên sự kế thừa các thể loại văn học dân gian. Nhiều tác phẩm, nhiều hình tượng do văn học dân gian tạo nên là nguồn cảm hứng, là thi liệu, văn liệu của văn học viết. Nhiều nhà thơ, nhà văn lớn của dân tộc (Nguyễn Trãi, Nguyễn Bỉnh Khiêm, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Phan Bội Châu, Nguyễn Bính, Hồ Chí Minh, Nguyễn Duy....) đã tiếp thu có kết quả văn học dân gian để sáng tạo nên những tác phẩm văn chương ưu tú”. (Giáo trình văn học dân gian Việt Nam).

1.2. Sử thi

1. “Sử thi thần thánh hóa người anh hùng, còn nền văn học của ta sinh ra người anh hùng trong sự bình dân hóa những phẩm chất cao đẹp – nhất là đức hi sinh và lòng dũng cảm” (Nikolai A. Ostrovsky – Nhà văn nổi tiếng của cuốn tiểu thuyết “Thép đã tôi thế đấy”).

2. Trong "Thi nhân Việt Nam", Hoài Thanh nhận định: "Từ bao giờ đến bây giờ, từ Hômerô đến kinh thi đến ca dao Việt Nam, thơ vẫn là một sức đồng cảm mãnh liệt và quảng đại. Nó đã ra đời giữa những vui buồn của loài người và nó sẽ kết bạn với loài người cho đến ngày tận thế".

3. Nhân vật trung tâm của anh hùng ca bao giờ cũng là một con người "hoàn tất" (với ý nghĩa, ở các mặt đều có phẩm giá cao nhất, tuyệt đối) và "toàn vẹn". (Bakhtin)

4. "Chỉ thông qua sức mạnh cộng đồng, người ta mới có thể giải thích vẻ đẹp tuyệt vời và sâu sắc của thần thoại và anh hùng ca" (Meletixki)

1.3. Cổ tích

1. “Không có câu chuyện cổ tích nào đẹp hơn câu chuyện do chính cuộc sống viết ra.” (Andecxen)

2. “Andecxen đã lượm lặt những hạt tro trên luống đất của những người dân cày, ấp ủ chúng nơi trái tim ông rồi gieo vào những túp lều, từ đó lớn lên và nảy nở những đoá hoa thơ đẹp, chúng an ủi trái tim của những người cùng khổ.” (Pauptopxki)

3. “Truyện cổ tích thần kì là những hư cấu kì ảo về một hiện thực chỉ có trong mơ ước”.

4. “Truyện cổ tích hấp dẫn người đọc chính ở chỗ tác phẩm đã chiếu rọi ánh sáng lạc quan tin tưởng vào cuộc sống”.

5. "Truyện cổ tích không chỉ dạy ta biết yêu, biết ghét mà còn dạy ta biết ước mơ".

6. “Trong các truyện cổ tích, người ta bay lên không trung, ngồi lên tấm thảm biết bay, đi hia bảy dặm, phục sinh những người đã chết bằng cách rắc nước thần lên họ, trong một đêm thôi cũng xây dựng được những lâu đài, và nói chung, truyện cổ tích đã mở ra trước mắt tôi cánh cửa sổ để trông vào một cuộc sống khác, trong đó có một lực lượng tự do nào đó không biết sợ đang tồn tại và hoạt động, mơ tưởng tới một cuộc đời tốt đẹp hơn”. (M. Gorki)

7. “Truyện cổ tích là sản phẩm của trí tưởng tượng phong phú của nhân dân, vì ở một bộ phận chủ yếu, yếu tố tưởng tượng thần kì tạo nên một đặc trưng nổi bật trong phương thức phản ánh hiện thực và ước mơ”. (Chu Xuân Diên)

1.4. Truyền thuyết

1. Không chú trọng tính chính xác như các văn bản lịch sử, truyền thuyết đã phản ánh lịch sử một cách độc đáo: những câu chuyện trong lịch sử dựng nước, giữ nước của cha ông ta được khúc xạ qua lời kể của nhiều thế hệ để rồi kết tinh thành những hình tượng nghệ thuật đặc sắc, nhuộm màu thần kì mà vẫn thấm đẫm cảm xúc đời thường. (Ngữ văn 10, Tập 1, NXB Giáo Dục, 2017, tr. 39)

2. "Truyền thuyết không phải là những tài liệu lịch sử, nó là những sáng tác nghệ thuật về đề tài lịch sử" (Đỗ Bình Trị)

3. "Không chú trọng tính chính xác như các văn bản lịch sử, truyền thuyết đã phản ánh lịch sử một cách độc đáo: những câu chuyện trong lịch sử dựng nước, giữ nước của cha ông ta được khúc xạ qua lời kể của nhiều thế hệ để rồi kết tinh thành những hình tượng nghệ thuật đặc sắc, nhuộm màu thần kì mà vẫn thấm đẫm cảm xúc đời thường". (Ngữ văn 10, Tập 1, NXB Giáo Dục, 2017, tr. 39)

4. "Truyền thuyết dân gian thường có một cái lõi là sự thật lịch sử mà nhân dân qua nhiều thế hệ đã lí tưởng hoá, gửi gắm vào đó tâm tình tha thiết của mình cùng với thơ và mộng" (Phạm Văn Đồng).

1.5. Ca dao

1. Lời thơ dân gian không những sẽ bước đầu cho ta làm quen với tâm tư tình cảm của đồng bào ta xưa kia mà đồng thời sẽ còn giúp ta học được những cách nói năng tài tình chính xác. Theo tôi, đối với một người Việt Nam mà thiếu những kiến thức này thì có thể xem như là thiếu một trong những điều cơ bản (Hoài Thanh, “Một vài suy nghĩ về ca dao”, Báo Văn nghệ, số 1,2-1-1982).

2. "Những câu ca dao từ nghìn đời tổ tiên để lại xoáy vào ruột rà của ta, làm động tới niềm yêu thương sâu sắc lớn lao". (Xuân Diệu)

3. "Những câu ca dao từ Nam chí Bắc như có đất, có nước; như có cát, có biển; như có mồ hôi người, chúng ta sẽ cảm thấy dần dần tụ lại nơi khóm mắt một giọt ướt sáng ngời. Đó là một giọt tinh túy chất ra từ ruột rà của non sông". (Xuân Diệu)

4. "Ra đời trong xã hội cũ, ca dao trữ tình là những tiếng hát than thân, những lời ca yêu thương tình nghĩa cất lên từ cuộc đời còn nhiều xót xa, cay đắng nhưng đầm thắm ân tình của người bình dân Việt Nam sau lũy tre xanh, bên giếng nước, gốc đa, sân đình". (Sách giáo khoa Ngữ văn 10, trang 82)

5. "Nếu truyện cổ tích chiếu rọi một ánh sáng hi vọng vào một cuộc sống khác, khác hẳn cuộc đời hàng ngày tẻ nhạt, khô cằn thì ca dao dân ca tìm thì hứng ngay ở cái cuộc đời hàng ngày đó..."

6. "Ca dao là tấm gương tâm hồn dân tộc". (Nguyễn Đình Chiểu)

7. "Thơ ca dân gian là tiếng nói trái tim của người lao động. Nó thể hiện sâu sắc những tình cảm tốt đẹp của nhân dân ta".

8. "Câu ca dao tự bao giờ truyền lại đã gieo vào bóng tối những cuộc đời cực nhọc ấy một ánh sáng, lay động những tình cảm, một ý nghĩ khác thường". (Nguyễn Đình Thi)

9. Ca dao ra đời khi trong lòng mình có những điều muốn thể hiện ra, muốn nói lên" (PGS.TS Nguyễn Văn Lung)

10. “Cái tinh thần ca dao Việt Nam , trước hết là một tinh thần ham sống , vui vẻ , ham tranh đấu , lạc quan tin tưởng ở giống nòi...” (Nguyễn Đình Thi - Sức sống của dân Việt Nam trong ca dao, cổ tích)

II. THƠ

2.1. Về đẹp, giá trị của thơ

1. “Thơ chính là tâm hồn.” (M.Gorki)

2. “Thơ là tiếng lòng.” (Diệp Tiệp)

3. “Trên đời, có những thứ chỉ giải quyết được bằng thơ.” (Maiacôpxki)

4. “Thơ ca làm cho tất cả những gì tốt đẹp nhất trên đời trở thành bất tử.” (Shelly)

5. “Thơ là ảnh, là nhân ảnh, thơ cũng ở loại cụ thể hữu hình. Nhưng nó khác với cái cụ thể của văn. Cũng mọc lên từ cái đồng tài liệu thực tế, nhưng từ một cái hữu hình nó thức dậy được những vô hình bao la” (Nguyễn Tuân)

6. “Niềm vui của nhà thơ chân chính là niềm vui của người mở đường vào cái đẹp, của người biết đi tới tương lai.” (Pautôpxki)

7. “Thơ là viên kim cương lấp lánh dưới ánh mặt trời.” (Sóng Hồng)

8. “Thơ là ngọn lửa thần.” (Đecgiavin)
9. “Thơ ca là niềm vui cao cả nhất mà loài người đã tạo ra cho mình”. (C.Mac)
10. “Thi sĩ là một con chim sơn ca ngồi trong bóng tối hát lên những tiếng êm dịu để làm vui cho sự cô độc của chính mình.” (B. Shelly)
11. “Thơ là một bức họa để cảm nhận thay vì để ngắm.” (Leonardo De Vinci)
12. “Những câu thơ lấp lánh như những tấm huy chương.” (Pon-Valeri)
13. “Thơ là bà chúa của nghệ thuật.” (Xuân Diệu)
14. “Trong tâm hồn con người đều có cái van mà chỉ có thơ ca mới mở được.” (Nhêcoraxop).

2.2. Cảm hứng, tình cảm, cảm xúc trong thơ

1. “Nghệ thuật chỉ làm nên câu thơ, trái tim mới làm nên thi sĩ.” (Nhà thơ Pháp Andre Chanier)
2. “Cuộc sống dệt nên cảm hứng. Thơ ca dệt nên những tấm thảm bay” (A. Puskin)
3. “Thơ chỉ bật ra trong tim ta khi cuộc sống đã tràn đầy” (Tố Hữu)
4. Thơ phản ánh hiện thực cuộc sống mà hiện thực ấy “đã được ủ thành men và bốc lên đấm say” đến mức si mê trong tâm hồn thi sĩ”. (Chế Lan Viên)
5. “Thơ được tạo ra từ cơn động kinh của tâm hồn. Đó là cú đại địa chấn được dồn ứ từ những biến cố, những kỷ niệm, có khi là từ một nỗi nhớ quặn lòng” (Puskin)
6. “Cuộc sống là cánh đồng màu mỡ để cho thơ bén rễ sinh sôi” (Puskin)
7. “Thơ hay là hay từ ý, từ tình” (Ts Chu Văn Sơn)
8. “Thơ là rượu của thế gian.” (Huy Trục)
9. “Thơ là thần hứng.” (Platon)
10. “Thơ sinh ra từ tình yêu và lòng căm thù, từ nụ cười trong sáng hay những giọt nước mắt cay đắng.” (Raxun Gamzatôp)
11. “Thơ là âm nhạc của tâm hồn, nhất là những tâm hồn cao cả, đa cảm”. (Voltaire)
12. “Thơ, trước hết là cuộc đời, sau đó mới là nghệ thuật”. (Biêlinxki)
13. “Thơ là cái nhụy của cuộc sống, nên nhà thơ phải đi hút cho được cái nhụy ấy và phần đầu làm sao cho cuộc đời của mình cũng có nhụy”. (Phạm Văn Đồng)
14. “Nghệ thuật bao giờ cũng là tiếng nói của tình cảm con người, là sự tự giải bày và gửi gắm tâm tư.” (Lê Ngọc Trà)
15. “Mỗi khi có gì chất chứa trong lòng, không nói ra, không chịu được thì lại cần thấy làm thơ.” (Tố Hữu)
16. “Thi sĩ không phải là Người, nó là Người Mơ, Người Say, Người Điên. Nó là Tiên, là Ma, là Quỷ...” (Chế Lan Viên)
17. “Giọng ca buồn là thích hợp nhất cho thơ ca.” (Etga Pô)
18. “Thơ ca phải say mới thích.” (Tố Hữu)
19. “Thơ là người thư kí chân thành của trái tim.” (Đuybralay)

20. “Thơ là sự sung mãn của tình cảm mãnh liệt.” (Ban-zắc)

2.3. Nội dung, tư tưởng của thơ

1. “Thơ là kinh thánh của tâm hồn” (Thanh Thảo)

2. “Thơ khác kinh cầu. Nó không tạo ra những con mê tập thể. Nó không ru rín” mà nó mê hoặc con người bằng “sự thức tỉnh”. “Thơ chỉ dành cho từng người một. Và khi một người đọc thơ cho mình, là người ấy đã đồng hiện với một giáo đường. Vì vậy, có thể coi một người đọc thơ như nghìn người đọc kinh” [Thanh Thảo – “Tản mạn về thơ”. Tr.79].

3. “Nhà thơ, ngay cả các nhà thơ vĩ đại nhất cũng phải đồng thời là những nhà tư tưởng.” (Biêlinxki)

4. “Thơ là sự thể hiện con người và thời đại một cách cao đẹp.” (Sóng Hồng)

5. Thơ ca là tiếng hát của trái tim, là nơi dừng chân của tâm hồn, do đó không giản đơn mà cũng không thần bí, thiêng liêng... Thơ ca chân chính phải là nguồn thức ăn tinh thần nuôi tâm hồn phát triển, nó không được là thứ thuốc phiện tinh thần êm ái mà nhỏ nhen, độc hại.

6. “Thơ là chuyện đồng điệu.” (Tố Hữu)

7. “Thơ là tiếng gọi đàn.” (Xuân Diệu)

8. “Thơ là tiếng nói của tri âm.” (Tố Hữu)

9. “Thơ cốt ở ý, ý có sâu xa thơ mới hay. Không phải bất cứ điều gì cũng phải nói ra bằng thơ. Như thế mới là thơ có giá trị”. (Lê Hữu Trác)

10. Bao quát quá trình sáng tạo và ý nghĩa tư tưởng của thơ: “Thơ phải xuất phát từ thực tại, từ đời sống, nhưng phải đi qua một tâm hồn, một trí tuệ và khi đã đi qua như vậy, tâm hồn, trí tuệ ấy phải in dấu vào đó thật sâu sắc, càng cá thể, càng độc đáo, càng hay, thơ là tiếng gọi đàn, là sự đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu của những con người.” (Xuân Diệu)

2.4. Ngôn ngữ thơ

1. “Nhạc là cỗ xe chở hồn thi phẩm” (Hoàng Cầm)

2. “Thơ như bông hoa đẹp vậy, từ ngữ là cánh, tứ thơ là đài hoa, ý tình là mật ngọt” (Lâm Ngữ Đường)

3. “Làm thơ là cân một phần nghìn milligram quặng chữ” (Maiacopxki)

4. “Một câu thơ hay là một câu thơ giàu sức gợi” (Lưu Trọng Lư)

5. “Thơ là thơ, đồng thời là họa, là nhạc, là chạm khắc theo một cách riêng” (Sóng Hồng)

6. “Thơ là thể loại văn học có độ hàm súc cao, là sự dồn nén cảm xúc đến mức “cô đúc” để rồi phát nổ bằng một hình thức ngôn từ “tổng hợp kết tinh” có văn hoặc có điệu. (Chế Lan Viên)

7. “Thơ ca bắt rễ từ lòng người, nở hoa nơi từ ngữ.” (Câu của người Trung Hoa)

8. “Đề trong lòng là chí, ngụ ra ý là thơ. Người có sâu, cạn cho nên thơ có mờ có tỏ, rộng hẹp khác nhau.. Người làm thơ không ngoài lấy trung hậu làm gốc, ý nghĩa phải hàm súc, lời thơ phải giản dị.” (Nguyễn Cư Trinh)

9. Ngôn ngữ của thi ca khác với ngôn ngữ của đời sống ở chỗ là nó gợi ra được những liên tưởng phong phú, khơi dậy ở tâm hồn con người những rung động sâu xa, biến những tầm thường của đời sống thành những gì lãng mạn cao cả. (Lâm Ngữ Đường)

III. TÁC PHẨM VĂN HỌC

1. “Mỗi tác phẩm nghệ thuật là một phát minh về một hình thức, một khám phá mới về nội dung” (Leonit Leonop)

2. “Văn chương có loại đáng thờ và loại không đáng thờ. Loại không đáng thờ là loại chỉ chuyên chú ở văn chương, loại đáng thờ là loại chuyên chú ở con người. (Nguyễn Văn Siêu)

3. “Tất cả mọi nghệ thuật đều phục vụ cho một nghệ thuật vĩ đại nhất là nghệ thuật sống trên Trái Đất.” (Béc-tôn Brếch)

IV. TRUYỆN

1. “Tình huống truyện chính là cuộc đại phẫu lớn của nhà văn. Chính vết mổ ấy đã đưa người đọc tiến gần hơn tới tác phẩm để hiểu được ý đồ sáng tạo của người nghệ sĩ” (Nhà thơ Mỹ – Walt Whitman)

2. “Tình huống là một lát cắt của sự sống, là một sự kiện diễn ra có phần bất ngờ nhưng cái quan trọng là sẽ chi phối nhiều điều trong cuộc sống con người” (Nguyễn Minh Châu)

3. “Chi tiết là hạt bụi vàng của tác phẩm” (Pauxtopxki)

4. Nếu tình huống truyện tạo ra bước ngoặt của tác phẩm thì chi tiết nghệ thuật lại là cái bánh lái bẻ nên đường của tuyệt diệu ấy. (Lê-ô-nốp -Lê-ô-nit)

5. “Nhân vật văn học luôn gắn chặt với chủ đề của tác phẩm và luôn luôn gắn liền với cốt truyện. Nhờ được miêu tả qua xung đột, mâu thuẫn, nên khác với hình tượng hội họa và điêu khắc, nhân vật văn học là một chỉnh thể vận động, có tính cách được bộc lộ dần trong không gian, thời gian, mang tính chất quá trình”. (Từ điển Ngữ văn của tác giả Nguyễn Như Ý)

6. Nhân vật trong truyện: “Nhân vật trong tác phẩm của một thiên tài thực sự nhiều khi thật hơn cả con người ngoài đời, bởi sức sống lâu bền, bởi ý nghĩa điển hình của nó. Qua nhân vật, ta thấy cả một tầng lớp, một giai cấp, một thời đại, thậm chí có nhân vật vượt lên cả thời đại, có ý nghĩa nhân loại, vĩnh cửu sống mãi với thời gian” (Sách Lý luận văn học)

7. Nhân vật là bản sao của đời sống nhưng không phải là bê nguyên xi trần trụi vào tác phẩm mà đã được nhà văn gọt giũa bằng lớp ngôn từ nên khi vào tác phẩm nhân vật đã trở thành hình tượng nghệ thuật. (Lê-ô-nốp -Lê-ô-nit)

8. Hình tượng con người vô danh trong tác phẩm thường được các nhà văn xây dựng một cách chín chu, có số phận, có cá tính, tâm lý và đôi khi hội tụ đầy đủ mọi phẩm hạnh. Tuy nhiên nhà văn không định danh, và vì không định danh nên nhân vật mãi mãi là những ám ảnh day dứt trong tâm hồn bạn đọc. (Mạc Ngôn – nhà văn đạt giải Nobel văn học của Trung Quốc)

V. NHÀ VĂN VÀ QUÁ TRÌNH SÁNG TẠO

5.1. Thiên chức nhà văn

1. “Công việc của nhà văn là phát hiện ra cái đẹp ở chỗ không ai ngờ tới, tìm cái đẹp kín đáo và che lấp của sự vật, để cho người đọc một bài học trông nhìn và thưởng thức.” (Thạch Lam)

2. “Thiên chức của nhà văn cũng như những chức vụ cao quý khác là phải nâng đỡ những cái tốt đẹp trong đời có nhiều công bằng, thương yêu hơn.” (Thạch Lam)

3. “Một tác phẩm nghệ thuật là kết quả của tình yêu. Tình yêu con người, ước mơ cháy bỏng vì một xã hội công bằng, bình đẳng bái ái luôn luôn thôi thúc các nhà văn sống và viết, vất cạn kiệt những dòng suy nghĩ, hiến dâng bầu máu nóng của mình cho nhân loại.” (Leptonxtoi).

4. “Nhà văn phải biết khơi lên ở con người niềm trắc ẩn, ý thức phản kháng cái ác; cái khát vọng khôi phục và bảo vệ những cái tốt đẹp”. (Ai ma tôp)

5. “Trước hết là các nghệ sĩ lớn, sau đó mới đến các nhà khoa học, họ xứng đáng hơn ai hết được hưởng sự kính trọng của con người.” (Einstein)

6. “Nhà văn là người cho máu.” (Enxa Toriole)

7. "Nhà văn phải là người đi tìm găng đi tìm những hạt ngọc ẩn giấu trong bề sâu tâm hồn của con người". (Nguyễn Minh Châu)

8. "Nhà văn tồn tại ở trên đời trước hết để làm công việc giống như kẻ nâng giác cho những con người bị cùng đường, tuyệt lộ, bị cái ác hoặc số phận đen đui dồn đến chân tường. Những con người cả tâm hồn và thể xác bị hắt hủi và đọa đầy đến ê chề, hoàn toàn mất hết lòng tin vào con người và cuộc đời. Nhà văn tồn tại ở trên đời để bênh vực cho những con người không có ai để bênh vực".(Nguyễn Minh Châu)

9. Nhà văn phải viết vì một con người hôm nay, vì thế giới hôm nay và vì thời đại của mình. Song cái lí tưởng mà khao khát của nhà văn hướng đến vẫn là một giá trị nhân loại trong trọn vẹn thời gian và không gian lịch sử (Nguyễn Hoàng Đức)

10. Nghệ sĩ càng lớn, thế giới riêng của tác phẩm càng nổi bật. (Balzac)

11. Nhà văn phải là người đi tìm găng đi tìm những hạt ngọc ẩn giấu trong bề sâu tâm hồn của con người. (Nguyễn Minh Châu)

12. Đối với tôi văn chương không phải là cách đem đến cho người đọc sự thoát ly hay sự quên; trái lại văn chương là một thứ khí giới thanh cao và đặc lực mà chúng ta có, để vừa tố cáo và thay đổi một cái thế giới giả dối, tàn ác, vừa làm cho lòng người đọc thêm trong sạch và phong phú thêm. (Thạch Lam)

13. Ở đâu có lao động thì ở đó có sáng tạo ra ngôn ngữ. Nhà văn không chỉ học tập ngôn ngữ của nhân dân mà còn là người phát triển ra ngôn ngữ sáng tạo, không nên ăn bám vào người khác. Giàu ngôn ngữ thì văn sẽ hay... Cũng cùng 1 vốn ngôn ngữ ấy nhưng sử dụng có sáng tạo thì văn sẽ có bề thế và kích thước. Có vốn mà không biết sử dụng chỉ như nhà giàu giữ của. Dùng chữ như đánh cờ tướng, chữ nào để chỗ nào phải đúng vị trí của nó. Văn phải linh hoạt. Văn không linh hoạt gọi là văn cứng đờ thấp khớp (Nguyễn Tuân)

14. Tôi không thể nào tưởng tượng nổi một nhà văn mà lại không mang nặng trong mình tình yêu cuộc sống và nhất là tình yêu thương con người. Tình yêu này của người nghệ sĩ vừa là một niềm hân hoan say mê, vừa là một nỗi đau đớn, khắc khoải, một mối quan hoài thường trực về số phận, hạnh phúc của những người chung quanh mình. Cảm giữ cái tình yêu ấy trong mình, nhà văn mới có khả năng cảm thông sâu sắc với những nỗi đau khổ, bất hạnh của người đời, giúp họ có thể vượt qua những khủng hoảng tinh thần và đứng vững được trước cuộc sống. (Nguyễn Minh Châu)

15. Nhà thơ như con ong biến trăm hoa thành mật ngọt

Một mật ngọt thành đời vạn chuyển ong bay.

(Chế Lan Viên)

16. Thơ là cái nhụy của cuộc sống, nên nhà thơ phải đi hút cho được cái nhụy ấy và phần đầu làm sao cho cuộc đời của mình cũng có nhụy. (Phạm Văn Đồng)

17. "Tôi quan niệm đã viết văn phải cố viết cho hay và viết đúng cái tạng riêng của mình. Văn chương cần sự độc đáo hơn trong bất kỳ lĩnh vực nào khác" (Nguyễn Tuân)

18. Mỗi nghệ sĩ có thể đến với văn chương và cuộc đời bằng con đường riêng của mình. Nhưng tư duy nghệ thuật dù có đổi mới đến đâu đi nữa thì cũng không thể vượt ra ngoài các quy luật của Chân – Thiện – Mỹ,

quy luật nhân bản. Nhà văn chân chính có sứ mệnh khơi nguồn cho dòng sông văn học đổ ra đại dương nhân bản mệnh mông.(Lã Nguyên).

5.2. Phong cách nhà văn

1. “Nghệ thuật là lĩnh vực của sự độc đáo vì vậy nó đòi hỏi người viết sự sáng tạo phong cách mới lạ, thu hút người đọc.” (Phương Lưu)

2. “Cái quan trọng trong tài năng văn học và tôi nghĩ rằng cũng có thể trong bất kì tài năng nào, là cái mà tôi muốn gọi là tiếng nói của riêng mình”. (Ivan Tuốcghênhiep)

3. “Nếu tác giả không có lối đi riêng thì người đó không bao giờ là nhà văn cả... Nếu anh không có giọng riêng, anh ta khó trở thành nhà văn thực thụ” (Sê khốp)

4. “Đối với nhà thơ thì cách viết, bút pháp của anh ta là một nửa việc làm. Dù bài thơ thể hiện ý tứ độc đáo đến đâu, nó cũng nhất thiết phải đẹp. Không chỉ đơn giản là đẹp mà còn đẹp một cách riêng. Đối với nhà thơ, tìm cho ra bút pháp của mình – nghĩa là trở thành nhà thơ.” (Raxun Gamzatop)

5. “Nghệ sĩ là người biết khai thác những ấn tượng riêng chủ quan của mình, tìm thấy những ấn tượng đó có giá trị khái quát và biết làm cho những ấn tượng đó có những hình thức riêng.” (M.Gorki)

6. Sự trưởng thành của một thể loại được đánh dấu bằng cổ nhiên, nhưng rõ hơn lại đánh dấu bằng những phong cách. (*Lí luận văn học*)

5.3. Quá trình sáng tạo

* *Thâm nhập đời sống và cảm hứng sáng tạo*

1. “Bài thơ anh anh làm một nửa mà thôi

Còn một nửa cho mùa thu làm lấy

Cái xào xạc hồn anh chính là xào xạc lá

Nó không là anh nhưng nó là mùa”

(Sổ tay thơ, Chế Lan Viên)

2. “Những gì tôi viết ra là những gì thương yêu nhất của tôi, những ước mong nhưc nhối của tôi.” (Nguyễn Hồng)

3. “Tôi thu thập hình tượng cũng như con ong hút mật vậy. Một con ong phải bay một đoạn đường bằng sáu lần xích đạo trong một năm ba tháng và đậu lên bảy triệu bông hoa để làm nên một gam mật.” (P.Povlenko)

4. “Văn học phản ánh hiện thực nhưng không phải là chụp ảnh sao chép hiện thực một cách hời hợt nông cạn. Nhà văn không bê nguyên si các sự kiện, con người vào trong sách một cách thụ động, giản đơn. Tác phẩm nghệ thuật là kết quả của một quá trình nuôi dưỡng cảm hứng, thai nghén sáng tạo ra một thế giới hấp dẫn, sinh động... thể hiện những vấn đề có ý nghĩa sâu sắc, bản chất của đời sống xã hội con người...” (Sách Lý luận văn học)

5. “Có những đêm không ngủ, mắt rực cháy và thôn thức, lòng tràn ngập nhớ nhung...Khi đó tôi viết.” (Lecmontop)

6. “Nếu những nỗi đau khổ từ lâu bị kiềm chế, nay sôi sục dâng lên trong lòng thì tôi viết.” (Nêkratxtop)

7. “Giống như ngọn lửa thần bốc lên từ trong cảnh khô, tài năng bắt nguồn từ những tình cảm mạnh mẽ nhất của con người.” (Raxun Gazatôp)

8. “Hãy đập vào tim anh – Thiên tài là nơi đó.” (A.De Muýtxe)

9. “Nhà thơ như con ong biển trăm hoa thành một mật. Một giọt mật thành, đòi vạn chuyển ong bay “
(Chế Lan Viên)

*Viết

1. “Khi đặt bút viết một tác phẩm, nhà văn phải tìm kiếm và đặt ra rất nhiều câu hỏi. Chiều sâu của tác phẩm thể hiện ở khả năng đặt ra câu hỏi về mọi vấn đề trong xã hội. (Milan Kundera)

2. “Ở đâu có lao động thì ở đó có sáng tạo ra ngôn ngữ. Nhà văn không chỉ học tập ngôn ngữ của nhân dân mà còn là người phát triển ra ngôn ngữ sáng tạo, không nên ăn bám vào người khác. Giàu ngôn ngữ thì văn sẽ hay... Cũng cùng một vốn ngôn ngữ ấy nhưng sử dụng có sáng tạo thì văn sẽ có bề thế và kích thích. Có vốn mà không biết sử dụng chỉ như nhà giàu giữ của. Dùng chữ như đánh cờ tướng, chữ nào để chỗ nào phải đúng vị trí của nó. Văn phải linh hoạt. Văn không linh hoạt gọi là văn cứng đờ thấp khớp...” (Nguyễn Tuân)

VI. GIÁ TRỊ VĂN HỌC

6.1. Giá trị hiện thực

1. “Cuộc đời là nơi xuất phát cũng là nơi đi tới của văn học.” (Tố Hữu)

2. “Cái đẹp là cuộc sống.” (Secursepki)

3. “Viết văn là một quá trình đấu tranh để nói ra sự thật. Đã là sự thật thì không tầm thường dù phải đập vỡ những thần tượng trong lòng người đọc”. (Tô Hoài)

4. “Cuộc sống giống như nghiền mực mà ngòi bút của nhà văn phải chắm vào đấy mới viết nên trang”
(Sách “Những Bài Văn Đạt Giải Quốc Gia”)

5. “Nhà văn phải là người thư kí trung thành của thời đại”. (Banlzac)

6. “Nghệ thuật không cần phải là ánh trăng lừa dối, nghệ thuật không nên là ánh trăng lừa dối, nghệ thuật chỉ có thể là tiếng đau khổ kia thoát ra từ những kiếp lầm than. (Nam Cao)

7. “Sống đã rồi hãy viết, hãy hòa mình vào cuộc sống vĩ đại của nhân dân”. (Nam Cao)

9. “Nghệ thuật đó là sự mô phỏng tự nhiên.” (Puskin)

10. “Điều quan trọng hơn hết trong sự nghiệp của những nhà văn vĩ đại ấy lại là cuộc sống, trường đại học chân chính của thiên tài. Họ đã biết đời sống xã hội của thời đại, đã cảm thấy sâu sắc mọi nỗi đau đớn của con người trong thời đại, đã rung động tận đáy tâm hồn với những nỗi lo âu, bức bối, tủi hổ và những ước mong tha thiết nhất của loài người. Đó chính là cái hơi thở, cái sức sống của những tác phẩm vĩ đại.” (Đặng Thai Mai)

11. “Các ông muốn tiểu thuyết cứ là tiểu thuyết. Tôi và các nhà văn cùng chí hướng như tôi muốn tiểu thuyết là thực sự ở đời.” (Vũ Trọng Phụng)

12. “Tất cả mọi nghệ thuật đều phục vụ cho một nghệ thuật vĩ đại nhất là nghệ thuật sống trên Trái Đất.” (Béc-tôn Brếch)

13. “Vạt áo của triệu nhà thơ không bọc hết vàng mà đời rơi vãi. Hãy nhặt lấy chữ của đời mà góp nên trang.” (Chế Lan Viên)

6.2. Giá trị nhân đạo

1. ”Một tác phẩm thật giá trị, phải vượt lên bên trên tất cả bờ cõi và giới hạn, phải là một tác phẩm chung cho cả loài người. Nó phải chứa đựng một cái gì lớn lao, mạnh mẽ, vừa đau đớn lại vừa phấn khởi. Nó ca tụng lòng thương, tình bác ái, sự công bình... Nó làm cho người gần người hơn.” (Nam Cao)

2. “Đối với tôi văn chương không phải là cách đem đến cho người đọc sự thoát li hay sự quên; trái lại văn chương là một thứ khí giới thanh cao và đặc lực mà chúng ta có, để vừa tố cáo và thay đổi một cái thế giới giả dối, tàn ác, vừa làm cho lòng người đọc thêm trong sạch và phong phú hơn”. (Thạch Lam)

3. “Một nhà nghệ sĩ chân chính phải là nhà nhân đạo trong cốt tủy”. (Sê khốp)

4. “Đối với con người, sự thực đôi khi nghiệt ngã, nhưng bao giờ cũng dùng cảm hứng cổ trong lòng người đọc niềm tin ở tương lai. Tôi mong muốn những tác phẩm của tôi sẽ làm cho con người tốt hơn, tâm hồn trong sạch hơn, thức tỉnh tình yêu đối với con người và khát vọng tích cực đấu tranh cho lí tưởng nhân đạo và tiến bộ của loài người”. (Sô lô khốp)

5. “Văn học giúp con người hiểu được bản thân mình nâng cao niềm tin vào bản thân mình và làm nảy nở ở con người khát vọng vươn tới chân lý” (M. Gorki).

6. Con hãy lắng nghe nỗi buồn của cành cây héo khô, của chim muông què quặt, của hành tinh lạnh ngắt. Nhưng trước hết con hãy lắng nghe nỗi buồn của con người. (Nadimetlicmet)

7. Tác phẩm nghệ thuật sẽ chết nếu nó miêu tả cuộc sống chỉ để miêu tả, nếu nó không phải là tiếng thét khổ đau hay lời ca tụng hân hoan, nếu nó không đặt ra những câu hỏi hoặc trả lời những câu hỏi đó. (Bêlinxki)

8. Văn học là nhân học. (M. Gorki)

9. Không có gì nghệ thuật hơn bản thân lòng yêu quý con người (Van Gốc)

10. Văn chương bắt hủ cỗ kim đều viết bằng huyết lệ (Lâm Ngữ Đường)

11. Con người đến với cuộc sống từ nhiều nẻo đường, trên muôn vàn cung bậc phong phú nhưng tiêu điểm mà con người hướng đến vẫn là con người. (Đặng Thai Mai)

12. Tư tưởng nhân đạo xuyên suốt văn học từ xưa đến nay. Khái niệm nhân đạo có những tiền thân của nó, trong lời nói thông thường đó là “tình thương, lòng thương người” (Lê Trí Viễn)

13. Thanh nam châm thu hút mọi thể hệ vẫn là cái cao thượng, cái đẹp và cái nhân đạo của lòng người. (Xê - Lê - Khốp)

14. Cốt lõi của lòng nhân đạo là lòng yêu thương. Bản chất của nó là chữ tâm đối với con người. (Hoài Chân)

15. Nếu như cảm hứng nhân bản nghiêng về đồng cảm với những khát vọng rất người của con người, cảm hứng nhân văn thiên về ngợi ca vẻ đẹp của con người thì cảm hứng nhân đạo là cảm hứng bao trùm. (Hoài Thanh)

16. Nghệ thuật là sự vươn tới, sự níu giữ mãi mãi. Cái cốt lõi của nghệ thuật là tính nhân đạo. (Nguyên Ngọc)

17. "Cảm động lòng người trước hết không gì bằng tình cảm và tình cảm là cái gốc của văn chương". (Bạch Cư Dị)

18. Có thể màu sắc, quốc kì, ngôn ngữ hay màu da chúng ta khác nhau. Nhưng máu chúng ta đều có màu đỏ, nhịp tim đều giống nhau. Văn học cuối cùng là viết về trái tim con người.

19. Khái niệm nhân đạo có những tiền thân của nó, trong lời nói thông thường đó là tình thương, lòng thương người". (Lê Trí Viễn)

20. "Nghệ thuật chỉ đạt đến đỉnh cao khi nó được chất lọc từ những nỗi đau đích thực của cuộc đời". (Lê Huy Bắc)

VII. CHỨC NĂNG CỦA VĂN HỌC

7.1. Nhận thức

1. “Văn học giúp con người hiểu được bản thân mình nâng cao niềm tin vào bản thân mình và làm nảy nở ở con người khát vọng vươn tới chân lý” (M. Gorki)
2. “Văn học làm cho con người thêm phong phú, tạo khả năng cho con người lớn lên, hiểu được con người nhiều hơn.” (M.L.Kalinine)
3. “Một tiểu thuyết thực sự hứng thú là tiểu thuyết không chỉ mua vui cho chúng ta, mà còn chủ yếu hơn là giúp đỡ chúng ta nhận thức cuộc sống, lí giải cuộc sống.” (Giooc-giơ Đuy-a-men)
4. Văn học làm cho con người thêm phong phú, tạo khả năng cho con người lớn lên, hiểu được con người nhiều hơn.(M.L.Kalinine)

7.2. Giáo dục

1. “Nghệ thuật là câu trả lời đầy thẩm mỹ cho con người; thay đổi, cải thiện thế giới tinh thần của con người, nâng con người lên”. (*Tổ Hữu*)
2. “Nghệ thuật là sự vươn tới, sự hướng về, sự níu giữ mãi mãi tính người cho con người”. (Nguyễn Ngọc)
3. Sức mạnh của văn học: “Văn chương phải là thế trận đuổi nghìn quân giặc.” (Trần Thái Tông)
4. "Xét đến cùng, ý nghĩa thực sự của văn học là nhân đạo hóa con người".
5. "Thơ ca đồng thời song hành với con người chức năng thức tỉnh lương tri đang ngủ". (Eptusencô)

7.3. Thẩm mỹ

1. “Đối với nhà thơ thì cách viết, bút pháp của anh ta là một nửa việc làm. Dù bài thơ thể hiện ý tứ độc đáo đến đâu, nó cũng nhất thiết phải đẹp.” (Raxun Gamzatop)
2. “Công việc của nhà văn là phát hiện ra cái đẹp ở chỗ không ai ngờ tới, tìm cái đẹp kín đáo và che lấp của sự vật, để cho người đọc một bài học trông nhìn và thưởng thức.” (Thạch Lam)
3. Niềm vui của nhà văn chân chính là niềm vui của người dẫn đường đến xứ sở cái đẹp. (Pautopxki)
4. Nói nghệ thuật tức là nói đến sự cao cả của tâm hồn. Đẹp tức là một cái gì cao cả. Đã nói đẹp là nói cao cả. Có khi nhà văn miêu tả một cái nhìn rất xấu, một tội ác, một tên giết người nhưng cách nhìn, cách miêu tả phải cao cả. (Nguyễn Đình Thi)
5. “Văn học, đó là tư tưởng đi tìm cái đẹp trong ánh sáng”. (CharlesDuBos)

VIII. TIẾP NHẬN VĂN HỌC

1. “Mỗi tác phẩm đều có ít nhiều nhà văn.” (Thạch Lam)
2. “Tác phẩm chân chính không kết thúc ở trang cuối cùng, không bao giờ hết khả năng kể chuyện khi câu chuyện về các nhân vật đã kết thúc. Tác phẩm nhập vào tâm hồn và ý thức của bạn đọc, tiếp tục sống và hành động như một lực lượng nội tâm, như sự dẫn dắt và ánh sáng của lương tâm, không bao giờ tàn tạ như thi ca của sự thật.” (Aimatop)
3. “Văn học không quan tâm đến những câu trả lời do nhà văn đem lại, mà quan tâm đến những câu hỏi do nhà văn đặt ra, và những câu hỏi này, luôn luôn rộng hơn bất kỳ một câu trả lời cặn kẽ nào”. (Claudio Magris – N.văn Ý)
4. “Người sáng tác là nhà văn và người tạo nên số phận cho tác phẩm là độc giả.” (M.Gorki)

5. “Cái bóng của độc giả đang cúi xuống sau lưng nhà văn khi nhà văn ngồi dưới tờ giấy trắng. Nó có mặt ngay cả khi nhà văn không thừa nhận sự có mặt đó. Chính độc giả đã ghi lên tờ giấy trắng cái dấu hiệu vô hình không thể tẩy xóa được của mình.” (Sách Lý luận văn học)

6. “Bạn ơi hay suy nghĩ bằng trái tim

Và hãy đọc cảm xúc bằng lý trí”

(Phôn-tan)

7. “Khi đặt bút viết một tác phẩm, nhà văn phải tìm kiếm và đặt ra rất nhiều câu hỏi. Chiều sâu của tác phẩm thể hiện ở khả năng đặt ra câu hỏi về mọi vấn đề trong xã hội. Chính người đọc sẽ tìm được câu trả lời chính xác theo cách riêng của mình. (Milan Kundera)

IX. VĂN HỌC LÀ NGHỆ THUẬT NGÔN TỪ’ (+ Ngôn ngữ thơ)

1. Ngôn ngữ là yếu tố đầu tiên của văn học" (M.Gorki)

2. "Ở đâu có lao động thì ở đó có sáng tạo ra ngôn ngữ. Nhà văn không chỉ học tập ngôn ngữ của nhân dân mà còn là người phát triển ra ngôn ngữ sáng tạo, không nên ăn bám vào người khác. Giàu ngôn ngữ thì văn sẽ hay... Cũng cùng một vốn ngôn ngữ ấy nhưng sử dụng có sáng tạo thì văn sẽ có bề thế và kích thước. Có vốn mà không biết sử dụng chỉ như nhà giàu giữ của. Dùng chữ như đánh cờ tướng, chữ nào để chỗ nào phải đúng vị trí của nó. Văn phải linh hoạt. Văn không linh hoạt gọi là văn cứng đờ thấp khớp....". (Nguyễn Tuân)

3. "Ngôn ngữ của tác phẩm phải gãy gọn, chính xác, từ ngữ phải được chọn lọc kĩ càng. Chính các tác giả cổ điển đã viết bằng 1 ngôn ngữ như vậy, đã kế tục nhau trau dồi nó từ thế kỉ này sang thế kỉ khác". (M. Gorki)

4. Ngôn ngữ là “tiếng nói nguyên liệu “còn ngôn ngữ văn học là “tiếng nói đã được bàn tay thợ nhào luyện. (Gorki)

5. Sử dụng ngôn ngữ thơ để tạo hình: "Nhịp điệu của câu thơ là nhịp điệu của sóng gió và cũng là nhịp điệu náo nức xôn xao và biết bao sung sướng êm ái trong lòng người trở về quê cũ, nơi đã nuôi mình". (Tố Hữu)

6. Tính chính xác của ngôn ngữ văn học: "Đối tượng mà anh muốn nói đến dù là cái gì cũng chỉ có một từ để biểu hiện nó". (Môpat xăng)